

Ngày soạn:

BÀI 6

NGUYỄN DU “NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG”

(Đọc: 7 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Tiểu sử về Nguyễn Du, những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du, vị trí của ông trong nền văn học dân tộc.
- Đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu thơ của Nguyễn Du: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác.
- Thực hành biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối.
- Quy trình viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.
- Thảo luận giới thiệu một tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đại thi hào.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ.
- So sánh được hai văn bản văn học ở các giai đoạn khác nhau viết cùng đề tài; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.
- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học.
- Viết được bài văn thuyết minh về tác phẩm văn học, có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Giới thiệu được (dưới hình thức nói) một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng những di sản văn học; đồng cảm, chia sẻ với tinh thần nhân đạo thấm đượm trong nền văn học truyền thống của dân tộc.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

TIẾT

TÁC GIA NGUYỄN DU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tiểu sử về Nguyễn Du.
- Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du.
- Vị trí của Nguyễn Du trong nền văn học dân tộc.

2. Năng lực

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du; từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác trong phần Thực hành đọc.
- HS đánh giá được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

3. Phẩm chất:

- Biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.
- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, ti vi, Máy chiếu, giấy AO, A4...

2. Học liệu:

- Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm, phiếu học tập, bảng kiểm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Thực hiện trong phần khởi động

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác gia Nguyễn Du.

b. Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát đoạn nhạc ví dặm tạo tâm thế cho HS. - GV đặt câu hỏi: Những câu hát trữ tình vừa rồi đã đưa chúng ta trở về với quê hương của tác giả <i>Truyện Kiều</i> mà các em đã có dịp tìm hiểu trong chương trình THCS. Sau đây, cô đưa ra 3 bức ảnh, các em hãy quan sát thật kĩ để chỉ ra cho cô những cụm từ được dùng để tôn vinh tác giả <i>Truyện Kiều</i>? <div data-bbox="186 1528 409 1772" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="414 1528 695 1772" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="699 1528 976 1772" data-label="Image"> </div> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. 	<p>Dự kiến sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ: Đại thi hào dân tộc; Danh nhân văn hóa thế giới

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét: Ở Việt Nam có những tên tuổi được tôn vinh là danh nhân văn hóa thế giới. Nhưng chỉ riêng Nguyễn Du được tôn vinh là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Vậy điều gì đã tạo nên tầm vóc ấy? Bài học hôm nay cô trò chúng ta tiếp tục hành trình đi tìm câu trả lời trên.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN****a. Mục tiêu:**

- Nhận biết đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam.
- Nhận biết đặc điểm của truyện thơ Nôm.
- Vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam, đặc điểm truyện thơ Nôm vào việc tìm hiểu cuộc đời và đọc hiểu những sáng tác của Nguyễn Du.

b. Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																				
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn. - HS trả lời câu hỏi: Em hiểu như thế nào về hiện tượng giao lưu và sáng tạo trong văn hóa, văn học? Nêu dẫn chứng minh họa cho cách hiểu của em.	1. Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam. - Trong thời trung đại, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của hai nền văn hóa lớn là Trung Hoa và Ấn Độ. - Một số phương diện chính của sự giao lưu và sáng tạo: tư tưởng, ngôn ngữ - văn tự, thể loại, chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,...). - Đặc điểm: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại diễn ra theo nguyên tắc lựa chọn tinh hoa, chủ động “Việt hóa” các yếu tố ngoại lai để phù hợp với bản sắc và tinh thần văn hóa dân tộc.																				
B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi.																					
B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày.																					
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét và lưu ý những kiến thức trọng tâm.																					
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn. - HS hoàn thành phiếu học tập:	2. Truyện thơ Nôm <table><tr><th colspan="5">Truyện thơ Nôm</th></tr><tr><td>1</td><td>Khái niệm</td><td colspan="3">- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.</td></tr><tr><td>2</td><td>Phân loại</td><td></td><td>Truyện thơ Nôm bình dân</td><td>Truyện thơ Nôm bác học</td></tr><tr><td></td><td></td><td>Tác</td><td>- Khuyết</td><td>- Có tên tác</td></tr></table>	Truyện thơ Nôm					1	Khái niệm	- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.			2	Phân loại		Truyện thơ Nôm bình dân	Truyện thơ Nôm bác học			Tác	- Khuyết	- Có tên tác
Truyện thơ Nôm																					
1		Khái niệm	- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.																		
2		Phân loại		Truyện thơ Nôm bình dân	Truyện thơ Nôm bác học																
		Tác	- Khuyết	- Có tên tác																	
<table><tr><th colspan="3">Truyện thơ Nôm</th></tr><tr><td>1</td><td>Khái niệm</td><td>.....</td></tr><tr><td>2</td><td>Phân loại</td><td>.....</td></tr><tr><td>3</td><td>Đề tài, chủ đề</td><td>.....</td></tr></table>	Truyện thơ Nôm			1	Khái niệm		2	Phân loại		3	Đề tài, chủ đề										
Truyện thơ Nôm																					
1	Khái niệm																				
2	Phân loại																				
3	Đề tài, chủ đề																				

4	Nhân vật				giả	danh, nho sĩ và trí thức bình dân.	giả, nho sĩ quý tộc có học vấn uyên bác.
5	Vị trí				Cốt truyện	- Lấy từ văn học dân gian hoặc trong đời sống.	- Lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật.
					Hình thức nghệ thuật	- Thơ mộc, giản dị, hồn nhiên.	- Trau chuốt, điều luyện.
			3	Đề tài, chủ đề	- Rộng từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường, đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại.		
			4	Nhân vật	- Phong phú, đa dạng: vua chúa, quan lại, công chúa, tiêu thư, người hầu, người lao động, Nho sĩ,.... - Đặc điểm của nhân vật: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động...) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,...). - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, ngôn ngữ nửa trực tiếp, ...		
			5	Vị trí	- Đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc. - Nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc.		

B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn về biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối.

B2. Thực hiện nhiệm vụ
- HS tự nghiên cứu.

B3. Báo cáo thảo luận
- HS tự nghiên cứu.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV hướng dẫn HS tự nghiên cứu.

3. Biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối:

- Lập cấu trúc: là biện pháp tu từ sử dụng những cụm từ hoặc câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn.

- Đối: là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ hoặc câu sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cân xứng cho lời văn.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN TÁC GIA NGUYỄN DU***HOẠT ĐỘNG ĐỌC VĂN BẢN****a. Mục tiêu:**

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích.
- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

b. Nội dung:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và nắm rõ thông tin quan trọng và nghĩa một số từ Hán Việt ở phần chú thích

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: (1) GV hướng dẫn cách đọc: - GV yêu cầu HS đọc văn bản trước khi đến lớp, tóm tắt vào vở những nội dung cơ bản. - Trên lớp: + Cho HS đọc thầm, chọn đọc thành tiếng một vài mục cần nhấn mạnh. + Hướng dẫn HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. + Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV- nhận xét cách đọc của HS.	ĐỌC VĂN BẢN - Đọc - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK

*** HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ VĂN BẢN****a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du; từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác trong phần Thực hành đọc.
- HS nhận xét, đánh giá được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

b. Nội dung: HS quan sát SGK, thực hiện theo hướng dẫn để tìm hiểu nội dung kiến thức.**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm nhóm của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Tìm hiểu về tiểu sử cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du Bước 1: GV giao nhiệm vụ:	I. TIỂU SỬ

- GV nhắc lại nhiệm vụ giao học sinh làm ở nhà: chia lớp thành 3 nhóm.

Nhóm 1

+ Nhiệm vụ: Tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Du

+ Câu hỏi 1: Lập niên biểu Nguyễn Du và thuyết trình những yếu tố ảnh hưởng đến tài năng Nguyễn Du.

+ Câu hỏi 2: Từ đó, em nhận xét về cuộc đời, con người Nguyễn Du.

+ Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin

+ Cách trình bày: Sử dụng phần mềm Power point

+ Thời gian trình bày: 3-4 phút

Nhóm 2

+ Nhiệm vụ: Tìm hiểu các sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du

+ Câu hỏi 1: Giới thiệu các sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du (*nêu tên, hoàn cảnh sáng tác các tập thơ; nội dung chính; ảnh bìa sách*)

+ Câu 2: Vì sao *Bắc hành tạp lục* được đánh giá là tập thơ chữ Hán đặc sắc nhất của Nguyễn Du?

+ Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin

+ Cách trình bày: Sử dụng sơ đồ tư duy

+ Thời gian trình bày: 2-3 phút

Nhóm 3

+ Nhiệm vụ: Tìm hiểu về *Truyện Kiều*

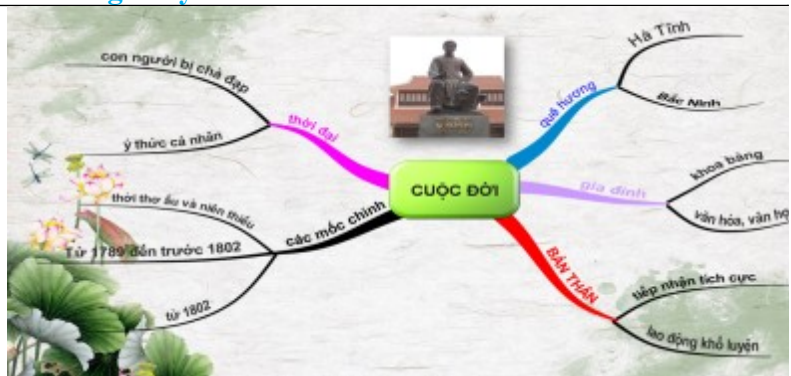
+ Câu hỏi: Từ một cốt truyện vay mượn, Nguyễn Du đã có những sáng tạo gì khiến *Truyện Kiều* trở thành kiệt tác?

+ Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin

+ Cách trình bày: Sử dụng phần mềm Power point

+ Thời gian trình bày: 2-3 phút

- Các nhóm có 5 phút để cùng trao đổi, thống nhất về sản phẩm học tập và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trước lớp



1. Quê hương

- Quê cha: làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, nay thuộc Hà Tĩnh, vùng đất sơn kì thủy tú, cũng là quê hương của những làn điệu dân ca ví dặm ngọt ngào, tha thiết ân tình.

- Quê mẹ: Bắc Ninh, cái nôi của dân ca quan họ, giàu truyền thống văn hóa

- Nơi sinh trưởng: Sinh ra và lớn lên ở Thăng Long, mảnh đất kinh kì văn hiến.

2. Gia đình

- Nguyễn Du xuất thân trong một gia đình phong kiến đại quý tộc có hai truyền thống lớn là truyền thống công danh khoa bảng và truyền thống văn hóa, văn học.

- Dòng họ Nguyễn Tiên Điền có truyền thống khoa bảng

- Cha Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm từng làm quan đến chức Tể tướng.

- Mẹ Nguyễn Du, bà Trần Thị Tần là người Bắc Ninh, có tài hát xướng.

3. Thời đại: Cuối TK 18 đầu TK 19

- XHPKVN khủng hoảng trầm trọng, loạn lạc bốn phương, các phong trào khởi nghĩa của nông dân, kiêu binh làm loạn. Tây Sơn thay đổi sơn hà, diệt Nguyễn, Trịnh, đuổi Xiêm, Thanh huy hoàng 1 thuở. Năm 1802 nhà Nguyễn lập lại chính quyền chuyên chế, thống nhất đất nước.

Chứng kiến những biến động kinh hoàng của thời đại, sáng tác Nguyễn Du mang cảm hứng về thân phận con người, về hiện thực xã hội với *những điều trông thấy*.

4. Những mốc chính trong cuộc đời

- Thời thơ ấu và niên thiếu: sống tại Thăng Long trong một gia đình quyền quý

+ 10 tuổi mồ côi cha, 13 tuổi mồ côi mẹ, Nguyễn Du phải sống nhờ trong nhà Nguyễn Khản, người anh cùng cha khác mẹ ở Thăng Long. Nguyễn Khản đỗ

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm trao đổi, thống nhất về sản phẩm học tập và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trước lớp</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Đại diện nhóm lên trình bày.</p> <p>- Các nhóm khác theo dõi và cùng trao đổi với nhóm bạn</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét, chốt ý trọng tâm. - GV nhấn mạnh: + Qua phần tìm hiểu về tiểu sử cuộc đời Nguyễn Du, chúng ta có thể khẳng định: Các yếu tố khách quan là quan trọng, <u>nhưng những phẩm chất của bản thân người nghệ sĩ</u> mới là yếu tố tiên quyết. Những yếu tố trong cuộc đời không dứt lìa mà trở thành máu thịt với nhà văn. Và với Nguyễn Du, đó chính là tiền đề quan trọng để tạo nên một thiên tài cùng một sự nghiệp văn học vĩ đại được viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. + Thơ chữ Hán Nguyễn Du giống như cuốn nhật kí trung thực ghi lại cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của chính nhà thơ. Trong đó, <i>Bắc hành tạp lục</i> là tập thơ chữ Hán đặc sắc nhất của Nguyễn Du và nền thơ trung đại Việt Nam. Tập thơ sáng tác trong thời gian ông đi sứ nhà Thanh (1813-1814). Nét nổi bật ở tập thơ này, trong suốt thời gian lộ trình, Nguyễn Du không hề nói đến công chuyện đi sứ, không đề cập đến vấn đề xã giao thù tiếp của Triều đình và quan lại địa phương mà phần đa là những trang thơ thể sự, về con người và cuộc sống phương Bắc.</p>	<p>quan to, nổi tiếng phong lưu một thời, mê hát xướng. Nhờ đó, Nguyễn Du có dịp hiểu biết về cuộc sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến và có tấm lòng trắc ẩn với những người ca nhi, kĩ nữ.</p> <p>- Từ 1789 đến trước 1802: Tai biến ập đến, gia đình ly tán.</p> <p>- Từ năm 1802: Khi triều Tây Sơn bị diệt vong và Nguyễn Ánh lập ra triều đại mới, Nguyễn Du ra làm quan với nhà Nguyễn.</p> <p>5. Bản thân</p> <p>- Tiếp nhận những tinh hoa, tinh túy từ quê hương, gia đình;</p> <p>- Vượt qua những bi kịch trong cuộc đời bằng ý chí, nghị lực;</p> <p>- Trải qua quá trình lao động nghệ thuật đầy khổ luyện.</p> <p>⇒ Nhận xét về cuộc đời, con người Nguyễn Du :</p> <p>- Cuộc đời của Nguyễn Du trải qua nhiều biến cố gắn với bối cảnh thời đại.</p> <p>- Nguyễn Du là con người tài năng, có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú. Đặc biệt, ông là người có tâm hồn nhạy cảm, sâu sắc, trái tim mang nặng nỗi thương đời, tấm lòng nhân hậu sâu sắc “<i>con mắt nhìn xuyên sáu cõi, có tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời</i>”.</p> <p>II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC</p> <p>1. Sáng tác chữ Hán:</p> <table><tr><th></th><th><i>Thanh Hiên thi tập</i></th><th><i>Nam Trung tạp ngâm</i></th><th><i>Bắc hành tạp lục</i></th></tr><tr><td>Số lượng sáng tác</td><td>78 bài thơ</td><td>40 bài thơ</td><td>132 bài thơ</td></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td>Trước khi ra làm quan nhà Nguyễn. Đó là những năm tháng bi thương nhất cuộc đời Nguyễn Du khi gia đình tan tác chia lìa, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc.</td><td>Trong thời kì Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn.</td><td>Trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.</td></tr><tr><td></td><td>Thể hiện nỗi niềm thương</td><td>+ Bày tỏ nỗi chán nản, thất</td><td>+ Thể hiện niềm cảm</td></tr></table>		<i>Thanh Hiên thi tập</i>	<i>Nam Trung tạp ngâm</i>	<i>Bắc hành tạp lục</i>	Số lượng sáng tác	78 bài thơ	40 bài thơ	132 bài thơ	Hoàn cảnh sáng tác	Trước khi ra làm quan nhà Nguyễn. Đó là những năm tháng bi thương nhất cuộc đời Nguyễn Du khi gia đình tan tác chia lìa, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc.	Trong thời kì Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn.	Trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.		Thể hiện nỗi niềm thương	+ Bày tỏ nỗi chán nản, thất	+ Thể hiện niềm cảm
	<i>Thanh Hiên thi tập</i>	<i>Nam Trung tạp ngâm</i>	<i>Bắc hành tạp lục</i>														
Số lượng sáng tác	78 bài thơ	40 bài thơ	132 bài thơ														
Hoàn cảnh sáng tác	Trước khi ra làm quan nhà Nguyễn. Đó là những năm tháng bi thương nhất cuộc đời Nguyễn Du khi gia đình tan tác chia lìa, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc.	Trong thời kì Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn.	Trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.														
	Thể hiện nỗi niềm thương	+ Bày tỏ nỗi chán nản, thất	+ Thể hiện niềm cảm														

<p>+ Bên cạnh sáng tác bằng chữ Hán, Nguyễn Du còn có các sáng tác bằng chữ Nôm mà <i>Truyện Kiều</i> là một tác phẩm tiêu biểu. Ở đó, nhà văn đã biến một câu chuyện “tình khổ” thành một khúc ca đau lòng thương người người bạc mệnh, nói lên “những điều trông thấy” trong giai đoạn lịch sử đầy biến động đương thời. Việc Nguyễn Du mượn cốt truyện của <i>Kim Vân Kiều truyện</i> thuộc quy luật giao lưu văn hóa nói chung, quy luật của văn học trung đại nói riêng. Điều đáng nói là bằng <u>sự</u> sáng tạo của cá nhân người nghệ sĩ, Nguyễn Du đã biến một cốt truyện bình thường trở thành kiệt tác.</p> <p>+ Cùng với <i>Truyện Kiều</i>, Nguyễn Du còn để lại một số một tác phẩm chữ Nôm khác mà tiêu biểu là bài <i>Văn tế thập loại chúng sinh</i> (còn có tên gọi khác là <i>Văn chiêu hồn</i>). Trong trường dạ tối tăm trời đất, Nguyễn Du đã khóc thương cho hơn 10 loại người bất hạnh, từ những kẻ màn lan trướng huệ cho đến hạng kĩ nữ <i>Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa</i> hay những hài nhi xấu số <i>Lỗi giờ sinh lia mẹ lia cha...</i> Do tính quy phạm, văn học trung đại. Qua đó cho thấy tấm lòng nhân ái mệnh mông với mọi kiếp</p>	<p>Nội dung</p>	<p>thân và sự thấu hiểu, đồng cảm với những đau thương bất hạnh của con người, quê hương và thời đại.</p>	<p>vọng về chốn quan trường và thể chế xã hội bất công; khao khát được về sống ẩn dật; + Thể hiện niềm xót xa cho thân phận con người trong cảnh loại li;</p>	<p>thương, day dứt trước số phận con người, đặc biệt là những kiếp tài hoa trung nghĩa nhưng bị chà đạp + Phơi bày thực trạng bất công, tương phản giữa những điều “nghe thấy” và “trông thấy”.</p>
---	------------------------	---	---	---

2. Sáng tác chữ Nôm

a. Giới thiệu chung về các sáng tác chữ Nôm:

- *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu* (văn tế), *Thác lời trai phường nón* (lục bát): Thể hiện nhưng cảm xúc tình tứ, lãng mạn đậm dấu ấn dân gian.

- *Văn tế thập loại chúng sinh* (song thất lục bát) là tiếng khóc thương cho những kiếp người nhỏ bé bất hạnh tổng xã hội bất công.

- *Truyện Kiều* (truyện thơ Nôm)

b. *Truyện Kiều*

Cốt truyện	Vị trí	Giá trị tư tưởng	Giá trị nghệ thuật
<p>Truyện Kiều tiếp thu đề tài, cốt truyện của <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).</p>	<p>- Là một kiệt tác, có sức hút với cả giới tri thức và bình dân, hòa nhập vào đời sống với những sinh hoạt văn hóa của người Việt. - Đến nay, tác phẩm</p>	<p>- Tôn vinh vẻ đẹp của con người, đặc biệt là phụ nữ - Cảm thông, xót thương trước thân phận của con người giữa một xã hội bất công và cát tiếng</p>	<p>- Cốt truyện được xây dựng theo mô hình chung của truyện thơ Nôm gồm ba phần: Gặp gỡ - chia li - đoàn tụ nhưng có sự “phá cách” khi Kiều</p>

<p>người của bậc đại thi hào.</p> <p>* Đánh giá vị trí, đóng góp của Nguyễn Du với dân tộc và nhân loại</p> <p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>- Câu hỏi: Sau một thời gian tìm hiểu, chắc hẳn mỗi em đã có câu trả lời cho câu hỏi: Điều gì đã khiến Nguyễn Du được tôn vinh là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- HS trình bày kết quả</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận:</p> <p>GV nhận xét, chốt ý: Để làm nên tầm vóc của một bậc đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới chắc hẳn do nhiều yếu tố. Nhưng cho dù là yếu tố nào thì điều căn cốt nhất vẫn là cái</p>		<p>được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.</p>	<p>đòi quyền sống cho con người.</p> <p>- Trân trọng những khát vọng chính đáng của con người: khát vọng tình yêu và khát vọng sống tự do.</p> <p>- Lên án, tố cáo xã hội phong kiến đầy rẫy bất công, thối nát.</p> <p>=> Tưởng nhân đạo lớn lao, sâu sắc, độc đáo.</p>	<p>được đoàn tụ gia đình nhưng cả Kim – Kiều đều không được hạnh phúc trọn vẹn.</p> <p>- Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc</p> <p>- Ngôn ngữ tiếng Việt được sử dụng phong phú, nhuần nhuyễn và sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ chọn lọc, tinh tế; kết hợp ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ văn chương bác học...</p> <p>- Nghệ thuật xây dựng nhân vật thành công</p> <p>+ Sáng tạo thêm một số chi tiết mới để tạo ra một thế giới nhân vật sống động.</p> <p>+ Đi sâu vào miêu tả tâm lí nhân vật.</p>
<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>- Nguyễn Du là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.</p>				

tài và cái tâm của người nghệ sĩ. Nói như Gam-za-tốp: <i>Cái tài nhờ cái tâm mà cháy lên, cái tâm nhờ cái tài mà tỏa sáng.</i>	- Là một tài năng nghệ thuật xuất chúng.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được những biểu hiện của tư tưởng nhân đạo trong một số sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Du

b. Nội dung: Từ những tri thức đã được khám phá, HS đọc kĩ một số đoạn thơ tiêu biểu và phân tích được biểu hiện của giá trị nhân đạo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV nêu yêu cầu: Dù là sáng tác chữ Hán hay chữ Nôm thì các tác phẩm của Nguyễn Du đều thấm đẫm tinh thần nhân đạo của một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. Các em hãy phân tích biểu hiện của tư tưởng nhân đạo ấy qua những đoạn thơ sau:

1. Một mẹ cùng ba con
Lê la bên đường nọ
Đứa bé ôm trong lòng
Đứa lớn tay mang giỏ
Trong giỏ đựng những gì
Mớ rau lẫn tấm cám
Trưa rồi bụng vẫn không
Quần áo rách tùm tùm
Gặp người chẳng dám nhìn
Lệ sa vạt áo ướt
(**Sở kiến hành**)

2. Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
(**Truyện Kiều**)

3. Đi ra xe ngựa, về vênh váo
Lên mặt Quý, Cao, tán chuyện đời!
Không lộ vuốt nanh cùng nọc độc
Mà xé thịt người nhai ngọt xót!
(**Phản “Chiêu hồn”**)

4. Cửa ngoài vội rủ rềm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.
(**Truyện Kiều**)

- Tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Du, chúng ta đã biết, Nguyễn Du xuất thân từ giai cấp quý tộc phong kiến nhưng đã sống như một người dân thường giữa thế gian, nhờ vậy ông thông cảm sâu xa với số phận bất hạnh của những con người nghèo khổ như mấy mẹ con người ăn xin *Trưa rồi bụng vẫn không/ Quần áo rách tùm tùm/ Gặp người chẳng dám nhìn/ Lệ sa vạt áo ướt.*

- Thời đại Nguyễn Du sống là thời kì khủng hoảng của XHPK, quyền sống của con người, đặc biệt là của người phụ nữ bị xâm phạm, chà đạp. Vì vậy có nhiều tác phẩm thể hiện sự thương xót cho người phụ nữ. Nhưng chưa ở đâu tiếng nói ấy lại cất lên sâu sắc, thấm thía như trong sáng tác của Nguyễn Du. Hơn một lần ông xót xa *Đau đớn thay phận đàn bà.*

- Trong sáng tác của mình, Nguyễn Du có sự cảm thông sâu sắc với những người tài hoa bạc mệnh. Nguyễn Du đặc biệt đề cao những người có tài văn chương, đàn hát, những người sáng tạo ra giá trị tinh thần cho xã hội như nàng Tiểu Thanh, người gảy đàn ở đất Long Thành, nàng Kiều...

- Bên cạnh tình yêu thương là sự căm phẫn những thế lực chà đạp con người. Đó là sự tàn bạo của quan lại phong kiến, những kẻ tuy bề ngoài *không lộ vuốt nanh cùng nọc độc* mà *xé thịt người nhai ngọt xót.*

- Vượt ra khỏi khuôn khổ của lễ giáo phong

<p>5. Đường đường một đấng anh hào Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài Đội trời đạp đất ở đời Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông. Giang hồ quen thói vẫy vùng Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo. (Truyện Kiều)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS trình bày kết quả - HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, góp ý</p>	<p>kiến, Nguyễn Du trân trọng, đồng tình với khát vọng tình yêu của nàng Kiều qua bước chân xăm xăm băng lối vườn khuya một mình, cổ vũ cho cái bước chân Còn làm sống sót bao cô gái thời hiện đại ấy.</p> <p>- Trân trọng, đồng tình với khát vọng tự do của con người, Nguyễn Du đã ngợi ca Từ Hải người anh hùng đội trời đạp đất, đường đường một đấng anh hào. Và chính con người ấy đã giúp Kiều báo ân báo oán, thực hiện ước mơ công lí.</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu:

- HS đánh giá được giá trị của kiệt tác *Truyện Kiều* và khẳng định được sức sống của *Truyện Kiều* trong đời sống hôm nay.

b. Nội dung: HS sưu tầm tư liệu và xây dựng ý tưởng xây dựng không gian nghệ thuật – du lịch về *Truyện Kiều*

c. Sản phẩm: Ý tưởng dự án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ về nhà: GV nêu yêu cầu: <i>Truyện Kiều</i> – kiệt tác mà Nguyễn Du để lại không chỉ là quốc hồn quốc túy mà đã trở thành tài sản vô giá của nhân loại. Cho đến hôm nay, <i>Truyện Kiều</i> được dịch ra khoảng hơn 20 thứ tiếng trên thế giới. <i>Truyện Kiều</i> không chỉ đi vào đời sống văn hóa tinh thần của con người mà còn có mặt trên bàn đàm phán ngoại giao. Nhằm đưa sáng tác của Nguyễn Du đến gần hơn với công chúng trong nước và quốc tế, ThS. Lư Thị Thanh Lê trong bài viết <i>Xây dựng công viên chủ đề “Truyện Kiều”</i> (Báo Nhân dân điện tử, 21/8/2015) có đề xuất: “xây dựng một theme-park - không gian nghệ thuật, du lịch có sức hấp dẫn hơn đối với đại chúng về <i>Truyện Kiều</i>.”</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận theo nhóm học tập, lên ý tưởng dự án</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm trình bày ý tưởng dự án vào tiết học sau</p>	
---	--

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét, đánh giá

3. Củng cố**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành bài tập vận dụng
- Đọc và chuẩn bị bài Trao duyên

Tiết - VĂN BẢN 2:

TRAO DUYÊN
(Trích *Truyện Kiều*) - Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- Học sinh hiểu được tâm trạng đầy mâu thuẫn, bế tắc, đau đớn của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân, nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng
- Học sinh phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ đa dạng vừa bác học vừa bình dân.
- Học sinh thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du với con người, đặc biệt là những người tài hoa bạc mệnh như Kiều.

2. Về năng lực:**a. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết tìm kiếm, phân tích, đánh giá và lựa chọn những thông tin liên quan từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau.
- Biết cách đề xuất và phân tích một số giải pháp để giải quyết vấn đề.

b. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Vận dụng được những hiểu biết chung về tác giả Nguyễn Du và các kiến thức được giới thiệu trong bài học trước “Nguyễn Du – Cuộc đời và sự nghiệp” để hiểu đoạn trích theo đặc trưng của thể loại truyện Nôm.
- Nhận biết sự tương đồng và khác biệt của truyện thơ Nôm so với truyện thơ dân gian.
- Phân tích và đánh giá được vị trí của đoạn trích “Trao duyên” trong tác phẩm “Truyện Kiều” và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

3. Về phẩm chất:

Hs biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều, cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0**2. Học liệu:** KHBD, SGK, SGV, SBT**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Chia sẻ điều em ấn tượng nhất về tác gia Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều.

3. Bài mới:

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG- 3 phút.

a. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn?”

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên nêu thể lệ trò chơi “Ai nhanh hơn? ”, sau đó chiếu slide những bức tranh họa cảnh Kim- Kiều gặp gỡ trong ngày hội đạp thanh và đêm thề nguyện đính ước và giao nhiệm vụ cho hs: “<i>Em quan sát thấy gì trong những bức họa? Kết quả của sự quan sát đó mang đến cho em những nhận xét như thế nào về mối tình Thúy Kiều- Kim Trọng? Theo em đâu là nội tình sâu xa của cuộc trao duyên giữa Thúy Kiều và Thúy Vân?</i>”. Hs nào phát tín hiệu giờ tay đầu tiên sẽ giành được quyền trả lời.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: - GV nêu thể lệ trò chơi “Ai nhanh hơn?”, chiếu slide hình ảnh và câu hỏi. - Hs làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh và lắng nghe câu hỏi sau đó giờ tay thật nhanh để xin trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhanh nhất được phát biểu trả lời câu hỏi; 1-2 hs bổ sung (nếu cần).</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Gv nhận xét các câu trả lời, công bố kết quả trò chơi và trao thưởng.</p> <p>- Gv dẫn dắt vào bài: Khi khái quát về số phận của Thúy Kiều, Mộng Liên Đường chủ nhân từng viết: “Khi lai láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc; khi duyên ưa kim cải non biền thê bồi; khi đất nổi ba đào cửa nhà tan tác; khi lầu xanh, khi rừng tía đi về nghĩ cũng chồn chân; khi kinh kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ càng tê lưỡi”. Quả thực, trong suốt 15 năm lưu lạc, Thúy Kiều đã trải qua rất nhiều nỗi đau với vô vàn bi kịch của một kiếp người hồng nhan mà bạc mệnh. Và mở đầu cho kiếp đoạn trường đó chính là bi kịch gia đình li tán và tình yêu đầu đời tan vỡ. Bi kịch này được thể hiện rất rõ trong đoạn trích “Trao duyên”. Trong bài học này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu nội tình của cuộc trao duyên từ nguyên có,</p>	<p>Câu trả lời của HS:</p> <p>- Em quan sát thấy: Bức họa đầu tiên tái hiện màn Kim- Kiều gặp gỡ tình cờ trong ngày hội đạp thanh; bức họa 2 là cảnh Thúy Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe trong đêm thề nguyện đính ước; bức họa 3 là cảnh Kim Kiều chia tay.</p> <p>- Qua đó em hình dung được tình yêu giữa Thúy Kiều và Kim Trọng là mối tình đầu vừa chớm hé “Chưa vui sum họp đã hầu chia phôi” nhưng vô cùng mãnh liệt, sâu sắc.</p> <p>- Có lẽ vì cơn gia biến, Thúy Kiều đã phải hi sinh bản thân, hi sinh cả tình yêu. Và nàng sẽ phải vô cùng đau đớn, tiếc nuối khi tự tay trao duyên tình của mình cho người khác, kể cả đó là em gái.</p>

tâm trạng của người trong cuộc, cách thể hiện cũng như tấm lòng của nhà thơ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC- 75 phút

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát- 10 phút

a. Mục tiêu:

- Đọc văn bản và thực hiện một số kỹ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

- Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>1. Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc trước đoạn trích ở nhà, chú ý đọc kỹ phần cước chú để hiểu từ ngữ, ghi lại những từ ngữ cảm thấy khó hiểu, nên học thuộc lòng đoạn trích. - Gv mời một số hs đọc thành tiếng theo lối đọc phân đoạn, lớp nghe và chú ý đối chiếu với <i>câu hỏi trong hộp chỉ dẫn</i>. - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. <p>2. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv nêu câu hỏi định hướng khắc sâu hiểu biết về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều: <i>Từ những điều đã khám phá trong Vb1, em hãy 1 đến 2 câu văn để giới thiệu về vị trí của Nguyễn Du và Truyện Kiều trong nền văn học dân tộc.</i> + HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. - Gv yêu cầu HS làm việc ở nhà trước để thực hiện các nhiệm vụ sau: + Lập sơ đồ tư duy về mạch tự sự và bố cục của đoạn trích. + Nhìn vào mạch tự sự, em hãy chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời đối thoại và lời độc thoại của các nhân vật. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc Vb theo hướng dẫn của GV. - Hs tham khảo SGK, tài liệu trên mạng để thực hiện nhiệm vụ. <p>B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách đọc: Đọc rõ ràng, truyền cảm, chú ý đọc kỹ phần cước chú để hiểu từ ngữ, ghi lại những từ ngữ cảm thấy khó hiểu. <p>2. Tìm hiểu chung</p> <p>2.1. Tác giả Nguyễn Du và Truyện Kiều Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc Việt Nam, là danh nhân văn hóa thế giới đồng thời là một nhà nhân đạo lớn. Tập đại thành Truyện Kiều là minh chứng tiêu biểu cho tư tưởng nhân văn sâu sắc của Nguyễn Du.</p> <p>2.2. Đoạn trích Trao duyên</p> <p>* Vị trí đoạn trích (Cước chú tr 14)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 711- 758. - Đây là đoạn thơ mở đầu cho cuộc đời lưu lạc đau khổ của Thúy Kiều. <p>* Sơ đồ tóm tắt mạch tự sự và bố cục:</p> <p>711- 723: Bối cảnh trao duyên ↓ 724-734: TK nói lời trao duyên và thuyết phục TV ↓ 735- 748: TK trao kỉ vật và dặn dò TV ↓ 749- 758: Lời độc thoại nội tâm than thở cùng KT của TK</p>

vụ: - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. - Gv gọi 1- 2 em trình bày sản phẩm. - Gv tổ chức cho Hs góp ý, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của Hs.	→ Đoạn trích Trao duyên có sự kết hợp các hình thức ngôn ngữ: lời người kể chuyện, lời nhân vật gồm lời đối thoại và lời độc thoại để khắc họa tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều khi tra duyên.
---	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản- 60 phút

a. Mục tiêu:

- Học sinh hiểu được tâm trạng đầy mâu thuẫn, bế tắc, đau đớn của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân, nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng
- Học sinh phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ đa dạng vừa bác học vừa bình dân.
- Học sinh phân tích và đánh giá được vị trí của đoạn trích “Trao duyên” trong tác phẩm “Truyện Kiều” và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.
- Học sinh thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du với con người, đặc biệt là những người tài hoa bạc mệnh như Kiều.
- Hs biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều, cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đoạn 1- 5 phút B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu hs trao đổi theo hình thức nhóm đôi để giải quyết vấn đề: <i>Đọc đoạn 1, tìm những từ ngữ chỉ thời gian, không gian và con người để hình dung, tái hiện bối cảnh trao duyên. Theo các em, ý định trao duyên cho TV được TK dự định sẵn hay bất chợt nảy sinh?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ Hs trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và đưa ra câu trả lời cho cặp nhóm mình. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện 1 nhóm đứng tại chỗ trình bày, 1-2 nhóm nhận xét bổ	II. Khám phá chi tiết văn bản 1. Đoạn 1 (711-723): Bối cảnh trao duyên - Thời gian: “ <i>Dầu chong trắng đĩa</i> ”, “ <i>chợt tỉnh giấc xuân</i> ” → đêm khuya. - Không gian: “ <i>dưới đèn</i> ” → căn phòng, thanh vắng. - Con người: + Thúy Vân: “ <i>ân cần hỏi han</i> ”, “ <i>chị riêng oan một mình</i> ” → lo lắng, cảm thông, muốc được chia sẻ cùng chị. + Thúy Kiều: ++ “ <i>Lòng đương thốn thức đây</i> ”, “ <i>tơ duyên còn vướng</i> ” → băn khoăn, trăn trở. ++ “ <i>hở môi... thẹn thùng</i> ” → lo lắng cho người khác, ý thức được sự hẹ trọng của điều sắp nói. ==> Cuộc trao duyên diễn ra trong bối cảnh đêm trước ngày TK lên đường theo MGS nhưng lòng còn trĩu nặng những băn khoăn, trăn trở, dằn vặt. Sự ân cần hỏi han và

<p>sung nếu cần.</p> <p>- Gv theo dõi, điều hành, hỗ trợ HS.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt vấn đề.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đoạn 2,3,4- Diễn biến tâm trạng của TK khi trao duyên- 55 phút</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv chia lớp thành các nhóm (6-7 hs) để thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1,2 thảo luận PHT số 1 để tìm hiểu về đoạn 2: TK nói lời trao duyên và thuyết phục TV</p> <p>+ Nhóm 3,4 thảo luận PHT số 2 để tìm hiểu về đoạn 3: TK trao kỉ vật và dận dò TV chuyện mai sau.</p> <p>+ Nhóm 5,6 thảo luận PHT số 3 để tìm hiểu về đoạn 4: Lời độc thoại nội tâm than thở cùng KT của TK</p> <p>- Gv chiếu slide và phát cho mỗi nhóm 1 phiếu học.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ- 20 phút</p> <p>- HS trong từng nhóm làm việc nhóm, thể hiện kết quả trên giấy A0- 15 phút</p> <p>- 2 Nhóm cùng nhiệm vụ trao đổi kết quả cho nhau, ghi ý kiến bổ sung bằng màu mực khác- rồi trả kết quả về cho nhóm bạn hoàn thiện sản phẩm- 5 phút.</p> <p>- Gv quan sát, cố vấn.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận- 24 phút (Mỗi nhóm có tối đa 5 phút cho phần báo cáo, 3 phút cho tranh luận)</p> <p>- Đại diện nhóm: 1 hoặc 2 lên</p>	<p>tắc lòng thấu hiểu của TV giúp TK lóe lên ý định cậy nhờ em gái thay mình trả món nợ ân tình với chàng Kim như là một giải pháp giúp nàng vẹn tròn cả bên tình bên hiếu.</p> <p>2. Diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao duyên</p> <p>2.1. Đoạn 2: Thúy Kiều nói lời trao duyên và thuyết phục Thúy Vân</p> <p>* Lời nhờ cậy đặc biệt:</p> <p>- “Cậy em em có chịu lời Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”</p> <p>+ Từ ngữ:</p> <p>++ “Cậy” (So với nhờ, mong): thanh trắc mang âm điệu nặng → nhờ vả, gửi gắm, tin tưởng, trông mong, hìn vọng.</p> <p>++ “Chịu” (so với nhận lời): Thanh trắc đối âm với “cậy”: tăng thêm sức nặng cho sự tin tưởng→ bắt buộc, nài ép, chịu thua thiệt</p> <p>+ Hành động: “lạy”, “thưa”→ sự sang trọng, thái độ kính cẩn, cung kính, báo hiệu điều hệ trọng, khó xử sắp sửa được nói ra.</p> <p>- “Giữa đường đứt gánh tương tư Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em”</p> <p>+ Thành ngữ dân gian “Giữa đường đứt gánh” cùng cách kết hợp từ lạ “gánh tương tư”→ tình yêu sâu nặng nhưng dang dở giữa Thúy Kiều và Kim Trọng.</p> <p>+ Hình ảnh ẩn dụ “keo loan”, “tơ thừa”→ tình duyên chắp vá, gượng gạo với Kim Trọng mà Kiều đang phó mặc cho em.</p> <p>=> Lời nhờ cậy, lời trao duyên với ngôn từ đặc biệt kèm hành động khác thường cho thấy Kiều là người nhạy cảm, tinh tế, khéo léo, dù bản thân đang đau đớn, vỡ vụn vẫn biết đặt mình vào vị trí của người khác để thấu hiểu.</p> <p>* Lời thuyết phục: đưa ra 4 lí do:</p> <p>- Kể lại câu chuyện tình yêu với Kim Trọng: Kể từ khi gặp chàng Kim Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề →ngắn gọn, đầy đủ những mốc son: gặp gỡ, thề nguyện, đính ước và cả cảnh ngộ nghiệt ngã để TV hiểu tình cảm sâu nặng, thiêng liêng giữa hai người, hiểu vì sao nàng</p>
---	---

báo cáo kết quả nhiệm vụ đọc hiểu đoạn 2- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 1,2.

- Đại diện nhóm 3 hoặc 4 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ tìm hiểu đoạn 3- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 3,4.

- Đại diện nhóm: 5 hoặc 6 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ tìm hiểu đoạn 4- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 5,6.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: 11 phút

- Sau phần báo cáo, trao đổi, tranh luận của mỗi nhóm, GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Mỗi nhóm Gv thực hiện trong khoảng 3 phút.

phải cậy nhờ em thay mình trả nghĩa cho KT.

- Nhắc lại cơn gia biến và sự hi sinh của bản thân để cứu nguy cho cả gia đình:

Sự đau đớn gió bất kì

Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai

- Phân tích điều kiện của em:

Ngày xuân em hãy còn dài

- Viện đến tình ruột thịt sâu nặng:

Xót tình máu mủ thay lời nước non”

→ Kiều khéo léo dẫn ra 4 lí do thấu tình đạt lý, vừa chân thành, vừa có sức nặng thuyết phục, đẩy Vân vào tình thế không thể không nhận lời.

***Lời cảm tạ:**

Chị dù thịt nát xương mòn

Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”

→ Tha thiết, chân thành, thấu tình đạt lý.

=>Với tài năng trong kết hợp lối nói trang nhã trong sáng tác văn chương bác học (sử dụng điển tích, điển cố) với cách nói giản dị, nôm na của văn chương bình dân (thành ngữ dân gian quen thuộc), Nguyễn Du đã thành công trong việc xây dựng vẻ đẹp của Thúy Kiều: Con người tình nghĩa, thông minh, khôn khéo, giàu đức hi sinh.

2.2. Đoạn 3: Thúy Kiều trao kỉ vật và dặn dò Thúy Vân.

*** TK trao kỉ vật:**

“Chiếc vành với bức tờ mây

Duyên này thì giữ vật này của chung

Dù em nên vợ nên chồng

Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên

Mất người còn chút của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa

- Phép liệt kê: *Chiếc vành, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương nguyên*

→ Những kỉ vật thiêng liêng minh chứng cho tình yêu tha thiết, sâu nặng giữa Kim và Kiều được Kiều cất giữ và coi như những thứ vô giá trong đời mình.

- Tâm trạng khi trao kỉ vật:

+ *Duyên này thì giữ>< vật này của chung*

++ “*Duyên này*”: duyên phận giữa Kim – Kiều nay Kiều trao lại cho Vân.

++ “*Vật này Của chung*”: Trước đó chúng chỉ là những kỉ vật của Kim, Kiều nhưng nay còn là kỉ vật của Vân; Kiều vừa muốn trao lại cho Vân để từ nay Vân sẽ cất giữ chúng nhưng lại vừa muốn khẳng định chủ quyền bản thân trên những kỉ vật.

+ “em vợ nên chồng” >< “lòng chẳng quên”: tự nguyện tác thành, mong em và chàng Kim nên duyên vợ chồng >< nhưng lại vẫn muốn khắc ghi bóng hình mình trong tâm trí chàng Kim.

→ Phép tiểu đối được sử dụng nhuần nhuyễn, khéo léo cùng ngôn ngữ đối thoại nửa mê nửa tỉnh của nhân vật đã thể hiện những mâu thuẫn gay gắt trong nội tâm Kiều: Sự giằng xé giữa giữa lí trí và tình cảm, giữa hoàn cảnh và khát vọng, giữa hành động và lời nói.

→ Nội tâm giằng xé cho thấy nỗi đau tột cùng, vỡ vụn của Kiều khi phải chia lìa, vĩnh biệt với mối tình đầu đẹp đẽ, lãng mạn.

*** TK dặn dò TV chuyện mai sau:**

- “Mai sau”: những ngày sắp tới, tương lai.

- Trước đó khi trao duyên Kiều từng khẳng định nếu Vân nhận lời nhờ cậy, nàng sẽ “ngâm cười chín tuổi hãy còn thom lây”.

- Nhưng trong lời dặn dò TV chuyện mai sau, Kiều lại hình dung trong khi em và người yêu đang hạnh phúc, mặn nồng, bản thân mình chỉ là kẻ mệnh bạc phải “thác oan”- chết khi còn vắn vương hồng trần, còn mang nặng lời nguyện thề chưa trọn và sẽ hiện về như một hồn ma không thể siêu thoát.

→ Những hình dung hãi hùng cho thấy tâm lí nhân vật đã có sự biến đổi từ trạng thái tinh táo, sáng suốt sang lúng túng, bối rối, thậm chí có lúc như rơi vào ảo giác.

=> Kiều trao kỉ vật cho em mà lòng Kiều thổn thức, náo nức, nuối tiếc, đau xót. Tâm trạng đau đớn, vò xé, đang nói chuyện với Thuý Vân nhưng dường như nàng đang thăm thiết với nỗi đau riêng trong tâm hồn mình.

2.3. Đoạn 4 (749-758): Lời độc thoại nội tâm của Thuý Kiều

*** Độc thoại nội tâm về tình cảnh của chính mình:**

- Sử dụng một loạt thành ngữ dân gian:

+ “trâm gãy bình tan” → tình duyên tan vỡ;

+ “phận bạc như vôi” → số phận bất hạnh;

+ “nước chảy hoa trôi” → tương lai vô định

→ Tâm trạng đau đớn tột cùng khi ý thức cao độ về hiện tại nghiệt ngã của mình.

*** Hướng về chàng Kim để nói lời tạ tội, tiễn biệt:**

- Nhịp thơ hai câu cuối: 3/3 và 2/2/2/2 như nhát cắt, tiếng nấc nghẹn ngào, đau đớn chia lìa.

- Kiều nhận lỗi lầm về mình, tự cho rằng mình là người phụ bạc.

- Day dứt, đau đớn vì lời thề dang dở.

	→ Ban đầu, Kiều ngổ traơ duyên cho TV là lối thoát giúp chu toàn cả bên tình bên hiếu giúp nàng vui bớt những day dứt, khắc khoải, đau đớn. Nhưng kết thúc cuộc trao duyên, tình yêu và nỗi đau vẫn vẹn nguyên, thậm chí còn trào dâng mãnh liệt hơn.
--	---

Nội dung 3: Tổng kết- 5 phút

a. Mục tiêu:

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

b. Nội dung: Giáo viên nêu nhiệm vụ, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, giấy nháp ghi kết quả làm việc cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vận dụng kiến thức vừa đọc hiểu để hoàn thành nhiệm vụ: + <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản ra giấy nháp.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt vấn đề.	III. Tổng kết 1. Giá trị nội dung - Thông qua diễn biến tâm trạng của TK khi trao duyên, đoạn trích đã thể hiện bi kịch tình yêu và số phận bất hạnh của Thúy Kiều khi phải tự tay trao tình yêu đầu đời cho người khác. - Qua đó, cho thấy nhân cách cao đẹp của TK khi hi sinh hạnh phúc cá nhân để đổi lấy bình yên cho gia đình, hi sinh cho tình yêu, suy nghĩ và hành động cho người khác. 2. Đặc sắc nghệ thuật: - Đoạn trích có sự kết hợp, đan xen của nhiều hình thức ngôn ngữ: lời người kể chuyện, lời đối thoại và độc thoại của nhân vật, lời nửa trực tiếp. - Đoạn trích cho thấy tài năng ngôn ngữ bậc thầy của Nguyễn Du khi kết hợp tinh hoa của hai dòng ngôn ngữ bác học và bình dân: Từ Hán Việt kết hợp từ thuần Việt; thành ngữ dân gian, từ láy... - Miêu tả tinh tế diễn biến tâm trạng nhân vật.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....
Phiếu học tập số 1 TRAO DUYÊN <i>(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)</i> Tìm hiểu đoạn 2: Thúy Kiều trao duyên và thuyết phục Thúy Vân
- (?): Lời nhờ cậy Thúy Vân được Thúy Kiều bày tỏ với thái độ như thế nào? Tìm hiểu giá trị của những từ ngữ được dùng để thể hiện thái độ đó? - (?): Thúy Kiều dựa vào điều gì để thuyết phục Thúy Vân? - (?) Có ý kiến cho rằng, với 2 câu thơ cuối trong đoạn, Kiều đã viện đến cả cái chết để buộc Vân nhận lời. Ý kiến khác lại khẳng định đó chỉ cách nói thể hiện lời cảm tạ của Kiều? Em đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?

- (?): Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ và vẻ đẹp tâm hồn của Thúy Kiều qua đoạn 2

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....

Phiếu học tập số 2

TRAO DUYÊN

(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Tìm hiểu đoạn 3: Thúy Kiều trao kỉ vật và dặn dò Thúy Vân.

- (?): Những kỉ vật nào đã được Thúy Kiều trao lại cho Thúy Vân? Những kỉ vật ấy nói lên điều gì về mối tình Kim- Kiều?
- (?): Tìm những từ ngữ chỉ tâm trạng của Thúy Kiều khi trao kỉ vật? Sự mâu thuẫn, giằng xé trong tâm trạng TK cho thấy điều gì?
- (?): Khi thuyết phục TV, TK khẳng định nếu em nhận lời trao duyên thì nàng đâu có phải chết cũng “Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây” nhưng trong lời dặn dò em, TK lại hình dung về bản thân như thế nào?
- (?): Nhận xét diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao kỉ vật?

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....

Phiếu học tập số 3

TRAO DUYÊN

(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Tìm hiểu đoạn 4: Lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều

- (?): Trong 10 câu thơ cuối, Nguyễn Du đã thay đổi hình thức ngôn ngữ như thế nào?
- (?): Tìm những từ, ngữ thể hiện ý thức về tình cảnh hiện tại của Thúy Kiều? Nhận xét về tình cảnh đó.
- (?) Lời độc thoại hướng về Kim Trọng có nội dung gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP- 4 phút

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi: “Vòng quay văn học”

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” Câu 1: Ngôn ngữ, cử chỉ của Thúy Kiều trong 2 câu thơ “Cậy em em có chịu lời/Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” không thể hiện điều gì? A. Điều mà Thúy Kiều sắp nói rất đặc biệt, không dễ gì đem ra nhờ cậy. B. Thúy Kiều rất thấu hiểu sự hi sinh của em gái khi chấp nhận điều mình sẽ nhờ cậy. C. Thúy Kiều đau đớn đến mức không biết người ngồi trước mặt mình là em gái. D. TK tỏ ý hàm ơn sâu sắc đối với em gái khi chấp nhận điều mình sẽ gửi gắm. Câu 2: Lý do TK đưa ra để thuyết phục em là gì? A. Sự sóng gió bất kì của gia đình B. Ngày xuân còn dài của Thúy Vân C. Tình chị em ruột thịt giữa TV và TK D. Cả A, B, C Câu 3: Kỉ vật tình yêu được nhắc đến trong cuộc trao duyên là gì? A. Chiếc vành, bức tờ mây.	

B. Phím đàn, mảnh hương nguyên.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai.

Câu 4: Điều gì không xuất hiện trong tưởng tượng của Thúy Kiều về tương lai sau khi đã trao duyên cho em?

A. Nàng sẽ được đoàn viên cùng Kim Trọng

B. Nàng sẽ chịu số phận của người mệnh bạc, thác oan

C. Nàng vẫn nặng lời thề với tình yêu dành cho Kim Trọng

D. Nàng mong mới được chàng Kim thấu hiểu, cảm thông

Câu 5: Trở lại với thực tế “ Bây giờ trâm gãy gương tan”, ngôn ngữ của Thúy Kiều hướng đến đối thoại cùng ai?

A. Thúy Vân

B. Kim Trọng

C. Chính mình

D. Cả B và C

Câu 6: Đoạn trích “Trao duyên” thể hiện nội dung gì?

A. Bi kịch tình yêu tan vỡ

B. Thân phận bất hạnh của Thúy Kiều

C. Nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều

D. Cả A, B, C

Câu 7: Nhận xét chính xác nhất về những thành công nghệ thuật của đoạn trích “Trao duyên”?

A. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật; sự điều luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ.

B. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.

C. Sự điều luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ.

D. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật; sự điều luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ; ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhịp điệu.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv phổ biến luật chơi, điều hành, quan sát.

- HS thực hiện nhiệm vụ;

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kết quả trò chơi và trao thưởng nếu có

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG- 8 phút

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

b. Nội dung: Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn trong phần kết nối đọc viết.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM															
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ: Truyện Kiều là tiếng nói nói hiểu đời, thương đời của Nguyễn Du. Viết đoạn văn khoảng 150 chữ chỉ ra biểu hiện của sự hiểu và thương ấy trong đoạn trích Trao duyên.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- Gv tổ chức hoạt động</p> <p>- Hs nhận xét</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<p>Bảng kiểm đánh giá đoạn văn</p> <table><tr><th>Tiêu chí</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu)</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Chỉ ra ý nghĩa của thông điệp</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đảm bảo chính tả, ngữ pháp</td><td></td><td></td></tr></table>	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt	Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu)			Rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân			Chỉ ra ý nghĩa của thông điệp			Đảm bảo chính tả, ngữ pháp		
Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt														
Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu)																
Rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân																
Chỉ ra ý nghĩa của thông điệp																
Đảm bảo chính tả, ngữ pháp																

4. Hướng dẫn về nhà học bài và chuẩn bị bài: Soạn bài theo hướng dẫn VB 3: Đọc Tiểu Thanh kí.

Tiết....

ĐỌC TIỂU THANH KÍ (Đọc truyện về nàng Tiểu Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS

- Nắm kiến thức về một vấn đề được các nhà thơ Việt Nam thế kỉ XVIII quan tâm số phận của những người phụ nữ tài sắc, bất hạnh.
- Hiểu được sự đồng cảm của Nguyễn Du với số phận nàng Tiểu Thanh có tài văn chương mà bất hạnh.
- Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.
- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ.

2. Năng lực

- Năng lực chung: + Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực riêng: + Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
+ Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
+ Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

3. Phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi “**Ô chữ bí mật**”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Có 8 câu hỏi hàng ngang, mỗi đội được lựa chọn 2 lượt câu hỏi. Mỗi đáp án là một gợi ý, xâu chuỗi các đáp án sẽ tìm ra TỪ KHÓA

Câu 1. Hai nội dung lớn xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của VHVN là yêu nước và nội dung nào?

Câu 2. Hai câu thơ sau đây nằm trong tác phẩm nào?

“Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”

Câu 3. Đây là một trong những đối tượng được văn học trung đại Việt Nam đặc biệt quan tâm?

Câu 4. Đây là thế kỷ của những cuộc nội chiến phong kiến và khởi nghĩa nông dân?

Câu 5. Năm 1010, Lý Công Uẩn viết chiếu dời đô, chuyển kinh đô từ Hoa Lư về đâu?

Câu 6. Loại văn tự ra đời vào thế kỷ XIII, được sáng tạo trên cơ sở chữ Hán?

Câu 7. Đây là một thể thơ có nguồn gốc từ Trung Quốc được các tác giả văn học trung đại tiếp thu?

Câu 8. “ Bao giờ Hồng Lĩnh hết cây

Sông Lam hết nước thì đó với đây mới hết tình”

Những địa danh trong câu ví dặm trên thuộc tỉnh nào của nước ta?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

***GV dẫn vào bài mới**

Nhắc đến ND người đọc bao thế hệ thường liên tưởng đến thiên Truyện Kiều nổi tiếng. Vì ở tác phẩm đó, người đọc không chỉ nhận ra tấm lòng đồng cảm, xót thương cho số phận bất hạnh của con người tài hoa mệnh bạc, mà còn là tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công. Chủ nghĩa nhân đạo như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các sáng tác của ND, không chỉ trong thơ chữ Nôm mà cả trong thơ chữ Hán. Không chỉ thương xót cho số phận bất hạnh của người phụ nữ VN, mà tấm lòng ấy của nhà thơ còn vượt qua thời gian và không gian để xót thương cho nàng TT- người con gái có tài, có sắc sống vào khoảng đầu đời Minh - TQ....

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát

Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhóm 1: Em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả Nguyễn Du, nàng Tiểu Thanh.</p> <p>Nhóm 2: Nêu những nét khái quát về tác phẩm “Độc Tiểu Thanh kí” (Thể thơ, bố cục, hoàn cảnh sáng tác, nhan đề).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoạt động theo nhóm</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả Nguyễn Du</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh năm 1765, mất năm 1820. - Là đại thi hào của dân tộc Việt Nam. <p>2. Về Tiểu Thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ Phùng, sống khoảng đầu thời Minh - Từ nhỏ nàng đã thông hiểu các môn nghệ thuật cầm kì thi họa, lại có phong tư lộng lẫy hơn người - Năm 16 tuổi, nàng được gả làm vợ lẽ cho Phùng Sinh, một công tử nhà gia thế. - Vợ cả tính hay ghen lại cay độc, bắt nàng ra sống riêng trên Cô Sơn, gần Tây Hồ. - Vì đau buồn, nàng sinh bệnh rồi qua đời khi mới tròn 18 tuổi. Những bài thơ nàng viết để giải tỏa u buồn bị người vợ cả đốt, chỉ còn vương sót lại vài bài <p>3. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Trích trong Thanh Hiên thi tập - Hoàn cảnh sáng tác: Nguyễn Du viết bài thơ trong thời gian ông đi xứ bên Trung Quốc - Nhan đề “Độc Tiểu Thanh kí”: có hai cách hiểu: <ul style="list-style-type: none"> + “Tiểu Thanh kí” có thể là tên một tập thơ của nàng Tiểu Thanh. “Độc Tiểu Thanh kí” => Đọc

	<p>tập thơ của nàng Tiểu Thanh.</p> <p>+ “Tiểu Thanh kí”: có thể là câu chuyện về nàng Tiểu Thanh. Rất có thể, Nguyễn Du đã đọc truyện về nàng Tiểu Thanh và viết nên bài thơ này.</p> <p>- Thể thơ: thất ngôn bát cú.</p> <p>- Bố cục: đề, thực, luận, kết.</p>
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a) Mục tiêu: Học sinh hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến										
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu 2 câu đề</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV cho học sinh thảo luận cặp đôi, tìm hiểu 2 câu đề của bài thơ bằng việc hoàn thành phiếu học tập số 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì? - Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời? - Tâm trạng của tác giả trước cảnh? - Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào? (làm rõ nghĩa của từ “độc điệu”) - Hình ảnh “nhất chỉ thư” gợi cho em suy nghĩ gì về đời người. - Qua đó em nhận xét gì về tình cảm của nhà thơ dành cho Tiểu Thanh? <p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> <table> <tr> <th>Tìm hiểu</th><th>Trả lời</th></tr> <tr> <td>Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời?</td><td></td></tr> <tr> <td>Tâm trạng của tác giả trước cảnh?</td><td></td></tr> <tr> <td>Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào?</td><td></td></tr> </table>	Tìm hiểu	Trả lời	Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì		Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời?		Tâm trạng của tác giả trước cảnh?		Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào?		<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Hai câu đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tây Hồ hoa uyển tạn thành khu</i> (Tây hồ cảnh đẹp hoá gò hoang) - Từ ngữ đối lập: Cảnh đẹp >< Gò hoang <p>-> Sự thay đổi lớn lao của tự nhiên, của đất trời: Tây Hồ còn đó nhưng vườn hoa thì không; cảnh đẹp một thời bây giờ đã mất, thay vào đó là sự hoang tàn, lạnh lẽo.</p> <p>→ Sự thăng thốt, tiếng thở dài, tiếc nuối của nhà thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Độc điệu song tiền nhất chỉ thư</i> (Thôn thức bên song mảnh giấy tàn) <p>+ Độc điệu: Gợi sự cô đơn của tác giả, sự ít ỏi của hậu thế trong nỗi niềm thương xót người xưa.</p> <p>+ Nhất chỉ thư: Sự mong manh của kiếp người, sự cô đơn của Tiểu Thanh</p> <p>→ Cái còn lại của nàng Tiểu Thanh chỉ là mảnh giấy tàn, cả cuộc đời tài hoa chỉ còn lại những vần thơ bị đốt dở ⇒ Nguyễn Du đã khóc thương cho Tiểu Thanh, khóc thương cho cái tài hoa bị cuộc đời vùi dập một cách nghiệt ngã.</p> <p>→ Sự cô đơn của người viếng và người được viếng</p> <p>→ Sự thương xót, đồng điệu của hai tâm hồn cô đơn.</p>
Tìm hiểu	Trả lời										
Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì											
Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời?											
Tâm trạng của tác giả trước cảnh?											
Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào?											

Hình ảnh “nhất chỉ thư” gợi cho em suy nghĩ gì về đời người?	
Qua đó em nhận xét gì về tình cảm của nhà thơ dành cho Tiểu Thanh?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động cặp đôi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS trả lời câu hỏi.

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu 2 câu thực

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS tìm hiểu 2 câu thực của bài thơ qua hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn



- Dựa vào phần tìm hiểu nhân vật Tiểu Thanh, hãy cho biết câu 3,4 đã tái hiện cuộc đời Tiểu Thanh như thế nào?

- Hai từ “son phấn” và “văn chương” còn tượng trưng cho điều gì? Từ đó nhà thơ muốn khái quát về kiểu người nào trong xã hội?

- Hãy làm rõ ý nghĩa của những từ “liên tử hậu” (xót xa sau khi chết), “lụy phần dư” (bị đốt dở)

- Từ cuộc đời, số phận của Tiểu Thanh, Nguyễn Du thể hiện thái độ, cảm xúc gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoạt động theo nhóm

2. Hai câu thực:

Son phấn hữu thân liên tử hậu

Văn chương vô mệnh lụy phần dư

(Son phấn có thân chôn vãn hận)

Văn chương không mệnh đốt còn vương).

→ Son phấn là sắc đẹp của Tiểu Thanh, đáng ra phải được nâng niu >< bây giờ bị chôn vùi / Văn chương là tài hoa ở Tiểu Thanh, đáng ra phải được ngưỡng mộ >< bây giờ cũng bị đốt cháy

⇒ Sự vui đập phũ phàng của cuộc đời với tài năng và nhan sắc của người phụ nữ. Điều này không chỉ gợi lòng thương cảm mà còn nói lên sự uất hận.

- Liên tử hậu: Người đẹp chết rồi mà vẫn khiến người đời xót xa, thương tiếc/ Người đẹp chết rồi (cái đẹp bị vùi dập rồi) mà vẫn còn mang trong lòng nỗi xót xa

- Lụy phần dư: Tài năng bị vùi dập; những bài thơ - nơi Tiểu Thanh gửi gắm nỗi uất ức cũng bị đốt sạch, chỉ còn vương sót lại

=> **Dù bị vùi dập nhưng dường như cái tài, cái đẹp vẫn có sức sống mãnh liệt, bất tử (vẫn khiến người khác xót xa, đau bị đốt mà văn chương của nàng vẫn còn vương sót lại)**

=> **Thái độ thương xót Tiểu Thanh, phẫn nộ trước quy luật nghiệt ngã của cuộc đời, sự trân trọng với người tài sắc.**

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS trả lời câu hỏi.

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức

HS: Đánh giá nhóm khác bằng bảng kiểm

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM
TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN
CÁC NHÓM**

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ		
2	Cách thể hiện phong phú, không đơn điệu		

3	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu 2 câu luận**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu học sinh đọc văn bản và trả lời câu hỏi.

- Em hiểu thế nào là “nỗi hờn kim cổ”, “Phong vận kỳ oan”, “thiên nan vãn”?

- Tại sao Nguyễn Du lại nhận mình là người cùng hội cùng thuyền với Tiểu Thanh? Thái độ của nhà thơ thể hiện qua đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoạt động cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS trả lời câu hỏi.

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**3. Hai câu luận:**

Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kỳ oan ngã tự cư

(Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi)

(Cái án phong lưu khách tự mang)

- Nỗi hờn kim cổ: những nỗi uất ức oán hận từ xưa đến nay

- Thiên nan vấn: khó mà hỏi trù được

→ Từ nỗi đau của Tiểu Thanh mà khái quát lên thành “nỗi hờn kim cổ”. Đây là nỗi đau oan trái của cả một lớp người trong xã hội, trong đó có Nguyễn Du.

- Ngã tự cư: tự coi mình cùng hội cùng thuyền...

→ Nhà thơ tự coi mình cũng giống nàng Tiểu Thanh (mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã...), ông viết về Tiểu Thanh cũng chính là viết về mình → sự đồng cảm xúc động và da diết.

⇒ Uất ức, bất lực trước quy luật nghiệt ngã khó lí giải “tài mệnh tương đố”, hồng nhan bạc mệnh

4. Hai câu kết:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

<p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu 2 câu kết</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu học sinh đọc văn bản và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hiểu thế nào là “<i>nỗi hờn kim cổ</i>”, “<i>Phong vận kì oan</i>”, “<i>thiên nan vạn</i>” ? - Tại sao Nguyễn Du lại nhận mình là người cùng hội cùng thuyền với Tiểu Thanh? Thái độ của nhà thơ thể hiện qua đó? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoạt động cá nhân.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>(<i>Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa Người đời ai khóc Tố Như chăng</i>) - “<i>Ba trăm năm lẻ nữa</i>” thời gian ước lệ, chỉ tương lai xa xôi. - “<i>Khóc</i>” thương cảm. “<i>thấu hiểu</i>.” - “<i>Tố Như</i>” (sơ tự trắng) là tên chữ, bút hiệu của Nguyễn Du” tư cách một nhà thơ, một nghệ sĩ, một cái tôi cá nhân” việc xưng danh này hiếm thấy trong Văn học trung đại Việt Nam</p> <p>→ Câu hỏi tu từ, không phải hướng đến Tiểu Thanh mà là hướng về mình: Ba trăm năm sau, ai là người khóc ta như ta đang khóc cho Tiểu Thanh đây? => Kết động tâm sự u hoài: niềm tự thương, tự đau vì cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cô đơn trước cuộc đời -> ý thức cá nhân chính đáng mang tư tưởng nhân văn sâu sắc.</p>
--	---

*** Tổng kết**

- a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “<i>Độc Tiểu Thanh kí</i>”,</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân:</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạch vận động của cảm xúc (tứ thơ): Đọc truyện xót xa, thương tiếc cho nàng Tiểu Thanh tài sắc mà bạc mệnh suy nghĩ, tri âm với số phận những người tài hoa, tài tử tự thương cho số phận tương lai của mình, khao khát tri âm. - Giá trị nhân đạo sâu sắc: + Nguyễn Du xót xa, thương cảm cho Tiểu Thanh- một hồng nhan bạc mệnh, một tài năng thi ca đoản mệnh, cho những kiếp hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng nói chung. + Với cảm hứng tự thương và sự tri âm sâu sắc, ông đã đặt vấn đề: quyền sống của người nghệ sĩ, sự cần thiết phải tôn vinh, trân trọng những người làm nên các giá trị

của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	văn hóa tinh thần. 2. Nghệ thuật: - Ngôn ngữ: trữ tình đậm chất triết lí. - Sử dụng tài tình phép đối và khả năng thống nhất những hình ảnh đối lập trong hình ảnh, ngôn từ.
---------------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Luyện tập củng cố nội dung bài học

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1: Miêu tả cảnh Tây Hồ từ đẹp hóa gò hoang, Nguyễn Du muốn nói lên điều gì?

- A. Cái đẹp bị tàn phá
- B. Sự thay đổi của thời gian
- C. Sự biến thiên của cuộc đời

D. Cả 3 phương án trên

Câu 2: Hình ảnh nào gợi tài sắc của Tiểu Thanh?

A. Hoa uyên

B. Chi phần, văn chương

C. Lụy phần dư

D. Nhất chỉ thư

Câu 3: Vì sao Nguyễn Du thương Tiểu Thanh?

A. Vì Tiểu Thanh nghèo khổ

B. Vì Tiểu Thanh bị áp bức, bóc lột

C. Vì Tiểu Thanh có tài sắc nhưng bất hạnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để vận dụng vào thực tiễn đời sống
- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

b. **Nội dung:** Giáo viên đặt câu hỏi vận dụng

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Nhiệm vụ 1(làm tại lớp): Từ câu chuyện cuộc đời Tiểu Thanh và những kiếp tài sắc bạc mệnh, đa cùng, em suy nghĩ gì về những người phụ nữ tài sắc trong xã hội hiện nay?

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể tên một số người phụ nữ tài sắc trong xã hội hiện nay

- GV yêu cầu HS nêu ý kiến cá nhân.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo bàn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS mỗi bàn cử đại diện trình bày câu trả lời
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, bổ sung cho các nhóm.

Nhiệm vụ 2 (làm ở nhà): Tìm những tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ văn học trung đại thể hiện tiếng nói cảm thương cho người phụ nữ. So sánh tiếng nói nhân đạo của Nguyễn Du trong “Độc Tiểu Thanh kí” với các tác giả ấy?

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể tên một số tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ văn học trung đại thể hiện tiếng nói cảm thương cho người phụ nữ
- GV yêu cầu HS so sánh, thuyết trình.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, bổ sung cho các nhóm

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

STT	Tiêu chí	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Liệt kê các tác phẩm nhưng chưa thật chính xác		
2	Liệt kê đúng các tác phẩm, nhưng chưa so sánh được		
3	Liệt kê đúng các tác phẩm, nhưng so sánh còn sơ sài.		
4	Liệt kê đúng các tác phẩm, so sánh đầy đủ, chính xác		

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
- Chuẩn bị bài tiếp theo

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 62

BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được các hình thức của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học

2. Về năng lực:

2.1. Năng Lực chung:

- **Năng lực tự chủ:** Học sinh nắm được cách thức sử dụng những biện pháp tu từ này phù hợp với mục đích biểu đạt. Từ đó biết tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với nhiệm vụ học tập.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Phân tích mức độ của nhiệm vụ và có sự phân công nhiệm vụ hợp lý.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Học sinh phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó, rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ các hoạt động đọc, viết
- Học sinh biết vận dụng kiến thức về biện pháp lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của các tác giả trong các văn bản đọc.

3. Về phẩm chất:

Có thói quen sử dụng từ ngữ trong giao tiếp đúng mục đích để nâng cao giá trị và hiệu quả nghệ thuật

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Giấy A0, bút dạ, máy chiếu, Mini game

2. **Học liệu:** SGK, KHBD, PHT

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. **Nội dung:** GV trình chiếu Mini Game “ **RUNG CHUÔNG VÀNG**” – Thử tài hiểu biết về các biện pháp tu từ trong Tiếng Việt phân loại theo nhóm cấp độ đơn vị TV: Ngữ âm – Từ vựng – Cụ pháp

c. **Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia Mini game B3. Tổ chức mini game – Thư kí ghi điểm, tổng kết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới – Thực hành TV – <i>Biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối</i>	- HS hiểu về các biện pháp tu từ trong TV - Phân biệt giữa các nhóm Bptt Ngữ âm – Từ vựng – Cú pháp - Bptt lập cấu trúc và đối là Bptt cú pháp

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận diện và hiểu được đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối

b. Nội dung: Tìm hiểu qua ngữ liệu trong SGK và ngữ liệu tham khảo ngoài SGK

c. Sản phẩm: HS chuẩn bị PHT ở nhà và trình bày trên lớp theo nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
NHẬN BIẾT VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: PHT số 1 (HS thực hiện theo yêu cầu trên phiếu học tập số 1 đã chuẩn bị trước ở nhà) B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hoạt động nhóm: - Nhóm 1, 2: HS đọc phần kiến thức nhận biết về biện pháp tu từ lập cấu trúc trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK về phép tu từ này - Nhóm 3,4: HS đọc phần kiến thức nhận biết về biện pháp tu từ đối trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK về phép tu từ này B3. Báo cáo thảo luận - HS báo cáo theo nhóm (đại diện nhóm trình bày) - GV quan sát, hỗ trợ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các nhóm, củng cố và chốt kiến thức cần nắm	1. Biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp - Là biện pháp lặp đi lặp lại một cấu trúc cú pháp, trong đó có lấy đi lấy lại một số từ ngữ nhất định và cùng diễn đạt một nội dung chủ đề - Biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp là cách vận dụng sáng tạo những quy tắc kết hợp các thành phần trong câu và cách sắp xếp đặt câu nhằm biểu đạt tư tưởng, nhận thức, tình cảm có hiệu quả cao hơn, lời văn hay hơn đẹp hơn. <i>*Ví dụ 1 : - Quân đội ta chung với nước, hiếu với dân; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. (HCM)</i> <i>* Ví dụ 2: - Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ Người khôn người đến chốn lao xao (Nguyễn Bình Khiêm, Nhàn)</i> => Biện pháp tu từ lập cấu trúc được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, nhất là trong thơ . Biện pháp tu từ này tạo nên ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của đoạn thơ, đoạn văn và làm nổi bật nội dung mà tác giả muốn nhấn mạnh. Phép lập cú pháp thường có sự phối hợp với phép điệp từ và phép đối 2. Biện pháp tu từ đối - Là cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các thành phần câu, vế câu song song, cân đối trong lời nói nhằm tạo hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, gợi liên tưởng, gợi

	<p>hình ảnh sinh động, tạo nhịp điệu cho lời nói</p> <p>- Biện pháp tu từ đối được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, có tác dụng tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn</p> <p>*Ví dụ 1 : - Đối trong một cụm từ hoặc đối giữa 2 vế câu hoặc đối trong một cặp câu – SGK tr21</p> <p>*Ví dụ 2: <i>Son phần có thân chôn vãn hận</i> <i>Văn chương vô mệnh đót còn vương</i> ĐTTK – Nguyễn Du</p> <p>=> Đối tương hỗ, bổ sung ý cho nhau</p>
--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:

NHIỆM VỤ	NỘI DUNG TÌM HIỂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	TRÌNH BÀY SẢN PHẨM TRÊN LỚP
1.	HS đọc phần kiến thức nhận biết tác dụng về biện pháp tu từ lập cấu trúc trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK và nhận xét về đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ này	HS nhận biết và tìm hiểu, nhận xét	
2.	HS đọc phần kiến thức nhận biết tác dụng về biện pháp tu từ đối trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK và nhận xét về đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ này	HS nhận biết và tìm hiểu, nhận xét	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH

a. Mục tiêu: Nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ Lập cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối

b. Nội dung: Thực hành luyện tập Bài tập 1, 2 – SGK tr 20, 21

c. Sản phẩm: HS làm việc độc lập

d. Tổ chức thực hiện:

3.1. NHẬN BIẾT VÀ PHÂN TÍCH TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC CÚ PHÁP

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu trong SGK – BT 1 tr20</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xác định biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp và phân tích tác dụng</p> <p>B3. Báo cáo kết quả: Gọi cá nhân hs trình bày – HS khác nhận xét bài của bạn; GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, củng cố và chốt kiến thức cần</p>	<p>BT 1a. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ</p>

<p>nắm</p> <p>* BT1a. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ:</p> <p><i>Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?</i></p> <p><i>Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác, biết là về đâu? Buồn trông nội cỏ rầu rầu, Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.</i></p> <p><i>Buồn trông gió cuốn mặt duềnh Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi</i></p> <p>* BT1b. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ:</p> <p><i>Khi tỉnh rượu lúc tàn canh, Nghĩ mình mình lại thương mình xót xa</i></p> <p><i>Khi sao phong gấm rủ là, Giờ sao tan tác như hoa giữa đường. Mặt sao dày gió dạn sương, Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?</i></p> <p>*BT1c. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ:</p> <p><i>Đã cho lầy chữ hồng nhan Làm cho cho hại cho tàn cho cân! Đã dày vào kiếp phong trần, Sao cho sỉ nhục một lần mủi thôi</i></p>	<p>⇒ Cấu trúc được lặp lại trong các cụm từ “<i>Buồn trông</i>” và các dòng 6 tiếng</p> <p>⇒ Tác dụng: Nhấn mạnh nỗi buồn triền miên, chồng chất trong tâm hồn nhân vật trữ tình và bao trùm cả đất trời, sông nước, ngoài về chiều nào của không gian cũng chỉ thấy mênh mông, hoang vắng, ảm đạm, u buồn...</p> <p>BT 1b. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc ở các cụm từ: <i>Khi/ Khi sao/ Giờ sao/ Thân sao</i> => Tác dụng: Nhấn mạnh sự tương phản giữa quá khứ êm đềm, hạnh phúc và hiện tại phũ phàng, nghiệt ngã ; đồng thời thể hiện cảm giác bàng hoàng, đau đớn, nhục nhã của Thúy Kiều khi rơi vào lầu xanh lần thứ 2</p> <p>BT 1c. Phép lặp cấu trúc ở các cụm từ: <i>cho hại/ cho tàn/ cho cân</i> và lặp cấu trúc ở các câu 6 tiếng => Tác dụng: tạo nhịp điệu, giọng điệu day dứt, day nguyền; thể hiện nỗi cay đắng, sự bất bình, phẫn uất trước số phận oan trái, chồng chất đau khổ, bất hạnh của Thúy Kiều và trước thân phận con người</p>
--	--

3.2. NHẬN BIẾT VÀ PHÂN TÍCH TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu trong SGK – BT 2 tr20, 21</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ trích <i>Truyện Kiều</i>, bản in trong <i>Đào Duy Anh, Từ điển Truyện Kiều</i>, tr 637, 657, 689</p>	<p>*BT 2a. HS xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong đoạn thơ</p> <p>- Đối trong một cụm từ hoặc một vế câu: <i>Xuân lan thu cúc mận mà cả hai; Người quốc sắc, kẻ thiên tài/ Tình trong như đã mặt ngoài còn e; Rón ngòi chẳng tiện dứt về chĩnh khôn; Khách đà lên ngựa người còn ghé theo</i></p> <p>- Đối trong một cặp câu: <i>Dưới dòng nước chảy</i></p>

<p>B3. Báo cáo kết quả: Gọi cá nhân hs trình bày – HS khác nhận xét bài của bạn; GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, củng cố và chốt kiến thức cần nắm</p> <p>*BT 2a. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Bóng hồng nhác thấy nẻo xa, Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai. Người quốc sắc, kẻ thiên tài, Tình trong như đã mặt ngoài còn e. Chập chờn cơn tỉnh cơn mê, Rón ngời chẳng tiện, dứt về chín khôn.</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Bóng tà như giục cơn buồn, Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Dưới cầu nước chảy trong veo, Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.</i></p> <p>*BT 2b. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Một mình nương ngọn đèn khuya, Áo dầm giọt lệ tóc se mái sầu: “Phận dầu dầu vậy cũng dầu, Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời! Công trình kể biết mấy mươi, Vì ta khăng khít cho người dở dang.”</i></p> <p>*BT 2c. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Người về chiếc bóng năm canh, Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi. Vàng trắng ai xẻ làm đôi, Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!</i></p>	<p><i>trong veo/ Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha</i> => Phân tích tác dụng: + Câu “<i>Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai</i>” ca ngợi vẻ đẹp của cả hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân. Mỗi người một vẻ nhưng đều có một cốt cách thanh nhã, kiêu diễm + Các câu “<i>Người quốc sắc kẻ thiên tài/ Tình trong như đã mặt ngoài còn e</i>”: nhấn mạnh sự tương xứng và miêu tả khoảnh khắc tình yêu chớm nở giữa Thúy Kiều và Kim Trọng + Các câu: “<i>Rón ngời chẳng tiện dứt về chín khôn; Khách đà lên ngựa người còn ghé theo</i>”: diễn tả tâm trạng bối rối, lưu luyến khi phải chia tay + Cặp câu: “<i>Dưới dòng nước chảy trong veo,/ Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha</i>” diễn tả vẻ đẹp hài hòa, hữu tình của cảnh sắc thiên nhiên như đồng cảm với tình yêu của cặp tài tử giai nhân TK – KT</p> <p>*BT 2b. HS xác định và phân tích tác dụng biện pháp tu từ đối ở các câu: “<i>Áo dầm giọt lệ, tóc se mái sầu</i>” “<i>Vì ta khăng khít cho người dở dang</i>”... => Phân tích tác dụng: Nhấn mạnh nỗi đau khổ, day dứt, mặc cảm, có lỗi của Thúy Kiều khi nghĩ về Kim Trọng và mối tình dang dở</p> <p>*BT 2c. HS xác định và phân tích tác dụng biện pháp tu từ đối trong cặp câu: “<i>Người về chiếc bóng năm canh/ Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi</i>” => đối trong vế câu: “<i>Nửa in gối chiếc/ nửa soi dặm trường</i>” => Phân tích tác dụng: Nhấn mạnh sự tương đồng trong tâm trạng cô đơn, lưu luyến, nhớ nhung, khắc khoải của Thúc Sinh và Thúy Kiều khi phải xa cách, chia li</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng mở rộng kiến thức về các biện pháp tu từ cú pháp; Mối quan hệ giữa BPTT lập cú pháp và đối

b. Nội dung tìm hiểu: Vì sao trong câu đối, phép lật cú pháp (phối hợp với phép đối) được sử dụng thường xuyên và phát huy được tác dụng thẩm mỹ? Hãy làm sáng tỏ điều đó qua những câu đối sau:

*Thiếp từ thuở lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc con đen, điều đại điều khôn, nhờ bố đỏ,
Chàng ở dưới suối vàng nghĩ lại, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh.*

(Nguyễn Khuyến – *Khóc chồng*)

c. Sản phẩm: - Chia lớp thành 4 nhóm - Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.

Gợi ý:

- Trong câu đối, phép lật cú pháp được sử dụng thường xuyên cùng với phép đối. Điều đó là do trong câu đối, không phải chỉ có sự đối chọi về từ, về tiếng mà còn có cả sự đối chọi về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp giữa các vế: Các vế đối phải được tổ chức theo cùng một kiểu câu, có các thành phần ngữ pháp giống nhau

- Đối câu đối của Nguyễn Khuyến không chỉ có sự đối chọi của các từ ngữ chỉ màu sắc, mà còn tương xứng về kết cấu ngữ pháp: C – trạng ngữ - hai bổ ngữ chỉ hoàn cảnh – hai đề ngữ - V

d. Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng

HS: Hết thời gian 5 phút, học sinh trình bày sản phẩm trên bảng phụ.

GV nhận xét chốt kiến thức cần nắm, cho điểm, khen thưởng

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Chuẩn bị bài học tiếp theo

- Soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.

Tiết

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**I. MỤC TIÊU CHUNG****1. Kiến thức:**

- HS nắm được các yêu cầu và cách thức viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học. HS nhận biết những yêu cầu của kiểu bài thuyết minh về 1 tác phẩm (có lồng ghép một hay nhiều yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận)
- HS biết cách giới thiệu 1 tác phẩm văn học bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các tri thức văn học để thuyết minh theo các bước được hướng dẫn.

2. Năng lực**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp; làm việc cặp đôi/nhóm);
- Năng lực tự chủ và tự học (chuẩn bị bài ở nhà, chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phản biện khoa học)

2.1. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

3. Về phẩm chất:

- Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu Projector.
2. Học liệu: SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, Thiết kế bài học (một số tài liệu đọc trên internet).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định tổ chức:**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****1.1. Mục tiêu**

- Tạo cho học sinh tâm lý tiếp nhận chủ động, tích cực qua việc làm quen với một số tác phẩm văn học. Từ đó, có nhu cầu giới thiệu tri thức về tác phẩm văn học đó.

1.2. Nội dung

- Học sinh nhận diện được nội dung qua một số tác phẩm văn học

1.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

1.4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên trình chiếu một số tác phẩm văn học Yêu cầu học sinh nhận diện và chia sẻ hiểu biết của bản thân: Truyện Kiều(Nguyễn Du), Chiếu lược ngà(Nguyễn Quang Sáng)....</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và chia sẻ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.</p> <p><i>Giáo viên dẫn vào bài mới: Nếu cô là một người nước ngoài đến VN du học thì những thông tin vừa rồi của các em quả thực rất bổ ích và lí thú với cô. Đó cũng là hiệu quả lớn nhất của văn bản thuyết minh mang đến cho chúng ta. Đây là kiểu văn bản phổ biến rộng rãi, đáp ứng nhu cầu hiểu biết trong mọi lĩnh vực đời sống. Kiểu VB này gắn liền với tư duy khoa học với mục đích giúp ng đọc, nghe hiểu rõ hơn về đối tượng cần thuyết minh. Các tri thức trong Vb thuyết minh không chỉ chính xác, khách quan mà còn cần được trình bày hấp dẫn, phong phú. Nếu ở kì 1, các em đã biết trọng tâm của kiểu bài nghị luận là nêu quan điểm, bàn luận và thuyết phục; thì trọng tâm của kiểu bài thuyết minh là cung cấp thông tin. Vậy khi thuyết minh về 1 tác phẩm văn học chúng ta cần giới thiệu những thông tin nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời cho các em câu hỏi đó.</i></p>	Hs lắng nghe và cung cấp thông tin về tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS thấy được yêu cầu cơ bản khi thuyết minh về 1 tác phẩm văn học. Từ đó, giúp HS có kỹ năng xử lý các đối tượng thuyết minh khác nhau.

b. Nội dung: Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu thuyết minh về 1 tác phẩm văn học

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để</p>	<p>I. Yêu cầu của kiểu bài:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh(Tác giả, nhan đề, đánh giá chung. 2. Giới thiệu khái quát về tác giả 3. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đặc điểm

<p>HS phát hiện vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu cầu quan trọng nhất của kiểu bài thuyết minh về 1 tác phẩm VH là gì?</i> - <i>Điều gì làm nên giá trị và sức hấp dẫn của 1 bài thuyết minh?</i> - <i>Em phải chuẩn bị những gì để viết tốt kiểu bài này?</i> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. <p>Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo</p> <p>Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. <p>- GV chốt vấn đề</p> <p><u>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu và phân tích ngữ liệu</u></p> <p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS có thể nhận diện được các bước triển khai văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học. - Phát hiện ý, xử lý tốt hệ thống câu hỏi trong ngữ liệu. <p>b. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nội dung vấn đề, các luận điểm cơ bản và cách triển khai các ý của bài thuyết minh. <p>c. Sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả làm việc cá nhân của học sinh. <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. - Cho HS đọc ngữ liệu. Gọi các đại diện nhóm trình bày. - Nhóm 1+2: Anh/ chị hãy cho biết nội dung cơ bản của tác phẩm văn học được 	<p>thể loại, tóm tắt được nội dung tác phẩm</p> <p>4. Đánh giá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>5. Đánh giá vị trí, đóng góp của tác phẩm với đời sống văn học.</p> <p>6. Có thể lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận; nhưng cần đảm bảo giữ được đặc trưng thể loại của văn bản thuyết minh(không đề lẫn với văn bản nghị luận)</p> <p>II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo</p> <p>Truyện Kiều – kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du</p> <p>1. Nội dung của bài văn thuyết minh về “Truyện Kiều –kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: Giới thiệu chung về tác phẩm - Đoạn 2: Giới thiệu khái quát về tác giả: năm sinh – mất; quê quán; hoàn cảnh xuất thân; thời đại; đóng góp... - Đoạn 3: Hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt nội dung tác phẩm(bố cục, kết cấu...); đan xen nhiều yếu tố tự sự, miêu tả. - Đoạn 4: Nêu giá trị tư tưởng của tác phẩm - Đoạn 5: Nêu giá trị tư tưởng của tác phẩm: văn tự, ngôn ngữ, xây dựng nhân vật, tình huống, các bptt, bút pháp...(theo đặc điểm của truyện và thơ đã học ở lớp 10 được cung cấp) - Đoạn 6: Khẳng định vị trí của tác phẩm trong nền văn học dân tộc. <p>2. Sự kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận trong bài viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự sự: kể chuyện Kiều sang nhà Kim, thê nguyên, đính ước, lưu lạc...
---	---

thuyết minh? Xác định trọng tâm của bài viết? (bài viết có những ý lớn nào?)

- **Nhóm 3+4:** Ngoài thuyết minh, tác giả bài viết còn sử dụng kết hợp các yếu tố khác? Đó là những yếu tố nào? Chỉ ra và nêu tác dụng?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: Yêu cầu đại diện nhóm phát biểu.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc nhóm, viết ra giấy nháp, đại diện nhóm phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).

- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

Giáo viên chốt vấn đề:

Nhiệm vụ 3: Thực hành viết

a. Mục tiêu:

- Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành.

- Rèn kỹ năng viết.

b. Nội dung

- Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học đã học ở chương trình ngữ văn 10

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS đọc kỹ phần **thực hành viết** trong SGK, nêu các vấn đề còn thắc mắc để thảo luận nhóm; giải đáp những nội dung HS chưa hiểu rõ. Nắm vững quy trình viết (3 bước: chuẩn bị viết, tìm ý và lập dàn ý; viết, chỉnh sửa, hoàn thiện)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân

- Giáo viên: Yêu cầu cá nhân phát biểu.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

- **Biểu cảm:** các từ cảm thán: Kim đau đớn, kiên trì, thiết tha...

- **Miêu tả:** Kim hào hoa phong nhã, Kiều tài sắc vẹn toàn...

⇒ Khiến bài thuyết minh trở nên hấp dẫn, phong phú hơn.

III. Thực hành viết

1. **Đề bài:** Viết bài văn thuyết minh về tác phẩm “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử (Sgk Ngữ văn 10 tập 1)

2. **Phương pháp:** Gv hướng dẫn học sinh thực hành từng bước:

- Chuẩn bị viết: HS chọn văn bản đã học trong chương trình ngữ văn 10 để luyện tập

- Tìm ý và lập dàn ý: Dựa vào các câu hỏi trong Sgk gợi ý, bài viết tham khảo để lập dàn ý theo phiếu học tập (phiếu tìm ý, mẫu phiếu đính kèm cuối trang cùng rubrics đánh giá)

- Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện: Viết tại nhà.

3. Dàn ý chi tiết:

Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (Vì sao chọn tác phẩm “Mùa xuân chín”? VD; “Mùa xuân chín” là bài thơ tiêu biểu góp phần làm nên tên tuổi của nhà thơ Hàn Mặc Tử)

Thân bài:

- **Giới thiệu về tác giả Hàn Mặc Tử** (quê quán, bút danh, sự nghiệp, đặc điểm thơ...): Hàn Mặc Tử làm thơ từ rất sớm (14, 15 tuổi) với nhiều bút danh khác nhau như Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh... Ban đầu Hàn Mặc Tử sáng tác theo thơ cổ điển Đường luật, sau đó chuyển sang sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn. Cuộc đời Hàn thật ngắn ngủi và chịu nhiều đau thương, nhưng với khả năng sáng tạo và nghị lực phi thường, ông đã để lại cho thế hệ sau nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao.

Học sinh làm việc cá nhân, viết ra giấy nháp, hoàn thiện phiếu tìm ý phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).
- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

Giáo viên chốt vấn đề:

Chú ý:

- **Ở luận điểm 2 phần thân bài:** Nếu tác phẩm là thơ cần giới thiệu đề tài, cảm hứng chủ đạo, bố cục; nếu là truyện cần tóm tắt được nội dung truyện.
- **Ở luận điểm 3:** Nếu tác phẩm là thơ cần chú ý nghệ thuật trữ tình, ngôn ngữ, các bptt, giọng điệu, nhịp, vần; nếu là truyện cần chú ý nghệ thuật xây dựng tình huống, nhân vật, cốt truyện, ngôi kể, nghệ thuật kể...

Qua diện mạo hết sức phức tạp và đầy bí ẩn của thơ Hàn Mặc Tử, người ta vẫn thấy rõ một tình yêu đến đau đớn hướng về cuộc đời trần thế.

- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác và thể loại của tác phẩm:

Cuối năm 1936, đầu năm 1937 là cái mốc giúp hậu thế nắm bắt một số sự kiện liên quan tác giả Mùa xuân chín. Ấy là giai đoạn Hàn thôi làm báo tại Sài Gòn, trở về Bình Định với gia đình và vừa in Gái quê – thi tập duy nhất được ấn hành lúc Hàn còn tại thế. Bài thơ được viết theo thể thơ 7 chữ, chia làm 4 khổ. Bài thơ là bức tranh cảnh đẹp mùa xuân trong con mắt một thi sĩ yêu đời. Bên cạnh đó còn là tâm trạng hào hứng, bồn chồn của người con gái sắp lấy chồng và tâm trạng băng khuâng, nhung nhớ của nhân vật trữ tình khi nhắc thấy cảnh cũ người xưa.

- Giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm:

+ Giá trị nội dung: Bài thơ vẽ ra khung cảnh mùa xuân tươi mới, đẹp đẽ, tràn đầy sức sống nơi nông thôn dân dã của làng quê Việt Nam. Qua đó thể hiện niềm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống của thi nhân, gửi gắm niềm yêu thương và hy vọng vào một cuộc sống tốt đẹp.

+ Giá trị nghệ thuật:

- Ngôn từ giản dị, mộc mạc, dễ hiểu
- Hình ảnh thơ gần gũi, thân thuộc
- Giọng thơ tự nhiên, thủ thỉ, tâm tình

+ có thể sử dụng đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận tại nội luận điểm này

Kết bài: Khẳng định đóng góp của tác phẩm với tác giả, với đời sống văn học hoặc văn hóa của đất nước và thế giới: Bức tranh xuân ấy xứng đáng là một đóng góp của Hàn Mặc Tử đối với mạch thơ xuân, là tiếng thơ chan chứa tình yêu với cuộc đời trần thế của con người đoan mệnh trong cuộc sống mà trường tồn trong thi ca.

4. Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để tìm các lỗi cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện bài viết. Có

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**3.1. Mục tiêu:** làm bài tập củng cố kiến thức**3.2. Nội dung:**

- Hs nhắc lại các bước để viết bài văn thuyết minh về 1 tác phẩm văn học?
- Triển khai lập dàn ý với đề bài: thuyết minh về 1 tác phẩm em đã học(trừ những tác phẩm đã làm ngữ liệu)

3.3. Sản phẩm: Hs hoàn thành các bài tập**3.4. Tổ chức thực hiện**

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ Viết văn bản thuyết minh về truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” của Thạch Lam - Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo - Đại diện HS lên bảng chữa bài. - Các học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức	Hướng dẫn 1. Phương pháp: Thực hiện các bước: chuẩn bị viết; tìm ý và lập dàn ý; viết, chỉnh sửa, hoàn thiện 2. Tìm ý: - Vì sao em thích truyện ngắn này? - Truyện và tác giả Thạch Lam có vị trí như thế nào trong nền VHVN? - Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh nào? Thể loại? Tóm tắt nội dung truyện? - Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của truyện? Ý nghĩa? - Đóng góp của truyện với tác giả, dòng văn học...? 3. Lập dàn ý 4. Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện (tại nhà)

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**4.1. Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.**4.2. Nội dung:** Hs sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập về nhà?

Viết bài văn thuyết minh về truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan”

4.3. Sản phẩm: HS làm bài tập về nhà – viết bài văn.**4.4. Tổ chức thực hiện:** Làm bài tập vận dụng**PHIẾU TÌM Ý**

Các ý cần tìm	Nội dung cần đạt
- Vì sao em thích tác phẩm này? - Tác phẩm và tác giả có vị trí như thế nào trong nền VH? - Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh nào? Thể loại? Tóm tắt nội dung? - Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật	

của tác phẩm? Ý nghĩa? - Đóng góp của tác phẩm với tác giả, dòng văn học...?	
--	--

RUBIC ĐÁNH GIÁ

	Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được tác giả, tác phẩm cần thuyết minh		
Thân bài	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vị trí của tác phẩm, tác giả trong nền văn học - Giới thiệu thể loại, hoàn cảnh ra đời, tóm tắt nội dung, bố cục... của tác phẩm - Giới thiệu nội dung trọng tâm và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm; nêu ý nghĩa 		
Kết bài	Đóng góp của tác phẩm với tác giả, với dòng văn học, với đời sống xã hội, với thế giới...		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt rõ ràng, đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu - Văn phong, giọng điệu được lựa chọn phù hợp với mục đích, yêu cầu của đối tượng cần thuyết minh - Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm đảm bảo mạch lạc cho bài viết. - Sử dụng kết hợp các yếu tố: tự sự, miêu tả, biểu cảm khi thuyết minh. 		

TRẢ BÀI**HOẠT ĐỘNG 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**

- Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài đã viết và chấm.
- Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học và bài viết để nhận ra những thiếu sót, hạn chế trong bài viết của mình so với yêu cầu của bài.
- Sản phẩm:** HS làm lại hoặc chỉnh sửa và hoàn thiện.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên cho hs nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài thuyết minh về một tác phẩm văn học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo - Đại diện HS lên bảng chữa bài. - Các học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức	1. Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh(Tác giả, nhan đề, đánh giá chung. 2. Giới thiệu khái quát về tác giả 3. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt được nội dung tác phẩm 4. Đánh giá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. 5. Đánh giá vị trí, đóng góp của tác phẩm với đời sống văn học. Có thể lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận; nhưng cần đảm bảo giữ được đặc trưng thể loại của văn bản thuyết minh(không để lẫn với văn bản nghị luận)

HOẠT ĐỘNG 2: Nhận xét về kết quả viết và yêu cầu hs chỉnh sửa bài viết

1. Mục tiêu: Học sinh nhận ra những hạn chế thông qua bài đã viết và chấm.

2. Nội dung: hs chỉnh sửa hoàn thiện bài viết

3. Sản phẩm: HS làm lại hoặc chỉnh sửa và hoàn thiện.

4. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv nhận xét chung về ưu điểm, hạn chế cần khắc phục trong bài viết của Hs</p> <p>Gv trả bài cho HS hướng dẫn các em đối chiếu bài viết với yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Làm việc cá nhân.</p> <p>- Giáo viên: Yêu cầu học sinh đọc lại bài, những chỗ gv phê, khoanh đỏ...</p> <p>Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo</p> <p>- HS có thể trao đổi bài và nhận xét, góp ý cho nhau. Căn cứ vào nhận xét của Gv chấm để chỉnh sửa</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh</p> <p>GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức</p>	<p>1. Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh(Tác giả, nhan đề, đánh giá chung.</p> <p>2. Giới thiệu khái quát về tác giả</p> <p>3. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt được nội dung tác phẩm</p> <p>4. Đánh giá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>5. Đánh giá vị trí, đóng góp của tác phẩm với đời sống văn học.</p> <p>6. Có thể lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận; nhưng cần đảm bảo giữ được đặc trưng thể loại của văn bản thuyết minh(không để lẫn với văn bản nghị luận)</p>

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Tồn tại, hạn chế	Chỉnh sửa bài viết
Mở bài	
Thân bài	
Kết bài	

NÓI VÀ NGHE

Tiết ...

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

-HS nhận biết được những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài giới thiệu về một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.

- HS nắm được những nét chính của một tác phẩm văn học như: đề tài, chủ đề, những giá trị nội dung và nghệ thuật chính, ý nghĩa và vai trò của tác phẩm trong đời sống văn học và đời sống xã hội, ...

2. Về năng lực:

- Rèn luyện năng lực tự học, tự tìm tòi nghiên cứu về một tác phẩm văn học.

- Vận dụng năng lực sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết vào hoạt động nói cụ thể

- Năng lực cảm thụ, đánh giá về một tác phẩm văn học theo ý kiến cá nhân.

- Năng lực phân tích, phản biện ý kiến, quan điểm của người khác.

3. Về phẩm chất: HS biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu/ti vi, bảng phụ, tranh ảnh, máy ghi âm, ghi hình,...

2. Học liệu: SGK, SGV, Ấn phẩm tác phẩm văn học, kho học liệu số,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong giờ

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hào hứng cho HS và dẫn dắt vào tiết học mới.

b. Nội dung: HS theo dõi một đoạn video về một hoạt động tiếp nhận văn học và nêu nhận xét về vai trò của hoạt động đó.

c. Sản phẩm: HS nêu được vai trò của việc giới thiệu một tác phẩm văn học

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS theo dõi đoạn video và nêu nhận xét về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu 1: video giới thiệu tác phẩm gì? Lí do nào tác giả muốn giới thiệu tác phẩm văn học này? - Câu 2: Người viết đã cho biết những thông tin gì về tác phẩm? - Câu 3: Người nói sử dụng kết hợp các phương tiện trình bày nào? - Câu 4: Phần giới thiệu đã tác động tới tâm lí tiếp nhận của người nghe như thế nào? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi video, ghi chép nhanh thông tin nắm được</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày ý kiến cá nhân</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá phần trả lời của HS, nhận định</p> <p><i>Thế giới văn học bao la và diệu kì luôn có sức hấp dẫn với mỗi người mỗi khác. Thông qua chia sẻ cùng nhau, chúng ta được tiếp nhận nhiều hơn những giá trị của tác phẩm văn học, bồi dưỡng niềm say mê với việc đọc đồng thời trau dồi kĩ năng sử dụng ngôn từ linh hoạt. Điều đó đòi hỏi sự công phu và kiên trì rèn luyện của mỗi người đọc.</i></p>	<p>Câu 1: video giới thiệu tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh Lí do: là cuốn sách gây nhiều ấn tượng và cảm xúc với người viết.</p> <p>Câu 2: Người viết cung cấp các thông tin về tiểu sử, sự nghiệp tác giả Bảo Ninh; sơ lược nội dung câu chuyện; Những giá trị tư tưởng của tác phẩm và vài nét về nghệ thuật viết truyện của Bảo Ninh.</p> <p>Câu 3: Phương tiện ngôn ngữ kết hợp hình ảnh, video minh họa -> sinh động, hấp dẫn</p> <p>Câu 4: Bài giới thiệu giúp khơi gợi hứng thú cho người nghe tìm tới tác phẩm hoàn chỉnh để thưởng thức.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (Chuẩn bị nói và nghe)

a. Mục tiêu: HS chuẩn bị tư liệu, dự kiến được các nội dung thành phần trong bài giới thiệu và hình thức trình bày

b. Nội dung: Xác định đề tài, tên tác phẩm sẽ giới thiệu; Tìm ý và sắp xếp các ý trong bài nói; các phương tiện hỗ trợ minh họa cho bài nói.

c. Sản phẩm: Bài giới thiệu một tác phẩm văn học của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 1 để chuẩn bị nội dung bài nói. – GV hướng dẫn: <i>Nếu sử dụng lại kết quả của bài viết thì đề tài bài nói đã được xác định (nói về cùng một tác phẩm và vấn đề nổi bật của tác phẩm ấy). Trên cơ sở bài viết đã được chỉnh sửa, hãy thu gọn hệ thống luận điểm, dẫn chứng thành một đề cương, chỉ chọn giữ lại những luận điểm và dẫn chứng quan trọng.</i></p> <p>-GV giới hạn thời gian cho mỗi phần giới thiệu (tối đa 10 phút)</p> <p>- GV hướng dẫn HS tâm thế nghe: lắng nghe, ghi chú những nội dung cần trao đổi</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS lựa chọn tác phẩm và tìm hiểu, lên dàn ý nội dung bài giới thiệu</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS thống nhất những nội dung sẽ trình bày, phương án trình bày</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét nhanh định hướng, phương án trình bày của HS</p>	<p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> <p>1. Lựa chọn đề tài, tác phẩm: lựa chọn linh hoạt nhưng nên là những tác phẩm có giá trị.</p> <p>2. Dàn ý bài giới thiệu:</p> <p>+ Phần mở đầu: Giới thiệu tác phẩm và lí do lựa chọn tác phẩm</p> <p>+ Phần nội dung:</p> <p>- Giới thiệu đôi nét về tác giả: tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật</p> <p>- Tóm lược nội dung tác phẩm: bố cục, nội dung chính</p> <p>- Đánh giá những giá trị nổi bật về Nội dung, Nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>- Trình bày khía cạnh tâm đắc nhất của bản thân về tác phẩm.</p> <p>+P hần kết thúc: đánh giá sức hấp dẫn của tác phẩm, bài học cá nhân rút ra từ tác phẩm.</p> <p>3. Chuẩn bị nghe</p> <p>Hs nghe tìm hiểu về đề tài được nói tới.</p>

Phiếu học tập số 1:

Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định phương diện tâm đắc (một khía cạnh)	

	1. Mở đầu: Lí do lựa chọn tác phẩm 2. Phần nội dung - Tác giả - Tóm lược tác phẩm - Giá trị nội dung - Giá trị nghệ thuật - Quan điểm cá nhân 3. Phần kết		
--	--	--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành nói và nghe)

a. Mục tiêu: HS biết trình bày về một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân

HS biết lắng nghe, nắm bắt được nội dung trình bày; nhận xét được nội dung và hình thức bài trình bày

HS biết thảo luận trên tinh thần chia sẻ, xây dựng

b. Nội dung:

HS giới thiệu về đề tài, tóm tắt nội dung, nêu những giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm; nêu ấn tượng sâu sắc của bản thân.

HS nghe bài giới thiệu của bạn, ghi chép nhanh những nội dung hứng thú, những nội dung chưa rõ, câu hỏi trao đổi.

HS trao đổi những nội dung, hình thức của bài nói, đưa ý kiến cá nhân đánh giá về bài nói hoặc chia sẻ thông tin về tác phẩm được nói.

c. Sản phẩm: Phần trình bày trực tiếp giới thiệu một tác phẩm văn học của học sinh và nội dung trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>*Nội dung 1: Thực hành nói và nghe</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu các thành viên lên trình bày bài giới thiệu tác phẩm mình lựa chọn, mỗi bài tối đa 10 phút GV yêu cầu HS còn lại lắng nghe và ghi chú nhanh thông tin tiếp nhận được từ bài giới thiệu của bạn.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS lên trình bày bài giới thiệu về tác phẩm theo lựa chọn cá nhân. HS lắng nghe và ghi chú</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận HS trình bày bài nói</p>	<p>Đề cương minh họa: Giới thiệu tác phẩm <i>Dưới bóng hoàng lan</i> của Thạch Lam</p> <p>Phần mở đầu - Đề tài quê hương, gia đình là nguồn cảm hứng trong trẻo, dạt dào cho những cây bút xưa nay. - Giữa những trang văn ảm đạm, đen tối của văn học hiện thực 1930 – 1945, văn Thạch Lam xuất hiện như một dòng nước mát, ngọn gió nhẹ nhàng thanh lọc tâm hồn con người, gieo tin yêu vào cuộc sống. Dưới bóng hoàng lan là một thanh âm dịu dàng như thế</p> <p>Phần nội dung - Thạch Lam cây bút văn xuôi lãng mạn tiêu biểu của văn học 1930 – 1945, các sáng tác của ông tập trung đi sâu khai thác vào cuộc sống đời thường, bình dị của tầng lớp thị dân nghèo. Với những tác phẩm thường “truyện không có truyện” nhưng lại để lại những dư âm sâu sắc trong lòng người đọc về vẻ đẹp cuộc sống, tâm hồn con người. Văn phong Thạch Lam giản dị, trong sáng mà sâu</p>

<p>HS nghe và ghi chép</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét về bài giới thiệu và phần thảo luận của HS</p>	<p>sắc.</p> <p>- Câu chuyện kể về Thanh – một chàng trai mồ côi cha mẹ, sống cùng bà. Chàng lên tỉnh đi làm rồi hằng năm có dịp nghỉ phép sẽ về thăm quê. Lần trở về lần này đã cách kỉ nghỉ trước 2 năm, vì vậy Thanh mang trong mình nỗi nhớ nhà, nhớ quê da diết. Dù xa nhà 2 năm nhưng khi trở về, chàng cảm thấy bình yên và quen thuộc đến lạ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ. Trong cảnh bình yên và thông thả của chốn xưa, một hình ảnh tươi mát hiện lên. Khu vườn xưa hiện lên trước mắt anh chàng với con đường Bát Tràng rêu phủ với những vòm ánh sáng lọt qua vòm cây với bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà với cả một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh gặp lại Nga, cô bé hàng xóm nay đã thành thiếu nữ xinh xắn, cùng hái hoa và ăn bữa cơm ấm áp với bà khiến tâm hồn anh xốn xang. Truyện khép lại bằng hình ảnh Thanh từ biệt bà trở lại tỉnh, trong lòng tin tưởng rằng Nga vẫn sẽ chờ anh về</p> <p>- Câu chuyện cho ta đồng cảm với những cảm xúc của Thanh. Có thể nói, dù lên tỉnh làm việc nhưng cuộc sống chốn phồn hoa đô thị không khiến chàng trai ấy thay tính đổi nết. Vẫn là một con người hiền lành, trân quý những điều giản dị và yêu thương mái ấm gia đình mình dù còn nghèo khó. Hơn hết, Thanh rất yêu và hiếu thảo với bà của mình. Với bà, Thanh vẫn như một chàng trai bé bỏng, để bà săn sóc, vỗ về. Ở quê hương, dưới bóng hoàng lan, Thanh còn có một mối tình trong sáng, đơn sơ, giản dị với Nga – cô gái hàng xóm. Tình cảm ấy được vun đắp từ những kỉ niệm ấu thơ, trước vẻ đẹp thuần khiết, e ấp của Nga khi gặp lại khiến Thanh thấy vừa thân thương vừa ngọt ngào.</p> <p>- Hình ảnh người bà trong truyện ngắn hiện lên mang theo bóng hình người phụ nữ Việt Nam. Bà mang nét đẹp hiền từ, một tấm lòng tần tảo, hi sinh, vị tha.</p> <p>- Nhân vật Thanh – một cô bé hàng xóm hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng là người đã thay Thanh ở bên bà những lúc Thanh vắng nhà. Nga dành cho Thanh một tình yêu chân thành mà kín đáo, từ ánh mắt đến cử chỉ ngại ngùng, lời tỏ tình vừa chân thành vừa hồn nhiên mượn hoa hoàng lan để bày tỏ.</p> <p>- Tác phẩm đặc trưng cho kiểu “truyện không có cốt truyện”, đậm chất trữ tình. Mạch truyện diễn ra chậm rãi, nhẹ nhàng; ngôn ngữ trong sáng, giàu sức gợi.</p> <p>Phần kết</p>
--	---

	Truyện mang những ý nghĩa nhân sinh sâu sắc. Đó là câu chuyện về tình yêu gia đình, tình yêu đôi lứa và tình yêu quê hương đất nước. Quê hương, gia đình chính là nơi trở về bình yên, mát lành cho mỗi con người sau những bôn ba mệt mỏi của cuộc sống.
--	---

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>*Nội dung 2: Trao đổi</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS sau khi nghe đưa ra các nhận xét, góp ý, câu hỏi về bài nói. Người nói tiếp nhận các ý kiến này và trao đổi thêm (tán đồng, bác bỏ, trả lời câu hỏi, bàn luận mở rộng...). HS có thể trao đổi về một vấn đề trong bài nói.</p> <p>- GV lưu ý HS: có nhiều cách đọc, cách giới thiệu và đánh giá khác nhau một tác phẩm theo lựa chọn cá nhân. Vì vậy, khi trao đổi người nói và người nghe nên đối thoại trên tinh thần cởi mở, sẵn sàng chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm.</p> <p>- GV yêu cầu HS tự đánh giá và đánh giá bài nói theo phiếu học tập số 2.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS tiến hành nhận xét bài nói và đặt câu hỏi trao đổi, thảo luận.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận.</p> <p>GV yêu cầu một số học sinh nêu nhận xét và đặt câu hỏi trao đổi, thảo luận.</p> <p>B4. Kết luận, nhận định.</p> <p>GV đưa nhận xét đánh giá về hoạt động trao đổi thảo luận.</p>	<p>1.Trao đổi mở rộng: Về một phương diện trong nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm được giới thiệu; về đặc điểm phong cách nghệ thuật của tác giả...</p> <p>2. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2</p>

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

TT	Tiêu chí	Nhận xét		Kết quả	
		Ưu	Nhược	Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn đề tài, tác phẩm (tính phù hợp, hấp dẫn)				
2	Những thông tin cơ bản về tác phẩm (tính đầy đủ, mạch lạc, trọng tâm, độc đáo...)				
3	Các phương tiện phi ngôn ngữ (tính phong				

	phủ, phù hợp, hiệu quả)				
4	Phong cách trình bày (tự tin, lưu loát, sinh động, cuốn hút,...)				
5	Tinh thần, thái độ trao đổi (cầu thị, cởi mở, chân thành, tôn trọng...)				

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: HS nhận biết được bố cục và các nội dung trong một bài giới thiệu về tác phẩm văn học; trình bày ý kiến cá nhân về bài giới thiệu.

HS biết vận chủ động chọn, thực hiện một bài giới thiệu về một tác phẩm tự chọn.

Nội dung: Giới thiệu đề tài, tác phẩm lựa chọn; những nét nổi bật về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, phương diện tâm đắc trong tác phẩm, ...

Sản phẩm: Đề cương; bài giới thiệu về một tác phẩm văn học tự chọn.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv đưa yêu cầu: Hãy giới thiệu về một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs tìm hiểu, lựa chọn một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du và chuẩn bị bài giới thiệu. B3. Báo cáo thảo luận HS giới thiệu cho nhau nghe và cùng trao đổi (ở nhà) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Căn cứ theo phiếu học tập số 2	Bài giới thiệu về một bài thơ chữ Hán theo lựa chọn cá nhân.

Ngày soạn: 02/08/2023

BÀI 6: NGUYỄN DU NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG

Thời gian thực hiện: 12 tiết

(Đọc: 07 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 03 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Hiểu biết về tác giả Nguyễn Du- Đại thi hào dân tộc.
- Hiểu biết về một số tác phẩm tiêu biểu về thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm, một số yếu tố của truyện thơ Nôm.
- Hiểu biết về biện pháp tu từ lặp cấu trúc và đối trong sáng tác văn học.
- Các bước viết, nói và nghe khi giới thiệu một tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- NL giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- NL tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

2.2. Năng lực riêng biệt

- Năng lực cảm thụ văn học, NL ngôn ngữ

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đại thi hào.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của Truyện thơ như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ.
- So sánh được hai văn bản văn học ở các giai đoạn khác nhau viết cùng đề tài, kiên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu sâu văn bản đã được đọc.
- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học.

3. Về phẩm chất:

- Hình thành và bồi đắp khả năng đồng cảm với thế giới cảm xúc của con người.
- Bồi đắp tình yêu và thái độ trân trọng vẻ đẹp của thơ ca, cuộc sống và con người.
- Trân trọng những di sản văn học, đồng cảm, chia sẻ với tinh thần nhân đạo thấm đượm trong nền văn học truyền thống của dân tộc.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm khi giới thiệu một tác phẩm văn học.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 55, 56 - VĂN BẢN 1: TÁC GIA NGUYỄN DU (02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được những tri thức ngữ văn về truyện thơ Nôm và các biện pháp tu từ đối, lặp
- Nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.
- Hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- NL giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- NL tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

2.2. Năng lực riêng biệt

- Năng lực cảm thụ văn học, NL ngôn ngữ.
- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đại thi hào.
- So sánh được những đặc điểm nổi bật trong các sáng tác chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Du.

3. Về phẩm chất:

Trân trọng những đóng góp của Nguyễn Du với nền văn hoá, văn học dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, giấy A0, A4... (nếu cần)

2. Học liệu:

- Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm, phiếu học tập, bảng kiểm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

Tạo tâm thế thoải mái, hứng thú để gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- Giáo viên tổ chức một trò chơi bằng cách đưa ra một số câu hỏi/ câu đố có nội dung liên quan đến tác giả Nguyễn Du (4 câu). HS trả lời để tìm đáp án. Từ đó giáo viên dẫn dắt vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>Câu 1:</p> <p style="text-align: center;"><i>Đất ở đâu trai hiền gái lịch Non xanh nước biếc, điện ngọc đền rồng Tháp bảy tầng, Thánh miếu, chùa Ông Chuông khua Diệu Đế, trông rung Tam Tòa? Đây là tỉnh nào?</i></p> <p>Câu 2:</p> <p style="text-align: center;"><i>Nơi nào có cửa Nhượng Ban Gạo nhiều, cá lắm để bẻ làm ăn? Đây là tỉnh nào?</i></p> <p>Câu 3:</p> <p><i>Nhà thơ nào được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm?</i></p> <p>Câu 4: Những câu thơ sau nói đến nhà thơ nào?</p> <p style="text-align: center;"><i>Thương đều thập loại chúng sinh Đằm đìa dòng lệ chảy quanh thân Kiều Chữ TÂM vắng vặc gương treo Sầu tuôn đứt nối còn nhiều trăm năm.</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh suy nghĩ, trả lời trong vòng 30 giây/ 1 câu hỏi.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong lịch sử văn học Việt Nam, mỗi lần nhắc đến Nguyễn Du ta thường dùng cụm từ “Đại thi hào”. Cụm từ này đã thể hiện rõ được tài năng của ông và những gì mà ông đã đóng góp cho văn học nước nhà.</p>	<p>- Tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>- Tỉnh Hà Tĩnh</p> <p>- Hồ Xuân Hương</p> <p>- Nguyễn Du</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

e. Mục tiêu:

- Nắm được những tri thức ngữ văn về truyện thơ Nôm và các biện pháp tu từ đối, lặp.

f. Nội dung:

- Đọc nội dung phần *Tri thức ngữ văn*, gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin.
- Tóm tắt tri thức về: *giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam; truyện thơ Nôm; biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối*.
- Thảo luận, trả lời các câu hỏi.

g. Sản phẩm: phần trình bày của học sinh

h. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>1. Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn về truyện thơ Nôm và các biện pháp tu từ lặp cấu trúc, đối.</p> <p>2. Giáo viên chuẩn bị trò chơi “Vòng quay văn học” (Chuẩn bị các câu hỏi nhanh với hình thức trắc nghiệm)</p> <p>3. HS tương tác trả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới hình thức trò chơi học tập.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét câu trả lời của bạn, chọn đáp án đúng</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> làm nền tảng đọc hiểu văn bản.</p>	<p>* TRI THỨC NGỮ VĂN:</p> <p>- Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam:</p> <p>+ Thời trung đại, văn học Việt Nam chịu sự ảnh hưởng, giao thoa của hai nền văn học lớn là Trung Hoa và Ấn Độ.</p> <p>+ Một số phương diện chính yếu của sự giao lưu, sáng tạo trên lĩnh vực văn học: Chủ động tiếp nhận các yếu tố ngôn ngữ - văn tự nước ngoài góp phần làm phong phú tiếng Việt; Tiếp thu các hệ tư tưởng như Nho, Phật, Đạo; Tiếp nhận nhiều thể loại văn học nước ngoài để sáng tác văn chương, trên cơ sở đó sáng tạo thêm một số thể loại mới mang bản sắc dân tộc; Sử dụng chất liệu thơ văn nước ngoài để sáng tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị đặc sắc; Dịch thuật, tóm lược, bình luận, giảng giải, “diễn Nôm” các tác phẩm xuất sắc của văn chương nước ngoài nhằm phổ biến tri thức, góp phần đào tạo nhân tài cho đất nước.</p> <p>- Truyện thơ Nôm:</p> <p>+ Truyện thơ Nôm là hình thức tác phẩm tự sự độc đáo của văn học trung đại Việt Nam, kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.</p> <p>+ Phân loại: Truyện thơ Nôm bình dân, truyện thơ Nôm bác học.</p> <p>+ Đề tài, chủ đề nổi bật của truyện thơ Nôm: Cảm hứng khẳng định tình yêu tự do và cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình; tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ; tố cáo, phê phán xã hội đương thời; thể hiện khát vọng công lí, công bằng...</p> <p>+ Cốt truyện của truyện thơ Nôm thường được tổ chức theo trình tự thời gian, sử dụng nhiều yếu tố ngẫu nhiên, kì ảo và kết cấu theo mô hình cơ bản: Gặp gỡ - Chia li- Đoàn tụ .</p> <p>+ Nhân vật khá phong phú, đa dạng, gồm nhiều kiểu người thuộc nhiều tầng lớp xã hội. Các nhân vật mang tính loại hình, thuộc kiểu nhân vật thực hiện chức năng.</p> <p>+ Truyện thơ Nôm là thể loại có đóng góp to lớn vào việc</p>

	<p>phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc.</p> <p>- Biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối:</p> <p>+ Biện pháp tu từ lập cấu trúc: sử dụng những cụm từ, hoặc kiểu câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn.</p> <p>+ Biện pháp tu từ đối: sử dụng những từ ngữ (cùng từ loại) hoặc câu (cùng cấu trúc) sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cho lời văn</p>
--	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: TÁC GIA NGUYỄN DU

2.1. Tìm hiểu khái quát:

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích
- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

b. Nội dung:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và nắm rõ thông tin quan trọng và nghĩa một số từ Hán Việt ở phần chú thích

c. Sản phẩm:

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Phiếu học tập
- Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>(1) GV hướng dẫn cách đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc văn bản trước khi đến lớp, tóm tắt vào vở những nội dung cơ bản. - Trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Cho HS đọc thầm, chọn đọc thành tiếng một vài mục cần nhấn mạnh. + Hướng dẫn HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. + Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. + GV quan sát, khích lệ HS. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức trao đổi + HS nhận xét lẫn nhau. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận:</p> <p>GV- nhận xét cách đọc của HS.</p>	<p>* ĐỌC VĂN BẢN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK

2.2. Khám phá văn bản:

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.
- Giúp học sinh nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Du từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Du.
- Hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

b. Nội dung:

- HS quan sát SGK, thực hiện theo hướng dẫn để tìm hiểu nội dung kiến thức.
- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh trên giấy A0.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: TÌM HIỂU TIỂU SỬ NGUYỄN DU:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>1. Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc văn bản: Tác gia Nguyễn Du (thực hiện trước ở nhà) <p>2. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu những thông tin chính về tiểu sử, sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du thông qua phiếu học tập và hoạt động nhóm chuyên gia. <p>Vòng 1: GV chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ được giao theo hai vòng.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Vòng 1: Nhóm chuyên gia: Hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (HS làm việc theo 4 nhóm)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1: Nguyễn Du sống trong bối cảnh thời đại như thế nào? Yếu tố thời đại có ảnh hưởng gì tới con người Nguyễn Du? + Nhóm 2: Nguyễn Du sinh ra và lớn lên trong gia đình như thế nào? Điều này tác động gì tới con người Nguyễn Du? + Nhóm 3: Hiểu biết về quê 	<p>I. TIỂU SỬ:</p> <p>1. Bối cảnh thời đại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống trong bối cảnh thời đại đầy biến động dữ dội: <ul style="list-style-type: none"> + Cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX: XHPKVN khủng hoảng trầm trọng đầy bóng tối, khổ đau: loạn lạc, khởi nghĩa nông dân, kiêu binh nổi loạn (tính chất bi kịch). + Diễn ra nhiều biến cố lớn: <ul style="list-style-type: none"> . Sự thối nát của xã hội phong kiến: Vua Lê Chiêu Thống “cồng rắn cắn gà nhà” . Khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi đỉnh cao là phong trào Tây Sơn (Tây Sơn thay đổi sơn hà diệt Lê, Trịnh, diệt Xiêm, đuổi Thanh, huy hoàng một thuở; Nhà Nguyễn lập lại chính quyền chuyên chế và thống nhất đất nước, thiết lập chế độ cai trị hà khắc từ năm 1802). <p>➔ N/x: Tác động mạnh mẽ đến nhận thức tư tưởng và tình cảm của Nguyễn Du: Nguyễn Du đã trực tiếp sống, chứng kiến và trải qua một thời kỳ lịch sử đầy biến động của dân tộc. Ông được tận mắt chứng kiến sự xa hoa của giai cấp phong kiến và thân phận con người. Điều đó đã được ghi lại trong các sáng tác của ông.</p> <p>2. Gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dòng họ Tiên Điền: Có 2 truyền thống là khoa bảng và văn hóa, văn học. - Gia đình: Quan lại (Cha là Nguyễn Nghiễm (1708-1775) từng làm tới chức Tham Tụng trong triều đình Lê; Mẹ là Trần Thị Tần (1740-1778), người con gái xứ Kinh Bắc; Anh trai cả là Nguyễn Khản, từng giữ chức Bồi Tụng trong phủ Chúa Trịnh). <p>➔ N/x: Nguyễn Du sinh trưởng trong một gia đình đại</p>

hương Nguyễn Du? Yếu tố quê hương có ảnh hưởng gì tới con người Nguyễn Du?

+ **Nhóm 4:** Cuộc đời Nguyễn Du trải qua những thăng trầm nào? Điều này ảnh hưởng gì đến con người Nguyễn Du?

Vòng 2: Nhóm mảnh ghép:

+ GV hướng dẫn học sinh di chuyển, gộp vào thành 2 nhóm, đảm bảo mỗi nhóm đều có đầy đủ các thành viên của cả 4 nhóm ở vòng 1 và thực hiện nhiệm vụ mới: **Lập niên biểu Nguyễn Du và nhận xét về cuộc đời, con người ông.** (GV có thể gợi ý để học sinh nhớ lại niên biểu về tác gia Nguyễn Trãi đã học ở bài 6, chương trình ngữ văn lớp 10 hoặc đưa ra sẵn các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời Nguyễn Du để định hướng cho học sinh, lúc này HS chỉ việc thảo luận, điền thông tin về Nguyễn Du liên quan đến các mốc thời gian)

+ Học sinh hai nhóm thảo luận, trình bày niên biểu Nguyễn Du vào giấy A0 trong vòng 5 - 7 phút.

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác đưa ra nhận xét

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV: Phân tích, làm rõ các yếu tố liên quan đến tiểu sử, cuộc đời Nguyễn Du cho HS hình dung lại một lần nữa về thời đại, gia đình, quê hương, những biến cố trong cuộc đời Nguyễn Du rồi nhận xét đánh giá sản phẩm các nhóm và chuẩn hóa kiến thức, có thể chiếu cho học sinh tham

quý tộc, có nhiều người đỗ đạt, làm quan, có truyền thống văn chương. Điều này đã giúp Nguyễn Du có điều kiện để dùi mài kinh sử, hiểu biết về đời sống quý tộc phong kiến.

3. Quê hương:

- Quê cha: Hà Tĩnh- vùng đất thuộc khúc ruột miền trung khổ nghèo, nơi có sông Lam, núi Hồng, sơn thủy hữu tình.

- Quê mẹ: xứ Kinh Bắc hào hoa, cái nôi của dân ca quan họ.

- Nơi sinh ra và lớn lên: kinh thành Thăng Long nghìn năm văn hiến

→ N/x: Nguyễn Du có điều kiện tiếp nhận truyền thống văn hóa nhiều vùng khác nhau, là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn.

4. Cuộc đời:

- Thời thơ ấu và niên thiếu: sống trong gia đình phong kiến quý tộc bậc nhất ở kinh thành Thăng Long có điều kiện thuận lợi để:

+ Dùi mài kinh sử, tích lũy vốn văn hóa, văn học, làm nền tảng cho sáng tác văn chương sau này. Đỗ Tam trường năm 18 tuổi (1783).

+ Hiểu rõ bản chất của hàng quan lại đương thời cùng với cuộc sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến để lại dấu ấn đậm nét trong các sáng tác của Nguyễn Du.

- Năm 1784 - 1788, Kiêu binh nổi loạn, phá nát dinh cơ của Nguyễn Khản, Nguyễn Huệ lên ngôi, triều đình Lê Trịnh sụp đổ, gia đình li tán, Nguyễn Du rơi vào cảnh tha hương, bẽ tắc. (Bắt đầu trải qua thời kì hơn 10 năm gió bụi lưu lạc ở quê vợ (Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam - nay thuộc tỉnh Thái Bình), ông rơi vào cuộc sống vô cùng khó khăn, thiếu thốn, cực khổ).

- Năm 1802 Khi triều đình Tây Sơn diệt vong, Nguyễn Ánh lập ra triều đại mới, Nguyễn Du ra làm quan cho nhà Nguyễn cho đến khi lâm bệnh và qua đời năm 1820.

→ N/x: Cuộc đời lắm thăng trầm giúp Nguyễn Du có điều kiện để trải nghiệm, suy ngẫm về xã hội, con người... Tạo tiền đề cho việc hình thành tài năng và bản lĩnh văn chương.

*** Kết luận:**

Nguyễn Du là một tài năng văn học bẩm sinh, có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú, một tâm hồn nhạy cảm, sâu sắc, một trái tim mang

khảo niên biểu đã làm sẵn cho học quan sát.	nặng nổi thương đời, thương người.
<p>Nhiệm vụ 2: TÌM HIỂU SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN DU</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu học sinh Dán tên các tác phẩm tương ứng với các dữ liệu từ 1 đến 5 ?</p> <p>- Yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu học tập số 2.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thiện phiếu học tập số 2, 3.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện cá nhân trình bày sản phẩm, học sinh khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV: nhận xét đánh giá phần trình bày của học sinh, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>➔ GV chốt: Thơ chữ Hán Nguyễn Du chủ yếu là những vần thơ tâm tình, khắc họa hình tượng chủ thể trữ tình Nguyễn Du, một tâm trạng rất động trước mọi biến cố của cuộc đời. Đọc thơ ông, người đọc cảm nhận được một cõi lòng đau thương, tê tái, sâu kín, như ông từng nói: <i>“Ta có một tác lòng ko biết ngổ cùng ai”</i>. Bên trong tâm sự đau thương ấy là những suy ngẫm của nhà thơ về con người, xã hội, những chiêm nghiệm sâu sắc đầy trắc ẩn về những biến động của cuộc sống đang diễn ra trước mắt. Làm thơ là cách ông đặt vấn đề trực tiếp về số phận con người trong tương giao với vận mệnh của thời đại, nhất là thời đại ông đang sống.</p>	<p>II. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC:</p> <p>1. Sáng tác chữ Hán:</p> <p>a. Thanh niên thi tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: gồm 78 bài thơ viết trong những năm tháng bị thương nhất của cuộc đời Nguyễn Du. - Nội dung chính: <ul style="list-style-type: none"> + Khắc họa cuộc sống đầy bi kịch và nỗi niềm thương thân của Nguyễn Du: gia đình tan tác, anh em chia lìa, cuộc sống riêng bề tấc, cùng quẫn. + Thấu hiểu đồng cảm với những bất hạnh, đau thương của con người và quê hương xứ sở - Đặc sắc nghệ thuật: thơ chữ Hán, sử dụng nhiều điển tích, điển cố. <p>b. Nam trung tạp ngâm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: Gồm 40 bài thơ, sáng tác trong thời gian Nguyễn Du ra làm quan cho triều Nguyễn. - Nội dung chính: Bày tỏ nỗi chán chường, thất vọng về chốn quan trường và niềm khao khát được từ quan, về sống ẩn dật nơi quê nhà. - Đặc sắc nghệ thuật: Thơ chữ Hán, giọng điệu bi thiết, buồn thương, cảm hứng trữ tình và cảm hứng hiện thực đan xen. <p>c. Bắc hành tạp lục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: Gồm 132 bài thơ, sáng tác trong thời gian Nguyễn Du đi sứ ở Trung Quốc. - Nội dung chính: <ul style="list-style-type: none"> + Ca ngợi, đồng cảm với các nhân cách cao thượng và phê phán những nhân vật phản diện. VD: Phán chiêu hồn. + Phê phán XHPK chà đạp quyền sống của con người. + Cảm thông với những thân phận nhỏ bé dưới đáy xã hội, bị đẩy dọa hất hủi. VD: Độc Tiểu Thanh kí, Sở kiến hành. - Đặc sắc nghệ thuật: Thơ chữ Hán, các cặp thơ đối <p>2. Thơ chữ Nôm:</p> <p>a. Giới thiệu chung về sáng tác chữ Nôm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các sáng tác bằng chữ Nôm tiêu biểu: + Văn tế hai cô gái Trường Lưu: Gồm 98 câu, viết theo lối văn tế, bày tỏ nỗi uất hận vì mối tình với hai cô gái phường vải khác.

- + Thác lời trai phường nón: Gồm 48 câu, được viết bằng thể lục bát. Nội dung là thay lời anh con trai phường nón làm thơ tỏ tình với cô gái phường vải.
- + Văn chiêu hồn: Gồm 184 câu, được theo thể thơ song thất lục bát, thể hiện tấm lòng từ bi của tác giả với cảnh khổ của muôn vạn sinh linh.
- + Truyện Kiều: Gồm 3254 câu thơ lục bát, là truyện thơ Nôm kể lại cuộc đời 15 năm lưu lạc của Thúy Kiều.

b. Truyện Kiều:

*** Nguồn gốc đề tài, cốt truyện và vị trí của Truyện Kiều**

- Nguồn gốc đề tài, cốt truyện:

- + Hình thức truyện thơ nôm, thể thơ lục bát
- + Gồm 3254 câu thơ kể về cuộc đời 15 năm lưu lạc của Thúy Kiều.
- + Tiếp thu đề tài, cốt truyện từ “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) → Biểu hiện của hiện tượng giao lưu và sáng tạo văn hóa.

- Vị trí:

- + Truyện Kiều là kiệt tác của văn học trung đại Việt Nam, có sức cuốn hút mãnh liệt.
- + Hòa nhập vào đời sống, hình thành những hình thức sinh hoạt văn hóa, văn học độc đáo của người Việt: vịnh Kiều, lấy Kiều, bói Kiều, đố Kiều..
- + Là nguồn đề tài, cảm hứng lớn cho nhiều loại hình nghệ thuật, là đối tượng khám phá của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

*** Giá trị tư tưởng:**

- Truyện Kiều chứa đựng tư tưởng nhân đạo lớn lao, sâu sắc, độc đáo:
- + Tôn vinh vẻ đẹp của con người, đặc biệt là người phụ nữ.
- + Trân trọng, đồng cảm với khát vọng tình yêu, khát vọng sống tự do của con người.

*** Giá trị nghệ thuật:**

- Cách tổ chức cốt truyện theo mô hình chung của truyện thơ nôm gồm 3 phần: Gặp gỡ - Chia li – Đoàn tụ, tuy nhiên ở mỗi phần đều có sáng tạo độc đáo.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật chân thực, sinh động với diện mạo mới, tính cách mới từ ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động... đến diễn biến nội tâm.
- Ngôn ngữ: phát huy vẻ đẹp phong phú, kì diệu của tiếng Việt, sử dụng một cách sáng tạo các yếu tố ngôn

	ngữ vay mượn. - Thể thơ lục bát truyền thống.
--	--

2.3: Tổng kết**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại kiến thức trọng tâm bài học, đánh giá khái quát về vị trí và những đóng góp của Nguyễn Du trong nền văn học trung đại Việt Nam

b. Nội dung:

HS trả lời cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ: (HS làm việc cá nhân) Khái quát lại kiến thức trọng tâm bài học, đánh giá khái quát về vị trí của Nguyễn Du trong nền văn học trung đại Việt Nam. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, khái quát lại toàn bộ bài học để trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ ý kiến của bản thân với các bạn. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	III. Tổng kết Với những đóng góp to lớn cho nền văn học dân tộc và tư tưởng nhân đạo sâu sắc, cao cả, Nguyễn Du được suy tôn là Đại thi hào của dân tộc Việt Nam, được tổ chức UNESCO vinh danh là Danh nhân văn hóa của nhân loại.

PHIẾU HỌC TẬP (Nếu có)**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
1.	? Trình bày những hiểu biết của em về tiểu sử tác giả Nguyễn Du theo gợi ý sau:
2.	+ Thời đại xã hội Nguyễn Du sống
3.	+ Hoàn cảnh xuất thân: gia đình, dòng họ
4.	+ Quê hương: nơi sinh ra, sinh sống, quê cha, quê mẹ...
5.	+ Các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời Nguyễn Du
	? Nhận xét khái quát về tiểu sử, cuộc đời Nguyễn Du.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2				
a. . Dựa vào SGK và những thông tin đã tìm hiểu, hãy hoàn thành phiếu học tập về các tác phẩm chữ Hán của Nguyễn Du				
Tác phẩm	Văn tự	Số lượng, hoàn cảnh sáng tác	Nội dung chính	Đặc sắc nghệ thuật
Thanh Hiên thi tập				
Nam trung tạp				

ngâm				
Bắc hành tập lục				

b. b. Đánh giá khái quát về các sáng tác của Nguyễn Du (Văn tự và thể loại)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3	
Nguồn gốc, hoàn cảnh ra đời	
Thể loại, thể thơ	
Dung lượng	
Tóm tắt nội dung cốt truyện	
Giá trị nội dung, nghệ thuật	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố, nâng cao kiến thức cơ bản về tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.
- Hình thành kỹ năng sử dụng sơ đồ tư duy để ghi nhớ kiến thức cơ bản cho học sinh.

b. Nội dung:

- Trình bày khái quát về tiểu sử, sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du bằng sơ đồ tư duy
- Kể tên những tác phẩm văn học, nghệ thuật nói về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy và trình bày của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: (HS làm việc cá nhân) Khái quát lại kiến thức trọng tâm bài học, đánh giá khái quát về vị trí của Nguyễn Trãi trong nền văn học trung đại Việt Nam bằng sơ đồ tư duy</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, vẽ sơ đồ tư duy khái quát lại toàn bộ bài học và làm bài tập số 7 – SGK.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày sản phẩm</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>+ Sơ đồ tư duy</p> <p>+ Kể tên những tác phẩm văn học, nghệ thuật nói về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du: “<i>Vịnh cù Tiên Điền</i>” (Nguyễn Bính); “<i>Gửi Kiều cho em năm đánh Mỹ</i>”, “<i>Độc Kiều</i>” (Chế Lan Viên); “<i>Kính gửi cù Nguyễn Du</i>” (Tố Hữu)....</p>

GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du để viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ).
- Hình thành cho học sinh kỹ năng tạo lập văn bản.
- Kiểm tra, đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức bài học của học sinh.

b. Nội dung:

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về một nét độc đáo trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du

c. Sản phẩm: bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: Nét độc đáo trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du là gì ?</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (NL giải quyết vấn đề)</p>	<p>Giá trị nhân bản đặc sắc của tư tưởng Nguyễn Du trước hết được thể hiện ở vấn đề quyền sống của con người, của những người nghệ sĩ, những văn nghệ sĩ. Ông đã thấy ý nghĩa xã hội của người nghệ sĩ, người cống hiến cho cuộc đời những giá trị tinh thần tốt đẹp. Nhà văn nhà thơ không chỉ cần quan tâm, đồng cảm với những nạn nhân của xã hội phong kiến theo nghĩa những người đói cơm rách áo cần được chăm lo bảo vệ mà còn phải biết thương yêu, trân trọng những chủ nhân của các giá trị văn hoá tính thần. Khi những chủ nhân này là người phụ nữ thì sự đồng cảm của nhà thơ lại có ý nghĩa sâu sắc hơn. Điều này được thể hiện rõ nhất qua bài thơ chữ Hán : <i>Độc Tiểu Thanh kí</i>. Với <i>Độc Tiểu Thanh kí</i>, Nguyễn Du vừa khóc người vừa khóc mình. Bao đời nay, lòng thương người vẫn là một biểu hiện của tấm lòng nhân đạo cao cả. Còn biết tự thương mình là một nét mới mang tính thần nhân bản của thời đại cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX, thời đại con người không chỉ ý thức về nhân phẩm, về tài năng cá nhân mà còn thức tỉnh nỗi đau của chính mình. Tự thương cũng là một nét mới trong tinh thần nhân bản của Nguyễn Du vì đó chính là sự tự ý thức, là bằng nước mắt mà thấm in bản ngã của mình để chống lại sự chi phối của quan niệm phi ngã, vô ngã. Cái độc đáo của chủ nghĩa nhân đạo Nguyễn Du còn được thể hiện ở phương diện : khẳng định con người thức tỉnh, con người ý</p>

4. Củng cố:**5. HDVN:** Đọc và chuẩn bị trước bài văn bản 2: Trao Duyên.

Ngày soạn:

BÀI 6: NGUYỄN DU – NHỮNG ĐIỀU TRONG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 07 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

PHẦN 1: ĐỌC**Tiết 4,5 VĂN BẢN 2: TRAO DUYÊN – TRÍCH TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU (02 tiết)****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Hiểu được diễn biến tâm trạng đầy phức tạp của Thúy Kiều trong đêm trao duyên. Qua đó, thấy được sự đồng cảm sâu sắc của Nguyễn Du đối với hoàn cảnh đau khổ của nhân vật.
- Phân tích được nghệ thuật nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ văn học.

2. Về năng lực knnt.11 BD 3823**2.1. Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...**2.2. Năng lực chuyên biệt:** Năng lực đọc - hiểu văn bản truyện thơ theo đặc trưng thể loại; năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học; năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản; năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các nội dung trong văn bản.**3. Phẩm chất:** Biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều; cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU****1. Thiết bị dạy học****1.1. Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án; một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học; máy chiếu, máy tính; bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.**1.2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách giáo khoa, Sách bài tập Ngữ văn 11, soạn bài ở nhà theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài trong sách giáo khoa.**11 BD****2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu nghiên cứu về Truyện Kiều.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế và kết nối bài học cho học sinh.

b. Nội dung: Kiến thức liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Những bài đọc diễn cảm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên cho các đội thi đọc trước lớp một số đoạn trích trong Truyện Kiều và một số bài thơ viết về mối tình Kim Kiều hoặc sự kiện trao duyên đã giao cho học sinh chuẩn bị: Các đội thi có thể chọn hai trong số các đoạn trích sau:

+ Kim - Kiều gặp gỡ trong ngày hội đạp thanh (từ câu “Ngày xuân con én đưa thoi” đến câu “Bên cầu tơ liễu bóng chiều thiet tha”);

+ Kim Trọng tương tư Thúy Kiều (từ câu “Chàng Kim từ lại thư song” đến câu “Đầy thềm hoa rụng biết người ở đâu?”);

+ Kim Kiều đính ước thề nguyện (từ câu “Cửa ngoài vội rủ rèm che” đến câu “Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”);

+ Kim Trọng trở về vườn Thúy (từ câu “Từ ngày muôn dặm phù tang” đến câu “Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?”).

+ Chùm thơ Vịnh Kiều (Hội ngộ vườn Thúy, Kiều thề nguyện với Kim Trọng, Kiều cậy em thay lời,...) của Chu Mạnh Trinh; Tâm sự nàng Thúy Vân của Trương Nam Hương;...

- GV dẫn dắt vào bài mới: Qua các đoạn trích thơ và các bài thơ mà các em vừa đọc diễn cảm trên, ta thấy mối tình Kim - Kiều được Nguyễn Du miêu tả như một "thiên tình sử" tuyệt đẹp. Mộng Liên Đường chủ nhân đã từng nói về mối tình này: “Khi lai láng tình thơ,[...] khi duyên ưa kim cải non biển thề bồi” thế rồi bỗng đâu “cửa nhà tan tác”, oan sai ập đến khiến một người con gái tài sắc như Thúy Kiều phải trải qua biết bao khổ đau của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến: gia đình li tán, tình yêu tan vỡ, làm gái thanh lâu, làm vợ lẽ,... Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu đoạn trích *Trao duyên* để thấu hiểu một phần nỗi đau “mệnh bạc” trong chuỗi đời lênh đênh phiêu dạt của nàng Kiều - nỗi đau vì bị kịch tình yêu tan vỡ.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên chia lớp thành hai đội tổ chức Cuộc thi đọc diễn cảm những đoạn trích hoặc bài thơ có liên quan đến mối tình Kim – Kiều hoặc sự kiện trao duyên đã được chuẩn bị ở nhà. Mỗi nhóm cử một đội trưởng lên bốc thăm thứ tự đọc thơ của đội mình. Đội nào đọc đúng và diễn cảm hơn, đội ấy sẽ chiến thắng.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh sắp xếp các đoạn trích thơ hoặc bài thơ trong nội dung đã chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh thi đọc diễn cảm thơ.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét, đánh giá phần thực hiện hoạt động khởi động của lớp và dẫn dắt vào bài học.</p>	<p>Các bài đọc diễn cảm thơ của học sinh.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung khái quát về đoạn trích “Trao duyên”.

b. Nội dung: Học sinh sử dụng sách giáo khoa, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi của giáo viên về các nội dung: hoàn cảnh ra đời, xuất xứ đoạn trích; nhan đề đoạn trích; nhân vật trữ tình; thể thơ; cảm hứng chủ đạo; bố cục đoạn trích.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu bài tập, câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>1. Đọc: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thành tiếng đoạn trích “Trao duyên” và lưu ý các em những chỉ dẫn về chiến lược đọc được trình bày trong các thẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một học sinh đọc diễn cảm đoạn trích. Một học sinh khác đọc phần chú thích để cả lớp nắm được các từ khó trong văn bản. Khuyến khích học sinh đọc thuộc lòng văn bản. - Giáo viên có thể đọc mẫu một vài đoạn và hướng dẫn sử dụng thẻ đọc. Ví dụ: Thẻ thứ nhất giúp người đọc hình dung bối cảnh của cuộc trao duyên (thời gian, không gian, hoàn cảnh của nhân vật), từ đó nhận biết được cảnh ngộ bi kịch và tâm trạng của Thúy Kiều dẫn đến sự kiện trao duyên. <p>2. Tác phẩm</p> <p>Sau đó, giáo viên phát phiếu học tập để tìm hiểu khái quát về tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin được cung cấp trong sách giáo khoa và hoàn thành phiếu học tập. - Học sinh tìm hiểu khái quát về tác phẩm: Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác; ý nghĩa nhan đề; nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo, thể thơ và cách phân chia bố cục. - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh làm việc cá nhân và hoàn thành phiếu bài tập.</p> <p>Bước 3. Báo cáo và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chia sẻ, báo cáo sản phẩm vừa làm được. - Giáo viên gọi các học sinh khác nhận 	<p>1. Hoàn cảnh, xuất xứ đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích là lời của Thúy Kiều nói với Thúy Vân khi muốn Vân thay nàng trả nghĩa cho Kim Trọng. - Vị trí: Đoạn trích thuộc phần 2 của tác phẩm từ câu 711 đến câu 758: Gia biến và lưu lạc. <p>2. Nhan đề: “Trao duyên” được hiểu là hành động gửi duyên, gửi tình của mình cho người khác, nhờ họ nối lại mối duyên dang dở của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhan đề “Trao duyên”: Gia đình Thúy Kiều bị vu oan, nàng buộc phải hy sinh tình yêu của mình với chàng Kim, chấp nhận bán mình để chuộc cha và em. Sau khi đã chuộc cha và em về nhà, lo chu toàn mọi việc, ngay đêm cuối cùng trước khi đi theo Mã Giám Sinh, nàng một mình thao thức với nỗi niềm riêng: suy nghĩ về mối duyên dang dở, rồi nhờ em gái là Thúy Vân thay mình kết duyên với Kim Trọng. <p>=> Nhan đề đã thể hiện được chủ đề của đoạn trích.</p> <p>3. Nhân vật trữ tình: Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là người con gái tài sắc vẹn toàn Thúy Kiều nhưng vì chữ hiếu phải hi sinh chữ tình.</p> <p>4. Cảm hứng chủ đạo: Thương xót cho nỗi đau của nàng Kiều khi lâm vào bi kịch tình yêu; xót xa trước thế lực của đồng tiền khiến con người lâm vào tình cảnh trái ngang.</p> <p>5. Thể thơ: Lục bát.</p> <p>6. Bố cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục chia 4 phần:

<p>xét, đánh giá, bổ sung (nếu còn thiếu) cho phần trình bày của bạn.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt những kiến thức cơ bản.</p>	<p>+ Phần 1: (12 câu đầu): Bối cảnh của cuộc trao duyên (không gian, thời gian, hoàn cảnh của nhân vật) và lời hỏi han của Thúy Vân.</p> <p>+ Phần 2: (12 câu tiếp): Thúy Kiều tìm cách thuyết phục, trao duyên cho Thúy Vân.</p> <p>+ Phần 3: (14 câu tiếp): Thúy Kiều trao kỉ vật cho em và dặn dò em.</p> <p>+ Phần 4: (10 câu còn lại): Tâm trạng đau đớn, tuyệt vọng của Thúy Kiều.</p>
--	--

Nội dung 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Học sinh khám phá vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung: Từ nỗi đau của tình yêu tan vỡ, ta thấy toát lên vẻ đẹp nhân cách của Thúy Kiều. Vì chữ hiếu, Kiều phải tự nguyện bán mình chuộc cha theo đúng đạo lí truyền thống của người Việt: “Làm con trước phải đền ơn sinh thành”. Qua đó, các em nhận ra được vẻ đẹp nghệ thuật của đoạn trích “Trao duyên”: Miêu tả tinh tế diễn biến tâm trạng nhân vật; ngôn ngữ độc thoại nội tâm sinh động.

c. Sản phẩm: Sản phẩm phiếu học tập của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên tổ chức hoạt động thảo luận theo cặp - hướng dẫn học sinh tìm hiểu 12 câu thơ đầu: Cảm nhận ban đầu của em về 12 câu thơ đầu? Nội dung chính của 12 câu này là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh suy nghĩ chuẩn bị câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo và thảo luận</p> <p>Giáo viên gọi học sinh trả lời, các bạn còn lại nhận xét, đánh giá và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu câu trả lời còn thiếu ý)</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>Giáo viên đánh giá hoạt động học của học sinh và chốt chuẩn kiến thức cơ bản học sinh cần ghi nhớ.</p>	<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN</p> <p>1. Mười hai câu đầu: <i>Bối cảnh của cuộc trao duyên</i></p> <p>Khái quát về bối cảnh diễn ra cuộc trao duyên</p> <p>- Sau đêm thề nguyện giữa Kim Trọng và Thúy Kiều, Kim Trọng phải về Liêu Dương gấp để hộ tang chú. Tai nạn ập đến nhà Kiều vì sự vu oan của thằng bán tơ. Cha và em trai bị đánh đập tàn nhẫn, của cải bị cướp sạch. Kiều buộc phải bán mình chuộc tội cho cha và em.</p> <p>- Công việc nhà tạm ổn, nhưng mối tình Kim – Kiều tan vỡ. Chỉ còn lại một đêm nay thôi, ngày mai nàng phải đi theo Mã Giám Sinh bắt đầu những chuỗi ngày lưu lạc.</p> <p>- Thúy Kiều đã trăn trở suy nghĩ đến tàn canh vì nàng đã bắt đắc dĩ mà bội ước với lời thề nguyện năm xưa cùng chàng Kim. Giữa đêm khuya thanh vắng, nơi căn phòng - không gian quen thuộc, nàng đã khóc vì “thiên tình sự” tuyệt đẹp của mình</p>

Nhiệm vụ 2**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên tổ chức hoạt động thảo luận nhóm - hướng dẫn học sinh tìm hiểu 12 câu thơ tiếp:

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1 (NHÓM 1, 2)	
- Em nhận xét gì về ngôn ngữ của Thúy Kiều đối với Thúy Vân?	
- Ngôn ngữ của Nguyễn Du trong đoạn thơ có gì gần gũi với cách nói của dân gian?	
- Tâm trạng của Kiều khi nói được ra điều mình muốn nói?	
- Cảm nhận của em về nhân vật Thúy Kiều?	

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm ra bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận

- Đại diện học sinh trình bày sản phẩm.
- Giáo viên gọi hs nhận xét chéo, bổ sung

tan vỡ.

- Giữa lúc tâm trí đang rối bời, Thúy Vân đã đến bên chị hỏi han. Lúc này Thúy Kiều như có một điểm tựa để giải bày nỗi lòng của mình. Nàng còn trăn trở vì mối nợ tình với chàng Kim. Kiều định nhờ cậy Thúy Vân trả nghĩa cho Kim Trọng nhưng nàng ngượng ngịu khó cất thành lời.

=> Qua bối cảnh trên, ta thấy Kiều là người con gái suy nghĩ ven toan. Nàng đặt chữ hiếu lên đầu nhưng không nguôi nghĩ về người yêu trong nỗi đau của kẻ phụ tình.

2. Mười hai câu thơ tiếp theo: *Thúy Kiều tìm cách thuyết phục, trao duyên cho Thúy Vân.*

* **2 câu đầu:** hoàn cảnh đặc biệt khác thường.

- *Cậy:*

+ nhờ cậy (cậy - thanh trắc → âm điệu nặng nề gợi sự quẩn quại, đau đớn, khó nói; nhờ - thanh bằng).

+ tin cậy: tin tưởng.

+ trông cậy: hàm ý hi vọng tha thiết của một lời trăng trối, có ý tựa nương, gửi gắm, vật nài, tin tưởng nơi quan hệ ruột thịt. Nàng dùng từ này vì việc nàng cậy nhờ vừa đột ngột vừa rất quan trọng với cả hai người.

- *Chịu:*

+ nhận (tự nguyện).

+ nài ép, bắt buộc, không nhận không được.

- *Lạy:* thái độ kính cẩn với người bề trên hoặc với người mình hàm ơn.

- *Thưa:* thái độ kính cẩn, trang trọng.

=> ***Hoàn cảnh đặc biệt khác thường:*** Kiều là người phiên lụy, mang ơn chính người em gái ruột của mình.

* **10 câu tiếp:**

- *Tương tư:* tình yêu nam nữ; “gánh tương tư”.

=> Người xưa xem tình yêu là một gánh nghĩa vụ, gánh nặng, chữ tình đi liền với chữ nghĩa, giữa những người yêu nhau có

câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức hoạt động thảo luận nhóm - hướng dẫn học sinh tìm hiểu 14 câu thơ tiếp:

PHIẾU BÀI TẬP (Nhóm 3, 4)

mối duyên tiền định, sẵn có từ kiếp trước.

- Câu 3: sự dang dở, tình yêu tan vỡ.

- *Mối tơ thừa* - mối tình duyên Kim - Kiều:

+ cách nói nhún mình.

+ trân trọng với Vân vì nàng hiểu sự thiệt thòi của em.

- *Mặc em*: phó mặc, ủy thác → vừa có ý mong muốn vừa có ý ép buộc Thúy Vân phải nhận lời.

=> Câu 3- 4: Thúy Kiều mong muốn, ép buộc Thúy Vân thay mình nối duyên cùng Kim Trọng.

- Câu 5 - 8: *Lí do trao duyên* - kể lại vắn tắt câu chuyện tình yêu của Kiều- Kim:

+ Trót thề nguyên định ước với chàng Kim:

“Kể từ khi gặp chàng Kim

Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề”

+ Tai họa bất kì:

“Sự đâu sóng gió bất kỳ

Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai”

- Câu 9 - 12: lời thuyết phục Thúy Vân của Kiều:

+ *Ngày xuân* - phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ cho tuổi trẻ.

+ *Lí do thứ nhất*: Thúy Vân còn trẻ: *“Ngày xuân em hãy còn dài”*.

+ *Lí do thứ hai*: Viện đến tình cảm chị em ruột thịt, Kiều mong Vân thay mình trả nghĩa với chàng Kim. Thành ngữ *“thịt nát xương mòn”*, *“ngậm cười chín suối”* => chỉ cái chết.

+ *Lí do thứ ba*: Được vậy thì Kiều có chết cũng được mãn nguyện, thơm lây vì em đã giúp mình sống trọn nghĩa với chàng Kim.

* **Phẩm chất của Thúy Kiều**:

+ Sắc sảo khôn ngoan.

+ Luôn nghĩ đến người khác hơn cả bản thân mình, đức hi sinh, lòng vị tha.

3. Mười bốn câu tiếp: Thúy Kiều trao kỉ vật cho em và dặn dò em.

* **Câu 13 - 14**:

“Chiếc vành với bức tờ mây

Duyên này thì giữ vật này của chung”

<p>- Kiều trao kỉ vật cho em trong tâm trạng như thế nào?</p> <p>- Những kỉ vật thiêng liêng này có ý nghĩa như thế nào đối với Kiều.</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- Thúy Kiều trao kỉ vật tình yêu cho Thúy Vân:</p> <p>chiếc vành, bức tờ mây:</p> <p>+ Với người ngoài cuộc: ko có giá trị vật chất đáng kể.</p> <p>+ Với Thúy Kiều: quý giá, gợi tình cảm sâu nặng, lời thề ước thiêng liêng của Kim- Kiều.</p> <p>- <i>Của chung</i>:</p> <p>+ của Kim, Kiều.</p> <p>+ nay còn là của Vân.</p> <p>=> tiếc nuối, đau đớn.</p> <p>=> Kiều chỉ có thể trao duyên (nghĩa) nhưng tình không thể trao.</p> <p>=> Nghĩ đến cái chết.</p> <p>- <i>Của tin</i>: phím đàn, mảnh hương nguyên - những vật gắn bó, gợi tình yêu Kim- Kiều.</p> <p>=> Trao kỉ vật cho em, lí trí Kiều bảo phải trao nhưng tình cảm thì muốn níu giữ. Biết bao giằng xé trong hai chữ “của chung” ấy. Biết bao tiếc nuối, đau đớn. Nàng tự nhận mình là “người mệnh bạc”- người có số phận bất hạnh. Nàng chỉ có thể phó thác cho Vân việc nối mối duyên dang dở với Kim Trọng để trả nghĩa cho chàng chứ ko thể trao tình yêu. Nên sau khi trao kỉ vật, trao duyên rồi nhưng nàng không tìm được sự thanh thản. Nàng coi mình như đã chết...</p> <p>* Câu 15 - 24:</p> <p>- Cảnh sum họp của Kim Trọng - Thúy Vân:</p> <p>=> Linh hồn cô độc, bất hạnh của Thúy Kiều.</p> <p>+ tình yêu thủy chung, mãnh liệt.</p> <p>+ ý thức ngày càng rõ hơn về bi kịch của Thúy Kiều.</p> <p>- <i>Ngày xưa</i> - thời gian quá khứ xa xôi - thời gian tâm lí, chia cuộc đời Kiều làm hai mảng đối lập:</p> <p>Quá khứ >< Hiện tại</p> <p>hạnh phúc, tươi đẹp, rực rỡ. chia li, tan vỡ đột ngột, thảm khốc.</p> <p>=> Quá khứ đã trở thành ảo ảnh vô cùng xa xôi.</p>
<p>- Kiều đã dự đoán trước số phận của mình như thế nào?</p> <p>- Tâm trạng Kiều đến đây như thế nào.</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>- Sau khi trao kỉ vật, Thúy Kiều dặn em điều gì? Tâm trạng của Kiều lúc bấy giờ?</p>		

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm ra bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận

- Đại diện học sinh trình bày sản phẩm.

- Giáo viên gọi hs nhận xét chéo, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

<p>Nhiệm vụ 4</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu 10 câu thơ cuối: <i>Kiều tự độc thoại nội tâm của mình như thế nào ở đoạn kết?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm ra bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét chéo, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Hàng loạt những từ nói về cái chết: + <i>hồn, nát thân bồ liễu, dạ đài, thác oan</i>: nỗi đau đớn tuyệt vọng và dự cảm tương lai bất hạnh của Kiều. + “Mất người ... thác oan”: Kiều vẽ ra viễn cảnh tương lai đối lập giữa một bên là cảnh sum vầy của Kim Trọng - Thúy Vân với một bên là linh hồn cô độc, bất hạnh của nàng. Vậy là dù có chết nàng vẫn không quên được mối tình với chàng Kim. Nói cách khác đó là một tình cảm bền chặt, thủy chung, mãnh liệt. Nàng ý thức ngày càng rõ hơn về bi kịch của mình nên đã chuyển từ đối thoại sang độc thoại nội tâm. Trong khi dự cảm về viễn cảnh tương lai mình phải chết oan, chết hận, hồn tả tơi bay vờ trong gió, ko siêu thoát được, nhưng vẫn mang nặng lời thề, Kiều như càng dần quên sự có mặt của em để độc thoại. Gv liên hệ đến câu chuyện về anh Trương Chi (giải thích câu “Dạ đài ... thác oan”). Trương Chi còn tìm được sự đồng cảm của Mị Nương sau khi chàng chết nhưng với Kiều bi kịch tình yêu ko được giải quyết vì đó mới chỉ là ảo giác của mai sau.</p> <p>4. Mười câu cuối: Tâm trạng đau đớn của Thúy Kiều sau khi trao duyên cho em</p> <p>- Ý thức về hiện tại: <i>Bây giờ</i> + Trâm gãy bình tan. + Phận bạc như vôi. + Nước chảy, hoa trôi. => Những thành ngữ chỉ sự tan vỡ, dở dang, bạc bẽo, trôi nổi của tình duyên và số phận con người. - Hàng loạt các câu cảm thán: + tình yêu mãnh liệt: sự chia biệt vĩnh viễn. + nỗi đau đớn, tuyệt vọng đến mê sảng. - “Người mệnh bạc”(phần trên): người phụ bạc. - “Lạy” (lạy tình quân): + tạ lỗi. + vĩnh biệt.</p>
--	--

	<p>- Hai lần gọi tên Kim Trọng: tức tuổi, ghen ngạo, đau đớn đến mê sảng.</p> <p>=> Kiều quên đi nỗi đau của mình mà nghĩ nhiều đến người khác, đức hi sinh cao quý.</p> <p>=> 10 câu cuối, Kiều chuyển hẳn sang độc thoại nội tâm mang tính chất đối thoại với người vắng mặt (Kim Trọng). Hàng loạt các câu cảm thán gọi tình yêu mãnh liệt nhưng sự chia biệt là vĩnh viễn. Bi kịch càng lên cao, Kiều càng đau đớn, tuyệt vọng đến mê sảng, quên cả ý tứ để chuyển sang nói với người vắng mặt là chàng Kim.</p> <p>=> Thúy Kiều từ chỗ nhận mình là người mệnh bạc, giờ lại tự nhận là người phụ bạc chàng Kim. Vì vậy, đang độc thoại, nàng quay sang đối thoại tưởng tượng với Kim Trọng, gọi tên chàng trong cơn đau đến mê sảng. Cái lạy ở đây khác với cái lạy ở phần đầu. Kiều nhận tất cả lỗi về mình nhưng nào nàng có lỗi gì ...</p> <p>=> Hai câu cuối của đoạn trích, chúng ta còn thấy nàng đau đớn, tuyệt vọng đến ngất đi: <i>“Cạn lời hồn ngất máu say/ Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đông”...</i></p>
--	---

Nội dung 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: Học sinh nhận thức được giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

b. Nội dung: Tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du; vẻ đẹp nghệ thuật: nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ, hình ảnh...

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Từ phần khám phá văn bản, em hãy nêu khái quát nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Trao duyên”?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3. Báo cáo thảo luận Cá nhân trả lời câu hỏi, học sinh khác nhận xét và bổ sung (nếu học sinh trước trả lời chưa đủ ý)</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Qua đoạn trích “Trao duyên”, tác giả Nguyễn Du đã khắc họa được bi kịch tình yêu, cùng với thân phận bất hạnh cũng như nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật.</p> <p>- Sử dụng hình ảnh tượng trưng, ước lệ...</p>

Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt lại các chia sẻ.	- Sử dụng thành công ngôn ngữ, thể thơ của dân tộc.
---	---

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên.....	Lớp.....
PHIẾU HỌC TẬP (SỐ 1) TÌM HIỂU KHÁI QUÁT ĐOẠN TRÍCH “TRAO DUYÊN”	
- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:	
.....	
.....	
- Nhân vật trữ tình:	
.....	
.....	
- Cảm hứng chủ đạo:	
.....	
.....	
- Thể thơ:	
.....	
- Bố cục:	
.....	
.....	
Nhận xét:.....	
.....	
.....	

Họ và tên.....	Lớp.....
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (NHÓM 1, 2) TÌM HIỂU ĐOẠN THƠ TỪ CÂU 13 ĐẾN CÂU 24	
- Em nhận xét gì về ngôn ngữ của Thuý Kiều đối với Thuý Vân?	
- Ngôn ngữ của Nguyễn Du trong đoạn thơ có gì gần gũi với cách nói của dân gian?	
- Tâm trạng của Kiều khi nói được ra điều mình muốn nói?	
- Cảm nhận của em về nhân vật Thuý Kiều?	

Họ và tên.....	Lớp.....
PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2 (NHÓM 3, 4) TÌM HIỂU ĐOẠN THƠ TỪ CÂU 25 ĐẾN CÂU 38	
- Kiều trao kỉ vật cho em trong tâm trạng như thế nào? - Những kỉ vật thiêng liêng này có ý nghĩa như thế nào đối với Kiều.	
- Kiều đã dự đoán trước số phận của mình như thế nào? - Tâm trạng Kiều đến đây như thế nào.	
- Sau khi trao kỉ vật, Thúy Kiều dặn em điều gì? Tâm trạng của Kiều lúc bấy giờ?	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của em về nhân vật Thúy Kiều qua đoạn trích “Trao duyên”.

b. Nội dung:

Học sinh thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của giáo viên.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ: - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của em về nhân vật Thúy Kiều qua đoạn trích “Trao duyên”. - Gợi ý: + Giới thiệu đoạn trích. + Giới thiệu nhân vật. + Cảm nhận của bản thân - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	Bài tham khảo “Trao duyên” là một trong những đoạn trích tiêu biểu của “Truyện Kiều” đã thành công trong việc khắc họa tâm lý của nhân vật Thúy Kiều và tái hiện lại cuộc tình bi kịch của cô. Thúy Kiều là một cô gái xinh đẹp, không thể theo đuổi tình yêu của mình và phải hy sinh hạnh phúc của mình vì gia đình. Tình yêu giữa cô và Kim Trọng đẹp đẽ, họ có nhiều kỉ niệm đẹp cùng nhau, hẹn thề, trao tín vật. Nhưng cuộc đời luôn có những điều khó lường, và vì hi sinh cho gia đình, Thúy Kiều buộc phải gả cho Mã Giám Sinh. Nàng đau đớn và khóc than, nhưng vẫn trao tín vật và thuyết phục em gái mình thay mình đến với Kim Trọng. Qua đoạn “Trao duyên”, ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp của Thúy Kiều - một người con gái tài năng, hiểu
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình.	
Bước 4. Kết luận, nhận định	

Giáo viên chốt lại các bài viết, lựa chọn các bài viết tốt để cả lớp tham khảo.	thảo, giàu tình cảm và chung thủy, nhưng cuộc đời lại trở trêu và không công bằng với cô.
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu hoạt động

Học sinh thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người, biết trân trọng những giá trị văn hoá của dân tộc.

b. Nội dung thực hiện

Trước bi kịch tình yêu tan vỡ của nàng Kiều, Nguyễn Du xót xa, thương cảm với nỗi đau khổ của nàng. Từ đó, đoạn trích có giá trị tố cáo xã hội sâu sắc; trân trọng phẩm chất cao quý của Thúy Kiều – một người con gái hiếu thảo.

c. Sản phẩm: kết quả bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: Liên hệ đoạn trích với cuộc sống, nếu em là nhân vật Thúy Kiều ở thời đại ngày nay, đứng trước cảnh gia biến, em có xử lý giống Thúy Kiều không? Tại sao? Là nữ sinh thời 4.0, em học được ở Thúy Kiều điều gì? Học sinh thảo luận và thực hiện.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>Gợi ý phần trả lời của học sinh Học sinh thảo luận nhóm (4 em/nhóm) rồi trả lời các yêu cầu giáo viên đưa ra.</p>
--	---

IV. Củng cố: Học sinh làm một số câu hỏi trắc nghiệm mà giáo viên đưa ra.

V. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn tập kiến thức đã học.
- Soạn bài “Độc Tiểu Thanh kí” – Nguyễn Du

Ngày soạn:

BÀI 6: NGUYỄN DU – NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG PHẦN ĐỌC

Tiết 6, 7 - VĂN BẢN 3: ĐỘC TIỂU THANH KÍ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Dựa trên những hiểu biết chung về tác giả và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du, đọc hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của Độc Tiểu Thanh kí. Từ đó, vận dụng vào việc đọc hiểu các sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du. Cụ thể:

- Tiếng khóc cho số phận người phụ nữ tài sắc bạc mệnh đồng thời là tiếng nói khao khát tri âm của nhà thơ.
- Hình ảnh thơ mang ý nghĩa biểu trưng sâu sắc.

- Nghệ thuật đối trong thơ Đường luật, đặc biệt phương diện đối về ý.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: khi trao đổi, thảo luận về vẻ đẹp của bài thơ.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

2.2. Năng lực riêng biệt

- Năng lực cảm thụ văn học, năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực đọc hiểu văn bản chữ Hán theo đặc trưng thể loại.

3. Về phẩm chất:

Nhân ái: Đồng cảm với những kiếp người tài hoa bạc mệnh trong xã hội; biết yêu thương, trân trọng những giá trị tinh thần cao đẹp và những con người làm nên giá trị tinh thần ấy.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung:** Học sinh nhận thức được trào lưu nhân đạo chủ nghĩa giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, đặc biệt là đề tài về người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Du.

c. **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Gv tổ chức trò chơi truy tìm mảnh ghép. Luật chơi: có 4 mảnh ghép, khi trả lời đúng câu hỏi, các em sẽ lần lượt lật các mảnh ghép để khám phá bức tranh cần tìm.</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv đặt câu hỏi:</p> <p>+ Câu 1: <i>“Sống làm vợ khắp người ta Hại thay thác xuống làm ma không chồng”.</i> Hai câu thơ nói về nhân vật nào?</p> <p>+ Câu 2: Vẻ đẹp của nhân vật nào được đề cập trong hai câu thơ sau: <i>“Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”.</i></p> <p>+ Câu 3 Điền các từ còn thiếu vào dấu (...)? <i>“Đau đớn thay, phận Lời rằng ... cũng là lời chung”</i></p>	<p>Câu 1: Đạm Tiên Câu 2: Thuý Kiều Câu 3: Đàn bà/ bạc mệnh. Câu 4: Hồng nhan bạc mệnh. Bức tranh nàng Tiểu Thanh. Gv nhận xét, dẫn vào bài mới.</p>

<p>+ Câu 4: Câu thơ "Lạ gì bỉ sắc tư phong/Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" thể hiện quan niệm gì của người xưa? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm việc cá nhân trả lời câu hỏi. Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Hs trình bày kết quả. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá, kết quả như Dự kiến sản phẩm.</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu hoạt động:

- **Học sinh ghi nhớ** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối).
- **Học sinh tìm hiểu và ghi nhớ** một số nét chính về tác phẩm: đối tượng trữ tình, bố cục, cảm hứng chung của bài thơ...
- **Học sinh đối chiếu** được bản dịch thơ với nguyên văn (thông qua bản dịch nghĩa) và **chỉ ra** chỗ hai bản dịch thơ chưa diễn đạt được sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn.

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh thực hành thảo luận cặp đôi tìm hiểu về những nét chung về tác phẩm: nhân vật trữ tình, đối tượng trữ tình, thời điểm sáng tác, cảm hứng chủ đạo...
- **c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: Gv yêu cầu học sinh đọc tác phẩm (Phiên âm, dịch nghĩa và hai bản dịch thơ). - Gv gọi 1 học sinh đọc diễn cảm phần phiên âm và dịch thơ. Một học sinh khác đọc chậm từng câu phần dịch nghĩa. Đến câu nào có chú thích, kết hợp đọc chú thích câu ấy để cả lớp nắm rõ nghĩa. 2. Tác phẩm Sau đó, giáo viên phát phiếu học tập để tìm hiểu chung về tác phẩm. HS đọc thông tin được cung cấp trong sách giáo khoa và hoàn thành phiếu học tập. Nhiệm vụ 1. Học sinh tìm hiểu khái quát về tác phẩm: Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác; nhân vật trữ</p>	<p>1. Tìm hiểu khái quát 1. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: - Bài thơ nằm trong tập “Thanh Hiên thi tập” là cảm hứng của Nguyễn Du nhân đọc “Tiểu Thanh kí”- một tập kí viết về nàng Tiểu Thanh hoặc tập thơ của nàng (Theo Trương Chính). - Bài thơ nằm trong tập “Bắc hành tạp lục”, sáng tác khi N.Du đi sứ Trung Quốc đến viếng mộ Tiểu Thanh (Theo Đào Duy Anh). 2. Đối tượng trữ tình: - Tiểu Thanh: Là một người con gái có tài, sắc sống đầu đời Minh (Trung Quốc), làm lẽ, bị vợ cả ghen, bắt ở một ngôi nhà trên núi. Vì đau buồn, cô sinh bệnh rồi chết ở tuổi 18. - Tâm trạng uất ức của nàng được gửi gắm vào những bài thơ do nàng sáng tác nhưng đã bị vợ cả đốt. Những bài thơ còn sót lại được người đời tập hợp lại gọi là Phần dư 3. Nhân vật trữ tình: Chủ thể trữ tình - tác giả bài thơ đọc tập kí kể về cuộc đời Tiểu Thanh ở bên cửa sổ.</p>

<p>tình; đối tượng trữ tình của bài thơ; cảm hứng chủ đạo, thể thơ và cách phân chia bố cục.</p> <p>Nhiệm vụ 2. Học sinh đối chiếu bản nguyên văn với hai bản dịch thơ và chỉ ra điểm khác biệt.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh tự lựa chọn nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu.</p> <p>Bước 3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản.</p>	<p>Từ đó, cảm nghĩ về cuộc đời, số phận nàng Tiểu Thanh, về “nỗi hờn kim cổ” và nghĩ về mình 300 năm sau.</p> <p>4. Cảm hứng chủ đạo: Thương xót cho số phận bất hạnh của những người phụ nữ tài sắc; Sự đau đớn, xót xa, tiếc nuối khi phải chứng kiến những giá trị tinh thần cao đẹp của con người bị vùi dập.</p> <p>5. Thể thơ và bố cục: Thất ngôn bát cú Đường luật.</p> <p>- Bố cục: 4 phần + 2 câu đề: Sự thay đổi của cảnh Tây Hồ và tâm trạng của tác giả.. + 2 câu thực: Nỗi oan trái của cuộc đời Tiểu Thanh + 2 câu luận: Cảm nghĩ của nhà thơ về những kiếp người tài hoa bạc mệnh. + 2 câu kết: Tâm trạng băn khoăn, khao khát sự đồng cảm từ hậu thế của tác giả.</p> <p>6. So sánh nguyên tác với bản dịch.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nguyên tác</th><th>Bản dịch thơ 1</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Câu 1: nguyên tác chữ “tận”: hết, hết thấy: sự biến đổi triệt để của cảnh vật, không còn dấu vết cảnh xưa.</td><td><i>Hoá</i>: mức độ thay đổi cảnh vật nhẹ hơn, chưa lột tả được sự thay đổi triệt để của cảnh vật.</td></tr> <tr> <td>Câu 2: - “Độc” + Đơn độc, một mình. + Duy, chỉ. => Độc điệu: một mình viếng thương: sự cô đơn của tác giả - Nhất chỉ thư: một tập sách</td><td>- <i>Thôn thức</i>: từ láy thể hiện tiếng khóc nức, không thấy được sự cô đơn vừa đọc vừa khóc một mình của tác giả. - <i>Mảnh giấy tàn</i>: Biểu cảm quá lộ.</td></tr> <tr> <td>Câu 3: <i>Lụy phần dư</i>: Không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.</td><td>- Đốt còn vương: chưa rõ ý.</td></tr> <tr> <td>Câu 4: <i>Hận</i></td><td>Bản dịch chuyển thành “hờn” sắc thái nhẹ hơn.</td></tr> <tr> <td>Câu 5:</td><td>Bản dịch chuyển thành “khách” –</td></tr> </tbody> </table>	Nguyên tác	Bản dịch thơ 1	Câu 1: nguyên tác chữ “tận”: hết, hết thấy: sự biến đổi triệt để của cảnh vật, không còn dấu vết cảnh xưa.	<i>Hoá</i> : mức độ thay đổi cảnh vật nhẹ hơn, chưa lột tả được sự thay đổi triệt để của cảnh vật.	Câu 2: - “Độc” + Đơn độc, một mình. + Duy, chỉ. => Độc điệu: một mình viếng thương: sự cô đơn của tác giả - Nhất chỉ thư: một tập sách	- <i>Thôn thức</i> : từ láy thể hiện tiếng khóc nức, không thấy được sự cô đơn vừa đọc vừa khóc một mình của tác giả. - <i>Mảnh giấy tàn</i> : Biểu cảm quá lộ.	Câu 3: <i>Lụy phần dư</i> : Không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.	- Đốt còn vương: chưa rõ ý.	Câu 4: <i>Hận</i>	Bản dịch chuyển thành “hờn” sắc thái nhẹ hơn.	Câu 5:	Bản dịch chuyển thành “khách” –
Nguyên tác	Bản dịch thơ 1												
Câu 1: nguyên tác chữ “tận”: hết, hết thấy: sự biến đổi triệt để của cảnh vật, không còn dấu vết cảnh xưa.	<i>Hoá</i> : mức độ thay đổi cảnh vật nhẹ hơn, chưa lột tả được sự thay đổi triệt để của cảnh vật.												
Câu 2: - “Độc” + Đơn độc, một mình. + Duy, chỉ. => Độc điệu: một mình viếng thương: sự cô đơn của tác giả - Nhất chỉ thư: một tập sách	- <i>Thôn thức</i> : từ láy thể hiện tiếng khóc nức, không thấy được sự cô đơn vừa đọc vừa khóc một mình của tác giả. - <i>Mảnh giấy tàn</i> : Biểu cảm quá lộ.												
Câu 3: <i>Lụy phần dư</i> : Không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.	- Đốt còn vương: chưa rõ ý.												
Câu 4: <i>Hận</i>	Bản dịch chuyển thành “hờn” sắc thái nhẹ hơn.												
Câu 5:	Bản dịch chuyển thành “khách” –												

	“ngã”: ta	chưa thấy rõ sự đồng cảm, cùng hội cùng thuyền của chính nhà thơ với những kiếp tài hoa, bạc mệnh.
	Nguyên tác	Bản dịch thơ 2
	Câu 1	Mất đi chữ “ <i>tận</i> ”: sự thay đổi triệt để của cảnh vật.
	Câu 2.	Mất đi sắc thái của chữ “ <i>độc</i> ” đồng thời bỏ qua “ <i>nhất chỉ thư</i> ”.
	Câu 5	“ <i>Hận</i> ” trong nguyên tác chuyển thành “ <i>oan</i> ” chưa bộc lộ rõ thái độ của tác giả.
	Câu 6	“ <i>Ngã</i> ” : ta, bản dịch bỏ qua - chưa thấy rõ sự đồng cảm, cùng hội cùng thuyền của chính nhà thơ với những kiếp tài hoa, bạc mệnh.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Học sinh khám phá vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung: Từ nỗi xót xa về số phận bi kịch của nàng Tiểu Thanh đến sự suy tư về đời thế và cảm khái về thân phận của tác giả. Qua đó, các em nhận ra được vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ: ngôn ngữ thơ, kết cấu, nghệ thuật tu từ đối...

c. Sản phẩm: Sản phẩm của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia nhóm để HS tìm hiểu bài thơ Nhóm 1. Trong hai câu đề, sự thay đổi của cảnh vật Tây Hồ gợi cho em những suy nghĩ gì? Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong câu thơ thứ hai? Nhóm 2. Nỗi oan trái của cuộc đời nàng Tiểu Thanh biểu hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào trong hai câu thực? Phân tích hiệu quả của nghệ thuật tu từ đối trong hai câu thơ trên. Nhóm 3. Nhà thơ đã có những cảm xúc và suy ngẫm gì trong hai câu luận? Nhóm 4. Nhận xét của em về nỗi băn khoăn trăn trở và tâm trạng của Nguyễn Du được gửi gắm qua hai câu thơ kết. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Dựa theo sách giáo khoa và bài đã chuẩn bị, học sinh làm việc theo nhóm thực hiện nhiệm vụ.	II. Khám phá văn bản 1. Hai câu đề: Sự thay đổi của cảnh Tây Hồ và tâm trạng của tác giả. * Câu 1: <i>Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang</i> - Hình ảnh: Tây Hồ hoa uyển: Vườn hoa bên Tây Hồ - cảnh đẹp cạnh Cô Sơn nơi Tiểu Thanh từng ở-> Lưu dấu ấn của Tiểu Thanh. - Từ ngữ: “ <i>Tận</i> ” thay đổi triệt để -> Quy luật của thời gian - Nghệ thuật đối lập: Tây Hồ cảnh đẹp > < gò hoang Quá khứ nơi Tiểu Thanh Hiện tại: Hoang sông: đẹp rực rỡ vu, cô quạnh -> Câu thơ đầu gợi sự thay đổi huỷ diệt của thời gian đồng thời chứa đựng nỗi xót xa thương cảm của tác giả trước lẽ biến thiên dâu bể của cuộc đời. * Câu 2: <i>Thôn thức bên song mảnh giấy tàn.</i>

<p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Nhóm cử đại diện trình bày phần bài làm của mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định. GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.</p>	<p>- Từ ngữ: <i>Độc điệu</i>: một mình viếng thương -> Người chết - người đi viếng hai tâm hồn cô đơn vượt qua thời gian để gặp gỡ.</p> <p>- Số từ “<i>độc</i>”- một mình, “<i>nhất</i>” – một: Sự cô đơn, nhỏ bé đến tội nghiệp của kiếp người trước sự tàn phá của thời gian vô tận.</p> <p>→ Hai câu thơ đầu gợi lẽ biến thiên dâu bể của cuộc đời. Qua đó, thể hiện nỗi tiếc nuối xót xa và sự đồng cảm của Nguyễn Du dành cho Tiểu Thanh.</p> <p>2. Hai câu thực: Nỗi oan trái của cuộc đời Tiểu Thanh</p> <p>- Biện pháp hoán dụ:</p> <p>+ <i>Son phấn</i>: sắc đẹp của Tiểu Thanh.</p> <p>+ <i>Văn chương</i>: Tài năng của Tiểu Thanh.</p> <p>- Biện pháp đối:</p> <p>+ Vế đầu của mỗi câu có biểu hiện đối lập (tương phản): <i>son phấn</i> thì có linh hồn, <i>văn chương</i> thì không có thân mệnh.</p> <p>+ Vế sau có xu hướng thống nhất (tương thành): cả <i>son phấn</i> và <i>văn chương</i> đều phải chịu số phận oan khiên.</p> <p>-> sự khái quát hoá sâu sắc về số phận của cái đẹp nói chung.</p> <p>=> Hai câu thực thể hiện nỗi day dứt xót thương của tác giả trước cái tài, cái đẹp bị chà đạp phũ phàng. Cái tài cái đẹp cũng có linh hồn, tâm trạng khiến người đời lưu luyến, xót xa.</p> <p>3. Hai câu luận: Cảm nghĩ của nhà thơ về những kiếp người tài hoa bạc mệnh</p> <p>- “<i>cố kim hận sự</i>”: Những mối hận của người xưa và người nay: mang tính phổ quát, tồn tại dài lâu, nhức nhối.</p> <p>- “<i>thiên nan vấn</i>” – khó hỏi trời được. Trời cũng không thể giải đáp được câu hỏi: hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng.</p> <p>- <i>Phong vận kì oan</i>: nỗi oan kì lạ của những người tài hoa.</p> <p>- <i>Ngã tự cư</i>: ta tự mang->cái tôi trực tiếp hiện diện.</p> <p>=> Từ số phận của Tiểu Thanh, Nguyễn Du bày tỏ sự bế tắc, bất lực trước quy luật</p>
---	--

	<p>nghiệt ngã “tài mệnh tương đố”. Ông tự nhận mình cùng hội cùng thuyền với những người tài hoa bạc mệnh.</p> <p>4. Hai câu kết: tâm trạng bồn chồn, khao khát sự đồng cảm từ hậu thế của tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số từ: ba trăm năm lẻ nữa -> thời gian ước lệ, chỉ tương lai xa xôi, cũng là khoảng cách thời gian của tác giả và Tiểu Thanh. - Động từ “<i>khóc</i>”: đồng cảm, chia sẻ, tri âm. - Cách xưng hô: <i>Tố Như</i> – tư cách một nhà thơ, một nghệ sĩ, một cái tôi cá nhân -> Ý thức về nhân phẩm, về tài năng, ý thức về nỗi đau của chính mình (Cái tôi cá nhân) - Câu hỏi tu từ: nỗi bồn chồn khao khát của Nguyễn Du: khao khát tri âm tri kỉ giữa cuộc đời. <p>=> Nỗi cô đơn của nhà thơ vì chưa tìm được tri âm tri kỉ giữa cuộc đời. Nguyễn Du chỉ biết gửi niềm hi vọng ấy vào hậu thế. Và hậu thế đã đáp ứng mong muốn cháy bỏng ấy của nhà thơ.</p>
--	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh nhận thức được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

b. Nội dung: Tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du, niềm khao khát tri âm hướng về hậu thế; vẻ đẹp nghệ thuật: nghệ thuật tu từ đối, ngôn ngữ, hình ảnh...

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Từ phần khám phá văn bản, em hãy nêu khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3. Báo cáo thảo luận: Cá nhân trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các chia sẻ.</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ tái hiện cuộc đời và số phận bất hạnh của nàng Tiểu Thanh. Qua đó, thể hiện tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du cũng là giá trị nhân đạo mới mẻ trong nền văn học dân tộc: Ông xót xa thương cảm không chỉ cho những người đời cơm rách áo trong cuộc đời mà còn cho cho những người tài hoa bạc mệnh – những người sáng tạo nên những giá trị tinh thần cao đẹp nhưng số phận chịu nhiều bất hạnh.

	<p>- Bài thơ thể hiện niềm khao khát tri âm hướng về hậu thế.</p> <p>2. Nghệ thuật:</p> <p>- Sử dụng tài tình phép đối và khả năng thống nhất những mặt đối lập trong hình ảnh, ngôn từ.</p> <p>- Ngôn ngữ trữ tình đậm chất triết lí.</p>
--	---

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên.....	Lớp.....
PHIẾU HỌC TẬP (SỐ 1) TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC PHẨM ĐỌC TIỂU THANH KÍ	
<p>- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>- Đối tượng trữ tình:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>- Nhân vật trữ tình:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>- Cảm hứng chủ đạo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>- Thể thơ:</p> <p>.....</p>	
<p>- Bố cục:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>...</p>	

Họ và tên.....	Lớp.....
PHIẾU HỌC TẬP (SỐ 2) SO SÁNH NGUYÊN TÁC VÀ BẢN DỊCH THƠ TÁC PHẨM ĐỌC TIỂU THANH KÍ	

Nguyên tác	Bản dịch thơ 1	Nguyên tác	Bản dịch thơ 2

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Viết được văn bản trình bày suy nghĩ về một khía cạnh được đặt ra trong tác phẩm Độc Tiểu Thanh kí của Nguyễn Du.

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về giá trị nhân đạo mới mẻ trong bài Độc Tiểu Thanh kí của Nguyễn Du.

b. Nội dung:

HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về giá trị nhân đạo mới mẻ trong bài Độc Tiểu Thanh kí của Nguyễn Du.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận. Học sinh trình bày phần bài làm của mình.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định. GV chốt lại các bài viết, lựa chọn các bài viết tốt để cả lớp tham khảo.</p>	<p>Bài làm mẫu</p> <p>Tình cảm xót thương, đồng cảm trước số phận bất hạnh của người phụ nữ là tình cảm nhân đạo sâu sắc trong văn học dân gian đã được truyền sang văn học trung đại mà tiêu biểu là Nguyễn Du. Trong tác phẩm, Độc Tiểu Thanh kí, Nguyễn Du thể hiện niềm cảm thông sâu sắc đối với những người phụ nữ xinh đẹp, tài hoa nhưng lại bất hạnh. Chủ đề này cũng được nhắc lại trong các tác phẩm văn học cổ điển Trung Quốc của ông, đặc biệt là trong bài thơ “Người cô độc bị ruồng bỏ”. Bài thơ gửi gắm niềm xót xa, thương xót cho số phận của những người phụ nữ tài sắc, xinh đẹp phải chịu sự bất công, bất hạnh. Nhà thơ bày tỏ sự phẫn nộ, lên án chế độ tàn ác, vô nhân đạo của chế độ phong kiến chà đạp lên tài năng, sắc đẹp. Tư tưởng nhân đạo ấy đòi hỏi, cao cả và sâu sắc, mở rộng phạm vi đồng cảm không chỉ với</p>
---	--

	những người phụ nữ bình thường, lệ thuộc, yếu thế như miêu tả trong văn học dân gian mà còn với cả những người phụ nữ xuất thân cao quý, tài năng và xinh đẹp nhưng vẫn phải chịu số phận éo le. Và cả, những người tài hoa bạc mệnh trong xã hội – hồng nhan đa truân, tài tử đa cung. Tình cảm của lòng trắc ẩn ấy không chỉ hướng đến người mà còn hướng đến chính mình với khát khao mong tìm được tri âm tri kỉ giữa cuộc đời...
	(Nguồn Internet)

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu hoạt động:

Học sinh thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người, biết trân trọng những giá trị văn hoá tinh thần cao đẹp và chủ nhân của những giá trị văn hoá ấy.

b. Nội dung thực hiện:

Trước cuộc đời bi thảm của nàng Tiểu Thanh, Nguyễn Du xót xa, thương cảm với số phận bất hạnh của nàng. Từ đó, ông đòi quyền sống cho con người – đặc biệt là những văn nghệ sĩ. Đồng thời, Nguyễn Du cũng tự thương, tự đau cho chính mình với niềm khao khát tri âm tri kỉ gửi vào cuộc đời – những người hậu thế. Liên hệ bài thơ với cuộc sống, là một hậu bối, em làm gì để “khóc” cho Tố Như?

c. Sản phẩm: kết quả bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: Liên hệ bài thơ với cuộc sống, là một hậu bối, em làm gì để “khóc” cho Tố Như? Học sinh thảo luận và thực hiện.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>Gợi ý phần trả lời của HS và GV</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng cảm với những mảnh đời bất hạnh, trân trọng, gìn giữ, phát huy những giá trị văn hoá tinh thần do cha ông để lại. - Học tập thơ Nguyễn Du, gìn giữ Truyện Kiều...
--	---

4. Củng cố: Học sinh xem lại bài học, chuẩn bị bài mới Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối.

5. HDVN:

- Hãy tìm đọc và giới thiệu một vài tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Du.

Học sinh có thể chọn một tác phẩm em yêu thích, viết giới thiệu tác phẩm ấy. Sau đó quay video gửi vào nhóm lớp.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 6

NGUYỄN DU- NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG

Tiết.....:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI

Môn học/ hoạt động: Ngữ Văn: Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS nhận biết được các hình thức biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm.

2.2. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ):

HS phân tích được các tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ cho các hoạt động đọc và viết.

3. Phẩm chất:

HS biết trân trọng, yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học liệu: SGK, các văn bản có dùng các từ Hán Việt

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

1.1 Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

1.2. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

1.3. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

1.4. Tổ chức thực hiện:	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu đoạn trích và hình ảnh. Yêu cầu HS nhận diện biện pháp tu từ được sử dụng.</p> <p>NGŨ LIỆU 1: <i>Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!</i> (Thép Mới)</p> <p>NGŨ LIỆU 2</p> <p><i>Khi sao phong gấm rủ là</i> <i>Giờ sao tan tác như hoa giữa đường</i> <i>(Truyện Kiều – Nguyễn Du)</i> Và:</p> 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được biện pháp tu từ đã được sử dụng: - Ngũ liệu 1: Lập cấu trúc cú pháp. - Ngũ liệu 2: Đối
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chú ý hình ảnh. Sau đó chỉ ra bptu từ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.</p>	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Mục tiêu: Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc, biện pháp tu từ đối.

Biết cách nhận diện và nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ nêu trên

Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng để làm bài tập thực hành.

2.2. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

2.3. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh.

2.4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Thao tác 1: Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu: Nhóm 1,2: + Nhận biết tác dụng của biện pháp lặp cấu trúc cú pháp Nhóm 3,4: + cho ví dụ biện pháp lặp cấu trúc cú pháp</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Nhóm trao đổi, thảo luận</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đại diện báo cáo kết quả. HS khác quan sát, nhận xét, phản biện. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn. <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau Gv đánh giá kết quả làm việc của Hs theo Dự kiến sản phẩm</p> <p>Thao tác 2: Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ đối.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu: Nhóm 1,2: + Nhận biết tác dụng của biện pháp đối . Nhóm 3,4: + cho ví dụ biện pháp tu từ đối .</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Nhóm trao đổi, thảo luận</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đại diện báo cáo kết quả. HS khác quan sát, nhận xét, phản 	<p>1/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp Biện pháp tu từ lặp cấu trúc được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, nhất là trong thơ. Biện pháp tu từ này tạo nên ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của đoạn thơ, đoạn văn và làm nổi bật nội dung tác giả muốn nhấn mạnh. Ví dụ: <i>Con sóng dưới lòng sâu.</i> <i>Con sóng trên mặt nước.</i> (Trích Xuân Quỳnh – Sóng)</p> <p>==> Hai câu thơ này có dùng phép lặp cú pháp, tạo nên một thể đối xứng, có tác dụng khắc họa hình ảnh mọi con sóng (mọi con người) đều đang ở trong tâm trạng nhớ thương day dứt khôn nguôi.</p> <p>2/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ đối. -Biện pháp tu từ đối được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, có tác dụng tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn. + Đối trong một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu: <i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy</i> <i>Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu</i> <i>Ngàn dâu xanh ngắt một màu</i> <i>Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?</i> (Trích Chinh phụ ngâm - Bản dịch Đoàn Thị</p>

biện. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn. Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau Gv đánh giá kết quả làm việc của Hs theo Dự kiến sản phẩm	Điềm). + Đối trong một cặp câu: <i>Sóng biếc theo làn hơi gợn tí</i> <i>Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo”</i> (Thu điếu- Nguyễn Khuyến)
--	--

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP.

3.1. Mục tiêu: HS biết cách vận dụng kiến thức về câu để nhận biết và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ cho các hoạt động đọc và viết.

3.2. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

3.3. Sản phẩm: Học sinh làm việc độc lập

3.4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh thực hiện theo yêu cầu trong sgk (câu 1 và câu 2). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	Bài tập 1,2 – SGK Ngữ văn 11, tập 2, trg 20. Bài tập 1: a/ Xác định biện pháp tu từ lập cấu trúc được thể hiện qua đoạn thơ: - Từ ngữ thể hiện: Cấu trúc <i>Buồn trông...</i> - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu ... + Cụm từ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn ngày càng dâng kín bủa vây lấy Kiều. b/ Xác định biện pháp tu từ lập cấu trúc được thể hiện qua đoạn thơ: - Từ ngữ thể hiện: Khi....; mình...mình. - Tác dụng: + Nhấn mạnh sự đối lập giữa hoàn cảnh và thực tại. + Tạo nhịp điệu thể hiện cảm xúc xót xa, ngao ngán với số phận của Kiều. c/ Xác định biện pháp tu từ lập cấu trúc được thể hiện qua đoạn thơ: Từ ngữ thể hiện: Đã cho...đã đầy.... - Tác dụng: + Tạo nhịp thơ dồn dập. + Nhấn mạnh cảm xúc xót thương của tác giả đối với số phận nhân vật và nỗi

	<p>truân chuyên , đau khổ của nàng Kiều.</p> <p>Bài tập 2 : SGK Ngữ văn 11, tập 2, trg 20.</p> <p>a/ Phép đối trong đoạn thơ: <i>Người quốc sắc,/ kẻ thiên tài, Tình trong như đã/mặt ngoài còn e.</i></p> <p>Tác dụng:</p> <p>+ Tạo nên vẻ đẹp cân xứng trong tài sắc của hai nhân vật Thúy Kiều- Kim Trọng. + Gợi sự phong phú về ý nghĩa, gợi vẻ đẹp hoàn chỉnh và hài hòa cho hình tượng nghệ thuật.</p> <p>b/ Nhận biết qua những câu: <i>Áo đầm giọt lệ/ tóc se mái sầu; Phận dầu dầu vậ/cũng dầu; Vì ta khăng khít/ cho người dở dang</i></p> <p>Tác dụng:</p> <p>+ Tạo nên sự cân xứng trong cách thể hiện + Nhấn mạnh thái độ thụ động hoàn toàn của Kiều trước số mệnh.</p> <p>c/ <i>Kẻ đi muôn dặm/ một mình xa xôi; Nửa in gối chiếc/ nửa soi dặm trường!</i></p> <p>Tác dụng:</p> <p>+ Tạo nên sự cân đối, hài hòa trong cách thể hiện cảm xúc của tác giả. + Nhấn mạnh cảm nhận của Kiều về cảnh ngộ và số phận hai người (lừa đôi ở hai phía chân trời cách trở). Kiều vừa thương mình vừa thương kẻ đi xa buồn tủi cho thân phận ; làm nổi bật nỗi buồn thao thức đơn chiếc lẻ bóng của nàng Kiều.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

4.1. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

4.2. Nội dung: Tìm các biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp và đối với các nội dung về môi trường, học tập, lao động-sản xuất, sức khỏe.

- Chia lớp thành 4 đội.

- Đội nào tìm được nhiều từ nhất thì chiến thắng.

4.3. Sản phẩm: Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.

4.4. Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng

HS: Hết thời gian 5 phút, học sinh trình bày sản phẩm trên bảng phụ.

GV: nhận xét chốt đúng/ sai, cho điểm. Mỗi từ đúng được 2 điểm.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.

Trang 88

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

GV hỏi: Hãy nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh? Kể các phương pháp thuyết minh mà em biết?

c. Sản phẩm: Phiếu quan sát và thảo luận

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới <i>Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về văn thuyết minh, cụ thể là thuyết minh một tác phẩm văn học.</i>	HS chia sẻ quan điểm cá nhân - VB Thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong TN, XH bằng phương thức trình bày, giới thiệu. - Các P ² : P ² nêu định nghĩa, giải thích; phương pháp liệt kê; P ² nêu ví ; P ² dùng số liệu; P ² so sánh; P ² phân loại, PTích

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- **Học sinh** Giới thiệu được tác giả, tác phẩm cần thuyết minh(hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại, nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân

- **Học sinh tự tin trình bày** chia sẻ quan điểm của bản thân

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận bằng phiếu học tập

- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập và chia sẻ bài dàn ý

c. Sản phẩm: Bài thảo luận của học sinh, lời nhận xét vào phiếu đánh của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập <ul style="list-style-type: none"> Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ phần nội dung chuẩn bị HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân Gv chuyển giao nhiệm vụ 	I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài Dự kiến trả lời: - Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh.

<p>+ Em hãy cho biết khi viết một bài văn thuyết minh về một tác phẩm văn học cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?</p> <p>+ Điều gì làm nên giá trị và sức hấp dẫn của bài văn thuyết minh?</p> <p>+ Em cần chuẩn bị những gì để viết tốt kiểu bài này?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn</p> <p>- GV quan sát, gợi mở</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Gv tổ chức hoạt động</p> <p>- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Giới thiệu khái quát về tác giả.</p> <p>- Nêu được hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại, tóm tắt nội dung chính TP.</p> <p>- Nêu thông tin về giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>- Khẳng định vị trí, đóng góp của tác phẩm vị trí của tác phẩm với đời sống văn học</p> <p>- Có lòng ghép yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.</p> <p>- Tri thức về tác giả, tác phẩm và kỹ năng làm văn</p>
--	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Gv chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Câu 1: Bài thuyết minh Truyện Kiều- kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du gồm những nội dung gì? Nội dung nào được tác giả xác định là trọng tâm?</p> <p>Câu 2: Chỉ ra sự kết hợp của một số yếu tố như tự sự, miêu tả, biểu cảm hoặc nghị luận được sử dụng trong bài văn thuyết minh?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn</p> <p>- GV quan sát, gợi</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Gv tổ chức hoạt động</p> <p>- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nvụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo</p> <p>Phân tích bài viết tham khảo: Truyện Kiều- kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du</p> <p>Trả lời câu hỏi:</p> <p>Câu 1:</p> <p>- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Du, tác phẩm Truyện Kiều (hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại, nội dung, nghệ thuật, khẳng định vị trí, đóng góp của tác phẩm vị trí của tác phẩm với đời sống văn học)</p> <p>- Nội dung được tác giả xác định là trọng tâm: giá trị tư tưởng, nghệ thuật và vị trí của tác phẩm trong nền văn học dân tộc.</p> <p>Câu 2: Có lòng ghép yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận:</p> <p>- Tự sự: Người viết tóm tắt cốt truyện</p> <p>- Miêu tả: Tả về các nhân vật: Kim Trọng, Thúy Kiều.</p>

	- Biểu cảm: Người viết trân trọng, đề cao vị trí của tác giả, tác phẩm. - Nghị luận: Bài viết được trình bày theo hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc. Đồng thời bày tỏ quan điểm về tác phẩm
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH VIẾT)

a. Mục tiêu: Viết được một bài văn thuyết minh về một tác phẩm văn học

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ. HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành PHT.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

nếu có thể sẽ bổ sung thêm: Các gợi ý ở mỗi khâu viết; Ví dụ cụ thể với đề về Bình Ngô...: chuẩn bị viết: có thể định hướng các nguồn tư liệu tham khảo về Nguyễn Trãi để đọc tích lũy kỹ thức, phân dàn ý : ngoài dàn ý sgk cần lưu ý luận điểm then chốt, nổi bật về tác giả, về bài cáo (văn kiện lịch sử, áng thiên cổ hùng văn, so sánh Đại cáo bình Ngô với các tác phẩm chính luận trung đại và hiện đại), trích dẫn ý kiến của các nhà ng cứu; chọn lọc chi tiết tiêu biểu của bài để phân tích; trích dẫn chứng về cảm tác sau khi đọc N Trãi (sưu tầm). **LƯU Ý:** định hướng một số dẫn chứng ngoài tác phẩm bình ngô, ý kiến nhận định, đánh giá, đàm cãi ý tổ nghị luận và biểu cảm, cách viết câu văn giàu hình ảnh, biện pháp tu từ)

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Tác phẩm mà em lựa chọn để viết là tác phẩm nào?</i> - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv bổ sung, nhận xét	III. Thực hành viết theo các bước 1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn một tác phẩm mà học sinh đã học trong chương trình lớp 10. Tác phẩm: Đại cáo bình Ngô của Nguyễn Trãi. Lưu ý: Hs có thể chọn tác phẩm đã học. Một số nguồn TLTK: 1. <i>Bình Ngô đại cáo, một số vấn đề về chữ nghĩa</i> , Nguyễn Đăng Na, Nhà xuất bản Khoa học 2. <i>Mấy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi: Nhân kỷ niệm 520 năm ngày Nguyễn Trãi mất</i> , Nhiều tác giả, Nhà xuất bản Khoa học 3. <i>Nguyễn Trãi</i> , Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Khoa học

	<p>4. <i>Nguyễn Trãi đánh giặc cứu nước</i>, Nguyễn Lương Bích, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân</p> <p>5. <i>Nguyễn Trãi toàn tập</i>, Nhà xuất bản Khoa học xã hội</p> <p>6. <i>Nguyễn Trãi - Về tác gia và tác phẩm</i>, Nhà xuất bản Giáo dục...</p> <p>- <i>Một số nhận định về Đại cáo bình Ngô</i>:</p> <p>Nguyễn Trãi được đánh giá là một nhà văn chính luận kiệt xuất. Đời sau có nhiều người ca ngợi văn chương của ông:</p> <p>1. Nguyễn Mộng Tuân xem ông là "<i>bậc văn bá</i>"</p> <p>2. Lê Quý Đôn đánh giá ông là "<i>văn thư thảo hịch giỏi hơn hết một thời</i>"</p> <p>3. Tô Thế Nghi ca ngợi ông là "<i>sông Giang sông Hán trong các sông và sao Ngưu sao Đẩu trong các sao</i>"</p> <p>4. Phạm Đình Hổ xem văn chương của ông "<i>có khí lực dồi dào... đọc không chán miệng</i>"</p> <p>5. Theo Dương Bá Cung, văn Nguyễn Trãi "<i>rõ ràng và sang sảng trong khoảng trời đất</i>"</p> <p>6. Theo Phan Huy Chú: "<i>văn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế</i>"</p> <p>7. Phạm Văn Đồng nhìn nhận văn chương Nguyễn Trãi "<i>đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật, đều hay và đẹp lạ thường</i>"...</p>
--	---

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ	2. Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý: - Lựa chọn thuyết minh về tác phẩm Đại cáo bình Ngô

+Em hãy tìm ý cho bài viết theo PHT số 1		là vì sự yêu thích, tinh thần ham học hỏi và đây là tác phẩm tiêu biểu của thời kì VHTĐ.
Câu hỏi	Trả lời	- Vị trí: Nguyễn Trãi là nhà chính trị, ngoại giao, nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc; Đại cáo bình Ngô là một tác phẩm chính luận mẫu mực của thời kì văn học trung đại.
- Vì sao chọn thuyết minh về tác phẩm này?		- Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh, bằng thể loại:
- Tác giả và tác phẩm được thuyết minh có vị trí như thế nào?		+ Hoàn cảnh ra đời: Đại Cáo bình Ngô được Nguyễn Trãi viết thay Lê Lợi khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh kết thúc (1428) để chiêu cáo với thiên hạ rằng chúng ta đã giành lại độc lập dân tộc, tuyên ngôn độc lập, mở ra một trang mới cho lịch sử nước nhà.
- Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào, bằng thể loại gì?		+ Thể loại: Cáo
-Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm là gì?		- Nội dung cơ bản: Cơ sở pháp lí, tố cáo tội ác của giặc Minh và tuyên bố độc lập.
-Tác phẩm đã được đánh giá như thế nào về giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật?		- Nghệ thuật: Kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và chất văn chương nghệ thuật:
- Tác phẩm có giá trị gì cho đời sống văn học?		+ Yếu tố chính luận thể hiện ở kết cấu chặt chẽ của tác phẩm, lập luận sắc bén, lời văn đanh thép, hùng hồn, bằng chứng xác thực.
+ Hs lập dàn ý theo PHT số 2		+ Chất văn chương nghệ thuật, lời văn rất giàu cảm xúc. Câu văn rất giàu hình tượng, sử dụng các điển tích điển cố, lịch sử.
Nhiệm vụ của từng phần	Nội dung chi tiết	- Giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật: là bản anh hùng ca ca ngợi chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta thế kỉ XV. Tác phẩm vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị văn học; là tác phẩm chính luận có hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, giọng văn hùng hồn.
Mở bài: Giới thiệu chung tác giả, tác phẩm		- Vị trí: “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi là bản tuyên ngôn độc lập hào hùng của nước Đại Việt.
Thân bài	Giới thiệu khái quát về Nguyễn Trãi.	b. Lập dàn ý
	Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, thể loại, bố cục tác phẩm Đại cáo bình Ngô.	b.1. Mở bài
	Trình bày	Giới thiệu TP “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi
		b.2. Thân bài
		b.2.1. Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Trãi
		- Nguyễn Trãi (1380-1442), tên hiệu là Úc Trai, quê gốc ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau đó dời đến Định Khê, Thường Tín, Hà Nội. Ông nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao lỗi lạc, bậc anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Đồng thời, ông còn là một nhà văn kiệt xuất, nhà thơ trữ tình sâu sắc.

	<i>giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm</i>	
	<i>Kết bài: Khẳng định đóng góp của tác phẩm cho nền văn học</i>	
<p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo 		
<p>- Nguyễn Trãi để lại cho đời một khối lượng tác phẩm đồ sộ: gồm nhiều thể loại khác nhau bằng chữ Hán và chữ Nôm.</p> <p>- Tác phẩm chính luận tiêu biểu nhất là “Đại cáo bình Ngô”</p> <p>b.2.2. Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, thể loại, bố cục tác phẩm Đại cáo bình Ngô.</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời: Đại Cáo bình Ngô được Nguyễn Trãi viết thay Lê Lợi khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh kết thúc (1428) để chiếu cáo với thiên hạ rằng chúng ta đã giành lại độc lập dân tộc, tuyên ngôn độc lập, mở ra một trang mới cho lịch sử nước nhà.</p> <p>- Ý nghĩa nhan đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> + "Bình Ngô", tức là bình định quân Minh xâm lược, dẹp yên giặc dữ, tàn ác và vô nhân đạo. + Hai chữ "đại cáo" tức là bản cáo lớn, thể hiện tầm quan trọng của sự kiện cần tuyên bố, cũng như khẳng định tư tưởng lớn của dân tộc. <p>- Thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cáo là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả của một sự nghiệp để mọi người cùng biết. + Cáo phần nhiều được viết bằng văn biên ngẫu (không hoặc có vần, thường có đối, câu dài ngắn không gò bó, mỗi cặp hai vế đối nhau) + Cáo là thể văn có tính chất hùng biện, lời lẽ đanh thép, lí luận sắc sảo. + Bài đại cáo trên được viết theo lối văn biên ngẫu, có vận dụng thể tứ lục (từng cặp câu, mỗi câu 10 chữ ngắt nhịp 4/6). <p>- Bố cục</p> <p>Đoạn 1 là nêu luận đề chính nghĩa, đoạn 2 vạch rõ tội ác của kẻ thù, đoạn 3 kể lại diễn biến của cuộc khởi nghĩa, đoạn 4 là phần tuyên bố chiến quả khẳng định sự nghiệp chính nghĩa.</p> <p>b.2.3. Trình bày giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>* Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: Nêu ra luận đề chính nghĩa với hai cơ sở lớn: Tư tưởng nhân nghĩa "Việc nhân nghĩa cốt ở yên 		

	<p>dân/Quân điều phạt trước lo trừ bạo", lấy nhân dân làm gốc, thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân, một lòng vì nhân dân.</p> <p>Khẳng định chủ quyền của dân tộc thông qua nhiều khía cạnh khác nhau bao gồm: Văn hiến, ranh giới lãnh thổ, lịch sử đấu tranh, triều đại trị vì và phong tục tập quán.</p> <p>- Đoạn 2: Nêu nên tính chất phi nghĩa của quân Minh xâm lược và tội ác của chúng trên đất nước ta:</p> <p>+ Lấy danh nghĩa phù Trần diệt Hồ để dẫn quân vào xâm lược nước ta.</p> <p>+ Tàn sát giết hại đồng bào một cách dã man, ra sức bóc lột thuế khóa, đàn áp vắt kiệt sức lao động, đẩy nhân dân ta vào chỗ nguy hiểm, dùng mọi thủ đoạn vơ vét tài nguyên sản vật, phá hoại tài nguyên cây cỏ, phá hoại cả nền nông nghiệp của nhân dân ta.</p> <p>- Đoạn 3:</p> <p>+ Tái hiện lại tài năng nhân phẩm và ý chí của chủ soái Lê Lợi.</p> <p>+ Kể lại cuộc khởi nghĩa Lam Sơn qua nhiều giai đoạn.</p> <p>- Đoạn 4:</p> <p>+ Tuyên bố thắng lợi, khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc, tính chất chính nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ.</p> <p>+ Rút ra bài học lịch sử cho dân tộc dựa trên tư tưởng mệnh trời, quy luật của tạo hóa trong ngũ hành, bát quái, Kinh dịch:</p> <p>* Nghệ thuật:</p> <p>- Kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và chất văn chương nghệ thuật.</p> <p>- Yếu tố chính luận thể hiện ở kết cấu chặt chẽ của tác phẩm, lập luận sắc bén, lời văn đanh thép, hùng hồn.</p> <p>- Chất văn chương nghệ thuật lời văn rất giàu cảm xúc. Câu văn rất giàu hình tượng, sử dụng các điển tích điển cố, lịch sử.</p> <p>* So sánh với Nam quốc sơn hà</p> <p>- Đây là những bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc</p> <p>- Nếu ở Nam quốc sơn hà, chủ quyền được khẳng định trên 2 phương diện: bờ cõi, vua được ghi trong sách trời – lực lượng siêu nhiên thần bí thì trong Bình ngô đại cáo, chủ quyền được khẳng định trên nhiều phương diện hơn: tên nước, nền văn hiến, bờ cõi, phong tục, triều đại, anh hùng, hào kiệt – các phương diện sánh ngang</p>
--	---

	<p>với Trung Quốc. Đặc biệt, nếu Nam quốc sơn hà khẳng định chủ quyền của nước chính là chủ quyền của vua thì Bình ngô đại cáo, Nguyễn Trãi quan niệm lấy dân làm gốc, yêu nước là yêu nhân dân</p> <p>b.3. Kết bài Khẳng định đóng góp của tác phẩm cho nền văn học: “Bình Ngô đại cáo” -</p>
--	---

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ + Gv phát / trình chiếu bảng kiểm + Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài làm của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh) <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv bổ sung, nhận xét 	<p>3. Viết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs viết bài theo dàn ý <p>4. Chỉnh sửa, hoàn thiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài và đối chiếu, chỉnh sửa theo tiêu chí: - Bài viết có cung cấp thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm. - Các nội dung thuyết minh có sắp xếp hợp lí, cân đối, có trọng tâm. - Bài viết có lồng ghép các yếu tố hỗ trợ: miêu tả, biểu cảm, nghị luận.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (TRẢ BÀI)

a. Mục tiêu: Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài Nhận diện và hiểu rõ những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết. Phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế ở bài viết

b. Nội dung: HS viết bài; GV kiểm tra việc hiểu bài của HS

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài - Đọc lại đề bài. - Lập dàn ý <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành 	<p>I. Tìm hiểu đề và lập dàn ý</p> <p>1. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn thuyết minh. - Đảm bảo cấu trúc <p>2. Đề bài</p> <p>Hãy thuyết minh về tác phẩm Bình Ngô đại cáo.</p>
---	---

nhiệm vụ học tập để trình bày trước lớp. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời HS lên bảng ghi kết quả. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã ghi nhớ và thông hiểu . - GV chốt dàn ý bài viết và thang điểm cho bài viết	3. Dàn ý (đã có ở tiết trước) 4. Đáp án và biểu điểm - Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn (0,5 đ) - Xác định đúng đối tượng thuyết minh: (0,5 đ) - Nội dung thuyết minh (2,0đ) - Chính tả , từ ngữ, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt (0,5đ) - Sáng tạo: Biết kết hợp các yếu tố phù trợ làm nổi bật đối tượng (0,5 đ)
---	---

Nội dung 2: Nhận xét kết quả viết và yêu cầu học sinh chỉnh sửa

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: <i>GV: Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ học tập để trình bày trước lớp. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS chia sẻ ưu điểm và hạn chế trong bài viết của mình so với dàn ý, đáp án Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, khen ngợi các HS nhận biết ưu điểm và hạn chế trong bài viết. + Nhận xét cụ thể 1 số bài ở 3 phổ điểm: Giỏi – khá – TB – Yếu. + Chốt lại một số ưu điểm và hạn chế nổi bật và nhiều bạn mắc lỗi khi viết bài + Sửa lỗi phổ biến - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.	II. Nhận xét và sửa lỗi: 1. Nhận xét: a. Nhận xét cụ thể : - Bài điểm giỏi- khá- TB- yếu b. Nhận xét chung * Ưu điểm - Về kĩ năng: - Kiến thức: - Bố cục: - Về diễn đạt: - Từ ngữ: * Hạn chế - Về kĩ năng: - Kiến thức: - Bố cục: - Về diễn đạt: - Từ ngữ: 2. Sửa lỗi :

4. Củng cố:

GV đặt câu hỏi: Trình bày các yêu cầu khi thuyết minh về một tác phẩm văn học.

HS trả lời

5. HDVN:

- Hoàn thiện bài viết theo nhận xét, góp ý của thầy cô và các bạn, nộp lại cho GVBM

- Chuẩn bị bài mới theo KHGD .

Phụ lục 1. Phiếu học tập số 1

Câu hỏi	Trả lời
- Vì sao chọn thuyết minh về tác phẩm này?	
- Tác giả và tác phẩm được thuyết minh có vị trí như thế nào?	
- Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào, bằng thể loại gì?	
- Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm là gì?	
- Tác phẩm đã được đánh giá như thế nào về giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật?	
- Tác phẩm có giá trị gì cho đời sống văn học?	

Phụ lục 2. Phiếu học tập số 2

Nhiệm vụ của từng phần	Nội dung chi tiết
Mở bài: Giới thiệu chung tác giả, tác phẩm	
Thân bài	Giới thiệu khái quát về Nguyễn Trãi.
	Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, thể loại, bố cục tác phẩm Đại cáo bình Ngô.
	Trình bày giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm
Kết bài: Khẳng định đóng góp của tác phẩm cho nền văn học	

Phụ lục 3. Bảng kiểm

stt	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu lí do chọn tác phẩm một cách thuyết phục và hấp dẫn.		
2	Bài viết có cung cấp thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.		
3	Các nội dung thuyết minh có sắp xếp hợp lí, cân đối, có trọng tâm.		
4	Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm		

Phụ lục 4. Bài viết tham khảo

Trong dòng văn học yêu nước của dân tộc, có biết bao kiệt tác văn học đáng ngưỡng mộ và tự hào. Ta thêm tự hào về truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết qua những trang sử vẻ vang viết về cuộc đấu tranh anh dũng của dân tộc. Đó là Nam Quốc sơn hà của Lí Thường Kiệt, là Tụng giá hoàn kinh sư của Trần Quang Khải, Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh,...Đặc biệt, một trong số đó phải kể đến Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi, một tác phẩm bất hủ được xem là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc.

Nguyễn Trãi sinh năm 1380, mất năm 1442, hiệu là Úc Trai, quê ở làng Chi Ngại (Chi Linh, Hải Dương) sau rời về Nhị Khê (Thường Tín, Hà Tây, nay thuộc Hà Nội). Ông sinh ra trong một gia đình cả bên nội và bên ngoại đều có hai truyền thống lớn là yêu nước và văn hóa, văn học. Ông có công lớn trong cuộc chiến chống giặc Minh. Ông là người toàn tài hiếm có, cũng là người phải chịu oan khiên bậc nhất trong lịch sử trung đại Việt Nam. Vua Lê Thánh Tông đã dành tặng ông 8 chữ: *Úc Trai tâm thượng quang Khuê tảo*.

Bình Ngô đại cáo được xem là “*áng thiên cổ hùng văn*”. Là một tác phẩm chính luận nhưng tác phẩm này có thể xem như đã “*đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật, ... hay và đẹp lạ thường*” (Phạm Văn Đồng)

Vào năm 1427, quân Minh do Mộc Thạnh và Liễu Thăng cầm đầu bị nghĩa quân Lam Sơn đánh bại và thu phục. Tháng 12 năm 1427, Vương Thông đem quân theo sông Nhị Hà về nước theo lời ước giao hoà, được nghĩa quân Lam Sơn cấp lương thực và vật dụng để trở về. Đến năm 1428, quân giặc dẹp yên, đất nước không còn bóng quân Minh, Lê Lợi đã giao cho Nguyễn Trãi làm bài cáo để tổng kết cuộc đấu tranh, tuyên bố thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống quân Minh.

Tác phẩm được Nguyễn Trãi viết theo thể cáo. Khác với các thể loại khác, thể cáo thường được sử dụng nhiều trong các sự kiện trọng đại để thông báo cho quốc gia, dân tộc những nội dung quan trọng. Đây là loại văn hùng biện, chính luận nên ngôn từ thường sâu sắc, lý lẽ sắc bén và lập luận logic, chắc chắn. Tác phẩm được viết bằng chữ Hán và lấy nhan đề là "Bình Ngô đại cáo" với ý nghĩa tuyên bố đến toàn dân về việc giặc Ngô đã được dẹp yên, đồng thời cũng thể hiện thái độ khinh bỉ trước tội ác quân giặc, những kẻ nhờn nhờ làm điều phi nghĩa cuối cùng cũng bị đánh bại.

Bình Ngô Đại cáo được phân làm 4 phần với những nội dung lớn. Phần thứ nhất từ đầu đến "Chứng cứ còn ghi", trong phần này, tác giả đã nêu lên luận đề chính nghĩa, cốt lõi của cuộc chiến đấu là vì nhân dân, tư tưởng nhân dân chính là "việc nhân nghĩa" khi bước vào cuộc chiến. Đây là một luận đề phù hợp để mở đầu cho tác phẩm, bởi một cuộc chiến xuất phát từ lợi ích của nhân dân, vì nhân dân và dân tộc thì luôn luôn là cuộc chiến chính nghĩa, trong đó "trừ bạo", diệt giặc là công việc tiên quyết hàng đầu lúc bấy giờ. Mặt khác, cũng trong đoạn này Nguyễn Trãi đặt đất nước ta sánh ngang với các triều đại phương Bắc để khẳng định nền độc lập, sự bình đẳng của Đại Việt với các triều đại phương Bắc. Chứng minh và khẳng định hùng hồn Đại Việt gắn với nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục tập quán riêng, có lịch sử vẻ vang, hào hùng và những nhân tài, anh kiệt ngàn đời. Các yếu tố ấy là làm nên một Đại Việt vẻ vang, độc lập và hiên ngang trước thế giới, trước các triều đại phương Bắc.

Đoạn thứ hai từ "Vừa rồi" đến "Ai bảo thân dân chịu được" Sau khi nêu luận đề chính nghĩa, Nguyễn Trãi khéo léo vạch trần việc làm "phi nghĩa" của bè lũ giặc Minh cướp nước. Bằng giọng điệu gay gắt, ngôn ngữ đanh thép, tội ác giặc Minh được phơi bày như một bản kết tội sự tàn nhẫn dành cho chúng:

*"Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn*

*Vùi con đổ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời."*

Sự tàn độc của chúng đạt đến tột đỉnh khi âm mưu giả dối, hành động phi nhân, vô đạo đức. Chúng giết người tàn bạo, không nương tay cho kẻ nghèo hèn, khổ khó, chúng thi hành bao chính sách tàn ác, dã man, khiến nhân dân phải chịu nỗi đau tinh thần lẫn nỗi đau thể xác:

*"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ"*

Càng vạch trần sự bạo tàn của quân thù, tác giả càng bày tỏ xót xa, đau đớn đến nghẹn ngào trước những nỗi khổ đau, nhọc nhằn mà nhân dân phải chịu đựng. Tiếng thơ vừa cảm phần, vừa xót xa.

Đoạn thứ ba chiếm số lượng câu từ lớn nhất, từ "Ta đây núi Lam Sơn dấy nghĩa" đến "Cũng chưa thấy xưa nay" Nguyễn Trãi đã dùng trang dài nhất để tổng kết lại cuộc chiến đấu vẻ vang của nghĩa quân Lam Sơn vừa qua. Một lần nữa khẳng định sức mạnh dân tộc, ý chí chiến đấu mãnh liệt của dân tộc và kết quả tất yếu mà Đại Việt xứng đáng nhận được. Cuộc chiến đấu nào lúc bắt đầu cũng gặp nhiều khó khăn, nghĩa quân Lam Sơn cũng không nằm ngoài việc ấy. Ban đầu, quân ta phải đối mặt với vấn đề lương thực, vũ khí thiếu thốn, đội quân còn ít ỏi, thưa thớt, người tài, tuấn kiệt thì hiếm hoi. Nhưng "trong cái khó ló cái khôn", khó khăn ấy không làm nghĩa quân nhụt chí mà trái lại họ dùng trí tuệ để tìm ra những chiến thuật hay trong đánh trận.

*"Lấy yếu thắng mạnh
Lấy ít địch nhiều"*

Cùng với người lãnh đạo anh minh, sáng suốt, nghĩa quân ngày một lớn mạnh, sức chiến đấu hăng say. Thắng lợi liên tiếp, càng đánh càng hăng, thu về bao chiến công giòn giã. Quân Minh thất bại trong nhục nhã ê chề, kẻ phi nghĩa làm sao có thể tránh khỏi hai từ "thất bại".

Đoạn cuối bài cáo, Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi tuyên bố hùng hồn về việc kết thúc chiến tranh và khẳng định nền độc lập, thái bình vững bền của dân tộc.

Bình Ngô đại cáo chiếm trọn tình cảm của nhân dân và của người đọc qua bao thế hệ không chỉ bởi nội dung sâu sắc mà còn tài năng nghệ thuật tài tình của tác giả Nguyễn Trãi. Bài cáo giàu sức thuyết phục bởi ngôn từ sắc bén, lí lẽ chính xác, lập luận đúng đắn. Các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật giàu sức gợi, lời viết giàu cảm xúc. Các thủ pháp liệt kê, so sánh, đối lập,... được vận dụng linh hoạt, phù hợp. Giọng điệu thơ thay đổi linh hoạt, khi cảm phần trước sự man rợ quân thù, khi xót xa, đồng cảm trước khổ đau nhân dân, khi mãnh liệt sục sôi trong tái hiện cuộc chiến đấu, khi lại hùng hồn, trình trọng để tuyên bố hòa bình, dẹp yên bóng giặc.

Bình Ngô đại cáo được xem là bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai sau Nam quốc sơn hà – Lý Thường Kiệt. Tuy vậy mỗi tác phẩm lại có vị thế riêng. Nếu ở Nam quốc sơn hà, chủ quyền được khẳng định trên 2 phương diện: bờ cõi, vua được ghi trong sách trời – lực lượng siêu nhiên thần bí thì trong Bình ngô đại cáo, chủ quyền được khẳng định trên nhiều phương diện

hơn: tên nước, nền văn hiến, bờ cõi, phong tục, triều đại, anh hùng, hào kiệt – các phương diện sánh ngang với Trung Quốc. Đặc biệt, nếu Nam quốc sơn hà khẳng định chủ quyền của nước chính là chủ quyền của vua thì Bình ngô đại cáo, Nguyễn Trãi quan niệm lấy dân làm gốc, yêu nước là yêu nhân dân.

2/9/1945, Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Đây chính là **văn kiện khai sinh ra nước Việt Nam mới; mở ra một kỷ nguyên của độc lập, tự do, hạnh phúc**. Trong cái danh thép, quyết liệt của *Tuyên ngôn độc lập*, ta vẫn nghe thấy những âm vang của *Nam quốc sơn hà* trên sông Như Nguyệt và cái hào sảng của *Bình Ngô đại cáo* thuở Nguyễn Trãi cầm gươm và đánh giặc

Tác phẩm Đại cáo bình Ngô là áng văn giàu giá trị, là bản tuyên ngôn độc lập hào hùng của nước Đại Việt. Đọc bài cáo, em hiểu thêm về những nỗi đau của nhân dân, hiểu thêm về lịch sử huy hoàng của dân tộc. Và qua đó, em ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân mình khi sống trong thời đại hôm nay, phải biết yêu quê hương đất nước, biết sống hết mình để dựng xây và phát triển quê hương, xứng đáng với bao hy sinh của cha anh đi trước.

Ngày soạn:

BÀI 6: NGUYỄN DU – NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết ... : **GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**
(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Những yêu cầu, quy trình thực hiện khi giới thiệu một tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- NL giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- NL tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

2.2. Năng lực riêng biệt: Biết giới thiệu một tác phẩm văn học.

3. Về phẩm chất: Thể hiện tinh thần trách nhiệm khi giới thiệu một tác phẩm văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

GV hỏi: Làm thế nào để có thể truyền tải được nội dung tư tưởng và những nét đặc sắc của tác phẩm qua một bài nói ngắn?

c. Sản phẩm: Phiếu quan sát và thảo luận

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	HS chia sẻ quan điểm cá nhân - Người nói hiểu về tác phẩm - Người nói biết nhấn nhá và xoáy vào những điều đặc sắc của tác phẩm - Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**a. Mục tiêu:**

- Học sinh ghi nhớ được các bước thuyết trình và đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân
- Học sinh tự tin trình bày chia sẻ quan điểm của bản thân

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kỹ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kỹ năng nói nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: Bài thảo luận của học sinh, lời nhận xét vào phiếu đánh của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập <ul style="list-style-type: none"> • Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ phần nội dung chuẩn bị • HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân • HS thực hành lập dàn ý và nói <p>Đề bài: Giới thiệu và làm rõ giá trị của một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật mà bạn yêu thích</p> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> • Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nói Bước 1: Chuẩn bị nói Lựa chọn đề tài <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài bài nói có thể được khai thác từ kết quả của bài viết, cũng có thể là một đề tài mới. - Bài nói giới thiệu về một tác phẩm được lựa chọn theo quan điểm, sở thích cá nhân song bạn nên lựa chọn tác phẩm văn học có giá trị. Tìm ý và sắp xếp ý <ul style="list-style-type: none"> - Nếu chọn giới thiệu tác phẩm trong bài thuyết minh ở phần viết, HS cần dựa vào các yêu cầu của bài nói để tổ chức cho phù hợp. Ví dụ, từ bài thuyết minh về <i>Truyện Kiều</i> ở phần <i>Viết</i>, bạn cần rút gọn phần giới thiệu chung, chỉ giữ lại thông tin quan trọng nhất về tác giả, tác phẩm và tập trung trình bày một vài bình diện đặc sắc như: nguồn gốc cốt truyện, giá trị nhân văn, nghệ thuật tổ chức cốt truyện, xây dựng nhân vật và sử dụng ngôn ngữ,... - Nếu chọn đề tài mới, HS có thể tham khảo một số câu hỏi gợi ý để hình thành dàn ý cho bài nói: Vì sao

em lựa chọn tác phẩm văn học này để giới thiệu? Em đánh giá như thế nào về giá trị và sức cuốn hút của tác phẩm? Trong đó, điều gì khiến em tâm đắc nhất?

Bước 2. Thực hành nói

(Có thể lập dàn ý theo mẫu ở phụ lục)

Luyện tập

Khi luyện tập, bạn nên đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm. Để phần trình bày đạt hiệu quả tốt nhất, bạn nên:

- Mở đầu ngắn gọn, hấp dẫn, gợi hứng thú; kết thúc ấn tượng, đặc sắc, tạo dư âm.
- Lựa chọn từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, sinh động; giải thích rõ những từ ngữ khó.
- Nắm vững bố cục bài trình bày, dùng từ ngữ chuyển tiếp giữa các phần để người nghe dễ theo dõi.
- Trích dẫn một số câu văn/ thơ, lời thoại giữa các nhân vật, ca từ, phân cảnh/ phân đoạn ấn tượng trong tác phẩm điện ảnh/âm nhạc, trình chiếu hình ảnh của tác phẩm hội họa, điêu khắc để làm rõ nội dung giới thiệu.
- Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (phương tiện hỗ trợ trình bày, phương tiện ngôn ngữ hình thể) để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho bài trình bày.
- Sử dụng một số kỹ thuật như: cách phát âm, sự nhấn mạnh, tốc độ nói, chỗ ngừng nghỉ,...
- Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể trao đổi.

Bước 2: Trình bày bài nói

Tạo không khí và mối quan hệ gần gũi, thân thiện, lịch sự với người nghe.

- Sử dụng thẻ ghi chú ghi lại những từ ngữ quan trọng; sắp xếp các thẻ ấy hợp lý để hỗ trợ người nghe theo dõi phần trình bày.
- Sử dụng cách xưng hô và các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp, thể hiện sự quan tâm đến người nghe, mời gọi người nghe tương tác với mình trong khi nói.
- Nói bằng giọng tự tin, rõ ràng, rành mạch, có cảm xúc.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

Trong vai trò người nghe:

- Chia sẻ về những nội dung tâm đắc trong bài nói (thông tin thú vị về tác giả, tác phẩm; cách nhìn mới mẻ, độc đáo của người nói;...)
- Trao đổi với người nói về những vấn đề chưa rõ hoặc

	<p>chưa đồng tình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể bổ sung thông tin về tác phẩm được giới thiệu hoặc đưa ra ý kiến, quan điểm đánh giá riêng để giúp người nói có cái nhìn toàn diện hơn về tác phẩm được giới thiệu. - Nêu nhận xét về nội dung và cách trình bày bài nói. <p>Trong vai trò người nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích thêm những điều người nghe còn chưa rõ hoặc chưa đồng tình - Thể hiện thái độ tiếp thu đối với những góp ý hữu ích và xác đáng về tác phẩm được giới thiệu; bổ sung thông tin; chuẩn bị lí lẽ để phản biện những ý kiến, quan điểm của người nghe mà người nói chưa nhất trí. - Thể hiện tinh thần tôn trọng, cầu thị khi trao đổi với người nghe, đặc biệt về các ý kiến phản biện. - Tự đánh giá phần trình bày bài nói và nêu những kinh nghiệm bổ ích rút ra được qua trao đổi. <p>Đánh giá: Tham khảo bảng kiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nghe <p>Bước 1: Chuẩn bị nghe</p> <p>Trước khi nghe một bài thuyết trình, bạn nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tìm hiểu trong sách, báo, Internet về đề tài của bài thuyết trình. • Suy nghĩ về những gì bạn đã biết và muốn biết thêm về đề tài của bài thuyết trình • Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép. • Tìm vị trí thích hợp để có thể theo dõi và tương tác tốt với người thuyết trình. <p>Bước 2: Lắng nghe và ghi chép</p> <p>Trong khi nghe thuyết trình, bạn nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập trung lắng nghe nội dung thuyết trình để hiểu quan điểm của người nói. • Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của bài thuyết trình và quan điểm của người nói: <ul style="list-style-type: none"> - Các kiểu câu như: Vấn đề thứ nhất là...; Quan điểm của tôi là...; Tôi nghĩ...; Theo tôi...;... - Những nội dung mà người nói nhấn mạnh, nói chậm hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ. - Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình để hiểu quan điểm của họ. • Dùng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý,... để ghi chép thông tin chính của bài thuyết trình. Lưu ý sắp xếp
--	--

	<p>thông tin nghe được theo một trật tự logic để hiểu hơn về ý nghĩa của thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị bằng bút màu, gạch chân, dấu sao (*),... • Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình (giọng nói, phong cách, các ví dụ, hình ảnh,...). • Ghi những câu hỏi mà bạn muốn trao đổi với người thuyết trình. <p>Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá</p> <p>Dùng kĩ thuật PMI (plus, minus, interesting) để nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thuyết trình, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu và khẳng định những điểm tích cực của bài thuyết trình (P): Bài thuyết trình - của bạn đã đem đến cho tôi cách nhìn mới về vấn đề...; Bằng những ví dụ cụ thể, cách trình bày rõ ràng, bạn đã giúp tôi hiểu rõ vấn đề..... - Nêu một hoặc hai điểm hạn chế hoặc cần trao đổi thêm (M) bằng giọng điệu mềm mỏng, bằng cách đặt câu hỏi: Tôi không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của bạn, tôi cho là... vì những lí do sau...; Tôi nghĩ rằng, bài thuyết trình của bạn sẽ thú vị hơn nếu...; Bạn có thể giúp tôi làm rõ vấn đề... hay không? ; - Khẳng định sự thú vị của bài thuyết trình (I): Mặc dù còn một vài điểm như trên nhưng có thể nói, bài thuyết trình của bạn rất ấn tượng...; Tôi học được cách trình bày hấp dẫn, thu hút của bạn...; <p>• Khi trao đổi, bạn nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi nêu câu hỏi: Nêu điểm tích cực về nội dung và cách thức thuyết trình, xác nhận lại quan điểm của người nói. - Mạnh dạn nêu câu hỏi về những điều chưa rõ. Cần lưu ý hỏi ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng, tránh hỏi quá nhiều hoặc hỏi dồn dập theo kiểu lần lượt người trình bày. - Tôn trọng quan điểm của người nói, tránh công kích cá nhân.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe
- b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài nói theo rubric nghe và nói
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe theo nhóm hoặc nói trước cả lớp Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Dàn ý bài nói tham khảo (Phụ lục)
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói

b. Nội dung: HS lựa chọn một vấn đề mang tính toàn cầu để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

4. Củng cố:

GV đặt câu hỏi: Trình bày các yêu cầu cần có khi thuyết trình về một tác phẩm văn học.
 HS trả lời

5. HDVN:

- Hoàn thiện bài nói theo nhận xét, góp ý của thầy cô và các bạn.
- Quay video sản phẩm bài nói hoàn thiện và nộp lại cho GVBM.

Phụ lục 1. Phiếu lập dàn ý bài nói

PHIẾU GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC						
Tên	tác	phẩm	văn	học/	nghệ	thuật:
.....						
Thể loại:						
Tên tác giả:						
1. Lí do chọn giới thiệu tác phẩm:						
.....						
.....						

2. Triển khai:

– Giới thiệu đề tài, tóm tắt nội dung chính:

– Nêu ý kiến đánh giá về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm:
(Có thể chọn phân tích kĩ một khía cạnh mà mình tâm đắc)

3. Kết luận: Khẳng định giá trị và ảnh hưởng của tác phẩm.

Phụ lục 2. Bảng kiểm kĩ năng nói

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
MỞ ĐẦU	Chào hỏi và tự giới thiệu		
	Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tác giả		
	Nêu lí do chọn tác phẩm một cách thuyết phục và hấp dẫn.		
	Nhận xét khái quát về tác phẩm		
NỘI	Giới thiệu đặc điểm, nội dung và hình thức của tác phẩm		

DUNG TRÌNH BÀY	Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm		
	Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc, xem nghe tác phẩm		
	Sắp xếp các ý hợp lí, logic		
KẾT THÚC	Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm		
	Khuyến khích người nghe thưởng thức tác phẩm		
	Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe		
	Cảm ơn và chào kết thúc		
KĨ NĂNG TRÌNH BÀY, TƯƠNG TÁC	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu		
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ		
	Tương tác tích cực với người nghe		
	Phản hồi thỏa đáng những ý kiến, quan điểm của người nghe		

Phụ lục 3. Bài nói tham khảo

Tài sản về vật chất có thể nhanh đến và nhanh đi nhưng tài sản về tinh thần thì sẽ luôn luôn được lưu giữ. Người ta cũng không thể đem tài sản tinh thần ra để định giá bởi vì nó là vô giá. Đối với tất cả người dân Việt Nam, chúng ta có nhiều khối tài sản tinh thần chung và trong số đó không thể không nhắc đến đó chính là Truyện Kiều. Tác phẩm giống như một viên ngọc sáng mà tất cả các nhà văn, nhà thơ đều ao ước mình có thể làm nên một tác phẩm như vậy.

Kiệt tác vĩ đại Truyện Kiều được viết bằng chữ Nôm theo thể loại truyện thơ. Toàn bộ tác phẩm gồm 3254 câu thơ lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc. Mặc dù được viết dựa theo cốt truyện cuốn tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân nhưng Nguyễn Du đã có sự sáng tạo để tạo nên một Đoạn Trường Tân Thanh phù hợp với văn hóa của người Việt và thể hiện được những tinh hoa trong ngôn ngữ của người Việt.

Cốt truyện xoay quanh cuộc đời của Thúy Kiều, một người con sinh ra trong gia đình trung lưu lương thiện. Thúy Kiều vốn có cuộc sống êm đềm bên cha mẹ và hai người em là Thúy Vân và Vương Quan cho đến trước khi sóng gió ập đến.

Cả thiên truyện được chia làm ba phần với phần một có tên là Gặp gỡ và đính ước. Vào ngày hội Đạp Thanh, ba chị em Thúy Kiều cùng nhau đi tảo mộ. Tại đây, Kiều đã gặp năm mô của Đạm Tiên và tỏ lòng thương xót cho thân phận của người con gái hồng nhan, bạc mệnh. Lúc chuẩn bị ra về, Kiều lại gặp gỡ Kim Trọng và dường như hai người đã cảm mến nhau ngay từ giây phút đầu gặp gỡ. Sau đó, hai người đã bí mật gặp nhau và cùng nhau đính ước.

Phần hai có tên gọi Gia biến và lưu lạc. Sau khi đính ước, Kim Trọng phải về quê họ tang chú. Đúng lúc này gia đình Kiều bị vu oan, cha và em Kiều là Vương Quan bị bắt. Để cứu cha và em, Kiều đã phải bán mình để có tiền chuộc. Trước khi ra đi, Kiều đã trao lại mối duyên tình của mình cho em gái Thúy Vân. Sau khi bán mình, Kiều bị Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh lừa vào chốn lầu xanh. Tại đây, Kiều đã được Thúc Sinh cứu ra để làm vợ lẽ. Thúc Sinh là một khách làng chơi hào phóng nhưng vợ của hắn là Hoạn Thư có tính ghen điên cuồng. Hoạn Thư đã bày mưu tính kế để bắt Kiều về đây đọa. Sau khi trốn thoát, Kiều đã đến nương nhờ nơi cửa Phật và được sư Giác Duyên giúp đỡ. Nhưng sư Giác Duyên vì tin lời Bạc Bà, Bạc Hạnh nên đã giao lầm Kiều vào tay kẻ xấu. Thêm một lần nữa Kiều bị rơi vào chốn lầu xanh.

Tại đây, Kiều gặp được Từ Hải, một vị anh hùng đầu đội trời chân đạp đất. Không chỉ chuộc Kiều về làm vợ, Từ Hải còn giúp Kiều báo ân, báo oán. Nhưng nàng Kiều thật thà lại một lần nữa bị kẻ xấu lừa. Tin lời Hồ Tôn Hiến, Kiều đã đẩy Từ Hải vào chỗ chết. Sau đó, Kiều bị bắt phải hầu rượu, đánh đàn trong tiệc mừng công của quân triều và sau cùng bị ép gả cho một viên quan thổ. Vì quá đau xót và tủi nhục cho chính mình, khi đi qua sông Tiền Đường nàng đã nhảy xuống tự vẫn nhưng may mắn được sư Giác Duyên cứu giúp. Kiều lại tiếp tục sống nương nhờ cửa Phật.

Phần ba có tên gọi là Đoàn tụ. Sau khi hộ tang chú, Kim Trọng đã trở lại để tìm người yêu. Lúc này biết được sự việc Kim Trọng vô cùng đau đớn. Chàng kết duyên với Thúy Vân theo như lời dặn của Kiều nhưng trong lòng vẫn không nguôi nhớ về nàng. Kim Trọng đã đi tìm Kiều ở khắp nơi và may mắn đã cho hai người gặp lại nhau. Ngày đoàn viên của gia đình, Kiều đã quyết định “Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy” để tỏ lòng kính trọng người yêu cũng như bảo vệ danh tiết của mình.

Về nội dung, Truyện Kiều mang đến giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo vô cùng to lớn. Đó là một bức tranh khắc họa chân thực xã hội trước đây đầy rẫy những sự bất công và tàn bạo. Ở đó, con người bị vùi dập, bị tha hóa chỉ vì đồng tiền. Ở xã hội đó xuất hiện quá nhiều những con buôn giáo dục, nhà chứa nhơ nhớp và cả những tên quan tham ô lại. Người phụ nữ sống trong xã hội ấy bị đối xử một cách tàn nhẫn, bất công, bị chà đạp lên nhân phẩm khiến cho họ sống không bằng chết. Thế nhưng họ vẫn giữ được nhân phẩm, vẫn thể hiện được tài năng và khát vọng tự do, khát vọng tình yêu.

Về nghệ thuật, Truyện Kiều đã cho thấy được tinh hoa trong ngôn ngữ cũng như thể loại văn học của dân tộc. Tác phẩm đã sử dụng thể thơ lục bát một cách quá xuất sắc. Khi đọc tác phẩm, ta thấy một sự gần gũi, thân thuộc nhưng vẫn rất bác học. Có thể nói, nghệ thuật tự sự của tác phẩm đã có bước phát triển vượt bậc.

Cho đến nay, Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng và có hàng ngàn công trình nghiên cứu về tác phẩm này. Truyện Kiều không chỉ đưa văn học Việt Nam vươn xa ra thế giới mà còn giúp đất nước và con người Việt Nam ra xa hơn phạm vi quốc gia.

Truyện Kiều hoàn hảo cả về mặt nội dung và nghệ thuật. Những nhân vật trong tác phẩm như là con người thật ngoài đời. Đó là những điều làm nên giá trị tuyệt vời cho tác phẩm này.

(Nguồn: Internet)

Phụ lục 4. Bảng kiểm kỹ năng nghe

	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
CHUẨN BỊ NGHE	Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình		
TRONG KHI NGHE	Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình		
	Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khóa, cụm từ, sơ đồ dàn ý.		
	Đánh dấu những thông tin quan trọng		
	Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết trình.		
	Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận		

SAU KHI NGHE	Sử dụng kĩ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thức thuyết trình.		
	Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi tôn trọng quan điểm người nói).		
	Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi.		

Ngày soạn:

Ngày dạy: Lớp dạy:

BÀI 7:

GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

Thời gian thực hiện: 11 tiết (tiết 67 – 77)

(Đọc: 7 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí
- Hiểu những trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử để nhận xét và đánh giá văn bản văn học
- Hiểu được hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản nghệ thuật
- Biết cách viết bài văn thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội, có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận
- Biết cách thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.
- Vận dụng những hiểu biết về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.
- Viết được bài văn thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội, có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết cách tranh luận, phản biện một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi
- Rèn luyện và nâng cao các năng lực: tự học và tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập một cách linh hoạt, hiệu quả.

3. Về phẩm chất:

- Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, trân trọng các sắc màu văn hóa của đất nước

- Biết thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

(Nội dung tri thức Ngữ văn kèm trong bài đọc 1)

Ngày soạn: Ngày dạy: Lớp dạy:

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 67 – 68 – 69: TÊN BÀI DẠY: AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

(Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 11

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản của tùy bút – một tiểu loại của kí- qua một tác phẩm cụ thể, gồm:
 - + Tính chất ghi chép mang tính xác thực
 - + Đề tài của văn bản lấy từ sự thật đời sống
 - + Vai trò của chủ thể sáng tạo trong một văn bản tùy bút.
- Hiểu và phân tích được giá trị của các yếu tố tự sự, thuyết minh, đặc biệt là vai trò của yếu tố trữ tình trong một bài tùy bút.
- Nhận ra được mức độ, tính chất và các yếu tố hư cấu được sử dụng trong một tác phẩm kí.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:
 - + Nắm bắt nội dung của từng đoạn trong văn bản, lựa chọn được những đoạn văn tiêu biểu nhất
 - + Lựa chọn được những chi tiết đặc sắc thể hiện cái nhìn của tác giả bài tùy bút đối với đối tượng được miêu tả trong văn bản.
 - + Phân tích được hiệu quả của một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong văn bản (các phép tu từ, những hình ảnh tiêu biểu, cách tổ chức câu văn, nhan đề tác phẩm...)
- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc-viết trong bài học

3. Về phẩm chất:

Trân trọng, yêu mến và tự hào về những vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV chiếu một số hình ảnh về Huế và đặc trưng của Huế	
❖ HS theo dõi và lắng nghe thuyết trình hoặc trả lời câu hỏi về các địa danh của GV	
c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.	

d. Tổ chức thực hiện:	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và chiếu hình ảnh</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi của giáo viên</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.</p>	<p>Một số gợi ý Đại nội kinh thành Huế, làng hương, cầu trường tiền, sông Hương, điện Hòn Chén, đồi Vọng Cảnh, chùa Thiên Mụ, món ăn: các loại bánh,...</p>
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	
2.1 TRI THỨC NGŨ VĂN	
Tìm hiểu tri thức ngữ văn	
<p>a. Mục tiêu: Hiểu được những kiến thức cơ bản về thể loại kí</p> <p>b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về truyện: khái niệm kí, yếu tố tự sự, trữ tình trong tùy bút, tản văn, sự phi hư cấu và hư cấu trong truyện, kí...)</p> <p>- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm</p> <p>- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.</p> <p>c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS về một số nét cơ bản của kí</p> <p>d. Tổ chức thực hiện hoạt động:</p>	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại. GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề: <i>Về đẹp thể loại kí</i> * Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Nhóm MC GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm MC thiết kế bộ câu hỏi về kí</p> <p>Dự kiến: ? Kể tên một số tác phẩm văn học thuộc thể loại kí mà bạn yêu thích. (dành cho nhóm 2) ? Kí có những tiểu loại nào?(dành cho nhóm 3) ? Đặc điểm của Tùy bút? (dành cho nhóm 4) ? Bạn hiểu như thế nào về Tản văn? (dành cho nhóm 4) ? Truyện kí là gì? (dành cho nhóm 3) ? Em hiểu thế nào về yếu tố phi hư cấu trong truyện, kí?? (dành cho nhóm 3)</p>	<p>1. Kí: a. Khái niệm: Là tên gọi một nhóm các thể, tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin...nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả. b. Tiểu loại: Tùy bút, tản văn, phóng sự, kí sự. Truyện kí, hồi kí, Nhật kí, du kí....</p> <p>2. Tự sự và trữ tình trong tùy bút và tản văn: a. Tùy bút: Tiểu loại kí có tính tự do cao, bố cục linh hoạt, nghiêng hẳn về trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả. b. Tản văn: Là tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình còn có thể kết hợp với nghị luận, miêu tả...nhằm thể hiện những rung cảm thâm và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống. ->Trong tùy bút, tản văn, yếu tố tự sự và trữ tình luôn có sự kết hợp linh hoạt.</p>

<p>? Em hiểu thế nào về yếu tố hư cấu trong truyện, kí?? (dành cho nhóm 4)</p> <p>Nhóm 2: Nhóm yêu truyện Tìm những tác phẩm thuộc thể loại kí mà em biết.</p> <p>Nhóm 3: Nhóm chuyên gia truyện Chuẩn bị các tri thức về kí.</p> <p>Nhóm 4: Nhóm chuyên gia kí Chuẩn bị các tri thức về kí</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức đọc hiểu trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.</p> <p>Bước 3: Báo cáo sản phẩm - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc</p>	<p>3. Phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện kí là dạng kể về người thật, việc thật, tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực...nên được xếp vào loại phi hư cấu. - Yếu tố hư cấu trong truyện kí thể hiện qua cách hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
<p>2.2. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1</p> <p>Trải nghiệm cùng văn bản</p> <p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được thông tin về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường - HS nhận biết được sự nghiệp sáng tác và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Ai đã đặt tên cho dòng sông. <p>b. Nội dung hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS thực hiện theo yêu cầu của GV. + HS dựa vào SGK và tìm hiểu Internet để nắm được thông tin. + GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày. <p>c. Sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết quả hoạt động của HS. <p>d. Tổ chức thực hiện</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv yêu cầu HS là việc ở nhà, (Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để diễn đạt), khi đến lớp thuyết trình ngắn gọn: + Thông tin về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường. + Thông tin chung về tác phẩm “Ai đã đặt tên cho dòng sông” <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p>	<p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực (lịch sử, địa lí, văn hoá Huế) - Chuyên viết về thể loại bút kí. Nét đặc sắc trong sáng tác của Hoàng Phủ Ngọc Tường là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, với những liên tưởng mạnh mẽ và một lối hành văn mê đắm, tài hoa. - “Ai đã đặt tên cho dòng sông” là bài bút kí xuất sắc được viết tại Huế ngày 4.1.1981, in trong tập sách cùng tên. <p>2. Tác phẩm :</p>

<p>- Báo cáo kết quả học tập tại lớp. Gọi 1-2 em trình bày sản phẩm (Qua máy chiếu/ Tivi).</p> <p>- HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS.</p>	<p>a. Xuất xứ: “ Ai đã đặt tên cho dòng sông” rút từ tập bút ký cùng tên , được Hoàng Phủ Ngọc Tường viết ở Huế ngày 4-1-1981.</p> <p>b. Thể loại: Tác phẩm thuộc thể loại bút ký. Nhân vật là “Cái tôi” tài hoa , uyên bác, giàu tình cảm</p>				
<p>III. Đọc hiểu chi tiết (Suy ngẫm và phản hồi)</p> <p>a. Mục tiêu</p> <p>- Hs thấy được vẻ đẹp độc đáo đa dạng của sông Hương và tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với dòng sông quê hương, xứ Huế thân thương và đất nước.</p> <p>- HS hiểu được lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ gợi cảm, giàu hình ảnh và nhịp điệu; nhiều so sánh, liên tưởng mới mẻ, bất ngờ, thú vị; nhiều ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ được sử dụng tài tình.</p> <p>b. Nội dung hoạt động</p> <p>- HS thực hiện theo yêu cầu của Gv.</p> <p>- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu.</p> <p>- GV hướng dẫn Hs cách thức thực hiện và trình bày.</p> <p>c. Sản phẩm</p> <p>- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện.</p>					
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> GV chia lớp thành các nhóm tối đa 4HS/nhóm HS đọc văn bản theo nhóm 4, có thể chia đoạn cho nhau đọc HS hoàn thành phiếu học tập để tìm hiểu về sự kết hợp các yếu tố trong văn bản <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thực hành làm phiếu học tập</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>III. Đọc hiểu chi tiết</p> <p>1. Sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình trong tùy bút</p> <p>a. Hình tượng sông Hương được miêu tả từ nhiều góc nhìn và phân tích cụ thể từng đoạn</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Góc nhìn</th><th>Chi tiết (Phần phân tích xem ở phụ lục)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Địa lí, tự nhiên</td><td>Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng; từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế; giáp mặt thành phố ở cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng</td></tr> </tbody> </table>	Góc nhìn	Chi tiết (Phần phân tích xem ở phụ lục)	Địa lí, tự nhiên	Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng; từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế; giáp mặt thành phố ở cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng
Góc nhìn	Chi tiết (Phần phân tích xem ở phụ lục)				
Địa lí, tự nhiên	Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng; từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế; giáp mặt thành phố ở cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng				

	sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu;...
Lịch sử	Dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước.
Thơ ca	“Dòng sông trắng – lá cây xanh” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, từ tha thướt mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên “như kiếm dựng trời xanh” trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nỗi quan hoài vạn cổ với bóng chiều bàng lãng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan;...
Văn hóa	Toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya; thanh thoát, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng;...

b. Cái “tôi” của tác giả hiện hữu trong văn bản

- Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất; nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành trình gian truân mà nó đã vượt qua, không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khoá trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng; lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lặng lẽ của nó khi ngang qua thành phố...; đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày, hoặc trên sân khấu nhà hát; tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ;...

c. Sự đan xen kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình

	Yếu tố tự sự	Yếu tố trữ tình
	<p>+ Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biên bãi xanh biếc của những vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam – đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu</p> <p>+ Tôi đã đến Lê-nin-grát, có lúc đứng nhìn sông Nê-va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân; mỗi phiên băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng; và đoàn tàu tốc hành lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt trước cung điện Pê-téc-bua cũ để ra bể Bantích. Tôi vừa từ trong khói lửa miền qua Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Lê-nin-grát đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi đại. Ôi, tôi muốn hoá làm một con chim nhỏ đứng co một chân</p>	<p>+ ... như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biên bãi xanh biếc của những vùng ngoại ô Kim Long.</p> <p>+ ... sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu.</p> <p>+ Ôi, tôi muốn hoá làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển.</p> <p>+ Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lặng lẽ của nó khi ngang qua thành phố... Đây là điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bênh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vãn vương của một nỗi lòng.</p>

	<p>trên con tàu thủy tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vỗ tay, nhưng sông Nê-va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo. Hai nghìn năm trước, có một người Hy Lạp tên là Hê-ra-clít, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh, thế vậy! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lặng lẽ của nó khi ngang qua thành phố...</p>	
	<p>Tác dụng: + Yếu tố tự sự không chỉ vẽ lên trong tâm trí người đọc thủy trình của sông Hương khi chảy vào thành phố với những đường nét uốn lượn mềm mại, duyên dáng (một nét thẳng thực yên tâm, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến) mà còn mang đến cho độc giả sự cảm nhận rất rõ về cảm giác thanh thản, bình yên của một dòng sông khi đã tìm thấy chính mình, tìm thấy tình yêu của mình khi về với một thành phố chỉ dành riêng cho nó sau rất nhiều gian truân, thử thách trên hành trình. + Yếu tố tự sự trong đoạn văn còn được thể hiện qua những liên tưởng thú vị của tác giả về sông Nê-va của Lê-nin-grát; đề từ đó, tô đậm điệu chảy lặng lẽ, chậm rãi rất riêng của sông Hương.</p>	<p>Tác dụng: Yếu tố trữ tình trong đoạn văn này vừa góp phần khắc họa vẻ đẹp thơ mộng của dòng Hương Giang (qua những liên tưởng độc đáo, lãng mạn: đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu;...), vừa trực tiếp thể hiện tình cảm của tác giả dành cho dòng sông (ngạc nhiên, thích thú, tự hào khi phát hiện ra vẻ đẹp rất riêng của dòng sông ở đoạn này (đường nét uốn lượn tình tứ, điệu chảy lặng lẽ của dòng sông); yêu thương, trù mến trong cách kiến giải cho điệu slow của dòng sông (vì quá yêu thành phố, quá lưu luyến với người tình mong đợi trước khi chia xa).</p>
	<p>Nhận xét: Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ</p>	

	<p>trình vừa làm cho hình tượng sông Hương trong đoạn văn trở nên sinh động, gợi cảm vừa trực tiếp bộc lộ tình cảm của tác giả dành cho dòng sông. Với sự xuất hiện của yếu tố tự sự, đoạn văn không chỉ ghi lại thủy trình của dòng sông khi chảy vào thành phố mà còn thể hiện được những tình cảm mà Hương Giang dành riêng cho Huế. Vì thế, hình tượng sông Hương hiện lên không đơn thuần là một dòng sông mà đã được nhân hoá như một cô gái Huế e ấp, dịu dàng, duyên dáng với một vẻ đẹp riêng, khó lẫn trong hành trình tìm về với thành phố thân yêu của nó. Những yếu tố tự sự ấy kết hợp những yếu tố trữ tình đã phần nào giúp người đọc hình dung rõ hơn về những tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho sông Hương và xứ Huế.</p>
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> GV chia lớp thành các nhóm tối đa 4HS/nhóm HS đọc lại văn bản và hoàn thành phiếu học tập số 2 <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hành làm phiếu học tập</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>2. Đặc điểm ngôn ngữ văn học được thể hiện qua văn bản</p> <p>- Xác định một số biện pháp tu từ được sử dụng trong VB:</p> <p>+ So sánh: Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại; dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu;...</p> <p>+ Ẩn dụ: Sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở; sông Hương là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc;...</p> <p>+ Nhân hoá: Sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những bãi biển xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam – đông bắc; và rồi, như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ...</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Giàu sức biểu cảm (biểu lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho sông Hương và xứ Huế)</p> <p>+ Tạo tính đa nghĩa và tính hình tượng cho VB (câu văn/ đoạn văn hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa và làm cho hình tượng được miêu tả trở nên sinh động, gợi cảm bởi những liên tưởng bất ngờ, thú vị)</p> <p>+ Tạo nên được những rung động thẩm mỹ ở người đọc.</p> <p>+ Khẳng định sự tài hoa, độc đáo của tác giả</p>
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	3. Cảm hứng chủ đạo và giá trị văn hóa được thể hiện

- GV chia lớp thành các nhóm tối đa 4HS/nhóm
- HS đọc văn bản theo nhóm 4
- HS hoàn thành phiếu học tập để tìm hiểu về cảm hứng chủ đạo của văn bản và phát vấn để tìm hiểu giá trị văn hóa của sông Hương

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hành làm phiếu học tập

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

trong văn bản

a. Cảm hứng chủ đạo

- **Cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện qua VB:** Ca ngợi vẻ đẹp biến ảo, đầy chất thơ của sông Hương và xứ Huế; yêu tha thiết, đắm say và trân trọng, tự hào đối với những vẻ đẹp nên thơ của thiên nhiên xứ sở, những giá trị lịch sử, bề dày văn hoá và vẻ đẹp tâm hồn của con người ở vùng đất cố đô.

– **Cách thể hiện của cảm hứng chủ đạo ấy trong tác phẩm:**

+ Thể hiện qua những từ ngữ, câu văn bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc, nhận xét, đánh giá của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế: Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất; lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lững lờ của nó khi ngang qua thành phố...; có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hoá nó lên, tôi gọi đây là nổi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu; có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ;...

+ Thể hiện qua cách tác giả lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh khắc hoạ hình tượng sông Hương, xứ Huế trong VB: rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn; dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng; uốn mình theo những đường cong thật mềm; dòng sông mềm như tấm lụa; sông Hương vui tươi hân lên giữa những biển bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long; chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non; dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc;...

+ Thể hiện qua những phát hiện, liên tưởng thú vị, tài hoa, tinh tế và độc đáo của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế: liên tưởng vẻ đẹp của sông Hương ở thượng nguồn với hình ảnh một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại và hình ảnh người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở; liên tưởng hành trình sông Hương tìm về với thành phố Huế là hành trình của một người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại tìm về với người tình mong đợi của nó; điệu chảy lững lờ của sông Hương trong lòng thành phố được liên tưởng

	<p>với điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế;...</p> <p>+ Thể hiện qua cách nhìn nhận, khám phá đối tượng (hình ảnh sông Hương) ở nhiều góc độ, khía cạnh để phát hiện ra nhiều vẻ đẹp đa dạng của sông Hương. Bộc lộ tình yêu, niềm say mê, gắn bó với thiên nhiên; sự am hiểu sâu sắc, tường tận, uyên bác về thiên nhiên và văn hoá Huế.</p> <p>- Nhận xét về cách thể hiện cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm:</p> <p>+ Cảm hứng chủ đạo ấy thể hiện xuyên suốt chiều dài của tác phẩm, được bộc lộ vừa trực tiếp vừa gián tiếp, tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của người đọc khiến độc giả cảm nhận rất rõ tình yêu đắm say, niềm tự hào thương mến của tác giả dành cho dòng sông quê hương.</p> <p>+ Cảm hứng chủ đạo với những cách thể hiện ấy đã góp phần làm nên chất trữ tình/ chất thơ cho bài tùy bút.</p> <p>b. Giá trị văn hóa: Vai trò của sông Hương trong tư cách “người mẹ phù sa của vùng văn hóa xứ sở”</p> <p>- Qua cách cảm nhận độc đáo của tác giả, sông Hương được xem là cội nguồn sinh thành và không gian tồn tại của nền âm nhạc cổ điển xứ Huế: Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya. Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này, với một phiến trăng sầu. -</p> <p>- Không gian bờ sông ấy cũng là nơi lưu giữ một nét văn hoá rất riêng của Huế trong cái sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: ... màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thướt ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của thiên nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...</p> <p>- Chính vẻ đẹp phong phú, biến ảo của dòng sông đã khiến nó luôn biết cách làm mới mình, từ đó khơi gợi nguồn cảm hứng vô tận cho các thi nhân: Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ.</p>
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV phát vấn: - <i>Lý giải vì sao nhà văn lấy từ một huyền thoại để trả lời cho điều thắc mắc “Ai đã đặt</i></p>	<p>. Đặc sắc nghệ thuật:</p> <p>- Cách đặt tiêu đề cho tác phẩm: Tiêu đề dưới dạng một câu hỏi tạo hứng thú cho người đọc đi tìm câu trả lời nên buộc phải đọc hết tác phẩm.</p>

<p>tên cho dòng sông?”</p> <p>- <i>Nét độc đáo và những sáng tạo nghệ thuật của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong bài bút kí?</i></p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân - Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ... - Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.
<p style="text-align: center;">3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về văn bản, HS đọc một văn bản khác cùng thể loại</p> <p>b. Nội dung thực hiện Học sinh thực hành đọc và xác định các yếu tố GV yêu cầu</p> <p>c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên giao nhiệm vụ: Dựa vào nội dung tìm hiểu về văn bản: Vẻ đẹp của Sông Đà từ các góc nhìn: Từ trên cao nhìn xuống, từ trong rừng đi ra, trong thơ ca và sáng tác</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p>	<p>Gợi ý đáp án</p> <p>Trên máy bay nhìn xuống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện mạo sông Đà như “Một cái dây thừng ngoằn ngoèo”, “từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lở lở bóng mây”. Nào ai có thể ngờ, “cái dây thừng ngoằn ngoèo kia lại có thể là dòng sông” vẫn thường “hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc” - Dáng hình sông Đà còn hiện lên trong vẻ thướt tha, dịu dàng “Con sông Đà tuôn dài, tuôn dài như áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc, bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân” Điệp từ và cấu trúc trong lời văn khiến câu văn trải dài, dài mãi. Nó vẽ lên dáng mềm mại, thướt tha của sông Đà khi nhìn ở khoảng cách rất cao, rất xa. Phép so sánh cho thấy sông Đà như một người thiếu nữ đẹp, điểm tô cho cả vùng non nước bằng “một áng tóc mun dài ngàn ngàn vạn vạn sợi”. Nó giống như nhịp cầu nối thơ mộng giữa không gian của miền núi cao Tây Bắc với những dải đồng bằng mênh mông - Diện mạo của sông Đà còn là nét đẹp đầy gợi cảm. Tác giả say sưa, mê mẩn nhìn ngắm vẻ gợi cảm của màu nước sông Đà đổi thay theo từng mùa. Dòng sông chẳng khác nào cô gái lộng lẫy điểm tô cho nét đẹp diễm lệ của đất nước nên nó mang một nét riêng, nét độc đáo: “Mùa xuân dòng xanh ngọc bích... Mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa”. Chỉ với

hai câu văn, người nghệ sĩ không chỉ họa nên nét đẹp sinh động của dòng sông mà còn cung cấp cho người đọc những thông tin, sự hiểu biết về một nét độc đáo của dòng sông đất nước

Cảm nhận của người từ trong rừng đi ra

- Vẻ đẹp trữ tình của con sông được khám phá từ cảm giác của “một người ở rừng, đi núi đã hơi lâu thấy thèm chỗ thoáng”, sông Đà hiện lên trong nét tươi vui đầy sức sống: “bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà. Chao ôi, trông con sông vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui nổi lại chiêm bao đứt quãng”

- Đặc biệt, nhà văn dùng câu văn tả nắng trên sông Đà: “Trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy”, ánh nắng mà được liên tưởng như “màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu” ”.

- Tính cách của dòng sông còn là sự gần gũi và thân thuộc: “nó dầm dề âm âm như gặp lại cố nhân”.

Du khách trên sông Đà

- Hoang sơ nhất là cảnh triền sông: nó trải ra bằng phẳng, im ắng. Nơi đây “bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”.

- Ngòi bút nhà văn dẫn dắt người đọc về thuở khai thiên lập địa: “hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”.

- Cảnh nơi đây như chưa có bàn tay con người xâm phạm đến môi trường sinh thái: tĩnh lặng, cổ xưa mà vẫn tràn đầy sức sống với những hình ảnh “chú hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương”, rồi hình ảnh “đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi”.

- Hoang sơ nhất là cảnh triền sông: nó trải ra bằng phẳng, im ắng. Nơi đây “bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”.

- Ngòi bút nhà văn dẫn dắt người đọc về thuở khai thiên lập địa: “hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”.

- Cảnh nơi đây như chưa có bàn tay con người xâm phạm đến môi trường sinh thái: tĩnh lặng, cổ xưa mà vẫn tràn đầy sức sống với những hình ảnh “chú hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương”, rồi hình ảnh “đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi”.

Cảm nhận của thi sĩ

	Với vẻ đẹp hoang sơ êm đềm ấy, sông Đà trở thành nguồn cảm hứng cho biết bao thi sĩ. Từ góc nhìn của những thi nhân, sông Đà trở thành người tình nhân chưa quen biết. Nguyễn Tuân phô bày sự hào hoa với những am hiểu thi ca của mình khi trích dẫn lời thơ của Tản Đà
<p style="text-align: center;">4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh sáng tạo sản phẩm về hình tượng thiên nhiên đất nước.</p> <p>b. Nội dung thực hiện: HS Bài tập sáng tạo: Làm một bài thơ, vẽ một bức tranh,... về hình tượng sông Hương (hoặc về sông núi quê hương của bạn).</p> <p>c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<i>GV linh hoạt sử dụng bài tập của HS</i>

Phụ lục 1. Phiếu học tập số 1

Phiếu học tập 1 Ai đã đặt tên cho dòng sông?	
NHÓM	LỚP
1. Hình tượng sông Hương được miêu tả từ những góc nhìn nào? Hãy ghi lại các chi tiết	
GÓC NHÌN	CHI TIẾT

Phiếu học tập 1 Ai đã đặt tên cho dòng sông?	
NHÓM	LỚP
2. Cái tôi của tác giả được thể hiện thế nào trong văn bản?	
3. Xác định yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản và nêu tác dụng	
Yếu tố tự sự	Yếu tố trữ tình
Tác dụng	Tác dụng

Phụ lục 2. Phiếu học tập số 2

Phiếu học tập 2

Ai đã đặt tên cho dòng sông?

Xác định một số biện pháp tu từ trong văn bản

Nêu tác dụng



Phụ lục 3. Phiếu học tập số 3

Nhóm: _____

Lớp: _____

Phiếu học tập 3

Ai đã đặt tên cho dòng sông?



Xác định cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện trong tác phẩm

Xác định các cách thể hiện cảm hứng chủ đạo ấy

Nhận xét về cách thể hiện cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm

Phụ lục 4. Văn bản luyện tập

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh “Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm báo oán đời đời đánh ghen”. Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lở lở bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu đã thấy thèm chỗ thoáng. Mãi bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Bờ sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nới lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó dầm dề ẩm ẩm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh mà chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi không chớp mắt lừ lừ trôi trên một mũi dề. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên “Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình đây cỏ điện trên dòng trên

Phụ lục 5. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo

Hiệu nhóm (2 điểm)	quả	0 điểm	1 điểm	2 điểm
		Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm				
TỔNG				

Phụ lục 6. Nội dung phân tích văn bản

1. CẢM NHẬN VỀ DÒNG CHẢY ĐỊA LÍ

1. VÙNG THƯỢNG NGUỒN	<p>- Hoàng Phủ Ngọc Tường đã khám phá nét đẹp đầy bí ẩn của dòng sông ở vùng thượng nguồn. Ông cho rằng “Nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khóa trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng”</p> <p>- Với sự am hiểu của mình, tác giả phát hiện sông Hương ở thượng nguồn mang một nét đẹp bí ẩn. Một loạt tính từ được nhà văn sử dụng “râm rộ” “mãnh liệt” “cuộn xoáy” ... kết hợp với cách ngắt câu ngắn và hình thức điệp cấu trúc đã tạo nên một nhịp văn dồn dập gọi dòng chảy mãnh liệt, tuôn trào của dòng sông. Giữa rừng già của Trường Sơn, sông Hương như đã góp một phần đời mình để tạo nên những cung bậc hùng tráng, nét đẹp nguyên sơ, thuần khiết và trong sáng của núi nước nơi này</p> <p>- Nhưng tính cách sông Hương ở thượng nguồn không chỉ đơn giản có thể “cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những rặng dài chói lọi của hoa đỗ quyên rừng”. Mãnh liệt rồi lại dịu dàng, phóng khoáng rồi có lúc đắm say. Sự đối lập ấy đã làm rõ nét đẹp của sông Hương ở thượng nguồn</p> <p>- Vì vậy, Hoàng Phủ Ngọc Tường miêu tả sông Hương như “cô gái Digan phóng khoáng và man dại” Với sự so sánh này, dòng chảy Hương giang ở vùng thượng nguồn tung bừng, chứa đựng những khát khao cháy bỏng như vũ điệu cuồng nhiệt, say đắm đam mê của cô gái Digan</p> <p>- Nếu như dòng sông kín đáo không muốn cho ai thấy được phần sâu thẳm của tâm hồn nên đã “đóng kín lòng mình ở cửa rừng và ném chìa khóa dưới chân núi Kim Phụng” thì chính Hoàng Phủ Ngọc Tường là người tìm được chiếc chìa khóa mở rộng cánh cửa tâm hồn của dòng sông. Chiếc chìa khóa ấy là tình yêu, là cái duyên của người con gái Huế với sông Hương để rồi ông đã giúp độc giả khám phá được bề sâu, bề xa của hình tượng thiên nhiên này</p>
2. VÙNG TRUNG DU	<p>- Giấu kín một phần đời mình giữa đại ngàn, khi ra khỏi rừng “người con gái Digan” ấy bỗng biến đổi trở thành người đẹp được đánh thức sau giấc ngủ nhiều thế kỉ. Nàng thiếu nữ vươn mình bắt đầu cuộc hành trình tìm về với Huế</p> <p>- với người tình trong mong đợi để trở thành “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”</p> <p>- Quả thực không sai khi nói rằng “Sông Hương đã phải trải qua một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó”. Bằng vốn tri thức uyên bác của mình về địa lí của dòng sông, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã</p>

tái hiện cả một cuộc hành trình đầy gian nan nhưng quyết liệt của dòng sông hướng về Huế, giống như bước chân chí tình, mãnh liệt của Kiều khi xưa “xum xãm băng lối vườn khuya một mình” để tìm đến Kim Trọng. Hành trình ấy, mà ta có thể tạm chia ra làm các chặng

+ **Chặng 1: Ở CỬA RỪNG** => Trước hết, Hoàng Phủ Ngọc Tường tái hiện thủy tình của sông Hương khi ra khỏi rừng. Hương giang bỗng trở nên dịu dàng “Uốn mình theo những đường cong thật mềm” trong sự chuyển dòng tìm đường về Huế. Tác giả quy chiếu sự chuyển dòng đó bằng nét đẹp đầy gợi cảm : đó là những đường cong thật mềm trên cơ thể của giai nhân Hành trình của sông Hương về với người tình của mình không theo con đường bằng phẳng mà phải vượt qua biết bao rào cản “Sông Hương chuyển dòng một cách liên tục”, nhà văn chứng minh qua những thông tin địa lí sinh động: “từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng Nam Bắc qua điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trảm” rồi “nó chuyển hướng sang Tây Bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một đường vòng cung thật tròn về phía Đông Bắc, ôm lấy chân núi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế” Mỗi một lần chuyển dòng khiến cho dáng vẻ của sông Hương có những nét lượn mềm mại. Nét thướt tha của dòng sông ngỡ như sự vươn mình của người con gái vượt qua mọi trở ngại để tìm đến nơi hẹn hò, đến với thành phố Huế và trở thành người tình chung thủy

+ **Chặng 2: TỪ NGÃ 2 TUẦN TỚI CHÂN ĐỒI THIÊN MỤ** => Với tình yêu, sự am hiểu về dòng sông, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn khám phá chiều sâu tâm hồn của Hương giang trong chặng đường về với Huế. Đó là vẻ đẹp hết sức phong phú, đa dạng “ từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn – âm hưởng của rừng già, của những dãy núi hùng vĩ vẫn còn thấm sâu trong mạch chảy của dòng sông”. Nhưng khi vượt qua lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trảm “dòng nước lại mang sắc xanh thẳm” – nét đẹp độc đáo. Nếu Nguyễn Tuân khi quan sát dòng sông Đà từ trên cao để thấy nó như “một chiếc dây thừng ngoằn ngoèo” hay là vẻ đẹp thướt tha của áng tóc trữ tình tuôn dài, tuôn dài thì Hoàng Phủ Ngọc Tường đã cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của dòng sông khi nó trôi qua những “hai dãy đồi sừng sững thành quách với những điểm cao đột ngột như Vọng cảnh, Tam Thai, Lư Bảo”. Dòng sông “mềm như một tấm lụa” mà những con thuyền xuôi ngược chẳng khác nào những con thoi đang dệt lên tấm lụa đầy gợi cảm của thiên nhiên đất trời. Một sự liên tưởng thật lí thú!

Thủy trình của sông Hương xuôi dần về Huế càng gần với người tình mong đợi của mình, người con gái ấy càng thể hiện những tính cách, chiều sâu tâm hồn hòa vào không khí chung của Huế. Đây là nét đẹp đầy hư ảo khi tấm lụa ấy in bóng “những mảng phản quang đầy màu sắc của những ngọn đồi trên nền trời thiên nhiên thành phố”. Đây là những sắc màu biến đổi thời gian “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”. Sự phản quang của sắc màu tạo nên nét đẹp lung linh, huyền ảo, diễm lệ, trữ tình!

+ **Chặng 3: TỪ CHÂN ĐỒI THIÊN MỤ XUÔI DẦN VỀ HUẾ** => Nói đến Huế, người ta nói đến thành phố với những lăng tẩm, đền đài, tạo cho Huế không khí trầm mặc, cổ kính. Khi chảy qua “những đám quần sơn lô xô”,

	<p>“những rừng thông u tịch”, Hương Giang mang theo vẻ trầm mặc như triết lí, như cổ thi “Dòng chảy thật chậm, thật tĩnh. Dòng sông như sợ mình làm xáo động giấc ngủ ngàn năm cả những bậc vua chúa nơi này. Nhịp chảy trầm mặc mang không khí thâm niên của Hương giang tựa như lời ngợi ca về một miền đất “Bốn bề núi phủ mây phong/Mảnh trăng thiên cổ, bóng trùng vạn niên”</p> <p>Vượt qua Thiên Mục, sông Hương về đến ngoại ô Kim Long. Ở đây “nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như một vành trăng non”. Vậy là với quyết tâm và sự chí tình, sông Hương đã nhìn thấy đích đến của mình. Dáng vẻ của con sông được nhà văn tái hiện “sông Hương kéo nét thực thẳng” và ông nhân cách hóa dáng vẻ ấy là sự yên tâm của dòng sông khi biết mình tìm đúng hướng về. Vậy nên, tâm hồn của sông Hương ở vùng ngoại ô Kim Long là nét “vui tươi” đầy sức sống khi nó đi giữa những bãi xanh biếc của ngoại ô thành phố - Một vẻ đẹp bình yên của tâm hồn!</p>
3. TRONG LÒNG THÀNH PHỐ HUẾ	<p>- Rồi sông Hương gặp cầu Trường Tiền, gặp thành phố Huế. Dòng sông cũng đã vươn tới được cái đích của mình. Niềm vui không ồn ào mà lặng lẽ, sâu lắng. Hương giang “uốn một đường cong mềm mại” như chút lẳng lơ, như nét duyên thầm, như làm nũng để hoàn mình vào trong vòng tay của người tình mong đợi. Đường cong ấy được nhà văn miêu tả bằng sự so sánh kì thú “như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”. Một sự e lệ, kín đáo, một nét duyên thầm của người con gái Huế làm mê đắm lòng người</p> <p>- Sông Hương trong lòng thành phố Huế mang một diện mạo vừa hiện đại, vừa cổ kính. Hiện đại là khi tác giả có những liên tưởng giữa sông Hương với sông Xen của Paris và sông Đa nuýp của Bu-đa-pét. Sự so sánh để khẳng định “Sông Hương thuộc về một thành phố duy nhất”. Nhưng khác với sông Xen và sông Đa Nuýp, dòng chảy của sông Hương trong lòng thành phố Huế “vẫn giữ nguyên dạng đô thị cổ trải dọc hai bên bờ sông”. Vì thế sông Hương in bóng “những cây đã, cây cừa cổ thụ tỏa vầng lá u thâm xuống những xóm thuyền xúm xít; từ những nơi ấy vẫn lập lòe trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được”. Khung cảnh ấy khiến cho diện mạo của dòng sông mang một nét đẹp cổ kính, xa xưa. Phải chăng đây là diện mạo riêng của sông Hương mà dòng sông Xen và Đa Nuýp không thể nào có được</p> <p>- Giữa vòng tay của Huế, chiều sâu tâm hồn của sông Hương là nét đẹp đắm thắm, lắng sâu. Hoàng Phủ Ngọc Tường lắng chiều sâu ngòi bút của mình để gọi tả dòng chảy của con sông trong lòng thành phố. Giữa lòng thành phố Huế, dòng sông trở nên tĩnh lặng và trôi thật chậm in bóng cầu Trường Tiền. Tác giả sử dụng sự so sánh tương đồng : sông Hương khi qua thành phố đã trôi đi chậm, thực chậm cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Theo tác giả, dòng sông đã thật tâm lí khi trôi chậm qua kinh thành Huế. Dòng chảy như để an ủi người ta đừng quá sầu buồn về sự biến đổi vô thường của cuộc đời, về sự vèo qua chóng mặt của thời gian . Nước sông Hương lặng lẽ một cách cố tình để “trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng”. Vẻ đẹp</p>

	<p>tĩnh lặng của dòng sông vừa được tả bằng thị giác, vừa được tả qua sự liên tưởng phong phú của Hoàng Phủ Ngọc Tường về phong tục, văn hóa Huế</p> <p>- Đặc tả chiều sâu tâm hồn của Hương Giang, nhà văn còn so sánh nhịp chảy của Hương giang, nhà văn còn so sánh nhịp chảy của Hương giang với sông Neva. Nếu như : “ Sông Neva chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngân ngơ trông theo” thì sông Hương lại có “điệu chảy lặng lẽ khi qua thành phố”. Nhịp chảy của Neva khiến cho con người chưa kịp giải bày tâm sự của nỗi lòng. Nhịp chảy của những dòng sông như thế khiến Heracrit khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh. Còn dòng chảy của sông Hương khiến cho con người nhìn sâu vào tâm hồn, cảm thấy bao bịn rịn, nhớ thương của một tâm hồn trầm mặc, đắm thắm, lắng sâu. Điều chảy chẳng khác nào điệu “slow tình cảm dành riêng cho Huế” để rồi lòng người mỗi lần đến Huế thêm dửng dăng, vương vấn , biết mấy băng khuâng</p>
4.KHI CHIA TAY HUẾ	<p>- Cuộc vui cũng đến lúc kết thúc, cuộc hẹn hò nào rồi cũng phải chia li. Cuộc chia tay giữa sông Hương với kinh thành Huế được nhà văn miêu tả không kém phần bịn rịn. Rời khỏi kinh thành “sông Hương chéch về hướng chính Bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre, trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ”</p> <p>- Mảnh đất lắm sương nhiều khói của vùng ngoại ô đã khoác lên mình sông Hương nét đẹp mơ màng, huyền hoặc. Thật bất ngờ “như sực nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng Đông Tây để gặp Bao V lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ” Khúc quanh đột ngột này cho người ta cảm nhận rõ sự chí tình, gắn bó của sông Hương với Huế. Hoàng Phủ Ngọc Tường một lần nữa lại dùng biện pháp nhân hóa để nội tâm hóa dáng hình của dòng sông. Nhà văn cho rằng lần gặp lại của sông Hương với Huế “là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ, kín đáo của tình yêu”. Khúc quanh đột ngột này khẳng định nỗi niềm bịn rịn, lưu luyến và gắn bó của sông Hương với thành phố của mình. Thả ngòi bút trong cảm hứng rất phong tình, Hoàng Phủ Ngọc Tường liên tưởng: Sự dửng dăng của sông Hương khi chia tay Huế “như nàng Kiều chí tình quay lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước khi về biển cả”</p> <p>- Sông Hương nặng một lời thề với con người Huế, với quê hương, xứ sở: “còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ”. Với nghệ thuật nhân hóa, nhà văn của cố đô đã thổi hồn vào dòng sông, tạo nên sự kết nối giữa sông Hương với con người và văn hóa mảnh đất kinh kì</p>

2. CẢM NHẬN VỀ DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

	<p>- Không yên lòng khi khám phá dòng chảy của sông Hương với tư cách là dòng chảy thiên nhiên, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn đặt dòng sông trong mối quan hệ với lịch sử Huế để từ đó khẳng định: “ Sông Hương là vậy, là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc” Một sự liên tưởng, so sánh gợi cho ta nghĩ đến sự hài hòa giữa nét đẹp sử thi với từng chương sử của Huế, của dân tộc, Hoàng Phủ Ngọc Tường khám phá vai trò của sông Hương qua hai thời điểm : sông Hương trong những chặng đường về</p>
--	--

<p>1. DÒNG CHẢY LỊCH SỬ THỜI CHIẾN</p>	<p>vang của dân tộc và sông Hương khi trở về với cuộc sống đời thường</p> <p>- Qua mỗi giai đoạn lịch sử về vang của đất nước trong thời kì dựng nước và đấu tranh giữ nước, sông Hương “đã sống hết mình với những nhiệm vụ lịch sử vinh quang của nó”</p> <p>+ Thời đại vua Hùng: Đây là dòng sông biên thùy, là nơi phân chia ranh giới, bờ cõi, lãnh thổ.</p> <p>+ Thời phong kiến: Thế kỉ 15 với tên gọi là Linh Giang “nó đã oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam Tổ quốc”. Đến thế kỉ 18, sông Hương hòa mình trong những chiến công của người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ. Hương giang đầm máu những cuộc khởi nghĩa thế kỉ 19.</p> <p>+ Thời chống Pháp: Đến năm 1945, dòng sông rung chuyển cùng với những chiến công của cuộc cách mạng Tháng Tám.</p> <p>+ Thời chống Mĩ: Sông Hương không chỉ góp mình làm nên những chiến công của con người và mảnh đất Phú Xuân mà nó còn là nhân chứng lịch sử chứng kiến, sẽ chia nỗi đau oằn mình của Huế dưới sự tàn phá của đế quốc Mĩ trong mùa xuân lịch sử Mậu Thân năm 1968. Viết về nỗi đau của Huế trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, ngòi bút của nhà văn đi sâu lên án tội ác hủy diệt văn hóa của một vùng đất. Chẳng cần những ngôn từ phẫn nộ, những lời lẽ căm thù Hoàng Phủ Ngọc Tường trích dẫn nguyên văn lời đánh giá của một người Mĩ về sự tàn phá ghê gớm trong sự kiện mùa xuân năm 1968 mà sông Hương là một nhân chứng “các trung tâm lớn của chúng ta về lịch sử, văn hóa, học thuật và chính quyền rất nhiều. Phải hiểu rằng, Huế là một thành phố kết hợp tất cả những cái đó giống như các thành phố của London, Paris, Berlin... Một trong số đó đã bị phá hủy lúc thành Nội bị ném bom. Không thể so sánh sự mất mát này với sự mất mát của một bảo tàng hay một thư viện Mĩ. Sự phá hủy những di sản này cũng có tính chất giống như sự mất mát xảy ra đối với nền văn minh Châu Âu khi một số công trình của nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại bị đổ nát vì bị các nhà thờ bị phá hoại” Với cách diễn đạt khách quan với những tư liệu mang tính trí tuệ, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tăng thêm sức thuyết phục về sức mạnh tố cáo tội ác của chiến tranh mà Huế và sông Hương trở thành nhân chứng muôn đời</p> <p>- Ông khẳng định những đóng góp của sông Hương và Huế qua lời phát biểu của đại tướng Võ Nguyên Giáp “Lịch sử Đảng đã ghi bằng những nét son tên của thành phố Huế, thành phố tuy nhỏ nhưng đã công hiến rất xứng đáng cho Tổ quốc”</p>
<p>2.DÒNG CHẢY LỊCH SỬ TRONG CUỘC SỐNG ĐỜI THƯỜNG</p>	<p>- Nếu chiến tranh, trong những năm tháng hào hùng và bi tráng của dân tộc, sông Hương tự hiến đời mình là một chiến công đã ghi những nét son về vang trên trang sử đất nước thì khi trở về cuộc sống đời thường, Hương giang trở thành người con gái dịu dàng của đất nước. Người con gái ấy âm thầm, lặng lẽ giữ gìn nét đẹp văn hóa của Huế - một nhiệm vụ lịch sử trong cuộc sống đời thường. Hoàng Phủ Ngọc Tường như bắt gặp trên sông Hương những sắc màu biến ảo “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” chính là sắc màu trong tấm áo cưới truyền thống xưa của những cô dâu Huế “Màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng trên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng bóng người. Thướt ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương</p>

	giáng”. Mây của sương khói trên sông Hương được nhà văn so sánh “giống như tấm voan huyền ảo tự nhiên sau đó ẩn dấu khuôn mặt thực của dòng sông”. Người con gái dịu dàng Hương giang đã lặng lẽ “gìn giữ một nét đẹp văn hóa xưa, rất xưa của cố đô Huế.
--	---

3. CẢM NHẬN VỀ DÒNG CHẢY VĂN HÓA

1. DÒNG CHẢY THI CA	- “Dòng sông trắng – lá cây xanh” (Chơi xuân – Tản Đà) → Dòng sông với sắc màu biến ảo - “Như kiếm dựng trời xanh” (Trường giang như kiếm lập thanh thiên – Cao Bá Quát) → Dòng sông hùng vĩ trong thiên nhiên đất trời bao la - “Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn Tiếng ốc xa đưa vắng trống dồn Gác mái ngư ông về viễn phố Gõ sừng mục tử lại cô thôn” (Chiều hôm nhớ nhà – Bà Huyện Thanh Quan) → Dòng sông mang nỗi quan hoài vạn cổ trong một buổi chiều hôm - “Hương giang ơi dòng sông êm Quả tìm ra vẫn ngày đêm tự tình” (Tổ Hữu) → Dòng sông như người tình êm thấm thiết Nhận xét: Sông Hương – Dòng sông không bao giờ lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ
2. DÒNG CHẢY ÂM NHẠC	“Sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya... Quả đúng vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được hình thành trên mặt nước của dòng sông này” - Tác giả tưởng tượng “trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya”. Phải có độ nhạy cảm về thính âm, hiểu biết về âm nhạc của xứ Huế, tác giả mới có sự liên tưởng này - Với ngòi bút tài hoa cộng với sự rung cảm mạnh mẽ, Hoàng Phủ Ngọc Tường nhớ tới Nguyễn Du “Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này với một phiến trăng sầu. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều”

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

5. HDVN:

- Vẽ tranh : Lưu ý chọn bố cục: không gian, màu sắc, đường nét, thời điểm (Tác giả mới đến? Ra về ?....)
- Vẽ thủy trình sông Hương theo bản đồ đã có/ tìm hiểu các thể loại khác khi viết về sông Hương, về xứ Huế
- Chuẩn bị bài mới “ Và tôi muốn mẹ” : Đọc, tìm hiểu nội dung (hiện thực chiến tranh tg2, sự mất mát, đau thương, ước vọng tình mẫu tử thiêng liêng,...)
- Bám sát các câu hỏi trong sgk và sách bài tập.

Ngày soạn:

BÀI 7:

GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 72-73a - VĂN BẢN 3:

CÀ MAU QUÊ XỨ

(Trích *Uống cà phê trên đường của Vũ* - Trần Tuấn)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và hiểu được yêu cầu của tản văn: Cái nhìn đậm nét sắc thái chủ quan của người viết trước thực tại đời sống; phóng túng trong liên tưởng, tưởng tượng để miêu tả đối tượng; tự do trong sử dụng ngôn ngữ và tổ chức văn bản
- Phân tích được sự phối hợp các yếu tố biểu cảm thuyết minh trong bài tản văn, tính chất phi hư cấu, cách khai thác thể hiện chất liệu đời sống và sự tưởng tượng của người viết

2. Về năng lực:

- Phát huy năng lực tự học, giao tiếp và sáng tạo để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập
- Cụ thể:
 - + Phân tích được sự phối hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm, thuyết minh trong bài tản văn
 - + Phân tích được hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo trong bài tản văn
 - + Tham gia thảo luận, trình bày ý kiến cá nhân trong thảo luận nhóm.

3. Về phẩm chất:

Yêu thương, trân trọng con người và cuộc sống ở một vùng đất, một địa danh cụ thể; từ đó bồi dưỡng tình yêu quê hương tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Video, tranh ảnh liên quan

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** HS hứng thú, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học

b. **Nội dung:** Hoạt động cá nhân của HS

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh nghe giai điệu “Áo mới Cà Mau” https://youtu.be/ZeuyOyCdsGI GV nêu câu hỏi: qua bài hát, những hiểu biết về Cà mau, hãy chia sẻ cảm nhận hoặc hình dung của em về vùng đất Cà Mau?	HS nêu hình dung và chia sẻ ấn tượng của bản thân của mình về vùng đất Cà Mau HS có được tâm thế chủ động, tích cực để chuẩn bị tiếp xúc với văn bản tản
B2. Thực hiện nhiệm vụ:	

Học sinh liên tưởng, hình dung tái hiện và nêu cảm nhận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	văn Cà Mau quê xứ
---	-------------------

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm a. Mục tiêu - HS nắm được những nét sơ lược về tác giả, tác phẩm b. Nội dung - HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm. c. Sản phẩm - Các tài liệu HS sưu tầm - Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm d. Tổ chức thực hiện	
Tiến trình hoạt động	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về tác giả và khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá - Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả, thuyết minh sáng tạo - Thảo luận, phản biện chéo B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận - Nhận xét, đánh giá HS * Nhiệm vụ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phân văn bản, xác định bố cục, cảm xúc chủ đạo của văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ - Hoàn thiện câu trả lời	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả (tên khai sinh Trần Ngọc Tuấn) - Trần Tuấn sinh năm 1967 tại Hà Nội - Là nhà báo, nhà thơ và nhà văn - Tác phẩm đã xuất bản như Ma thuật ngón (thơ, 2008), Đừng gọi tôi là Lại Phiên Hà (ký sự nhân vật, 2008)... 2. Tác phẩm “Uống cà phê trên đường của Vũ” - Nội dung: Là những trang ký ức về cuộc sống con người ở những nơi vừa gần gũi, bình dị vừa xa xôi hẻo lánh, hùng vĩ...trong và ngoài nước - Nghệ thuật: tiêu biểu cho ký của tác giả: Là sự hòa trộn mượt mà giữa câu từ gãy gọn, rành mạch, thời sự mang hơi hướng của báo chí và sự bay nhảy, bông bênh thâm đượm chất thơ ca – một “chất” viết đặc trưng và khó có thể nhầm lẫn với bất kì ai 3. Trích đoạn - <i>Xuất xứ:</i> Rút ra từ tập bút ký “Uống cà phê trên đường của Vũ”. Đó là những trải nghiệm gần gũi và đáng nhớ của ông về thiên nhiên, con người khi đến mảnh đất Cà Mau - <i>Bố cục:</i>

<p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả - Thảo luận, bổ sung, đánh giá <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận, chốt kiến thức - Nhận xét, khuyến khích hs tích cực 	<p>+ Đoạn 1: Tâm thế của tác giả khi đến Mũi Cà Mau:</p> <p>+ Đoạn 2: “<i>Mà cũng thiệt lạ..... để tạ ơn người khai sinh ra quê xứ</i>” -> cảm xúc khi đến với Cà Mau.</p> <p>+ Đoạn 3 : “<i>Tôi về... mắt chọt cay xè</i>” → Cảm xúc khi rời xa Mũi Cà Mau</p> <p>- Cảm xúc chủ đạo: hào hứng và đầy xúc động, nhiều nỗi niềm</p>
<p>Nội dung 2: Khám phá văn bản</p> <p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nắm được đối tượng nảy sinh những cảm xúc chủ quan của tác giả; những trạng thái cảm xúc của tác giả đã được thể hiện trong trích đoạn; sự phối hợp các yếu tố biểu cảm, tự sự, thuyết minh, sự phối hợp của sự sáng tạo về ngôn ngữ và các biện pháp tu từ trong trích đoạn - HS thấy được vẻ đẹp của tản văn, đặc trưng của tản văn. <p>b. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi <p>c. Sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập của HS khi đọc văn bản - Câu trả lời của HS <p>d. Tổ chức thực hiện</p>	
Tiến trình hoạt động	Dự kiến sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS đọc phân đoạn diễn cảm để có được những cảm nhận ban đầu về văn bản. - Văn bản có nhiều cước chú, GV nhắc HS chú ý từng từ ngữ, nhân vật, địa danh, sự tích,...được chú thích ở chân trang để hiểu nghĩa của văn bản. <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc phân đoạn văn bản, xác định bố cục, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc. - Trả lời câu hỏi trong các box <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và trả lời câu hỏi <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, định hướng</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản</p>
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tâm thế của tác</p>	<p>2. Tìm hiểu văn bản</p> <p>2.1. Tâm thế của tác giả khi đến với Mũi Cà Mau</p>

<p>giả khi đến với Mũi Cà Mau</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đoạn đầu của bài tản văn, yêu cầu chú ý những câu có nội dung trực tiếp nói rõ tâm thế của người viết khi đến Mũi Cà Mau. Tâm thế đó có ý nghĩa gì đối với người viết tản văn? - Đọc đoạn văn bản SGK trang 46 và cho biết tác giả liên tưởng đến những nhà thơ, nhà văn nào có duyên nợ với vùng đất Cà Mau? Những liên tưởng đó có ý nghĩa gì? <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản và trả lời</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận Đại diện cặp đôi, HS chia sẻ những cảm nhận ban đầu về tâm thế, mục đích của tác giả</p> <p>B4: Kết luận, nhận định,</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt 	<p>a. Tâm thế của tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm thế rất nhẹ nhàng: “<i>đi chơi</i>” có nghĩa là đến với miền đất lạ, đi tìm niềm hứng khởi mới, để được trải nghiệm bằng tất cả các giác quan và cảm xúc. - Với tác giả - người viết tản văn – những trải nghiệm thực tế như vật vô cùng quan trọng. Nó đánh thức khả năng khám phá về vùng đất và con người nơi đây. Nó gọi lên trong lòng người viết những cảm xúc mới mẻ, những quan sát và suy ngẫm có chiều sâu. Qua liên tưởng bất chợt, hiện tại với quá khứ, chuyện đời với trang văn, hiện thực và ước vọng...cũng đồng thời được kết nối. Đây là những điều kiện cần thiết cho sự sáng tạo trong tản văn. <p>b. Những nhà thơ, nhà văn có duyên nợ với Mũi Cà Mau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đến với Mũi Cà Mau, tác giả liên tưởng đến những nhà thơ, nhà văn đã có duyên nợ với vùng đất này là Nguyễn Tuân, Anh Đức và Xuân Diệu, Nguyễn Ngọc Tư, Sơn Nam - Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định sức hấp dẫn và thú hút của con người và mảnh đất Cà Mau + Khẳng định khát khao, niềm thích thú của tác giả muốn khám phá vùng đất Cà Mau trong quá khứ và hiện tại + Là thách thức khi cầm bút viết về Cà Mau
<p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cảm xúc của tác giả khi đến với Mũi Cà Mau</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Khái quát: Liệt kê những cảm xúc của tác giả khi tận mắt đặt chân đến Cà Mau? Cảm xúc đó có thể nảy sinh từ đâu? được bộc lộ bằng cách nào? - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ sau: <p>Nhóm 1: đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu “Mà cũng thiệt lạ...áo trắng của Duyên hắt vào tôi một mảng mây ngàn tuổi”</p>	<p>2.2 Cảm xúc của tác giả khi đến với Mũi Cà Mau</p> <p>a Trạng thái tình cảm của tác giả và mọi người khi mới đến Cà Mau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cà Mau trong quan sát : Một doi đất con con hao hao một góc gò nổi miền trung....giữa trưa nắng tung bùng muốn khô quăn mấy đợt phù sa bên mồm non sông” + Tác giả và bạn: hì hục mang tập thơ còn thơm mùi mực ra đốt lấy tro thả xuống biển chỉ vì trong tập thơ đó có bài thơ anh bạn tưởng tượng viết về phương nam tự khi nào.=> Tác giả tự nhận là “nông nổi kỳ quặc”

Cà Mau trong quan sát miêu tả của tác giả	Hành động của tác giả và mọi người khi đến Cà Mau	Cảm xúc của tác giả	+ Anh bạn đất mũi từng kể chuyện đã chứng kiến đủ kiểu xúc động của những vị khách khi đến đây “người ôm cây cột mốc, kẻ ôm cây đước, kẻ lại nằm lẫn xuống bùn lầy để ... khóc vì sung sướng. Còn vô khối người vốc nắm đất, mang chai nước biển về đặt trên giá sách hoặc tặng người thân ở nhà”
Nhóm 2: đọc đoạn văn và hoàn thành yêu cầu “ hay là chỗ này Nguyễn Bính hắt chén rượu...thành quê xứ con người hay đến vậy”			Nhận xét: Với tác giả, Cà Mau hiện lên vừa lạ vừa quen. Đến được vùng đất cực nam, tác giả cũng như bao người khác, vô cùng hạnh phúc, đầy yêu thương triu mến
<div>- Hình ảnh NT Nguyễn Bính xuất hiện trong liên tưởng với 2 câu thơ có từ quê xứ Từ “Quê xứ” mà người dân nơi đây đã dùng, cách tác giả dùng từ này để đặt tên nhan đề văn bản góp phần thể hiện cảm xúc gì ? - Cảm xúc: được bộc lộ trực tiếp ? gián tiếp ? Phép tu từ trong đoạn văn ?</div>			b.Liên tưởng hình ảnh nhà thơ Nguyễn Bính và cách dùng từ “quê xứ” của người dân <div>- Hình ảnh Nguyễn Bính với 2 câu thơ xuất hiện trong liên tưởng của tác giả góp phần tô đậm thêm tâm trạng nôn nao, nhớ quê nhà da diết - Cách dùng từ “quê xứ” ở vùng đất phương nam: chỉ những địa điểm ở Cà Mau kết nối với nhan đề tác giả đã đặt tên => vùng đất Cà Mau vừa gần mà vừa xa: Xa trong khoảng cách địa lý mà thật gần gũi tràn đầy tự hào và yêu mến. Bởi Cà Mau cũng là một phần của tổ quốc VN yêu thương</div>
Nhóm 3: Đọc đoạn văn và hoàn thành yêu cầu “ giờ thì mấy anh em cỏi trần ngồi lai rai....phải nghỉ ít hôm”			c. Trạng thái cảm xúc khi chứng kiến cảnh lao động chế biến ghẹ của người dân <div>- Cảnh chế biến ghẹ được miêu tả: diễn ra ở ngôi nhà số 1- ngôi nhà cuối cùng của dải đất hình chữ S, ngôi nhà đầu tiên tính từ mũi đất trở vào, ngôi nhà sàn thưng bằng lá dừa ở ấp Mũi, xã Ấp mũi, huyện Ngọc Hiển của anh Nguyễn hoàng Phúc và chị vợ tên Tuyết. Họ mua ghẹ, thuê nhân công sau đó xuất khẩu sang các tỉnh lân cận, sang cả nước xung quanh => tự sự, miêu tả chân thực tỉ mỉ - Tác dụng : Cảnh hiện lên sống động góp phần gián tiếp thể hiện tâm trạng đồng cảm của tác giả trước cảnh lao động nhọc nhằn...</div>
<div>Phương thức biểu đạt nào đã được sử dụng để góp phần bộc lộ cảm xúc ? Cụ thể được sử dụng ntn? (Gợi ý: Cảnh chế biến ghẹ biển diễn ra ở đâu, ntn)</div>		<div>Tâm trạng của tác giả khi tận mắt chứng kiến sự việc này ? Trực tiếp hay gián tiếp ?</div>	d.Tâm trạng của tác giả khi tìm hiểu sâu hơn thiên nhiên cuộc sống lao động của người dân <div>- Các chi tiết về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư</div>
Nhóm 4: đọc đoạn văn và hoàn thành nhiệm vụ “ nhìn xuống biển dưới sàn....để khai sinh ra quê xứ”			

<p>Tâm trạng của tác giả khi tìm hiểu sâu hơn thiên nhiên và cuộc sống lao động của con người nơi đây</p> <table border="1" data-bbox="186 252 747 457"> <tr> <td data-bbox="186 252 462 457"> Thống kê các chi tiết tiêu biểu và cách miêu tả, diễn đạt hình ảnh </td> <td data-bbox="462 252 747 457"> Tâm trạng của tác giả? cách giải bày? </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> </table> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS bước đầu nêu những đánh giá về cảm xúc của tác giả. HS thảo luận nhóm, các nhóm thống nhất ý kiến và cử đại diện trình bày.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày ý kiến, thảo luận trước lớp</p> <p>B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và kết luận, cho điểm khuyến khích học sinh</p> <p>GV giảng thêm: Ở thời điểm bài tản văn ra đời, những khung cảnh, nhân vật đó chính là câu chuyện của hiện tại, có tính thời sự nóng hổi, mang hơi thở của cuộc sống bề bộn đang chuyển mình, vận động. Quan sát dòng chảy của cuộc sống để ghi lại một cách chân thực, đó là thế mạnh vốn có của thể loại kí.</p>	Thống kê các chi tiết tiêu biểu và cách miêu tả, diễn đạt hình ảnh	Tâm trạng của tác giả? cách giải bày?			<p>trả lời trên báo TPCN -> Cuộc sống vùng đất rất bình dị, không ồn ào náo nhiệt và có phần cô đơn, con người phải vật lộn với chính mình để sinh tồn, thoát ra khỏi nghịch cảnh</p> <p>- Chi tiết về đấu tranh sinh tồn của cây đước và con tôm được kể trong ngôi nhà của phó CT Lê Hoàng Liêm :</p> <p>+ Cây đước “ đóng mình xuống phù sa một vốc dáng trầm ngâm, bình minh và hoàng hôn cùng một ngày treo trên cây đước... những trái đước treo trên cây như những hạt phù sa...đến 1 ngày cắm thẳng xuống phù sa, mọc lên những thân đước mới” ,</p> <p>+ Con tôm “ôm cây đước” cây đước bị đốn hạ nhường chỗ cho con tôm. Rừng đước cứ thế rời xa dần con người.</p> <p>+ Hình ảnh con người “ phó mũi” “Lê Hoàng Liêm, vốn xuất thân từ lính biên phòng, vắn tắt lưng gầy gò trên ghế, gương mặt đen sạm cứ quấn lại”</p> <p>=> Cách miêu tả tỉ mỉ, chân thực, giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ làm hiện lên ấn tượng sâu đậm, sát thực và khách quan về thiên nhiên và cuộc sống con người: Đặc trưng nổi bật của Cà Mau (cây đước) và cuộc sống mưu sinh vật lộn nhọc nhằn cả sự trả giá vì hành động mưu sinh của chính con người.</p> <p>=> Giải bày gián tiếp tâm trạng suy ngẫm của tác giả: Sự đồng cảm, suy tư</p> <p>- Những tò mò, suy ngẫm liên tưởng về hành trình đến Cà Mau của Nguyễn Tuân -> Giải bày gián tiếp lòng tạ ơn đối với con người Cà Mau những con người đã “khai sinh ra xứ”</p>
Thống kê các chi tiết tiêu biểu và cách miêu tả, diễn đạt hình ảnh	Tâm trạng của tác giả? cách giải bày?				
<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu tâm trạng của tác giả khi rời xa Cà Mau B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gọi hs đọc diễn cảm đoạn “Tôi về, mang theo cái nhìn lảnh đến...mắt tôi chột cay xè” - GV hỏi: Tại sao khi ra về tác giả lại nhớ, liên tưởng đến đôi mắt và chi tiết về thân cây đước Cà Mau? Nhằm mục đích giải bày điều gì? Chi tiết “mắt tôi chột</p>	<p>3. Cảm xúc khi rời xa Cà Mau - “Tôi về, mang theo cái nhìn lảnh đến...mắt tôi chột cay xè” → ấn tượng sâu đậm về con người và thiên nhiên Cà Mau: vô cùng tươi đẹp và giàu có. - Cảm xúc: rung rung xúc động bui ngủi, có cả sự lưu luyến băng khuâng...</p>				

<p>cay xè” diễn tả cảm xúc gì của tác giả?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- Trình bày, phản biện và trao đổi</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt</p> <p>- Rút kinh nghiệm</p>	
<p>Nội dung 3: Tổng kết về nội dung và nghệ thuật của tản văn</p> <p>a. Mục tiêu: Khái quát vấn đề đã học</p> <p>b. Nội dung: Củng cố, tổng kết nội dung của cả bài</p> <p>Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, cặp đôi; Dựa trên phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.</p> <p>c. Sản phẩm: Kết quả trả lời nhanh dạng phát vấn</p> <p>Phương án kiểm tra, đánh giá: Đánh giá kết quả hoạt động cá nhân của học sinh.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Câu hỏi:</p> <p>- Văn bản mang những đặc điểm nghệ thuật nào của một tác phẩm tản văn?</p> <p>+ Chất trữ tình được thể hiện như thế nào?</p> <p>+ Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.</p> <p>+ Nhận xét cách đưa những thông tin, hình ảnh về thiên nhiên và con người ở Đất Mũi.</p> <p>- Khái quát nội dung chính của văn bản</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời.</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV chốt kiến thức</p> <p>- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt</p> <p>Về nghệ thuật:</p> <p>- Chất trữ tình trong bài tản văn được bộc lộ qua cảm xúc của người viết, cùng với cách thể hiện vừa đa dạng, vừa có nhiều nét độc đáo. Chẳng hạn:</p> <p>+ Người viết đến với Mũi Cà Mau với tâm thế nhẹ nhõm, những kỉ thực để thỏa</p>	<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Chất trữ tình được bộc lộ qua cảm xúc rất đa dạng, độc đáo, có sự kết hợp nhuần nhuyễn với phiwong thức biểu đạt tự sự, thuyết minh.</p> <p>- Sử dụng sáng tạo ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.</p> <p>- Hình ảnh thiên nhiên và con người được xây dựng chân thực, sắc nét, tạo được ấn tượng riêng biệt</p> <p>2. Nội dung</p> <p>- Những cảm xúc chủ quan phong phú, nổi bật của tác giả về vùng đất mũi</p> <p>- Những thông tin xác thực về thiên nhiên con người nơi đất mũi Cà Mau</p>

nổi “*khát thêm phù sa ròng ròng tươi mới*”. Những rung động mới mẻ, tức thì của tâm hồn khi tiếp xúc với con người và cảnh vật đang thay thế cho sự hiểu biết về một vùng đất qua trang văn của những người đi trước.

+ Mượn lời văn trong tác phẩm của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư nói hộ nỗi niềm: “*Cá thòi lòi...lạ lắm sao?*”

+ Thấy được sự bồi hồi rất lạ của lòng mình đối với những kiểu bày tỏ niềm xúc động của bao nhiêu người từ mọi miền về đây.

+ Nhìn cảnh quan, sản vật, con người, lắng nghe lời ăn tiếng nói của “quê xứ Cà Mau” với niềm yêu mến, gần gũi, thân tình.

+ Đồng cảm với mọi lo toan, bẽ bộn trong cuộc mưu sinh của những con người gắn bó với quê hương Mũi Cà Mau.

+ Không giấu được niềm xúc động kín đáo khi rời Mũi Cà Mau.

- Sự sáng tạo về ngôn ngữ và các biện pháp tu từ:

+ Sử dụng từ ngữ mang màu sắc hiện đại: “*ổ cứng xúc cảm*”, “*xi đi*”, “*ổ cứng cũ mềm*” “*phai*”...

+ Dùng từ láy tượng hình giàu sức gợi: “*lá dừa nước nằm **cheo leo**...cây cầu **lắt lẻo** dẫn ra thân cây đước*”

+ Dùng từ ngữ địa phương Nam Bộ: “*mấy con ghẹ hấp **thiệt** ngon bỏ vào đĩa, **xây chừng** 1 li rồi đứng dậy*”...

+ Cách kết hợp từ độc đáo “*giờ tôi lướt bạn tôi gửi mây **đọt phù sa thơ** kèm chút gió Lào cổ quận*”

+ Dùng phép chuyển nghĩa tạo liên tưởng bất ngờ giàu cảm xúc “*áo trắng của Duyên hất vào tôi một **mảng mây ngàn tuổi***”

+ Sử dụng các biện pháp tu từ như nhân hóa, so sánh, liên tưởng “*những **hạt phù sa sinh nở** khởi từ hai chữ “quê nhà” ấy*

<i>của thi sĩ đất Bắc”, ...</i>	
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP	
<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối đọc – viết đoạn văn với yêu cầu 150 chữ từ ý của câu nói “<i>Không có khói, mà sao bước chân lên tàu rời Mũi, mắt tôi chợt cay nhòe</i>” <p>b. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu - Thời gian: 10 phút <p>c. Sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài làm của HS: đoạn văn 150 chữ <p>d. Tổ chức thực hiện</p>	
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Từ ý của câu nói “<i>Không có khói, mà sao bước chân lên tàu rời Mũi, mắt tôi chợt cay nhòe</i>”, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nói về cảm xúc của tác giả đối với Mũi Cà Mau.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 10 phút <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> – GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định. – GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết. 	<p>– Để viết đúng yêu cầu, người viết cần làm sáng tỏ một số khía cạnh: <i>câu văn được dẫn đề cập đến khía cạnh gì ? Vấn đề đó liên quan như thế nào đến đối với yêu cầu của phần viết? Cảm xúc của tác giả đã được thể hiện như thế nào trong bài tản văn?</i></p>
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG	
<p>a. Mục tiêu: kết nối văn bản với cuộc sống</p> <p>b. Nội dung: HS thử nhập vai là nhân vật “tôi” và vẽ một bức tranh về “tôi” trong chuyến hành trình đến Cà Mau</p> <p>c. Sản phẩm: Tranh vẽ của hs</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: Làm việc theo nhóm <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc ở nhà <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình vào tiết sau.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p>	<p>Các nhóm trình bày sản phẩm đồng thời nêu được cảm xúc của nhân vật mình đã thể hiện trong bức tranh</p>

GV chốt lại các sản phẩm đạt yêu cầu, lựa chọn các sản phẩm tốt để cả lớp tham khảo	
---	--

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

5. HDVN:

- Vẽ tranh : Lưu ý chọn bố cục: không gian, màu sắc, đường nét, thời điểm (Tác giả mới đến? Ra về ?....)

- Chuẩn bị bài Thực hành tiếng Việt : Một số hiện tượng phá vỡ qui tắc ngữ pháp thông thường (đặc điểm, tác dụng) trong thơ và văn xuôi

Để làm được bài tập, hs xem lại bài 2 sgk ngữ văn 11 kỳ 1 trang 65

Ngày soạn: Ngày dạy: Lớp dạy:

VĂN BẢN ĐỌC – tiết 70-71- “VÀ TÔI VẪN MUỐN MẸ...”

(Trích “Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em)

Xvét-la-na A-lếch-xi-ê- vích (Svetlana Alexievich)

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí, cụ thể:
 - + Chú trọng ghi chép sự thực đời sống
 - + Thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...)
- Hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí

2. Về năng lực:

- Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập
- Cụ thể:
 - + Nắm được nội dung câu chuyện trong văn bản với những điểm nhấn quan trọng.
 - + Phân tích và lí giải được những hình ảnh, chi tiết nghệ thuật quan trọng theo cảm nhận cá nhân
 - + Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

- Đồng cảm với những nỗi đau, sự mất mát của con người do chiến tranh gây ra.
- Trân trọng giá trị của tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm mẹ con.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: c. Sản phẩm	

d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ❖ GV gợi dẫn câu hỏi: Em hãy chia sẻ, trao đổi những câu chuyện, nhân vật mà các em được chứng kiến, được nghe kể lại hoặc tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật về tình mẹ con và những di họa do chiến tranh để lại? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Chia sẻ của HS Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS ⇒ Dẫn dắt vào bài học
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát a. Mục tiêu: - Nắm được vài nét về tác giả, tác phẩm để dễ dàng hơn trong tiếp cận văn bản b. Nội dung thực hiện: - GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn cá nhân. c. Sản phẩm d. Tổ chức thực hiện	
2.1 Tìm hiểu khái quát Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản, đọc chú thích, GV phát vấn + Em hãy nêu những ấn tượng đặc biệt của em về tác giả, tác phẩm? Thời gian: 15ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc chú thích - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Là nhà báo, nhà văn Belarus được trao giải Nobel văn học năm 2015. - Một số tác phẩm tiêu biểu: Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ, Những nhân chứng cuối cùng, Lời nguyện cầu từ Chec – nô – bun... - Các tác phẩm phi hư cấu của bà đã dựng lên “một tượng đài tưởng niệm sự thống khổ và lòng can đảm trong thời đại chúng ta” 2. Tác phẩm - Rút từ cuốn “Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em”. Cuốn truyện này sử dụng hình thức phỏng vấn những người có tên tuổi, nghề nghiệp cụ thể từng trải qua thực tế tàn khốc của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai từ khi còn thơ bé. - Với hình thức này, tác giả đã chọn lọc, sắp xếp lại sự kiện để đem đến cho người đọc

	những câu chuyện hải hùng trong kí ức của các nhân vật.
<p>Nội dung 2: Khám phá văn bản</p> <p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí – một thể loại chú trọng ghi chép sự thực đời sống và thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...) - Qua việc đọc văn bản, HS có thể hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí. Từ đó thấy được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc <p>b. Nội dung thực hiện:</p> <p>GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn cá nhân, tiến hành thảo luận nhóm, cho HS thuyết trình</p> <p>c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, bài thuyết trình</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p>	
<p>Nhiệm vụ 1. Tóm tắt văn bản</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc văn bản: GV đọc mẫu trước một đoạn sau đó gọi một số học sinh lần lượt đọc từng đoạn của văn bản. (Lưu ý: chọn giọng đọc phù hợp khi nhắc lại những kí ức đau thương của nhân vật) - Câu hỏi: Hãy tóm lược nội dung của văn bản qua các sự kiện, chi tiết tiêu biểu? <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Tóm tắt văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào năm 1941, khi “tôi” 8 tuổi đã từ biệt bố mẹ đi dự trại hè đội viên, tôi gặp một trận bom của phát xít Đức, chứng kiến sự đổ máu và chết chóc. - “Tôi” cũng như biết bao đứa trẻ khác phải rời trại hè, mang theo lương thực, thực phẩm về một vùng hậu phương xa xôi, nơi không có bom đạn. - Ở vùng đất mới, những đứa trẻ biết thế nào là thiếu thốn, đói khát, không có gì để ăn đến nỗi phải giết một con ngựa già chuyên chở đồ đạc, thậm chí ăn cả chồi mầm, vỏ cây. Trên tất cả là nỗi nhớ mẹ, nhớ đến nỗi gào khóc không nguôi. - Đến lớp Ba, tôi trốn trại và được một gia đình ông già cưu mang. Trong lòng tôi chỉ có một nỗi ước ao được đi tìm mẹ - Cứ thế, mãi sau này khi đã năm mươi một tuổi, tôi vẫn muốn có mẹ. <p>=> Điểm nhấn quan trọng trong câu chuyện là các sự kiện liên quan đến mẹ, điều đã được khái quát ở nhan đề của văn bản. Mẹ luôn hiện diện ở mọi thời khắc quan trọng trong cuộc đời tác giả và nỗi khao khát có mẹ đã trở thành một ám ảnh không nguôi trong lòng nhân vật tôi. Vậy mà cuối cùng, chiến tranh đã cướp đi tất cả</p>
<p>Nhiệm vụ 2. Xác định những yếu tố tạo nên tính xác thực của văn bản</p>	<p>2. Yếu tố tạo nên tính xác thực của văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với một tác phẩm truyện kí, tính xác thực

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra những yếu tố tạo nên tính xác thực của các sự kiện được nhân vật kể lại cũng như trạng thái tâm lí của nhân vật trước các sự kiện đó (Thế nào là sự xác thực? Khi kể lại một sự kiện, việc kể đó có liên quan gì đến thái độ của người kể hay không?) <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi, tiến hành thảo luận - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>là một yếu tố quan trọng. Ở văn bản này một số yếu tố sau đây có thể giúp ta nhận thức được tính xác thực của các sự kiện được kể lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người kể chuyện có tên tuổi, cụ thể, rõ ràng. Đó là Din - na Cô –si- ắc- một thợ làm tóc - Câu chuyện gắn với tuổi thơ của người được kể (lúc bảy giờ mới 8 tuổi). Vào thời điểm kể lại câu chuyện cho độc giả nghe, người kể chuyện đã năm mươi một tuổi. - Câu chuyện được kể bởi người kể chuyện ở ngôi thứ nhất, điều đó cho thấy những sự kiện được kể lại gắn liền với trải nghiệm thực tế của người kể chứ không qua một nhân vật trung gian nào. Người kể cũng không giấu thái độ của mình qua các sự kiện, tình huống: sợ hãi, lo âu, hoảng loạn, buồn bã...
<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu bức tranh hiện thực cuộc sống:</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh cuộc sống đặc biệt nào được tái hiện trong văn bản? Những chi tiết, hình ảnh nào có tác dụng làm nổi bật bức tranh cuộc sống đặc biệt đó? Chi tiết, hình ảnh nào đã thực sự gây được ấn tượng mạnh mẽ với em? Vì sao? <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>3. Bức tranh hiện thực cuộc sống</p> <p>Những ngày đau thương, đói khát, hãi hùng và thiếu thốn tình cảm của bao đứa trẻ trong chiến tranh khốc liệt – đó chính là nét đặc biệt của bức tranh cuộc sống được tái hiện trong văn bản. Bức tranh cuộc sống đặc biệt này được tạo nên bởi nhiều chi tiết, hình ảnh sống động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Máy bay đánh bom “tất cả màu sắc đều biến mất”, lần đầu tiên đứa bé biết đến từ “chết chóc”. => ấn tượng đậm nét về chiến tranh + Trên tàu, những đứa bé chứng kiến cảnh nhiều người lính bị thương, rên la vì đau đớn. => nhiều người đã ngã xuống + Triền miên trong đói khát, người ta giết thịt cả con ngựa già thân thiết duy nhất, rồi phải ăn cả cây cỏ để sống qua ngày. => thiếu thốn về vật chất + Trong trại trẻ mồ côi, hàng chục đứa bé khóc rên gọi tên ba mẹ. Hễ nhắc tới từ “mẹ” là tất cả lại “gào khóc không nguôi”. => thiếu thốn về tinh thần (nhớ mẹ tha thiết) + Đứa bé lớp Ba trốn trại đi tìm mẹ, đói lả và kiệt sức, may được một ông lão đem về nuôi. + Sau hàng chục năm trôi qua, cái cảm giác đói và thiếu mẹ vẫn luôn quay lại dần vật nhân vật “tôi”.

	<p>=> HS có thể lựa chọn một chi tiết bất kì để phân tích (đưa ra cảm nhận riêng riêng của bản thân).</p>
<p>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu vai trò của tác giả</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Toàn bộ câu chuyện được kể bởi một người vì chiến tranh mà đã phải nếm trải những ngày tháng đau thương ở tuổi ấu thơ, tác giả chỉ là người ghi lại. Vậy trong việc tạo lập văn bản này, tác giả đóng vai trò gì? Phân tích thái độ của tác giả khi ghi lại các sự việc mà nahan chứng kể lại?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc văn bản</p> <p>- HS suy ngẫm các câu hỏi</p> <p>- Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>4. Vai trò của tác giả</p> <p>- Tư liệu sống để viết nên tác phẩm kí này hoàn toàn do người thợ làm tóc năm mươi một tuổi tên là Din – na Cô – si - ắc cung cấp cho nhà văn.</p> <p>- Mặc dù chỉ là người ghi lại, nhưng tác giả đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo lập văn bản. Vai trò này không chỉ thể hiện ở việc lựa chọn ngôn từ, giọng kể mà còn thể hiện ở cách sắp xếp các sự việc, sáng tạo các chi tiết, hình ảnh giàu ý nghĩa. Đặc biệt, mặc dù người kể chuyện thuộc ngôi thứ nhất xưng tôi nhưng lời kể không còn là lời nguyên bản của người thợ làm tóc, mà là lời kể có tính nghệ thuật được nhà văn sáng tạo nên.</p> <p>- Qua lời kể, nhà văn thể hiện thái độ đồng cảm với những đau thương mà nhân chứng từng nếm trải</p> <p>- Hs có thể phân tích một số chi tiết nói về những cảm giác đói khát, về niềm ao ước được gặp lại mẹ của tác giả để dùng làm minh họa)</p>
<p>Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu những yếu tố tạo nên sức lay động của văn bản:</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn</p> <p>+ Theo em những yếu tố nào có tác dụng tạo nên sức lay động của văn bản đối với người đọc? Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản là gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc kĩ văn bản, thảo luận nhóm nhỏ (2 HS/nhóm)</p> <p>- HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>5. Những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của văn bản</p> <p>- Với một tác phẩm truyện kí, yếu tố tác động đến tình cảm của người đọc chính là bản thân câu chuyện với các sự việc, tình huống nhân vật.. được kể lại.</p> <p>- Trong văn bản những sự việc từng xảy ra trong thực tế đời sống gắn với thời khắc, địa điểm, không gian cụ thể, được tái hiện bằng lời ghi chép khách quan nhưng có sức lay động rất mạnh cảm xúc của người đọc. Ví dụ : cảnh chia lìa giữa những đứa bé ngây thơ với bố mẹ, tình trạng giày vò khôn khổ vì thiếu thốn vật chất và tình cảm trong chiến tranh...</p> <p>=> tất cả những sự bi kịch này được kể lại hết sức sinh động, cụ thể đến từng chi tiết, tạo cho người đọc người nghe cảm giác như đang tận mắt chứng kiến sự đau khổ tột cùng của những con người yếu ớt.</p> <p>- Thông điệp:</p>

	+ Yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh. + Tình mẫu tử thiêng liêng kể cả trong chiến tranh khốc liệt
Nội dung 3: Tổng kết: a. Mục tiêu: Giúp HS - Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV phát vấn + Theo em văn bản “Và tôi vẫn muốn mẹ” có những nét đặc sắc gì về nội dung? Nghệ thuật? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại bài - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	III/ Tổng kết 1. Giá trị nội dung Tác phẩm “Và tôi vẫn muốn mẹ...” của A-lếch-xi-ê-vích cho chúng ta thấy được một bức tranh hiện thực về chiến tranh khốc liệt, nhưng ở đó vẫn có những đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ, mang trong mình những tình cảm thiêng liêng. Từ đó, ta càng trân trọng cuộc sống hòa bình hiện nay và càng yêu thương gia đình hơn. 2. Giá trị nghệ thuật - Truyện kí một thể loại mang đậm dấu ấn về khắc họa nhân vật - Ngôn ngữ giàu sức biểu cảm - Câu từ dễ hiểu và hợp lí
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài truyện kí, HS viết kết nối với đọc b. Nội dung thực hiện Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích ý nghĩa hai câu cuối “Tôi đã năm mươi một tuổi, tôi có hai con. Và tôi vẫn muốn mẹ.” Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt ý theo bài làm của HS	Bài làm tham khảo Hai câu cuối cho ta thấy tình cảm sâu sắc của nhân vật tôi với ba mẹ của mình, đó có lẽ là thứ tình cảm giúp nhân vật tôi vượt qua sự khốc liệt của chiến tranh. Lúc nào cũng muốn được tìm lại mẹ, không ngại khó khăn khổ cực. Những câu chuyện mà nhân vật tôi kể, không có những khung cảnh gia đình áp, ở đó toàn sự chia ly xa cách. Nhưng ta vẫn có thể cảm nhận được sự yêu thương của nhân vật tôi dành cho cha mẹ, cũng như của cha mẹ dành cho nhân vật tôi. Thứ tình cảm đó khắc sâu vào tâm trí của tác giả theo nhân vật tận đến sau này. Đó là thứ tình cảm khát khao dai dẳng đi theo suốt những năm tháng trưởng thành của nhân vật tôi. Tựa đề câu chuyện là “Và tôi vẫn muốn

	<p>mẹ...” cho thấy thứ tình cảm mãnh liệt tình mẫu tử. Khi nhân vật tôi chỉ là một đứa trẻ, tình yêu lớn nhất là dành cho gia đình của mình. Dù có đói khát thì chúng vẫn không khóc lóc mà chỉ khóc khi nhớ đến mẹ của mình. Tận khi lớn lên thì thứ tình cảm đó vẫn không mất đi. Dù có không còn chiến tranh, cuộc sống đủ đầy thì thứ tình cảm đó vẫn ăn sâu nẩy mầm trong tâm trí của nhân vật tôi. Viết về đề tài chiến tranh, các nhà văn Việt Nam cũng có rất nhiều tác phẩm nói về hiện thực chiến tranh và ca ngợi tình cảm gia đình trong thời kỳ đó. Như “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng. Cả hai nhà văn đều dùng những ngòi bút riêng của mình để lên án cái thảm khốc của chiến tranh và ca ngợi cái kiên cường, tình cảm con người trong thời kỳ đó.</p>
<p style="text-align: center;">4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh biết trân trọng tình cảm gia đình thiêng liêng, cao đẹp, biết yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh</p> <p>b. Nội dung thực hiện: HS làm việc nhóm, thực hiện bài tập dự án</p> <p>c. Sản phẩm: Bài tập dự án</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS có thể sưu tầm những thước phim, câu chuyện cũng nói về đề tài tình cảm gia đình trong chiến tranh</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại những bài tập tốt, đánh giá cho điểm</p>	<p>Bài tập dự án của học sinh</p>

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

5. HDVN:

- Vẽ tranh : Lưu ý chọn bố cục: không gian, màu sắc, đường nét, thời điểm
- Vẽ tranh, thuyết minh về nỗi đau chiến tranh
- Chuẩn bị bài mới “ Cà Mau quê xứ” : Đọc, tìm hiểu nội dung (hiện thực chiến tranh tg2, sự mất mát, đau thương, ước vọng tình mẫu tử thiêng liêng,...)
- Bám sát các câu hỏi trong sgk và sách bài tập.

Ngày soạn: Ngày dạy: Lớp dạy:

BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÝ
PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm vững biểu hiện của hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Phân biệt được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường vì mục đích sáng tạo, với việc vi phạm quy tắc do thiếu hiểu biết hoặc bất cẩn trong sử dụng ngôn ngữ
- Hiểu được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường không chỉ diễn ra ở văn bản thơ mà cả ở văn xuôi.
- Hiểu được: trong ngôn ngữ văn xuôi, việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường một cách có chủ ý luôn hướng tới mục đích nghệ thuật nhất định.

2. Về năng lực:

- Phát huy các năng lực tự học, năng lực hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo để đáp ứng những yêu cầu của bài học.
- Cụ thể:
 - + Vận dụng kiến thức về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường vào việc phân tích văn bản nghệ thuật.
 - + Chủ động tham gia thảo luận, trình bày ý kiến trong quá trình học tập

3. Về phẩm chất:

Có ý thức chăm chỉ và nỗ lực trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, dụng cụ học tập (nam châm, giấy roky)
2. **Học liệu:** Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, sách giáo khoa

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

Tổ chức chơi trò chơi “*ong tìm chữ*”, điền vào ô chữ các từ để tạo thành từ có nghĩa

- a. Buồn *điệp điệp*
- b. *Sầu giăng giăng*
- c. *Sầu thăm thăm*

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- Chơi trò chơi: Tìm từ
- GV chia lớp thành các đội chơi Tìm từ
- Đội nào không tìm được từ có nghĩa là đội thua

c. **Sản phẩm:** Các từ tìm được của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:	Học sinh tham gia chơi

Giáo viên tổ chức hoạt động B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Các em vừa thực hiện việc tìm các từ ghép với nhau theo một tầng nghĩa nhất định. Việc các em tìm ra từ mới dựa trên việc phá vỡ các quy tắc thông thường về mặt ngữ nghĩa. Điều này không chỉ diễn ra trong đời sống mà còn trong những văn bản nghệ thuật, cả thơ và văn xuôi. Việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường này sẽ mang lại những giá trị nhất định về nội dung và nghệ thuật.	trò chơi
--	----------

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu tri thức tiếng việt

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các tác dụng cơ bản của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản nghệ thuật: Thơ và văn xuôi.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu tri thức tiếng việt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv yêu cầu Hs cho biết</i> tác dụng cơ bản của việc phá vỡ các nguyên tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản thơ, văn xuôi; Phân biệt được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường với việc mắc lỗi trong sử dụng ngôn ngữ, hoàn thành phiếu học tập 01 - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	1. Tác dụng của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản nghệ thuật - Việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường sẽ phục vụ cho một ý nghệ thuật nào đó. - Việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường một cách sáng tạo của tác giả sẽ tạo ra những hiệu quả tích cực: + Thể hiện cái nhìn độc đáo của người viết về đối tượng. + Gọi những liên tưởng lạ lùng, mới mẻ cho người đọc. + Làm mới cách biểu đạt tránh sự sáo mòn trong sử dụng ngôn ngữ.

nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

PHIẾU HỌC TẬP 01: Chỉ ra tác dụng khi Nguyễn Tuân sử dụng các từ ngữ miêu tả vẻ đẹp trữ tình của dòng sông Đà, trong ngữ liệu sau:

Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đã lơ lơ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**a. Mục tiêu hoạt động:**

- Học sinh chỉ ra được biểu hiện của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường
- Học sinh quy được những biểu hiện đó về dạng thức cụ thể
- Học sinh thực hành giải bài tập vận dụng trong sách giáo khoa
- Học sinh vận dụng để tạo lập văn bản có dụng ý nghệ thuật từ việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

b. Nội dung thực hiện:

Học sinh thực hành bài tập 1 và 2 trong sách giáo khoa thấy được tác dụng của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. Luyện tập	
NV: Hướng dẫn học sinh làm bài 1,2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm + Nhóm 1,3: Bài 1 + Nhóm 2,4: Bài 2 - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS đọc thảo luận Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn	Hướng dẫn câu trả lời bài tập 1 và 2 Bài 1: Câu thơ mà tác giả đã sáng tạo bằng cách phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường là: a. “Xanh om cổ thụ tròn xoe tán Trắng xóa Tràng Giang phẳng lặng tờ.” Căn cứ xác định: Sự khác biệt với thông thường, thông thường tính từ thường đặt sau danh từ mà nó bổ nghĩa nhưng trong trường hợp này các tính từ <i>xanh om, tròn xoe</i> lại được đặt trước các danh từ <i>Cổ thụ, tán</i> . => <i>Sáng tạo bằng cách phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.</i> b. “Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá, Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.” Căn cứ xác định: cách kết hợp từ lạ, không gặp trong giao tiếp hằng ngày. Lượng từ <i>ít, nhiều</i> bình thường

lại lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	không bao giờ kết hợp với danh từ <i>Trăng</i> bởi lẽ Trăng là sự vật duy nhất. <i>=> Tạo sự độc đáo, vượt ngoài lối nói thông thường bằng cách kết hợp bất ngờ.</i> Bài 2: Những cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường là: a. <i>bát ngát tiếng gà</i> - <i>bát ngát</i> là từ chỉ không gian, không thể kết hợp với từ <i>tiếng gà</i> <i>=> góp phần làm cho câu văn giàu hình ảnh, không gian mở rộng hơn, xa xăm hơn, mênh mông hơn.</i> b. <i>lông tay thơ thần với Cà Mau</i> <i>=> cách kết hợp lạ tạo tâm thế thoải mái vui vẻ, nhẹ nhõm khi đến với Cà Mau</i>
---	---

PHIẾU HỌC TẬP 02:

Phiếu học tập 02:

Câu thơ mà tác giả đã sáng tạo bằng cách phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường là:

Ngữ liệu	Đáp án
“Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán Trắng xóa Trăng Giang phẳng lặng tờ.”	
“Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá, Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.”	
Tác dụng:	

PHIẾU HỌC TẬP 03:

Phiếu học tập 03:

Những cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường là:

cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường	Tác dụng mà tác giả tạo ra khi sử dụng những từ ngữ có cách kết hợp không bình thường.
a.	
b.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hành tự sáng tạo các từ bằng cách phá vỡ những nguyên tắc ngôn ngữ thông thường để có các từ mới có dụng ý nghệ thuật.

b. Nội dung thực hiện: HS sưu tầm các dữ liệu mà trong đó các tác giả đã sáng tạo bằng cách phá vỡ những nguyên tắc ngôn ngữ thông thường.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Vận dụng, thực hành	
NV: Hướng dẫn học sinh làm bài 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Từng cặp học sinh thực hiện nhiệm vụ bài 3 - Một học sinh tìm từ mới - Một học sinh so sánh với từ của tác giả - Hai bạn trao đổi nhận xét vào phiếu học tập Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS làm phiếu bài tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi các cặp báo cáo sản	Bài 3: - Các từ có thể kết hợp với cụm từ <i>cái nắng</i> : <i>Dai dẳng, triền miên, gay gắt...</i> - Từ mới tạo được <i>cái nắng dai dẳng, cái nắng triền miên, cái nắng gay gắt...</i> => Cho dù từ <i>dai dẳng, triền miên</i> cũng gần nghĩa với từ <i>miệt mài</i> nhưng hai từ <i>dai dẳng</i> và <i>triền miên</i> không thể tạo ra từ mới có sự sáng tạo hơn từ <i>cái nắng miệt mài</i> , bởi lẽ <i>miệt mài</i> còn mang theo sắc thái nhân hóa, làm nổi bật lên cái <i>siêng năng, cần cù</i> của nắng miền Trung cũng như con người miền Trung

phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP 04: Tìm từ gần nghĩa với từ *miệt mài* và kết hợp với từ *Cái năng* để tạo thành từ có nghĩa, nhận xét về tác dụng của từ mới so với từ của tác giả.

Từ gốc	Từ mới	So sánh
<i>Cái năng miệt mài</i>		

4. Củng cố:

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh hệ thống lại kiến thức đã học.

b. Nội dung thực hiện: HS hệ thống kiến thức ghi nhớ.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Củng cố	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh, lập bảng ghi nhớ Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Làm bài ở lớp/nhà Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV kiểm tra luân hoặc vào tiết học tiếp theo Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung	Học sinh thực hiện tại lớp/ nhà

5. HDVN:

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh hệ thống lại kiến thức đã học, liên kết được với nội dung bài 2 ở kì 1

b. Nội dung thực hiện: HS hệ thống kiến thức ghi nhớ, làm bài tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Củng cố	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh, lập bảng ghi nhớ, làm bài tập	Học sinh thực hiện tại nhà

4	
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Làm bài ở nhà Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV kiểm tra vào tiết học tiếp theo Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung	

Tài liệu tham khảo

Hệ thống quy tắc	Sự mô tả	Các ví dụ
Âm vị học	Hệ thống âm thanh của một ngôn ngữ. Âm vị là đơn vị âm thanh nhỏ nhất trong một ngôn ngữ.	Từ “chat” có ba âm vị hoặc âm thanh: /ch/ / a / / t /. Một ví dụ về quy tắc âm vị học trong tiếng Anh là trong khi âm vị / r / có thể theo sau âm vị / t / hoặc / d / trong một cụm phụ âm tiếng Anh (chẳng hạn như track hoặc drab), thì âm vị / l / không thể theo sau các chữ cái này.
Hình thái học	Hệ thống các đơn vị có nghĩa tham gia vào cấu tạo từ.	Các đơn vị âm thanh nhỏ nhất có nghĩa được gọi là hình vị, hay đơn vị ý nghĩa. Từ girl (1 cô gái) là một hình vị, hoặc đơn vị có nghĩa; nó không thể bị chia nhỏ hơn nữa mà vẫn có ý nghĩa. Khi hậu tố s được thêm vào, từ trở thành girls và có hai hình vị từ vì s đã thay đổi nghĩa của từ, có nghĩa là nhiều hơn một cô gái.
Cú pháp	Hệ thống gồm cách các từ được kết hợp để tạo thành các cụm từ và câu có thể chấp nhận được.	Thứ tự từ rất quan trọng trong việc xác định nghĩa trong ngôn ngữ tiếng Anh. Ví dụ, câu “Sebastian push the bike” có nghĩa khác với câu “The bike push Sebastian”.
Ngữ nghĩa	Hệ thống liên quan đến nghĩa của từ và câu.	Biết nghĩa của các từ riêng lẻ – tức là từ vựng. Ví dụ, ngữ nghĩa bao gồm biết nghĩa của những từ như cam, giao thông vận tải và thông minh.
Ngữ dụng học	Hệ thống cách sử dụng hội thoại	Ví dụ, sử dụng ngôn ngữ lịch sự trong các tình huống thích hợp, chẳng hạn như lịch sự khi nói chuyện với giáo viên của một người.

phù hợp và kiến thức về cách sử dụng hiệu quả ngôn ngữ trong ngữ cảnh.

Thay phiên nhau nói trong một cuộc trò chuyện cũng thuộc ngữ dụng học.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

PHẦN 3. VIẾT (02 tiết)

Tiết 75 - VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nắm được các yêu cầu và cách thức viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội.
- HS biết cách trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề xã hội bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các bằng chứng xác thực, phù hợp, thuyết phục.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp; làm việc cặp đôi/nhóm);
- Năng lực tự chủ và tự học (chuẩn bị bài ở nhà, chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phản biện khoa học)

2.1. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

3. Về phẩm chất:

Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, ti vi/ máy chiếu

2. Học liệu:

- SGK, SGV, Tư liệu Ngữ văn 11
- Vở soạn, Bảng phụ (nếu có)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11a...				
11a...				
11a...				

2. Kiểm tra bài cũ**3. Bài mới****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo cho học sinh tâm lý tiếp nhận chủ động, tích cực qua việc làm quen với một số văn bản về các vấn đề xã hội. Từ đó, có nhu cầu tìm hiểu và bày tỏ quan điểm cá nhân.

b. Nội dung: Học sinh nhận diện được nội dung qua một số văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên trình chiếu một số hình ảnh về hiện tượng xã hội nổi bật. Yêu cầu học sinh nhận diện và trình bày quan điểm cá nhân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kĩ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. Giáo viên dẫn vào bài mới: Những hình ảnh phía trên cũng chỉ là một mảnh rất nhỏ của các hiện tượng xã hội. Trước những vấn đề như thế, bản thân chúng ta cần hiểu rõ các hiện tượng ấy, tìm hiểu kĩ càng để vừa thể hiện quan điểm cá nhân, vừa giúp mọi người nhận ra tính đúng đắn của các hiện tượng. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta nhận ra cách thức giải quyết các hiện tượng trên một cách đúng đắn, hợp lý và tích cực.	Hs lắng nghe và trả lời ý kiến

2.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được yêu cầu cơ bản khi triển khai các hiện tượng xã hội. Từ đó, giúp HS có kĩ năng xử lí các kiểu bài khác nhau.

2.2. Nội dung

- Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu bài thuyết minh về một hiện tượng xã hội

2.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

2.4. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của	I. Yêu cầu của kiểu bài:

kiểu bài***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân.

- Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).

- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

- GV chốt vấn đề

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu và phân tích ngữ liệu**a. Mục tiêu:**

- HS có thể nhận diện được các bước triển khai văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội.

- Phát hiện ý, xử lý tốt hệ thống câu hỏi trong ngữ liệu.

b. Nội dung

- Xác định được nội dung vấn đề, các luận điểm cơ bản và cách triển khai thuyết phục.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của hs

d. Tổ chức thực hiện***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề.

- Cho HS đọc ngữ liệu. Gọi các đại diện nhóm trình bày.

- Nhóm 1: Anh/ chị hãy nhận xét cách đặt nhan đề của bài viết?

- Nhóm 2+3: Vấn đề đã được

- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần thuyết minh

- Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về hiện tượng xã hội cần thuyết minh

- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ.

- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.

- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

II. Tìm hiểu và phân tích ngữ liệu:

- Ngữ liệu: “**Hiện tượng miệt thị ngoại hình**”

- Nhan đề: ngắn gọn, bao quát nội dung, thu hút sự chú ý của người đọc.

- Vấn đề được người viết triển khai bằng những luận điểm:

+ Nêu rõ về khái niệm “miệt thị ngoại hình”.

+ Quan điểm của tác giả về hiện tượng “miệt thị ngoại hình” với nguyên nhân cụ thể

+ Nêu bật tác hại của hiện tượng ấy.

+ Đề xuất giải pháp xóa bỏ hiện tượng miệt thị ngoại hình

+ Rút ra ý nghĩa của hiện tượng trên

- Yếu tố để làm nên sức thuyết phục của văn bản:

+ Luận điểm rõ ràng, lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.

+ Tư tưởng quan điểm trong bài văn hướng tới giải quyết vấn đề mà đề bài đưa ra.

+ Sử dụng kết hợp các yếu tố nghị luận, biểu cảm để tăng sức biểu đạt cho bài văn.

người viết triển khai bằng những luận điểm nào?

- Nhóm 4: Chỉ ra các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: Yêu cầu đại diện nhóm phát biểu.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc nhóm, viết ra giấy nháp, đại diện nhóm phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).

- HS đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

Giáo viên chốt vấn đề

Nhiệm vụ 3: Thực hành viết

a. Mục tiêu:

- Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành.

- Rèn kỹ năng viết.

b. Nội dung

- Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân

- Giáo viên: Yêu cầu cá nhân phát biểu.

III. Thực hành viết

1. Đề bài 1: *Viết bài văn thuyết minh về hiện tượng tôn thờ thần tượng một cách thái quá.*

2. Phương pháp:

– Triển khai luận điểm nêu suy nghĩ của bản thân về vấn đề được thuyết minh.

– Lưu ý việc đưa ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cần mạch lạc, khoa học.

– Khái quát, tổng kết lại vấn đề.

3. Dàn ý chi tiết

a. Mở bài: giới thiệu ngắn gọn về vấn đề hiện tượng: tôn thờ thần tượng một cách thái quá.

Vd: Thời đại nào cũng có những cá nhân nổi bật được nhiều người ngưỡng mộ. Tuy nhiên, xã hội càng hiện đại, việc gán gũ, tiếp cận thông tin với người nổi tiếng càng dễ dàng nhưng hệ lụy của nó lại càng thấy rõ. Người ta học theo, làm theo, tin theo, sống theo,... người mà họ thần tượng quá mức khiến việc yêu thích thần tượng trở nên sai lệch. Hiện tượng ấy gọi là tôn thờ thần tượng thái quá.

b. Thân bài

- Giải thích hiện tượng tôn thờ thần tượng thái quá:

Vd: Hội chứng tôn thờ thần tượng là một sự đam mê thái quá đối với những nhân vật giàu có và nổi tiếng. Điều này có thể gây nên chứng nghiện nguy hiểm đối với một số người. Các nhà tâm lý học tại Đại học DeVry ở Florida và Đại

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc cá nhân, viết ra giấy nháp, phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).
- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

Giáo viên chốt vấn đề

học Illinois (Mỹ) đã phỏng vấn hơn 600 người về thần tượng của họ. Những người tham gia cũng được hỏi họ có đồng tình hay không với các câu nói như: "Tôi bị ám ảnh bởi mọi chi tiết trong cuộc sống hàng ngày của người mình tôn thờ", "Tôi coi thần tượng của mình là bạn tri kỷ" và "Nếu người ấy yêu cầu tôi làm điều gì phạm pháp, tôi cũng sẵn lòng".

- Triển khai vấn đề thuyết minh về hiện tượng tôn thờ thần tượng thái quá, nêu rõ tác hại của hiện tượng trên:

Vd: Những câu trả lời đã làm thay đổi quan niệm truyền thống cho rằng việc sùng bái thần tượng chỉ là một thú vui vô hại. Thay vào đó, kết quả tìm kiếm cho thấy những kẻ tôn sùng dường như bị mê muội một cách thái quá đối với thần tượng của mình. Ngoài ra, những fan cuồng nhiệt này còn có nguy cơ mắc các triệu chứng như lo lắng, trầm cảm và gặp khó khăn trong giao tiếp với cộng đồng, hơn là những người không tôn thờ ai.

Theo các nhà nghiên cứu, có 3 giai đoạn trong sở thích thần tượng hoá một ngôi sao. Giai đoạn thứ nhất, xảy ra ở 20% số người được khảo sát, bao gồm theo dõi sát sao mọi thông tin về thần tượng qua các phương tiện truyền thông, với mục đích giải trí và mở rộng quan hệ. Những người này trở nên hướng ngoại: cởi mở, năng động và ưa mạo hiểm.

Giai đoạn tiếp theo, ảnh hưởng tới khoảng 10% người tham gia, là khi kẻ ái mộ phát triển một thái độ riêng tư với thần tượng của mình, chẳng hạn như tin rằng mình có một sợi dây liên kết đặc biệt với ngôi sao. Tại thời điểm này thì tôn thờ thần tượng đã trở thành một chứng nghiện. Những người thuộc nhóm này thường căng thẳng, dễ bị kích động và hay buồn rầu, ủ rũ.

Giai đoạn cao trào nhất là khi việc tôn thờ thần tượng gần như mang tính bệnh hoạn, tình huống gặp ở 1% đối tượng phỏng vấn. Khi đó,

	<p>những kẻ cuồng si sẵn sàng làm tổn thương chính mình hoặc người khác nhân danh thần tượng của mình. Họ bị mắc các triệu chứng của rối loạn tâm thần như bốc đồng, phản kháng cộng đồng và vị kỷ.</p> <p>"Việc tôn thờ một thần tượng không khiến bạn mất đi các chức năng giao tiếp xã hội, nhưng nó đủ đặt bạn vào nguy cơ trở nên như vậy. Và khi nó đã xảy ra thì khó có cách nào ngăn cản được", nhà tâm lý học James Houran cảnh báo.</p> <p>c. Kết bài: khẳng định lại suy nghĩ của bản thân về hiện tượng tôn thờ thần tượng thái quá.</p> <p>Vd: Tôn thờ thần tượng là không sai, tuy nhiên, phải học cách tôn thờ đúng đắn. Bởi vậy, ngay từ bây giờ, hãy trang bị cho bản thân một quan niệm sống đúng đắn, tích cực, tốt đẹp, biết yêu đúng nghĩa và biết sống đúng đạo lý, có bản lĩnh.</p> <p>4. Chỉnh sửa, hoàn thiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để tìm các lỗi cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện bài viết. Có thể tự rà soát bài viết theo một số tiêu chí sau: - Hiện tượng xã hội cần bàn luận đã được triển khai thành các luận điểm rõ ràng. - Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng đã được sắp xếp hợp lý và sử dụng một cách hiệu quả. - Nội dung thể hiện được quan điểm cá nhân về vấn đề cần bàn luận. - Văn phong phù hợp với mục đích và đối tượng cần thuyết phục. - Vị thế phát ngôn và giọng điệu được xác lập, lựa chọn phù hợp với mục đích viết và đối tượng thuyết phục.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

3.1. Mục tiêu: làm bài tập củng cố kiến thức

3.2. Nội dung:

- Hs nhắc lại các bước để viết bài văn bàn luận về hiện tượng xã hội?
- Triển khai lập dàn ý với đề tài hiện tượng xã hội đáng quan tâm về “bảo vệ môi trường sống”

3.3. Sản phẩm: Hs hoàn thành các bài tập

3.4. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ	Hướng dẫn 1. Phương pháp: – Triển khai luận điểm nêu suy nghĩ của bản thân

<p>Viết văn bản nghị luận về vấn đề sau: <i>Bảo vệ môi trường sống cho con người.</i></p> <p>- Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Làm việc cá nhân.</p> <p>- Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu.</p> <p>Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo</p> <p>- Đại diện HS lên bảng chữa bài.</p> <p>- Các học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh</p> <p>GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức</p>	<p>về vấn đề nghị luận.</p> <p>– Lưu ý việc đưa ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cần mạch lạc, khoa học.</p> <p>– Khái quát, tổng kết lại vấn đề.</p> <p>2. Tìm ý:</p> <p>- Hiện tượng là gì? Vì sao lựa chọn hiện tượng ấy? Nó có ý nghĩa thế nào với cá nhân và cộng đồng?</p> <p>→ Vấn đề môi trường sống (rừng, không khí, nước, ...) vẫn luôn là một vấn đề nghiêm trọng, bởi thái độ đối với môi trường sẽ quyết định hành động của con người cũng như sự sống của con người.</p> <p>- Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề này? Có những lí lẽ, bằng chứng nào để chứng minh quan điểm và thuyết phục người khác đồng tình với mình?</p> <p>→ Tôi thấy hiện nay vấn đề môi trường nguy cấp. Bản thân mỗi cá nhân cần có thái độ, hành động cụ thể để chung tay bảo vệ môi trường sống – “lá phổi Trái đất” cần xanh, sạch, an toàn hơn.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

<p>4.1. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.</p> <p>4.2. Nội dung: Hs sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập về nhà? Viết bài văn nghị luận bàn về “Bảo vệ môi trường sống” dựa trên dàn ý đã triển khai trên lớp.</p> <p>4.3. Sản phẩm: HS làm bài tập về nhà – viết bài văn.</p> <p>4.4. Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng</p>
--

Tiết 76 - TRẢ BÀI VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hs biết vận dụng kiến thức đã học để thực hiện viết bài thuyết minh về hiện tượng xã hội
- Gv thấy rõ những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của HS.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp)
- Năng lực tự chủ và tự học (chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phân biệt khoa học);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

2.2. Năng lực đặc thù:

Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);

3. Về phẩm chất:

Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: ti vi/ máy chiếu
- Học liệu: SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, Thiết kế bài học (một số tài liệu đọc trên internet).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra:

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN XÉT CHUNG

1.1. Mục tiêu:

- Nhận xét các ưu, khuyết điểm trong bài viết của HS.
- Rút kinh nghiệm, bổ sung, định hướng cách viết

1.2. Nội dung:

Học sinh thấy được ưu, khuyết điểm trong bài viết của mình.

1.3. Sản phẩm:

Kết quả bài viết của học sinh.

1.4. Tổ chức thực hiện:

I. Nhận xét chung:

- Đa số là mắc các lỗi chủ yếu sau: chính tả, dùng từ sai, viết câu sai, bài giống nhau trừ điểm, một số bài thì cảm xúc không thực, bỏ trống một hàng...
- Lỗi lập luận, diễn đạt, luận điểm chưa thuyết phục.
- Chữ viết, trình bày còn cẩu thả, thiếu logic...

HOẠT ĐỘNG 2: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU BÀI VIẾT

2.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được yêu cầu cơ bản khi triển khai vấn đề xã hội khác nhau
- Từ đó, giúp HS có kỹ năng xử lý các kiểu bài khác nhau.

2.2. Nội dung

Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu bài thuyết minh về một hiện tượng xã hội

2.3. Sản phẩm

Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

2.4. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát đề, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. <p>Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo</p> <p>Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại</p>	<p>II. Xác định yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết cần nêu lên những suy nghĩ về: <i>Bảo vệ môi trường sống</i>. - Vấn đề là gì? Vì sao lựa chọn vấn đề đó? Vấn đề đó có ý nghĩa thế nào với cá nhân và cộng đồng? → Vấn đề thái độ thờ ơ của con người đối với môi trường vẫn luôn là một vấn đề đáng suy ngẫm, bởi thái độ đối với môi trường sẽ quyết định hành động của con người cũng như sự sống của con người. - Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề này? Có những lý lẽ, bằng chứng nào để chứng minh quan điểm và thuyết phục người khác đồng tình với mình?

lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.	→ Tôi thấy hiện nay vẫn có những người vẫn thờ ơ, có kẻ tiếp tay tàn phá khiến tình trạng môi trường trở nên nguy cấp. Đây là một thái độ không đúng, để lại nhiều hậu quả, cần phải thay đổi. - Đề xuất giải pháp: + có những chính sách bảo vệ tài nguyên rừng + Có chính sách trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng nguyên sinh và hỗ trợ những người sống dưới tán rừng + Bảo vệ diện tích mặt nước, đặc biệt bảo vệ nguồn nước ngầm + Xử lý chất thải khoa học + tuyên truyền bảo vệ môi trường sống.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: GỢI Ý LÀM BÀI

3.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được những luận điểm, những ý chính khi triển khai hiện tượng xã hội.

3.2. Nội dung

- Xác định được các luận điểm cơ bản của kiểu bài thuyết minh về một hiện tượng xã hội

3.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

3.4. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát đề, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề: thái độ, hành động của con người đối với việc bảo vệ môi trường sống(chung), hoặc lựa chọn 1 vấn đề môi trường riêng - Thân bài: + Giải thích vấn đề. + Trình bày thực trạng môi trường hiện nay. + Trình bày thái độ, hành động của con người đối với việc bảo vệ môi trường sống, nêu các giải pháp cụ thể + Trình bày quan điểm và nhận thức của bản thân. - Kết bài: + Khẳng định ý nghĩa của vấn đề. + Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong việc giải quyết vấn đề.

HOẠT ĐỘNG 4: NHẬN XÉT ƯU – KHUYẾT ĐIỂM VÀ TRẢ BÀI

4.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được những ưu điểm, khuyết điểm trong bài viết tuyệt mình của mình.

4.2. Nội dung

- Xác định được các ưu điểm, khuyết điểm của bản thân để kịp thời điều chỉnh.

4.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

4.4. Tổ chức thực hiện:

III. Nhận xét ưu – khuyết điểm:

1. Sửa lỗi

- Chính tả:
- Dùng từ không phù hợp:
- “
- Câu sai:

2. Đọc và tuyên dương đoạn, bài hay, có cảm xúc

- Mở bài hay, ngắn gọn (.....
- Mở bài và kết bài thật mộc mạc, đơn sơ như cảm xúc thật (.....

□ **Bài hay:**

3. Rút kinh nghiệm

- Cần lập dàn ý trước khi làm bài.
- Việc tạo hiệu quả cảm xúc cần những tình cảm, thái độ chân thực. Số liệu cần tương đối xác thực/ lấy từ thực trạng địa phương/ nguồn thông tin chính thức trên các phương tiện chính thống
- Chú ý các vấn đề ngữ pháp khi viết câu, đoạn....

4. Trả bài

IV. Luyện tập

Từ nhận xét kết hợp với phần chấm chữa của GV, yêu cầu HS viết lại bài hoàn chỉnh (Thực hiện tại nhà)

4. Củng cố:

- Nắm vững yêu cầu kiểu bài thuyết minh về hiện tượng xã hội với 4 bước cơ bản: nêu khái niệm, giải thích bản chất hiện tượng, phân tích thực trạng, rút ra bài học/ ý nghĩa.
- Thực hành vận dụng với các dàn ý đã có theo các ý đã được chỉnh sửa

5. Dặn dò

- Học bài cũ, linh hoạt vận dụng các yêu cầu thuyết minh, nghị luận tương tự
- Chuẩn bị bài mới NÓI VÀ NGHE “Thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống” theo yêu cầu của SGK hoặc theo đề xuất của lớp. Thực hiện trao đổi, tranh luận để làm rõ quan điểm cá nhân nhưng phải đúng đắn và tôn trọng ý kiến người khác.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG THUẬT TRONG KÍ

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 77: THẢO LUẬN, TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Xác định được vấn đề trong đời sống đáng quan tâm, cần thảo luận, tranh luận
- Huy động được hệ thống ý để xây dựng nội dung tham gia thảo luận, tranh luận

- Nắm rõ tuần tự các bước của cuộc thảo luận, tranh luận.

2. Về năng lực

- Chủ động và tích cực hoạt động nhóm để chuẩn bị tốt cho cuộc thảo luận, tranh luận.
- Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia thảo luận về vấn đề
- Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.

3. Về phẩm chất

Có tinh thần, thái độ tích cực khi tham gia thảo luận như:

- Tôn trọng người đối thoại
- Có tinh thần cầu thị, lắng nghe
- Biết chấp nhận những ý kiến, quan điểm hợp lí, xác đáng của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, Ngữ liệu văn bản, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá kĩ năng nghe, bảng kiểm đánh giá kĩ năng nói, phiếu đánh giá, video, ứng dụng Google Form, Padlet,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có tâm thế hứng thú tham gia bài học.
- HS có năng lực cảm thụ thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ

b. Nội dung: GV đưa ra câu hỏi gợi mở và trình chiếu video

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem video https://youtu.be/1CyMFL9Qjfg (Chơi game có gì sai) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS xem video, theo dõi và bắt đầu học hỏi cách đưa ra những ý kiến khi nói về những vấn đề đời sống. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	HS có những hình dung ban đầu về cách thảo luận/ đưa ra ý kiến về những vấn đề đời sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nắm được cách tham gia cuộc thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau.
- HS có năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề

- HS có thái độ tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập

b. Nội dung: HS đọc yêu cầu trong SGK, ghi chú những điều quan trọng

c. Sản phẩm: Ghi chú của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: đọc phần yêu cầu trong SGK, tóm tắt các thông tin quan trọng nhất, yêu cầu một vài HS phát biểu điều em cảm thấy cần lưu ý nhất đối với người nói – người nghe. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Đọc, gạch chân những yêu cầu chính trong SGK. - Ghi chép lại những định hướng chung mà GV kết luận. B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động, nhận xét, chốt ý	I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI 1. Yêu cầu của kiểu bài - Xác định được vấn đề cần thảo luận, tranh luận. - Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia thảo luận, tranh luận về vấn đề. - Biết thảo luận, tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình. - Tôn trọng người đối thoại, có tinh thần cầu thị, lắng nghe; biết chấp nhận những ý kiến, quan điểm hợp lí, xác đáng. 2. Quy trình - Bước 1: Chuẩn bị thảo luận, tranh luận - Bước 2: Thảo luận, tranh luận - Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

- HS chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

- HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

b. Nội dung: Yêu cầu học sinh thực hành để rèn luyện kỹ năng nói và nghe quy trình 3 bước: Chuẩn bị thảo luận – Thảo luận – Đánh giá, rút kinh nghiệm.

c. Sản phẩm: Phần tranh biện của HS, đánh giá theo nhóm và theo cá nhân của HS (Phụ lục 2,3)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
BƯỚC 1: CHUẨN BỊ THẢO LUẬN	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 2 nhóm để chuẩn bị ý kiến của bản thân về vấn đề được gợi ý trong SGK/tr.57: - Nhóm 1 – vấn đề 1: Với học sinh THPT, giữa tích lũy kiến thức và rèn luyện kỹ năng sống, điều gì là quan trọng hơn? - Nhóm 2 – vấn đề 2: Sở thích của bản thân và yêu cầu của cha mẹ, đâu là yếu tố quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai của mỗi học sinh? B2. Thực hiện nhiệm vụ	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE Bước 1: Chuẩn bị thảo luận - Xác định đề tài - Xác mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói, tìm ý, lập dàn ý... Phiếu học tập số 1 Họ và tên:..... Lớp:..... <hr/> Vấn đề 1 (Nhóm 1): Với học sinh THPT, giữa tích lũy kiến thức và rèn

<p>- HS hoàn thành PHT số 1 theo link Google From GV gửi trước 1 ngày diễn ra tiết học.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- HS trình bày PHT và phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ở nhà.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động.</p> <p>- GV đánh giá qua PHT và phản phản hồi của HS</p>	<p><i>luyện kĩ năng sống, điều gì là quan trọng hơn?</i></p> <p>Ý kiến 1: Tích lũy kiến thức quan trọng hơn</p> <p>Ý kiến 2: Rèn luyện kĩ năng sống quan trọng hơn</p> <p>Đối tượng người nghe:.....</p> <p>Với đối tượng này, tôi cần có cách nói/trình bày:</p> <p>Quan điểm của tôi lựa chọn:</p> <p>Lí do:.....</p> <p>Mình chứng:.....</p> <p>Dàn ý phần trình bày:.....</p> <p>Trọng tâm của phần trình bày:</p> <p>Những câu hỏi dự kiến để tương tác:...</p> <hr/> <p><i>Vấn đề 2 (Nhóm 2): Sở thích của bản thân và yêu cầu của cha mẹ, đâu là yếu tố quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai của mỗi học sinh?</i></p> <p>Ý kiến 1: Sở thích của bản thân quan trọng hơn</p> <p>Ý kiến 2: Yêu cầu của cha mẹ quan trọng hơn</p> <p>Đối tượng người nghe:.....</p> <p>Với đối tượng này, tôi cần có cách nói/trình bày</p> <p>Quan điểm của tôi lựa chọn.....</p> <p>Lí do:.....</p> <p>Mình chứng:.....</p> <p>Dàn ý phần trình bày:</p> <p>Trọng tâm của phần trình bày:</p> <p>Những câu hỏi dự kiến để tương tác:...</p>
BƯỚC 2: THẢO LUẬN	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Căn cứ vào khảo sát kết quả PHT số 1, GV chia lớp thành 2 nhóm A (gồm 2 nhóm nhỏ là A1 và A2) – nhóm B (Gồm 2 nhóm nhỏ là B1 và B2), tổ chức cuộc thi: TRANH BIỆN, chọn 2 HS làm người chủ trì dẫn dắt 2 phiên.</p>	<p>Bước 2: Thảo luận</p> <p>- Người nói:</p> <p>+ Nêu sự hưởng ứng đối với đề tài của cuộc thảo luận</p> <p>+ Tóm tắt và đánh giá các ý kiến đã có về vấn đề; nêu cách nhìn nhận riêng của</p>

<p>- GV phổ biến luật chơi: Sẽ gồm 2 phiên đấu: Phiên 1 (Vấn đề 1): Cặp đấu A1 và B1 (A2 và B2 lắng nghe, đánh giá) Ý kiến 1: Tích lũy kiến thức quan trọng hơn Ý kiến 2: Rèn luyện kỹ năng sống quan trọng hơn Phiên 2 (Vấn đề 2): Cặp đấu A2 và B2 (A1 và B1 lắng nghe, đánh giá) Ý kiến 1: Sở thích của bản thân quan trọng hơn Ý kiến 2: Yêu cầu của cha mẹ quan trọng hơn <i>Các cặp đấu sẽ thay phiên nhau đưa ra những quan điểm của mình về vấn đề được giao. Mỗi lượt không quá 40 giây. Trong lượt trình bày của mình, nhóm có thể đưa ra luận điểm hoặc đặt câu hỏi cho nhóm kia.</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để đưa ra các luận điểm cơ bản trong vòng 5 phút. Sau khi thời gian thảo luận kết thúc, HS bắt đầu tham gia trò chơi theo sự điều phối của người chủ trì. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Thảo luận nhóm, nêu ra một số ý kiến cá nhân (đã chuẩn bị ở nhà) để nhóm góp ý. - Lắng nghe phản hồi của các thành viên để rút kinh nghiệm cho bản thân. - Tiến hành trình bày và lắng nghe phần trình bày của các HS khác. B3. Báo cáo thảo luận - Tranh luận, thảo luận của HS B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động. - GV đánh giá phần trình bày của HS.</p>	<p>mình và làm rõ căn cứ của cách nhìn nhận đó + Tóm tắt lại ý kiến của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận. - Người nghe: + Nghe trên tinh thần sẵn sàng đưa ra ý kiến hồi đáp của mình + Ghi vắn tắt những điểm cần tranh luận với người nói</p>
BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nội dung đánh giá sẽ có 2 phần: + Đánh giá nhóm trình bày (PHT số 2) – Mỗi nhóm 2 phiếu (A1,B1 đánh giá A2,B2 và ngược lại) + Đánh giá cá nhân trình bày (PHT số 3) – Mỗi HS 1 phiếu - GV yêu cầu đại diện các nhóm tiến hành trao đổi phần đánh giá của nhóm mình trước lớp; Bình chọn nhóm xuất sắc nhất và cá nhân xuất sắc nhất. - Từ đó GV rút ra kinh nghiệm chung khi thảo luận về vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.</p>	<p>Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm • Lắng nghe với thái độ cầu thị và ghi chép tóm lược ý kiến, những vấn đề cần trao đổi thêm. • Dành thời gian phù hợp để trao đổi những nội dung cần thiết.</p> <p>Phiếu học tập số 2 BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NÓI Người đánh giá:..... Nhóm trình bày:.....</p>

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điền vào phiếu đánh giá nhóm và phiếu đánh giá cá nhân. - Trao đổi phần đánh giá của nhóm mình trước lớp để cùng nhau rút kinh nghiệm. - Chia sẻ với GV những thắc mắc/ý kiến của bản thân về bài học. <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đánh giá chéo theo nhóm của HS - Phần đánh giá cá nhân <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động. - GV đánh giá phần trình bày của HS - Học sinh đánh giá theo nhóm và theo cá nhân 	<p>(Xem bảng kiểm SGK tr.59)</p> <p>Phiếu học tập số 3</p> <p>BẢNG NHẬN XÉT CÁ NHÂN</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Lớp:.....</p> <p>Người nói tôi tâm đắc:.....</p> <p>Nội dung tôi tâm đắc:.....</p> <p>Điều tôi học hỏi được:.....</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- HS trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.
- Tạo được sự đồng thuận tích cực giữa bản thân với những người tham gia thảo luận.

b. Nội dung: Giao nhiệm vụ về nhà, yêu cầu HS viết bài văn vận dụng

c. Sản phẩm: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt vấn đề: Đối với học sinh thời đại khoa học công nghệ hiện nay, việc học các môn khoa học tự nhiên quan trọng hơn các môn khoa học xã hội.

Em có đồng tình với ý kiến này hay không? Vì sao? (Lí giải bằng một đoạn văn từ 5 đến 7 câu)

- Hình thức nộp: HS nộp bài trên trang Padlet của lớp (Trang này do GV xây dựng).

- Thời gian thực hiện: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày giao nhiệm vụ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Ghi chép lại nhiệm vụ.
- Phản hồi với GV những thắc mắc, ý kiến về nhiệm vụ được giao.

B3. Báo cáo thảo luận

- Câu trả lời của HS

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm học tập của HS (Đoạn văn)

4. Củng cố:

5. HDVN: Hoàn thành bài tập về nhà trên Padlet.

Ngày soạn: Ngày dạy: Lớp dạy:

BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

Tiết 73b - VĂN BẢN 4: THỰC HÀNH ĐỌC: CÂY DIÊM CUỐI CÙNG

(Trích: Chuyện trò - Cao Huy Thuần)

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại tản văn.
- HS xác định và chỉ ra các sự kiện chính trong văn bản và bối cảnh diễn ra các sự kiện đó.
- HS phân tích được hình tượng hai người lính trong tác phẩm.
- HS phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn.

2. Về năng lực:

- HS hiểu được hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường, vận dụng vào việc tìm hiểu ngôn ngữ trong các tác phẩm tản văn.

3. Về phẩm chất:

- Biết trân trọng cái đẹp, thấu hiểu và cảm thông với con người với những cảnh ngộ khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho HS xem một số hình ảnh về người lính, chiến tranh và dãy Hymalaya, đặt câu hỏi cho HS
- HS chia sẻ những hiểu biết và câu trả lời của bản thân

c. Sản phẩm:**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chiếu hình ảnh Thu thập thông tin HS đã biết về chiến tranh, người lính và dãy Himalaya B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi và trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ hiểu biết của mình B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học	Gợi ý một số thông tin có thể chia sẻ cho HS Dãy Himalaya: + Là dãy núi cao nhất thế giới, có đỉnh Everest cao 8.848m. + Hy Mã Lạp Sơn có nghĩa là nơi ở của tuyết, khí hậu ở đây vô cùng khắc nghiệt

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát****a. Mục tiêu:**

- HS nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc văn bản và thông tin trong SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm và đoạn trích. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe yêu cầu của GV, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: - Cao Huy Thuần sinh năm 1964 tại Thừa Thiên Huế. - Là giáo sư về ngành chính trị học tại đại học Picardie. Pháp. - Ông là tác giả của nhiều tác phẩm nghiên cứu về chính trị và tôn giáo. Riêng về tản văn, ông có các cuốn tiêu biểu: Năng và hoa (2008), Thấy Phật (2028), Khi tựa gối khi cúi đầu (2011), Chuyện trò (2011), Nhật kí sen trắng (2014),... 2. Văn bản - Xuất xứ: Cây diêm cuối cùng là tác phẩm lấy trong tập Chuyện trò sáng tác năm 2012 - Thể loại: Tản văn - Bố cục: 3 phần + Phần 1: Nhân vật tôi lạc đồng đội và tìm thấy một ngôi chùa đến nghỉ ngơi. + Phần 2: Cuộc gặp gỡ giữa 2 người lính đối địch nhau và câu chuyện về cây diêm. + Phần 3: Những suy tư của tác giả.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Đọc mở rộng về văn bản tản văn

b. Nội dung: : Đọc văn bản Cây diêm cuối cùng (SGK tr60-63) và xác định các yêu cầu SGK.

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ HS liệt kê các sự việc chính trong tác phẩm. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản Nhiệm vụ 2: B1. Chuyển giao nhiệm vụ	II. Khám phá văn bản 1. Tác phẩm Cây diêm cuối cùng kể về câu chuyện chiến tranh trên đỉnh núi cao Hy Mã Lạp Sơn của nhân vật “tôi”, cuộc chiến cứ diễn ra dai dẳng cho đến khi hai bên kiệt sức, nhân vật “tôi” lần mò đi theo vách núi và thiếp đi cho đến khi tỉnh lại vừa đói và mệt thì nhìn thấy một ngôi chùa không một bóng người, thấy một bóng người đang ngồi, sau đó chĩa súng vào nhân vật “tôi”. Sau đó, nhìn bộ quân phục và biết hai người là kẻ thù, lúc đó nhân vật tôi vo cùng sợ hãi, cả hai bị cơn bão tuyết thổi tốc vào ngôi nhà này. Sau đó là những lần quẹt diêm để nhóm lửa, người kia quăng cho nhân vật tôi một

<p>GV yêu cầu HS tìm những yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p> <p>Nhiệm vụ 3:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm những hình ảnh lạ lùng có màu sắc hư cấu trong câu chuyện và cách thể hiện cảm xúc suy tư của tác giả trong văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>mẫu giấy, súng vẫn chìa về phía nhân vật “tôi”, quẹt nhiều lần đến cây diêm cuối cùng thì ngọn lửa cháy, chúng tôi vẫn còn sống. Từ đó, trong suy nghĩ của nhân vật “tôi” hiện lên nhiều câu hỏi, nhất là cây diêm cuối cùng và ngọn lửa thấp sáng từ người mà anh coi là kẻ thù.</p> <p>2. Tản văn tự sự vẫn lấy sự kiện, nhân vật, cảnh vật làm nội dung biểu đạt chủ yếu, lấy sự trần thuật miêu tả làm phương thức biểu đạt chủ yếu. Nó chú trọng kể việc, ghi người, tả cảnh nhưng cũng không giống như kể việc ghi người tả cảnh trong tiểu thuyết. Kể chuyện trong tản văn chỉ là trần thuật một...</p> <p>3. Nội dung chính của văn bản là: Các tư thế của những người đọc sách. Tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điệp từ (đọc, người đọc) - Liệt kê + Một là người đọc... + Hai là, người đọc... + Ba là, người đọc... <p>→ Tác dụng: Nhấn mạnh vào các tư thế đọc văn và qua đó, làm cho đoạn văn trở nên logic và chặt chẽ, sinh động hơn.</p>
--	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Tổng kết lại nội dung bài học.

b. Nội dung: Tổng kết về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung và nghệ thuật của văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung Cây diêm cuối cùng khắc họa hình ảnh nhân vật “tôi” trong cuộc chiến đấu ở đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn, câu chuyện cảm động cây diêm cuối cùng giữa hai nhân vật kẻ thù sau đó và những suy nghĩ về tình cảm con người trong cuộc sống.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình độc đáo - Tính chất lạ lùng, có màu sắc hư cấu

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**a. Mục tiêu:**

HS viết được một đoạn cảm nhận về chi tiết, nhân vật trong đoạn trích Cây diêm cuối cùng.

b. Nội dung: HS thực hành viết luyện tập theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm:**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện bài làm viết kết nối đọc B3. Báo cáo thảo luận HS trình bày phần bài làm của mình B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Cao Huy Thuần sinh ra và lớn lên ở Thừa Thiên Huế, một mảnh đất giàu truyền thống văn hoá. Ông là tác giả của nhiều nghiên cứu về chính trị học và tôn giáo. Nói riêng về văn ông có rất nhiều các sáng tác tiêu biểu như Nắng và hoa, Thầy Phật, Khi tựa gối khi cúi đầu và Cây diêm cuối cùng là một tác phẩm khá tiêu biểu cho phong cách sáng tác của ông. Tản văn khai thác về một đề tài mang tính lịch sử, cốt truyện đơn giản nhưng tản mạn theo đúng tính chất của một tản văn. Đại ý là nói về một người lính trong trận chiến đấu trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn không may bị bão tuyết thổi khiến anh ấy bị lạc mất đồng đội. Thật bất ngờ sau khi vật lộn với bão tuyết nhân vật tôi tỉnh dậy ở trên đỉnh một ngọn núi, dưới chân chùa. Trong cơn mê mẩn và mê man, tôi loáng thoáng thấy có bóng người đàn ông đang cầm trên tay khẩu súng và chĩa về phía tôi, hoá ra đó là kẻ địch, hắn cũng bị bão tuyết đưa đến đây giống như tôi. Hai nhân vật đã có cuộc đấu trí và cuối cùng kẻ địch đã hy sinh để châm que diêm cuối cùng cho tôi. Với nội dung độc đáo như vậy truyện Cây diêm cuối cùng đã gợi ra những vấn đề ý nghĩa của cuộc sống. Đó là chiến tranh, là cách đối xử của người với người giữa hai bên chiến tuyến, về cách chiến đấu khi đương đầu với cái chết, về thái độ của con người trước hoàn cảnh ngặt nghèo... Dù không khắc hoạ chi tiết những hậu quả nặng nề của chiến tranh nhưng tác phẩm cũng góp một tiếng nói tố cáo tội ác của chiến tranh, đặt ra trách nhiệm của nhân loại trong cuộc chiến chống lại chiến tranh phi nghĩa. Khai thác từ một đề tài tưởng là cũ nhưng cách triển khai rất mới. Đặc biệt là chuyện về lịch sử, chiến tranh (dù không quá đậm nét) nhưng cách kể chuyện, truyền tải thông điệp thông qua thể loại tản văn lại rất độc đáo. Chất trữ tình và chất tự sự kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn khiến cho câu chuyện mạch lạc và có chiều sâu. Các yếu tố tưởng tượng, hư cấu có nhưng không được

	<p>phóng đại quá mức nên hoàn toàn có thể chấp nhận được. Chúng ta đều biết tản văn là thể loại thiên về trữ tình, mạch kể tự sự chỉ là cái cớ để bộc lộ tình cảm, đánh giá của người kể chuyện. Ở đây tác phẩm cũng kể chuyện khá cụ thể về hoàn cảnh của nhân vật tôi song chất trữ tình vẫn rất đậm nét, đặc biệt là những chi tiết miêu tả thiên nhiên, quang cảnh xung quanh ngôi chùa nhân vật tôi lạc vào đều khá chi tiết, ấn tượng. Linh hồn của tản văn này là nhân vật tôi – người lính trong cuộc chiến. Nhân vật đã được khắc họa đậm nét thông qua một vài chi tiết miêu tả hành động, suy nghĩ, đặc biệt là thế giới nội tâm. Khi bị bão tuyết cuốn đi nhân vật tôi cảm thấy vô cùng mệt mỏi nhưng vẫn gắng gượng để có thể giành giật sự sống, cảm giác hoang mang tột độ khi nhìn thấy kẻ thù đang cầm súng chĩa về phía mình; hành động run rẩy khi quẹt que diêm để sưởi ấm trong bão tuyết... Một loạt những hành động nối tiếp của nhân vật tôi giúp người đọc cảm nhận rõ nét về nhân vật này. Đó là một người lính có đời sống nội tâm phong phú, từng trải, biết yêu ghét rõ ràng, biết đối nhân xử thế. Dù không tránh khỏi những lúc hoảng hốt, sợ sệt vì phải đối diện với kẻ thù song vẫn bình tĩnh xử lý tình huống để thoát chết trong gang tấc. Đặc biệt chi tiết miêu tả ở cuối truyện nhân vật tôi trở lại ngôi chùa, tưởng nhớ “người đồng đội bất đắc dĩ” của mình, cho thấy tôi còn là người lính có trái tim ấm áp, nhân hậu, tử tế. Cây diêm cuối cùng là một tản văn xuất sắc của nhà văn, qua tác phẩm người đọc hiểu thêm về con người và nhân cách của nhà văn Cao Huy Thuần. Tác phẩm cũng đã góp thêm một cách nhìn mới mẻ, đa chiều về những người lính trong kháng chiến.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Viết được một đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm trong "cây diêm cuối cùng" của Cao Huy Thuần
- b. Nội dung:** GV cho HS viết đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm.
- c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm.
- d. Tổ chức thực hiện:**
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết một đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm.
 - GV hướng dẫn HS: *Có thể dựa vào SGK để viết thành đoạn văn.*
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**
- HS lắng nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, sau đó viết đoạn văn.
- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**
- GV mời 2 – 3 HS đọc đoạn văn mình viết trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.

4. Củng cố:

5. HDVN:

+ Ôn tập lại nội dung bài học và thể loại tản văn.

+ Soạn bài: Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

Ngày soạn:

BÀI 8 :

CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 06 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 03 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức: Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả đạt được; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

2. Về năng lực:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ, đánh giá đối với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.
- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.
- Viết được bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết tranh biện có hiệu quả và có văn hóa về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Biết tiếp nhận thông tin đa chiều để xây dựng được tâm thế sống vững vàng, chủ động; coi trọng những giá trị văn hóa được xây đắp bền vững qua thời gian.

3. Về phẩm chất: Tâm thế sống vững vàng; sống trung thực, trách nhiệm, có văn hóa.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**PHẦN 1: ĐỌC**

Tiết

VĂN BẢN 1: NỮ PHÓNG VIÊN ĐẦU TIÊN

Trần Nhật Vy

(02 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- HS xác định được đề tài, chủ đề văn bản và quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản.
- HS nắm được các ý chính, ý phụ, cách trình bày dữ liệu trong văn bản.

2. Về năng lực: HS liên hệ được văn bản với bối cảnh xã hội ngoài văn bản, với đời sống đương đại, với những văn bản khác.

3. Về phẩm chất: HS có thái độ ủng hộ sự bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bài soạn, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: Các slide thể hiện nội dung bài dạy, một số hình ảnh về đời sống của phụ nữ Việt Nam đầu thế kỉ XX, hình ảnh hoặc video clip về cuộc thi Pa-ra-lim-pích...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

Học sinh báo cáo các nội dung đã được giao chuẩn bị từ tiết trước và kết quả hoàn thiện.

3. Bài mới:**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**

- Khởi gợi hứng thú để học sinh tiếp cận nội dung dạy học.

- Bước đầu nhận thức được vai trò, vị trí người phụ nữ xưa và nay để có tâm thế tiếp cận văn bản.

b. Nội dung:

- Từ buổi học trước, GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tự thu thập thông tin về đời sống của người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến vào những năm đầu thế kỉ XX.
- Học sinh vận dụng tri thức, kĩ năng sắp xếp, trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.
- HS lắng nghe, phản hồi, tiếp thu mở rộng tri thức từ các nhóm khác và từ sự tổng hợp của GV.

c. Sản phẩm: Triển lãm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức một không gian triển lãm để HS trưng bày sản phẩm của mình trong lớp hoặc đăng tải các thông tin đã chuẩn bị lên các phương tiện thông tin truyền thông trước buổi học.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ đã được giao.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ lại các thông tin đã thu thập được trong quá trình chuẩn bị cho bài học và tham khảo sản phẩm của các nhóm khác.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV tổng hợp các thông tin của HS và bổ sung thêm một số thông tin về đời sống của người phụ nữ thời phong kiến và những năm đầu thế kỉ XX, nhấn mạnh vị thế phụ thuộc của người phụ nữ trong gia đình cũng như thân phận yếu thế của họ trong xã hội.</p>	Nội dung triển lãm và phần trình bày của học sinh.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

i. Mục tiêu:

- Nắm được những tri thức cơ bản về cấu trúc của văn bản thông tin.
- Hiểu được mục đích và quan điểm của người viết trong văn bản thông tin.

j. Nội dung: Hoàn thành phiếu học tập ở nhà, trình bày nhanh nội dung trước lớp.

k. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

l. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giao phiếu học tập cho HS từ tiết học trước.</p> <p>Phiếu học tập 01 CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN</p>	<p>1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin. Văn bản thông tin thường có những dấu hiệu nổi bật về hình thức thể hiện qua nhan đề, đề mục, sơ đồ, bảng biểu, chữ in nghiêng, chữ in đậm...</p> <p>2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin. Nội dung của văn bản thông tin được tạo thành bởi các</p>

THÔNG TIN Tìm hiểu tri thức Ngữ văn	yếu tố chính: chủ đề, các ý chính và ý phụ. 3. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin. Văn bản thông tin thường được trình bày theo những cách phù hợp với tiến trình nhận thức tự nhiên của người đọc. Có một số hình thức thông tin chính: theo trật tự thời gian, theo trật tự nhân quả, theo tầm quan trọng của vấn đề, theo quan hệ so sánh hoặc tương phản. - Tổ chức thông tin theo trật tự thời gian là trình bày các sự kiện theo tiến trình trước sau mà chúng diễn ra. - Tổ chức thông tin theo trật tự nhân quả là dựa vào mối liên hệ giữa một sự kiện với nguyên nhân và kết quả của sự kiện đó. - Tổ chức theo tầm quan trọng của vấn đề là sắp xếp các thông tin theo cách từ những thông tin qua trọng nhất đến những thông tin ít quan trọng hơn hoặc ngược lại. - Tổ chức thông tin theo quan hệ so sánh hoặc tương phản là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của của hai hay nhiều đối tượng.
1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin.	
2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin.	
3. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin.	
4. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin.	4. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin - Mục đích giao tiếp chủ yếu của văn bản thông tin là cung cấp thông tin, nhưng bên cạnh đó, nó còn có thể nhằm đến mục đích khác như: thuyết phục, giải trí,... - Kinh nghiệm, niềm tin của người viết cũng chi phối việc bày tỏ quan điểm, thái độ đối với vấn đề được đề cập, mặc dù điều này thường không được thể hiện trực tiếp trong văn bản.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS dựa vào tri thức của bản thân và mục Tri thức Ngữ văn trong SG của bài để hoàn thiện phiếu học tập

B3. Báo cáo thảo luận:

HS trình bày sản phẩm cá nhân. GV tổ chức cho HS đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của bạn.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: NỮ PHÓNG VIÊN ĐẦU TIÊN - Trần Nhật Vy
2.1. Tìm hiểu khái quát.
a. Mục tiêu:

- HS nắm được thông tin về tác giả Trần Nhật Vy, nhận biết đóng góp của tác giả đối với nền báo chí nước nhà.
- Nắm được xuất xứ bài báo *Nữ phóng viên đầu tiên*.
- Nhận biết được trật tự sắp xếp nội dung bài viết, chia bố cục cho bài viết.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ.
- HS dựa vào SGK và các nguồn thông tin khác để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>1. Đọc: GV gọi 1-2 HS đọc to phần sa-pô và một số đoạn của văn bản. HS chú ý các thẻ đọc và cước chú.</p> <p>2. Tác giả: GV yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà, đến lớp GV yêu cầu HS trình bày nhanh các thông tin về tác giả mà các em thu thập được.</p> <p>3. Tác phẩm: HS trình bày nhanh thông tin về bài báo, phân chia bố cục văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS dựa vào phần đã chuẩn bị và SGK để thực hiện nhiệm vụ (khuyến khích sản phẩm là video, các slide trình chiếu...)</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1-2 HS trình bày sản phẩm - Những HS khác nhận xét, góp ý. - HS trình bày tiếp thu phản hồi ý kiến. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS. HS tự chốt kiến thức.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung.</p> <p>1. Tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Nhật Vy (Nguyễn Hữu Vang), sinh năm 1956 tại Đồng Tháp. - Tác phẩm chính: ... - Ông là nhà báo, tác giả của nhiều tác phẩm biên khảo về lịch sử báo chí và văn hóa Sài Gòn. <p>2. Văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: In trên báo <i>Tuổi trẻ</i>, ngày 18/6/2015. - Bố cục: 4 phần + Phần sa-pô được in đậm ở đầu văn bản. + Phần mở đầu từ “Nói “nữ phóng viên chính hiệu” là bởi” đến “Đó là Mạnh Mạnh nữ sĩ”. + Phần giới thiệu chân dung nhân vật từ “Mạnh Mạnh nữ sĩ tên thật là Nguyễn Thị Kiêm” đến “bà lấy chồng người Pháp và qua Pháp ở cho đến ngày mất”. + Phần kết luận từ “Đối với văn học Việt Nam” đến hết.

2.2. Khám phá văn bản.

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản báo chí hiện đại (biên khảo về lịch sử).
- HS nhận biết và phân tích được nội dung và cách trình bày một văn bản thông tin.
- HS nhận biết và phân tích sức hấp dẫn của một văn bản thông tin, cách dựng chân dung, những đóng góp của một nhân vật trong lịch sử.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>II. Khám phá văn bản.</p> <p>1. Trình tự triển khai của văn bản.</p>

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập sau:

Phiếu học tập 02	
Trình tự triển khai của văn bản	
Tiểu sử của nhân vật.	
Các hoạt động xã hội của nhân vật.	
Đời sống cá nhân của nhân vật.	
Nhận xét trình tự triển khai của văn bản và đánh giá về hiệu quả của cách triển khai văn bản theo trình tự đó:	

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS hoàn thành phiếu học tập, chuẩn bị trình bày.

B3. Báo cáo thảo luận:

HS sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để báo cáo tóm tắt nội dung học tập.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HS điều hành, nhận xét, kết luận. GV nhận xét và định hướng chuẩn hóa kiến thức.

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đưa nhiệm vụ: Vấn đề nào đã được Trần Nhật Vy đề cập tới trong văn bản? Cách tiếp cận vấn đề của tác giả có gì đặc biệt so với cách tiếp cận thông thường?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc SGK, làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề.

B3. Báo cáo thảo luận:

HS bày tỏ suy nghĩ, hiểu biết của bản thân, lắng nghe, ghi nhận và phản hồi ý kiến của các bạn

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.

- Tiểu sử của nhân vật:

+ Tên khai sinh: Nguyễn Thị Kiêm.

+ Năm sinh, năm mất: 1914 – 2005.

+ Quê quán: Gò Công.

+ Gia đình: Con ông tri huyện Nguyễn Đình Trị.

- Các hoạt động xã hội của nhân vật:

+ Học trường Trung học Nữ sinh bản xứ.

+ Làm nghề báo khi mới mười bảy tuổi (năm 1931).

+ Sáng tác và diễn thuyết đề ủng hộ phong trào Thơ mới.

- Ủng hộ nữ quyền, tạo ra một phong trào phụ nữ rất sôi nổi trong xã hội (từ năm 1932 đến năm 1934).

- Đời sống cá nhân của nhân vật:

+ Kết hôn với nhà báo Lu Khê Trương Văn Em (năm 1937).

- Lấy chồng người Pháp (năm 1950) và sinh sống ở Pháp cho đến khi mất (năm 2005).

=> Nhận xét: Văn bản được triển khai theo trình tự thời gian. Cách triển khai này làm nổi bật diễn biến cuộc đời nhân vật song song với những chuyển biến mạnh mẽ của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX. Nói cách khác, qua cuộc đời của nhân vật, ta có thể hình dung ra không khí của thời đại.

2. Cách tiếp cận vấn đề của tác giả.

- Vấn đề được đề cập: Viết về phong trào nữ quyền qua chân dung của một cá nhân, một người phụ nữ.

- Những bài viết về phong trào xã hội thường ghi chép các mốc thời gian, tường thuật các sự kiện chính, mô tả bối cảnh ra đời, quá trình phát triển, kết quả và ý nghĩa của phong trào,... Trong bài viết, tác giả viết về phong trào nữ quyền qua chân dung của một cá nhân, cụ thể là chân dung của một người phụ nữ. Bởi vậy, lịch sử thời đại hiện lên một cách rất cụ thể, sống động, giàu cảm xúc. Qua cách tiếp cận đó, tác giả cho thấy sự gắn bó mật thiết giữa cá nhân và lịch sử. Cá nhân làm nên lịch sử, mặt khác, chân dung và số phận của mỗi cá nhân lại cho thấy hơi thở,

<p>Nhiệm vụ 3: B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi: Chân dung nhân vật được tái hiện như thế nào trong văn bản? Hãy nhận xét về cách giới thiệu chân dung nhân vật của tác giả. - Theo em, chân dung đó có được tái hiện một cách khách quan không? Vì sao? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS căn cứ vào SGK, vận dụng kiến thức và đánh giá cá nhân để trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: - Với câu hỏi 1: HS bày tỏ suy nghĩ, hiểu biết của bản thân, lắng nghe, ghi nhận và phản hồi ý kiến của các bạn. - Câu hỏi 2: GV tổ chức một cuộc tranh biện nhỏ trong lớp và ghi nhận những quan điểm khác nhau của HS. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 4: B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - HS đọc văn bản, tìm những chi tiết miêu tả bối cảnh thời đại trong văn bản. - GV đặt câu hỏi: Thông qua những chi tiết đó, em hình dung như thế nào về không khí thời đại được tái hiện trong văn bản? - Qua văn bản, em biết thêm điều gì về phong trào Thơ mới? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Với câu hỏi 1 và 2: HS tìm các yếu tố miêu tả trong văn bản thông tin, từ đó cảm nhận, nâng cao hiểu biết về bối cảnh lịch sử, về không khí thời đại ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Câu hỏi 3: + HS đọc kĩ văn bản và chú ý đến những thông tin về phong trào Thơ mới. + HS nhớ lại những tri thức đã biết về phong trào Thơ mới qua các tác phẩm văn học đã đọc, cũng như qua văn bản <i>Một</i></p>	<p>bầu không khí của thời đại.</p> <p>3. Chân dung nhân vật trong văn bản. - Nhân vật được tái hiện trên nhiều bình diện (nội dung phiếu 01), với các tư cách khác nhau: một người phụ nữ, một thi sĩ, một nhà báo, một nhà hoạt động xã hội. - Thông qua những chi tiết được cung cấp trong văn bản, tác giả tái hiện sống động chân dung của nữ sĩ đi ngược lại tất cả những chuẩn mực và định kiến của xã hội: từ ngoại hình đến tính cách, hành động, đời sống riêng tư khác thường... => Cách giới thiệu chân dung nhân vật ấn tượng: không chỉ trần thuật lại những sự kiện về hoạt động của nhân vật, mà còn trích dẫn trực tiếp lời nói của bà, lời nhận xét, đánh giá của người đương thời về nhân vật. Việc trích dẫn trực tiếp giúp làm nổi bật quan điểm và đặc biệt là cá tính của nhân vật, đồng thời giúp tái hiện lời ăn tiếng nói cũng như không khí tranh luận, đối thoại rất sôi nổi của đời sống xã hội Việt Nam thời kì này.</p> <p>4. Không khí thời đại và phong trào Thơ mới. - Những chi tiết miêu tả bối cảnh thời đại: “Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế”; “cuộc tranh luận dài trên báo chí cả trong Nam lẫn ngoài Bắc”; “khi ấy vẫn còn quan niệm: “Đến thế kỉ thứ XX, đàn bà An Nam lại có nảy sanh một số người quái gở! Họ vượt ra khỏi buồng thê, chẳng theo lễ giáo cũ: Họ cũng đi học đi làm như đàn ông. Họ tự do đi, đứng, nói cười, ra giữa công chúng vạt banh, đá cầu, lập hội hè, đến chỗ đông mà tranh cãi”; “công chúng đã ồ ạt kéo đến hội quán phố Hàng Trống như nước chảy, lũ lượt bọn năm bọn ba”; “Trên gác, dưới nhà, không một chỗ hở”;...).</p> <p>- Không khí thời đại được tái hiện, đó là sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống văn hoá, xã hội Việt Nam buổi giao thời, trong</p>
--	--

<p><i>thời đại trong thi ca trong SGK Ngữ văn 11, tập một, tr. 85 - 88.</i></p> <p>+ So sánh những tri thức trong văn bản với những tri thức đã biết về phong trào Thơ mới và chỉ ra những thông tin mới trong văn bản .</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS liệt kê chi tiết, bày tỏ quan điểm của bản thân, lắng nghe và phản hồi ý kiến từ các thành viên trong lớp.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 5: B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: - Văn bản gợi cho em suy nghĩ gì về thân phận cũng như vị thế của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX? Dựa vào đâu em có những suy nghĩ như vậy? - Em biết thêm những phụ nữ nào khác đã có đóng góp đặc biệt trong các cuộc vận động xã hội ở thời đại chúng ta?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh trao đổi theo bàn, bày tỏ suy nghĩ cá nhân, hợp tác để tổng hợp kiến thức.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS bày tỏ quan điểm của bản thân, lắng nghe và phản hồi ý kiến từ các thành viên trong lớp.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và mở rộng kiến thức.</p>	<p>đó có sự xung đột và giao tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa những định kiến về người phụ nữ và những nỗ lực của các cá nhân và tổ chức để đấu tranh khẳng định sự tự do, bình đẳng của người phụ nữ. Văn bản cũng mô tả cục diện "trăm hoa đua nở" của báo chí thời kì đầu, không khí đối thoại, tranh luận, diễn thuyết rất sôi nổi trong lĩnh vực báo chí, ở các không gian công cộng và những thay đổi mạnh mẽ trong ý thức hệ của công chúng.</p> <p>- Văn bản cho ta biết thêm về quá trình hình thành của phong trào Thơ mới, về một nữ thi sĩ vốn được nhắc tới không nhiều trong các nghiên cứu về Thơ mới, đồng thời giúp ta nhận ra những đóng góp của một nữ nhà báo đối với sự phát triển của phong trào này.</p> <p>5. Thân phận và vị thế của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX</p> <p>- Văn bản tái hiện vị thế lương nan của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX. Một mặt, họ rất nỗ lực để khẳng định cá tính, sự tự do, bình đẳng của mình, mặt khác, họ vẫn rất đơn độc và bị coi là dị biệt, thiếu số. Có thể nhận ra điều này ở sự đối lập giữa một bên là các thông tin miêu tả hoạt động tích cực của nhân vật trên mặt trận xã hội và một bên là những thông tin ít ỏi nhưng đắt giá về đời sống riêng tư với rất nhiều trở ngại của nhân vật, những bình luận nhiều định kiến về nhan sắc của phụ nữ từ điểm nhìn của đàn ông.</p> <p>- Những phụ nữ đã có đóng góp đặc biệt trong các cuộc vận động xã hội ở thời đại chúng ta: Mẹ Tê-rê-sa, chủ nhân của giải Nobel Hoà bình năm 1979, là nữ tu, nhà truyền giáo với những hoạt động nhân đạo và cứu giúp người nghèo; Ma-la-na lu-xa-dai, chủ nhân giải Nobel Hoà bình năm 2014, là nhà hoạt động xã hội đã chống lại sự trấn áp và khủng bố của Taliban để đấu tranh cho nữ quyền,...)</p>
--	--

2.3: Tổng kết.

a. Mục tiêu: Học sinh phân tích và đánh giá được giá trị về nội dung và ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vận dụng kiến thức vừa học để hoàn thành nhiệm vụ: Nêu khái quát nội dung và ý nghĩa của văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân theo yêu cầu.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả làm việc, lớp theo dõi, đánh giá, nhận xét và bổ sung. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét đánh giá kết quả của HS theo Dự kiến sản phẩm.</p>	<p>III. Tổng kết.</p> <p>1. Nội dung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nữ phóng viên đầu tiên</i> là một văn bản khảo cứu lịch sử, tái hiện chân dung của một nữ nhà báo, nhà thơ, nhà hoạt động nữ quyền ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Văn bản <i>Nữ phóng viên đầu tiên</i> điển hình cho cách trình bày thông tin theo trình tự thời gian, để làm nổi bật diễn biến một phong trào xã hội cũng như số phận của một nhân vật. <p>2. Ý nghĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đặt ra vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội: vấn đề bình đẳng giới. - Tác phẩm cho ta thấy vẻ đẹp sự tài hoa của người con gái hiện đại, cũng là sự tiếc nuối của tác giả về một người phụ nữ giỏi giang.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**a. Mục tiêu:**

- Rèn cho học sinh kĩ năng viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một vấn đề được đặt ra từ văn bản.
- HS thực hành viết để củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ của học sinh theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập ý tưởng, về nhà hoàn thiện đoạn văn. GV sẽ kiểm tra sản phẩm vào giờ sau. - Nội dung: Bằng những kiến thức thực tế và những thông tin đã đọc 	<p>HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn. - Biết cách triển khai đoạn văn. <p>+ Mở đoạn: Giới thiệu được vấn đề nghị luận: Sự thay đổi về vị thế của người phụ nữ Việt Nam đầu thế kỉ XX và người phụ nữ Việt Nam ngày nay.</p>

<p>được trong văn bản <i>Nữ phóng viên đầu tiên</i>, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) để trả lời câu hỏi: Vị thế của người phụ nữ ngày hôm nay đã thay đổi như thế nào so với phụ nữ Việt Nam đầu thế kỉ XX?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: (Trước giờ học bài tiếp theo) GV gọi HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn HS đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.</p>	<p>+ Thân đoạn: Vận dụng lí luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Biết cách so sánh, liên hệ để giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Kết đoạn: Biết rút ra kết luận về vấn đề vừa liên hệ.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn.
- HS nhận thức được bài học cuộc sống qua một văn bản thông tin hiện đại.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để rút ra bài học: Sau khi đọc xong văn bản <i>Nữ phóng viên đầu tiên</i>, em có suy nghĩ gì về vai trò, vị trí của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại ngày nay?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm để thu thập tài liệu và minh chứng cho luận đề nêu trên.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả làm việc. - GV cho HS đánh giá chéo lẫn 	<p>Suy nghĩ về vị trí, vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại ngày nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong xã hội phong kiến, vai trò của nam giới được coi trọng và đề cao tuyệt đối, còn người phụ nữ bị coi rẻ và chịu rất nhiều những định kiến khắc nghiệt. Điều đó đã ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến phụ nữ và sự phát triển phụ nữ. - Ngày nay, trong cuộc sống hiện đại, người phụ nữ có vai trò rất lớn ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Vai trò ấy đã được khẳng định và ghi nhận + Trong gia đình, người phụ nữ có ảnh hưởng to lớn tới hạnh phúc và sự ổn định của gia đình. + Bên cạnh đó, người phụ nữ còn đem lại sự cân bằng, bình yên trong cuộc sống. + Trong xã hội, phụ nữ còn tích cực tham gia vào các

nhau, bổ sung cho nhau để hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo Dự kiến sản phẩm.	hoạt động đóng góp cho sự phát triển của đất nước, nhiều phụ nữ trở thành chính trị gia, nhà khoa học nổi tiếng, nhà quản lý năng động ... - Đề tiếp tục phát huy vai trò, vị trí, tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ trên mọi lĩnh vực, chúng ta cần tăng cường công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về bình đẳng giới.
--	--

4. củng cố:

- Tri thức Ngữ văn về cấu trúc của văn bản thông tin.
- Những nội dung kiến thức trong phần Tri thức Ngữ văn được thể hiện trong văn bản *Nữ phóng viên đầu tiên*.

5. HDVN:

- Hoàn thành đoạn văn trong phần Luyện tập.
- Học và nắm chắc tri thức Ngữ văn
- Chuẩn bị văn bản 2: *Trí thông minh nhân tạo*.

Tiết...: VĂN BẢN 2.

TRÍ THÔNG MINH NHÂN TẠO
(Trích 50 ý tưởng về tương lai - Ri-sát Oát-xơn)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật của văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, infographic,...
- HS xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- HS nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.
- HS biết tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.

2. Về năng lực**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Trí thông minh nhân tạo*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Trí thông minh nhân tạo*.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Học liệu: SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Lồng ghép trong tiết học.

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời qua đó, thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS sau khi nghe video.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS xem video về đoạn trả lời phỏng vấn báo chí của rô-bốt Xô-phi-a, rô-bốt đầu tiên được cấp quyền công dân trên thế giới và nêu câu hỏi thảo luận: *Theo em, trí thông minh nhân tạo là gì? Trí thông minh nhân tạo có những khả năng gì, có tác động thế nào đến cuộc sống của con người? Liệu trí thông minh nhân tạo có thể thay thế được con người? Đây là phần “người” trong con người mà trí thông minh nhân tạo không thể thay thế?*

<https://www.youtube.com/watch?v=N2XtdKbM5Bw>

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời.

B3. Báo cáo thảo luận:

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã tích cực trả lời câu hỏi
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong thời đại công nghệ 4.0 phát triển, những phát minh của con người dần dần giúp nhân loại phát triển, tiết kiệm được thời gian và*

công sức lao động. Vậy trí thông minh nhân tạo đang được áp dụng vào đời sống như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua văn bản thông tin *Trí thông minh nhân tạo* của Ri-sát Oát-xon

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản *Trí thông minh nhân tạo* một cách hiệu quả.

b. Nội dung: Tìm hiểu tri thức có liên quan về văn bản *Trí thông minh nhân tạo*.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà: <p><i>Trình bày những hiểu biết của em về tác giả? Em từng đọc những cuốn sách nào của ông?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ. <p>- GV gọi 1-2 HS trình bày phần chuẩn bị ở nhà tìm hiểu về xuất xứ, nội dung văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi trong SGK <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 nhóm lên trả lời câu hỏi, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. <p>Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc văn đọc, cử chỉ, hành dõ, nắm bắt các nội dung chính của các đoạn, trả lời câu hỏi sách giáo khoa - GV yêu cầu HS đọc văn bản, chú ý các dấu hiệu hình thức của văn bản thông tin như nhan đề, sa-pô, các đề mục, hình 	<p>II. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ri-sát Oát-xon sinh năm 1961, là nhà tương lai học và giảng viên đại học người Anh. - Ông cũng là cây bút nổi tiếng về các phát minh, sáng chế và là người phán tích, dự đoán các xu hướng toàn cầu trong tương lai. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Hồ sơ tương lai: lược sử 50 năm tới</i> (2007); <i>Trí tuệ tương lai: kỉ nguyên thông tin đã thay đổi đầu óc chúng ta như thế nào, tại sao và chúng ta có thể làm gì</i> (2010); <i>Thuật số và con người: chúng ta sẽ sống, yêu và suy nghĩ ra sao trong tương lai</i> (2016);... <p>2. Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i> được trích trong <i>50 ý tưởng về tương lai</i> (2012) của Ri-sát Oát-xon. - Nội dung: Cuốn sách đã đưa ra nhưng dự báo nhiều mặt về tương lai nhân loại. Những viễn cảnh này buộc người đọc phải suy tư về những lựa chọn và hành động của mình trong hiện tại. <p>3. Đọc văn bản</p> <p>- Bố cục: 4 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1 - từ “Năm 1956” đến “trong vòng một thập kỉ”: Giới thiệu về trí thông minh nhân tạo + Phần 2 – tiếp theo đến “nhóm chuyên gia nào”: Những khả năng của trí tuệ nhân tạo

ảnh. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính. B3. Báo cáo thảo luận: - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	+ Phần 3 – tiếp theo đến “sẽ đảm nhiệm trong tương lai”: Tương lai của trí tuệ nhân tạo + Phần 4 – Còn lại: Kết luận
---	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các yếu tố hình thức của văn bản thông tin B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ học sinh đọc phần đầu và trả lời: + <i>Đọc nhan đề và đoạn mở đầu, xác định chủ đề của văn bản.</i> - Gv yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi số 1: + <i>Dựa vào văn bản, hãy sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để tóm tắt các mốc thời gian và các thành tựu chính trong quá trình phát triển của trí thông minh nhân tạo?</i> + GV gợi ý: HS đọc phần đầu văn bản từ đầu đến “các nhà thiết kế ra nó?” và ghi lại các từ khóa trong các đoạn văn. Dựa vào các từ khóa, lựa chọn phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp để biểu đạt thông tin. - GV tiếp tục đặt câu hỏi: <i>Em nghĩ gì về tốc độ phát triển của trí thông minh nhân tạo? Với tốc độ phát triển đó, điều gì sẽ xảy ra với tương lai nhân loại? Liệu trí thông minh nhân tạo có thể thay thế não bộ con người?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc theo nhóm, HS thực hiện nhiệm vụ học tập. B3. Báo cáo thảo luận:	II. Đọc hiểu văn bản 1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin - Chủ đề văn bản: Sự phát triển của trí thông minh nhân tạo. - Quá trình phát triển và thành tựu của trí thông minh nhân tạo: + Năm 1956, thuật ngữ “trí thông minh nhân tạo” ra đời. + Năm 2008, một máy tính cá nhân xử lý 10 tỉ lệnh/s. + Năm 2040 dự đoán bộ não máy tính xử lý 100 nghìn tỉ lệnh/s. → trí thông minh nhân tạo phát triển với tốc độ nhanh chóng.

- GV mời HS đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

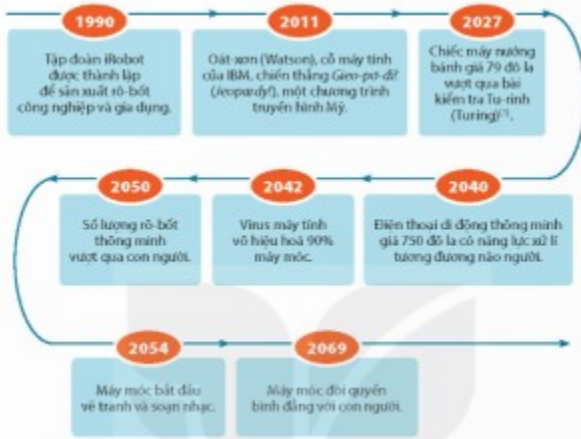
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ và chỉ ra các loại kí hiệu phi ngôn ngữ, mối liên hệ giữa các kí hiệu được tác giả sử dụng trong văn bản.



- GV đặt câu hỏi: Những kí hiệu trên sơ đồ cho em biết những thông tin gì? Tác dụng của sơ đồ trong văn bản

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận:

- GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 3:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc lại văn bản và hoàn thành phiếu học tập: xác định chủ đề, các ý chính, ý phụ và các trình bày dữ liệu trong văn bản.

Ý chính	Ý phụ	Chủ đề

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ.

- Sơ đồ: với các mốc năm và sự kiện được tóm tắt.

+ Nội dung sơ đồ: biểu thị những dự báo của tác giả về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo, cho thấy tốc độ phát triển nhanh chóng cũng như khả năng ngày càng lớn của trí thông minh nhân tạo, từ chỗ là một công cụ được tạo bởi con người tới chỗ có thể cạnh tranh với não bộ người, đòi quyền bình đẳng với con người.

+ Tác dụng: Sơ đồ thời gian trong văn bản đã trực quan hóa các mốc thời gian, các sự kiện quan trọng trong quá trình phát triển của trí thông minh nhân tạo

→ các thông tin được trình bày ngắn gọn, mạch lạc, logic, giúp người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin.

2. Bố cục, mạch lạc của văn bản (Phiếu học tập)

B3. Báo cáo thảo luận:

- GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

PHIẾU HỌC TẬP

Ý chính	Ý phụ	Chủ đề
1. Tốc độ phát triển của trí thông minh nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1956: Giôn Mác Cát-thi (John Mc Carthy) đặt ra thuật ngữ “trí thông minh nhân tạo”. - Năm 2008: Máy tính cá nhân có khả năng xử lý khoảng 10 tỉ lệnh mỗi giây. - Năm 2040: Máy tính được dự báo có khả năng xử lý gần 100 nghìn tỉ lệnh mỗi giây. 	Dự báo về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo trong tương lai.
2. Các loại trí thông minh nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - AI mạnh: Cổ máy có khả năng suy nghĩ thực sự. - AI yếu: Trí thông minh được dùng để bổ sung. 	
3. Các quan điểm trái chiều về trí thông minh nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Một số người tin vào khả năng học hỏi và phản ứng của máy tính. - Một số người cho rằng máy tính không thể vượt qua não bộ con người. 	
4. Tác động của trí thông minh nhân tạo đối với đời sống con người	<ul style="list-style-type: none"> - Nuôi dưỡng các ý tưởng, danh tiếng, thông tin, cái được gọi là trí thông minh tổng hợp. - Giúp người mua và người bán tạo ra nhiều hàng hoá hơn, hiệu quả hơn. - Tạo ra nhiều tri thức hơn với ít thiên lệch và theo đuổi một dải các quy định rộng hơn. 	
5. Dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Phải chăng não bộ con người chỉ là một cỗ máy vật chất, có thể bị thay thế bởi máy móc và con người có thể đạt tới sự hợp nhất với máy móc? - Khi máy móc trở nên rất thông minh, điều gì có thể xảy đến với những người làm những việc mà máy móc sẽ đảm nhiệm trong tương lai? 	

Nhiệm vụ 4:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 4 nhóm:

Nhóm 1, 3:

- GV yêu cầu HS đọc phần “Liệu tất cả những ví dụ” đến hết, chú ý tới việc trình bày các ý kiến trái chiều và nêu các câu hỏi ở phần cuối văn bản.

- GV yêu cầu cả lớp thảo luận câu hỏi: *Theo bạn, việc trình bày những thông tin trái chiều về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo và việc nêu lên những câu hỏi ở phần cuối văn bản cho thấy*

- Tác giả nêu những ý kiến trái chiều về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo và nêu các câu hỏi ở phần cuối văn bản cho thấy sự chất vấn, không xác quyết trong cái nhìn của tác giả về tương lai.

<p><i>quan điểm, thái độ gì của tác giả?</i></p> <p>- GV gợi ý thông qua các câu hỏi dẫn dắt:</p> <p>+ <i>Vì sao tác giả lại không đưa ra một phán đoán duy nhất về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo?</i></p> <p>+ <i>Việc nêu lên nhiều ý kiến trái chiều có tác dụng gì và nhằm mục đích gì?</i></p> <p>+ <i>Các câu hỏi ở cuối văn bản thể hiện thái độ gì của tác giả?</i></p> <p>Nhóm 2, 4:</p> <p>- GV đưa câu hỏi:</p> <p>+ <i>Tác giả đưa ra những dự đoán gì về tương lai của trí thông minh nhân tạo? Bạn có đồng tình với những dự đoán đó không?</i></p> <p>+ <i>Theo em, còn có những viễn cảnh nào khác với tương lai của trí thông minh nhân tạo? Điều gì ta có thể làm trong hiện tại để ứng phó với những viễn cảnh đó?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, đọc lại văn bản theo yêu cầu, suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- HS đưa ra ý kiến, GV lắng nghe, trân trọng ý kiến của HS</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>- Dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra</p> <p>+ Máy móc có thể bắt kịp những năng lực của con người, con người có thể hợp nhất với máy móc và đạt tới sự bất tử ở một mức nào đó.</p> <p>+ Máy móc trở nên rất thông minh và có thể thay thế nhiều công việc mà con người đang đảm nhiệm.</p> <p>→ đòi hỏi con người phải nâng cao trình độ, hiểu biết của mình để bắt kịp sự phát triển của công nghệ trong tương lai.</p>
--	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung: HS chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS theo dõi tiếp văn bản và trả lời: <i>Em hãy nhận xét về nội dung và nghệ thuật văn bản.</i></p> <p>- GV đặt câu hỏi gợi ý:</p> <p>+ <i>Hãy nêu tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (màu sắc, sơ đồ) trong việc thể hiện thông tin chính của hai văn bản.</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung:</p> <p>- Văn bản bàn về lịch sử hình thành và dự báo sự phát triển của trí thông minh nhân tạo trong tương lai.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Bên cạnh yếu tố ngôn ngữ, văn bản trên còn sử dụng những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như: sơ đồ, màu sắc, kỹ thuật in ấn... Những thông tin chính trở nên nổi bật, dễ hiểu, dễ nhớ,</p>

<p>- HS đọc lại bài thơ và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>để tiếp nhận đối với độc giả. Nhất là thông tin về hướng dẫn di chuyển được trực quan hóa bằng sơ đồ.</p> <p>- Thể hiện được những đặc trưng của văn bản thông tin: ngắn gọn, đầy đủ thông tin, bắt mắt, dễ nhìn.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức về văn bản *Trí thông minh nhân tạo* đã học.

b. Nội dung: GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết câu trả lời vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS chơi trò chơi trắc nghiệm để củng cố văn bản:

Câu 1: Tác giả của văn bản *Trí thông minh nhân tạo* là ai?

- A. Ri-sát Oát-xon
- B. Giôn Mát Cát-thi
- C. Mít-sen Cây-pơ
- D. Bin Can-vin

Câu 2: Văn bản *Trí thông minh nhân tạo* được trích từ:

- A. Hồ sơ tương lai: lược sử 50 năm tới
- B. Kỹ thuật số và con người: chúng ta sẽ sống, yêu và suy nghĩ ra sao trong tương lai
- C. 50 ý tưởng về tương lai
- D. Trí tuệ tương lai: kỉ nguyên thông tin đã thay đổi đầu óc chúng ta như thế nào, tại sao và chúng ta có thể làm gì?

Câu 3: Dòng nào nói đúng nhất về Ri-sát Oát-xon:

- A. Ông sinh năm 1961 tại Anh
- B. Là nhà tương lai học và giảng viên đại học
- C. Ông cũng là cây bút nổi tiếng về các phát minh, sáng chế và là người phân tích, dự đoán các xu hướng toàn cầu trong tương lai
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 4: Ý nào **không đúng** về nội dung chính của cuốn 50 ý tưởng về tương lai của Ri-sát Oát-xon nói về:

- A. Dự báo nhiều mặt về tương lai nhân loại như sự phát triển của kỹ thuật số, sự cạn kiệt tài nguyên, công nghệ nano, trí tuệ ngoài hành tinh, hiểm họa sinh học và dịch bệnh, khủng bố hạt nhân
- B. Dự báo trước về sự phát triển của trí tuệ nhân tạo có thể thay thế con người trong tương lai
- C. Những hành động của con người nhằm ngăn chặn thảm họa trong tương lai
- D. Tổng kết những hiểm họa thiên tai đã xảy ra trong quá khứ của con người.

Câu 5: Thuật ngữ trí thông minh nhân tạo được ra đời vào năm nào?

- A. 1946
- B. 1956
- C. 1966

D. 1976

Câu 6: Thuật ngữ trí thông minh nhân tạo do ai đặt ra:

- A. Giôn Mác Cát-thi
- B. Mít-sen Cây-pơ
- C. Bin Can-vin
- D. Một đáp án khác

Câu 7: Thuật ngữ trí thông minh nhân tạo được viết tắt là:

- A. IA
- B. AI
- C. IB
- D. BI

Câu 8: Theo Giôn Mác Cát-thi thì kỉ nguyên của các cỗ máy thông minh sẽ trở thành sự thực trong thời gian bao lâu?

- A. 5 năm
- B. 10 năm
- C. 20 năm
- D. 30 năm

Câu 9: Hệ quả của việc những cỗ máy AI mạnh sẽ có khả năng học hỏi khi chúng vận hành và phản ứng lại những sự kiện bất ngờ là gì?

- A. Khả năng chẩn đoán bệnh và phẫu thuật lập kế hoạch quân sự và ra lệnh chiến đấu
- B. Chăm sóc khách hàng được tự động hóa
- C. Những chú rô bốt với óc sáng tạo và tính tự động nhân tạo có thể dự đoán và đối phó tội phạm
- D. Tất cả đều đúng

Câu 10: Văn bản Trí thông minh nhân tạo được trích từ:

- A. Hồ sơ tương lai: lược sử 50 năm tới
- B. Kỹ thuật số và con người: chúng ta sẽ sống, yêu và suy nghĩ ra sao trong tương lai
- C. 50 ý tưởng về tương lai
- D. Trí tuệ tương lai: kỉ nguyên thông tin đã thay đổi đầu óc chúng ta như thế thế nào, tại sao và chúng ta có thể làm gì?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu hỏi và trả lời

B3. Báo cáo thảo luận: GV mời HS trả lời

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	D	D	B	A	B	C	D	C

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về bài *Trí thông minh nhân tạo* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời: *Viết đoạn văn khoảng 150 chữ tóm tắt những thông tin thú vị mà bạn thu thập được về trí thông minh nhân tạo.*

- GV hướng dẫn:

+ HS nhớ lại những thông tin mình đã thu thập được về trí thông minh nhân tạo trong quá trình chuẩn bị bài trước khi học và sau khi đọc văn bản, từ đó, lập sơ đồ tóm tắt các thông tin.

+ Dựa vào sơ đồ tóm tắt, HS viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) dưới dạng văn bản thuyết minh.

+ GV thu lại bài viết của HS và có thể nhận xét 1 - 2 bài ngay tại lớp nếu đủ thời gian.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để trả lời câu hỏi.

B3. Báo cáo thảo luận:

- GV mời 2- 3 HS trình bày đoạn văn của mình.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm làm việc tích cực văn trước lớp. Chấm điểm cho bài văn đạt yêu cầu.

Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu mở rộng về các tác phẩm nghệ thuật thể hiện đề tài trí thông minh nhân tạo. Bạn suy nghĩ gì khi liên hệ các thông tin trong văn bản với những tác phẩm nghệ thuật mà mình đã biết.*

- Gv giới thiệu HS một số tác phẩm, HS về nhà tìm đọc và nêu cảm nhận của mình về tác phẩm đã đọc vào tiết học sau:

+ Vở kịch Các rô-bốt toàn năng của Rô-xum (Rossum) viết năm 1920 của nhà văn Ka-ren Ca-pếch (Karel Capek) vẽ ra viễn cảnh về cuộc chiến giữa người và máy dẫn đến nguy cơ hủy diệt của loài người.

+ Tiểu thuyết Tôi là người máy xuất bản năm 1950 của I-xắc A-xi-nô (Isaac Asimov) tiên báo sự ra đời của một thế hệ rô-bốt có tâm lí như con người.

+ Bộ phim Rô-bốt biết yêu (tựa gốc tiếng Anh là Wall-E) của đạo diễn An-đriu Xtay-ton (Andrew Staton) phát hành vào năm 2008 kể về hành trình giải cứu Trái Đất của một chú rô-bốt tên là Wall-E được thiết kế để dọn rác, khi Trái Đất đã trở thành một biển rác thải khổng lồ.

+ Bộ phim Her (Nàng) được phát hành vào năm 2013, do Xờ-pai Giôn-de (Spike Jonze) viết kịch bản kiêm đạo diễn và sản xuất, kể về mối tình giữa một người đàn ông làm nghề viết thư thuê với một hệ điều hành,...

Các tác phẩm nghệ thuật này đều vẽ nên viễn cảnh nơi rô-bốt ngày càng trở nên thông minh và quan trọng, thậm chí vượt khỏi sự kiểm soát của con người, chi phối ngược lại con người. Các nghệ sĩ, một mặt đã tiên đoán về sự phát triển của rô-bốt, mặt khác thông qua các viễn tưởng về rô-bốt, đặt ra những vấn đề của nhân loại: sự lên ngôi của vật chất và máy móc, nguy cơ hủy diệt của nền văn minh công nghiệp, sự mất mát và phai nhạt của nhân tính, nỗi cô đơn của con người, nỗi âu lo của nhân loại trước sự đe dọa của máy móc và công nghệ,... Nghệ thuật đã góp phần khiến cho rô-bốt trở thành một trong những huyền thoại quan trọng nhất của thế giới hiện đại.

4. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại các đặc điểm của văn bản thông tin.

- Ôn tập nội dung văn bản *Trí thông minh nhân tạo*.

5. Hướng dẫn về nhà

- Tìm đọc thêm các văn bản cùng chủ đề.

- Đọc trước và trả lời câu hỏi cuối văn bản: *Một lịch sử chữa lành những vết thương* (Huy Đăng)

Tiết - VĂN BẢN 3:

PA-RA-LIM-PÍCH (PARALYMPIC): MỘT LỊCH SỬ CHỮA LÀNH NHỮNG VẾT THƯƠNG- HUY ĐĂNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật trong văn bản như sa-pô, đề mục, hình ảnh.
- HS nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết.
- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết.

2. Về năng lực:

- **Năng lực chung:** HS phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- **Năng lực đặc thù:**
 - + **Viết được** văn bản thông tin ngắn.
 - + **Biết thuyết trình** về một vấn đề; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

3. Về phẩm chất:

HS có thái độ sống nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung:

- GV chiếu một đoạn video về Rio 2016 Paralympic Games: https://youtu.be/E6Cp_MCes1I
- Hướng dẫn HS thảo luận xoay quanh các câu hỏi : Những hình ảnh này cho em biết thông tin gì về Pa-ra-lim-pích? Ấn tượng, suy nghĩ của em về những hình ảnh trong video là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Xem video về Rio 2016 Paralympic Games: https://youtu.be/E6Cp_MCes1I và thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi : Những hình ảnh này cho em biết thông tin gì về Pa-ra-lim-pích? Ấn tượng, suy nghĩ của em về những hình ảnh trong video là gì? Thời gian : 5 phút B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video và thảo luận cặp đôi, sắp xếp các câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Một số cặp đôi trình bày suy nghĩ của mình, hs khác nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá, dẫn vào bài mới	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

a. Mục tiêu: HS nắm được những nội dung khái quát về văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, đọc văn bản và thực hiện các nhiệm vụ GV giao :

- GV yêu cầu 1 hs đọc văn bản, các HS khác lắng nghe và chú ý đến những thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản để sau đó trình bày những ấn tượng ban đầu về văn bản.
- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, chỉ ra một số đặc điểm của văn bản thông tin trong văn bản vừa đọc, đồng thời tìm bố cục văn bản.

c. Sản phẩm: Phân trình bày cá nhân của HS về một số những ấn tượng ban đầu về văn bản và sản phẩm cặp đôi chỉ được một số đặc điểm của văn bản thông tin và tìm bố cục văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - GV yêu cầu 1 hs đọc văn bản,	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc: Một số những ấn tượng ban đầu về văn bản : cung cấp

<p>các HS khác lắng nghe và chú ý đến những thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản để sau đó trình bày những ấn tượng ban đầu về văn bản.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản, các HS khác lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu - HS làm việc cặp đôi theo yêu cầu - GV quan sát, gợi mở <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở phần Đọc : một HS trình bày ấn tượng ban đầu về văn bản, một số HS khác bổ sung. - Ở phần tìm hiểu khái quát văn bản : một số cặp đôi trình bày, phản biện lẫn nhau - GV quan sát, hỗ trợ <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<p>thông tin về kỳ đại hội thể thao dành cho người khuyết tật Paralympic thông qua những câu chuyện chân thực, thuyết phục...</p> <p>2. Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm của văn bản thông tin : + Dấu hiệu hình thức đặc biệt: nhan đề giới thiệu chủ đề văn bản, đề mục tô đậm nội dung chính, phương tiện phi ngôn ngữ là hình ảnh, số liệu... - Bố cục : 2 phần + Phần 1 : Mục tiêu ban đầu : Sự ra đời và phát triển của Pa-ra-lim-pích + Phần 2: Vượt qua những nỗi đau : câu chuyện về hành trình vượt qua nỗi đau, chữa lành vết thương của hai vận động viên khuyết tật : Gia-cô Van Gát và Brét-ly Xnai-đơ.
---	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật trong văn bản như sa-pô, đề mục, hình ảnh.
- HS nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết.
- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết.

b. Nội dung:

HS làm việc với văn bản theo hướng dẫn của GV, thực hiện các hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động theo nhóm bàn để tìm hiểu chủ đề và hệ thống ý của văn bản, tìm hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ và yếu tố tự sự trong văn bản, tìm hiểu quan điểm của tác giả.

c. Sản phẩm:

Phiếu học tập số 1

Sản phẩm cặp đôi

Sản phẩm cá nhân là file trình chiếu đã chuẩn bị ở nhà

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chủ đề và hệ thống ý của văn bản</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Chủ đề và hệ thống ý của văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề của văn bản là lịch sử và ý nghĩa

<p>B3. Báo cáo thảo luận Một số HS đại diện trình bày, một số HS khác nhận xét, phản biện GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chốt lại GV hướng dẫn HS cách suy luận để tìm ra quan điểm của tác giả được bộc lộ một cách gián tiếp trong văn bản thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1 : đọc kĩ nhan đề, các đề mục, phần mở đầu, những lời bình luận trực tiếp để nhận ra đề tài, chủ đề, cách tiếp cận chủ đề của tác giả - Bước 2 : Tóm tắt các ý chính, ý phụ và mối liên hệ giữa các thông tin trong văn bản. - Bước 3: Chỉ ra cách thức chọn lọc, trình bày và sắp đặt thông tin của tác giả. - Bước 4: suy luận để tìm ra quan điểm của tác giả - Bước 5 : nhận xét, đánh giá về quan điểm đó. 	<p>hội thể thao dành cho người khuyết tật đã ra đời từ nhu cầu chữa lành và hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển nhờ những nỗ lực hỗ trợ, nâng đỡ người khuyết tật và đang dần trở thành một sân chơi bình đẳng mà người khuyết tật có cơ hội được tham dự giống như tất cả các vận động viên bình thường khác</p> <p>=> Từ đó, tác giả bộc lộ quan điểm : thể thao có tác dụng hàn gắn, chữa lành những vết thương. Thể thao không chỉ là sân chơi của kẻ mạnh mà là sân chơi của tất cả mọi người, kể cả những người khuyết tật, từ đó truyền đi thông điệp về tính nhân văn và bình đẳng trong thể thao.</p> <p>- Quan điểm của tác giả còn thể hiện qua việc lựa chọn 2 ví dụ tiêu biểu về 2 vận động viên khuyết tật. Tác giả đã chọn lọc chi tiết nhấn mạnh những tai nạn và tổn thương mà các nhân vật gặp phải, những thành tích phi thường, cũng như trích dẫn trực tiếp lời nói thể hiện thái độ sống của nhân vật</p> <p>=> Từ đó, tác giả bộc lộ quan điểm : thể thao là phương tiện kì diệu có thể giúp mỗi cá nhân vượt qua các tổn thương và nỗi đau để khẳng định giá trị, sức mạnh của bản thân. Qua đó, tác giả còn truyền đi thông điệp lạc quan về khả năng hồi phục và chữa lành của nhân loại.</p>
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Dựa vào những kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin đã được học ở lớp 10, hãy cho biết làm thế nào để xác định chủ đề của văn bản?
2. Xác định đề tài, chủ đề của văn bản Pa-ra-lim-pích: Một lịch sử chữa lành những vết thương.
3. Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào? Em có nhận xét gì về cách tiếp cận của tác giả?
4. Xác định các ý chính, ý phụ trong văn bản. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để tóm tắt các thông tin.

Gợi ý trả lời:

1. Chủ đề của văn bản thông tin thường được thể hiện trực tiếp trong nhan đề, các đề mục, phần mở đầu của văn bản
2. Văn bản viết về đề tài thể thao. Chủ đề của văn bản là lịch sử và ý nghĩa của đại hội thể thao dành cho người khuyết tật Pa-ra-lim-pích.
3. Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ ý nghĩa của thể thao trong việc chữa lành các thương tổn, đặc biệt là đối với những người khuyết tật. Đây là một cách tiếp cận rất mới mẻ, độc đáo và nhân văn.

4. Các ý chính, ý phụ trong văn bản

- Phần 1 : Mục tiêu ban đầu : lịch sử ra đời của Pa-ra-lim-pích
- + Sự kiện đánh dấu sự ra đời của Pa-ra-lim-pích diễn ra vào năm 1948, bác sĩ Gát-mùn đứng ra tổ chức một cuộc thi đấu thể thao dành cho các cựu chiến binh thế chiến II người Anh, mang tên thể vận hội Xe lăn Quốc tế.
- + Đến năm 1960, kì Pa-ra-lim-pích đầu tiên được tổ chức ở Rô-ma có 400 vận động viên đến từ 23 quốc gia
- + Hai năm sau, thành lập tổ chức thể thao dành cho người khuyết tật
- + Năm 1988, tại Xơ-un, Pa-ra-lim-pích và Ô-lim-pích thống nhất được tổ chức cùng nhau tại một thành phố, sử dụng cùng cơ sở vật chất và liên mạch về thời gian.
- Phần 2: Vượt qua những nỗi đau: tại Pa-ra-lim-pích Tô-kyô 2020
- + Câu chuyện về Van Gát
- + Câu chuyện về Bret-ly Xnai-đơ
- + Ý nghĩa của những câu chuyện vượt qua nỗi đau

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS đánh giá được đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: GV yêu cầu hs làm việc cá nhân, đánh giá đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Phân trình bày cá nhân của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trình bày cá nhân: đánh giá đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân theo yêu cầu GV quan sát, nhắc nhở HS lưu ý khi trình bày cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận Một số HS đại diện trình bày, một số HS khác nhận xét, phản biện GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chốt lại</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung: Văn bản Pa-ra-lim-pích (Paralympic): Một lịch sử chữa lành những vết thương cung cấp thông tin cho người đọc về lịch sử hình thành và phát triển của Pa-ra-lim-pích và những con người đã vượt lên nghịch cảnh để giành lấy thành công. Từ đó, truyền đi thông điệp tích cực về sự bình đẳng và khả năng chữa lành vết thương của thể thao, về thái độ sống lạc quan, kiên cường, vượt qua tổn thương và nỗi đau để khẳng định giá trị bản thân.</p> <p>2. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục mạch lạc, chặt chẽ - Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ, yếu tố tự sự và biểu cảm.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: Phát biểu suy nghĩ về khả năng kì diệu của con người sau khi đọc các thông tin về một số vận động viên thể thao trong văn bản.

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về khả năng chữa lành của thể thao.

c. Sản phẩm: Sản phẩm trình bày miệng và đoạn văn 150 chữ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: Phát biểu suy nghĩ về khả năng kì diệu của con người sau khi đọc các thông tin về một số vận động viên thể thao trong văn bản. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về khả năng chữa lành của thể thao.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân theo yêu cầu GV quan sát, nhắc nhở HS lưu ý khi trình bày cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận Một số HS đại diện trình bày, một số HS khác nhận xét, phản biện GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chốt lại - GV giới thiệu hình ảnh một số vận động viên khuyết tật nổi tiếng của Việt Nam và thế giới - Sau khi HS viết xong, GV xem nhanh và nhận xét một số bài viết của HS trước cả lớp, đồng thời hướng dẫn các HS khác đọc lại và tự chỉnh sửa bài viết của mình. Khuyến khích HS trao đổi bài viết cũng như nhận xét, góp ý cho nhau.</p>	<p>Gợi ý viết đoạn văn 150 chữ về khả năng chữa lành của thể thao: Thể thao là “ chìa khóa vàng” cho sức khỏe và có khả năng “chữa lành” thương tổn về tinh thần. Các hoạt động thể thao giúp chúng ta nâng cao sức đề kháng để có một cơ thể khỏe mạnh, minh mẫn. Thể thao mang lại một cơ thể dẻo dai, hình thể lí tưởng và làm cho tinh thần chúng ta luôn tràn đầy năng lượng mỗi ngày. Nhờ đó, những thương tổn của chúng ta sẽ dần dần được “chữa lành” , xoa dịu. Ta sẽ vượt qua được nỗi đau, mất mát, có thái độ sống tích cực, lạc quan. Thể thao giúp ta thư giãn, xả stress hiệu quả và tìm được nhiều niềm vui trong cuộc sống. Những nỗ lực trong thể thao khiến ta thêm tin tưởng và chính bản thân mình, tỏa sáng giá trị và sức mạnh của mình. ..</p>

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi 7:

Văn bản giúp bạn hiểu thêm gì về vấn đề nỗi đau nói chung? Ta có thể ứng xử như thế nào với nỗi đau và những khiếm khuyết trên cơ thể của mình và của người khác?

c. Sản phẩm: Sản phẩm làm việc nhóm

d. Tổ chức thực hiện:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm trong thời gian 10 phút trả lời câu hỏi 7:

Vấn bản giúp bạn hiểu thêm gì về vấn đề nổi đau nói chung? Ta có thể ứng xử như thế nào với nổi đau và những khiếm khuyết trên cơ thể của mình và của người khác?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận theo 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

GV quan sát, gợi mở

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện các nhóm HS trình bày, các nhóm khác phản biện, nhận xét

GV quan sát, hỗ trợ

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá, chốt lại

-Nổi đau : những tổn thương, mất mát con người gặp phải trong hành trình dài rộng của cuộc đời, có thể do khách quan, có thể do chủ quan. Nổi đau có thể đến với bất kì ai và bất kì lúc nào không báo trước

- Ứng xử với nổi đau và khiếm khuyết trên cơ thể của mình và người khác : Tôn trọng sự khác biệt, có thái độ sống yêu thương, chia sẻ, tích cực, lạc quan...

Rubic đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

4. Củng cố:**5. HDVN:**

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết...

SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Giúp HS:

- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản.
- Biết tạo lập một văn bản thông tin liên quan đến những nội dung được học dưới dạng infographic.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết và sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản dạng infographic như: infographic thông tin, dòng thời, so sánh, phân cấp, sơ yếu lý lịch,... Đây là một công cụ phổ biến được dùng để cung cấp qua các hình ảnh trực quan, sinh động.
- Nắm được các bước thiết kế một infographic.
- Ứng dụng CNTT linh hoạt qua các phần mềm hỗ trợ

3. Về phẩm chất

Biết làm chủ bản thân, có định hướng đúng đắn nhằm phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có đóng góp tích cực cho đời sống của cộng đồng. Phát triển khả năng sáng tạo hội họa, thẩm mỹ...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...
2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip...; Phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức:

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức từ tranh ảnh, kiến thức thực tiễn vào nội dung bài học

b. Nội dung: HS quan sát, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS xem 2 ví dụ:	* Giống nhau: Đề cập đến vấn đề của tranh dân gian Đông Hồ “Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh. * Khác nhau: - Ví dụ 1 ngoài phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ còn có

1. Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh



Hình 2: Con đon

Từ những hình ảnh mộc mạc, bình dị của làng quê như gà, lợn, trâu, bò, tôm, cá... các nghệ nhân Đông Hồ đã vẽ nên những bức tranh ngộ nghĩnh, tràn đầy sức sống và gửi gắm nhiều ước mong. Khi vào tranh, gà thì thành Gà đại cát, Gà đại hung; trâu thành Trâu sen, lợn thành Lợn đàn, Lợn đóc; em bé âu yếm, đùa nghịch với con gà, con tôm thì thành các hình tượng Bé ôm gà, Bé ôm tôm... Những mặt trái, những góc khuất của đời sống nông thôn vào tranh trở thành những câu chuyện hài hước được kể bằng đường nét màu sắc trong Đám cưới chuột, Trạng chuột vinh quy, Thầy đồ Cóc, Truyện Trê – Cóc, Hứng dừa, Đánh ghen...

1. Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh

Từ những hình ảnh mộc mạc, bình dị của làng quê như gà, lợn, trâu, bò, tôm, cá... các nghệ nhân Đông Hồ đã vẽ nên những bức tranh ngộ nghĩnh, tràn đầy sức sống và gửi gắm nhiều ước mong. Khi vào tranh, gà thì thành Gà đại cát, Gà đại hung; trâu thành Trâu sen, lợn thành Lợn đàn, Lợn đóc; em bé âu yếm, đùa nghịch với con gà, con tôm thì thành các hình tượng Bé ôm gà, Bé ôm tôm... Những mặt trái, những góc khuất của đời sống nông thôn vào tranh trở thành những câu chuyện hài hước được kể bằng đường nét màu sắc trong Đám cưới chuột, Trạng chuột vinh quy, Thầy đồ Cóc, Truyện Trê – Cóc, Hứng dừa, Đánh ghen...

GV đặt câu hỏi:

Chỉ ra sự giống và khác nhau ở 2 ví dụ trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV chia nhóm và yêu cầu HS trao đổi thảo luận, nêu ý kiến GV quan sát, nhắc nhở hướng dẫn HS trả lời theo quan điểm cá nhân, cách thể hiện ...

B3: Báo cáo thảo luận:

GV gọi bất kì thành viên của mỗi nhóm để trả lời câu hỏi.

Sau đó, đại diện nhóm sẽ nhận xét, bổ sung lẫn nhau.

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt lại các ý.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện:

thêm hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ); ví dụ 2 chỉ có phương tiện giao tiếp ngôn ngữ

- Ở ví dụ 1 sẽ tạo được sự hấp dẫn, thú vị cũng như dễ hiểu, dễ hình dung hơn.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Giúp HS

Thảo luận cặp đôi và thực hiện bài tập 1 trong SGK trang 78 để chỉ ra các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong các văn bản *Nữ phóng viên đầu tiên* và *Pa-ra-lim-pích: Một lịch sử chữa*

lành những vết thương; sơ đồ trong văn bản *Trí thông minh nhân tạo* và nhận xét về vai trò, tác dụng của các yếu tố phi ngôn ngữ trong việc thể hiện nội dung của từng văn bản.

b. Nội dung: HS đọc các văn bản của bài 8- Cấu trúc của văn bản và thực hiện các yêu cầu trong SGK

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên cho HS đọc các văn bản</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh làm việc theo nhóm cặp đôi (hai bạn ngồi cùng một bàn) cùng thảo luận.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, các bạn khác nhận xét, cho ý kiến</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại những kiến thức cơ bản.</p>	<p>1. Bài 1: * Bài <i>Phóng viên nữ đầu tiên</i> sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh * Bài <i>Trí thông minh nhân tạo</i> sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: biểu đồ * Bài <i>Pa-ra-lim-pích (Paralympic) Một lịch sử chữa lành những vết thương</i> sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh □ Tác dụng: giúp người đọc hình dung cụ thể về đối tượng được đề cập; sơ đồ giúp người đọc tiếp nhận những thông tin cốt lõi một cách trực quan.</p>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

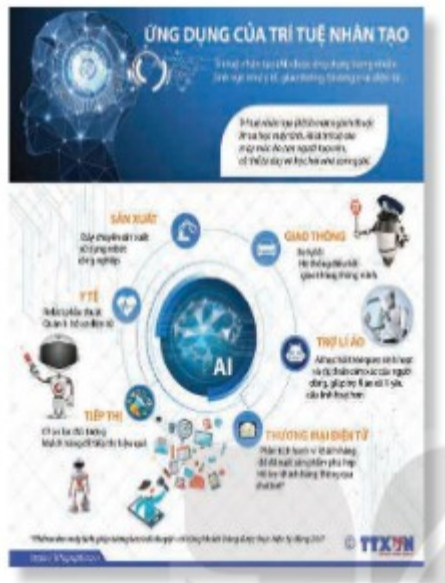
Quan sát hai văn bản: “Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo”, Huy Cận: Nhà thơ lớn của thơ Việt nam hiện đại và thực hiện các yêu cầu: và thực hiện các yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nhận biết được những thông tin được trình bày, phân tích hiệu quả sử dụng phối hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong hai văn bản và so sánh cách thể hiện thông tin giữa các văn bản có điểm gì khác biệt.

b. Nội dung: HS quan sát, đọc SGK, tìm hiểu tài liệu trên mạng internet, trả lời câu hỏi vào phiếu học tập

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện



Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>II. THỰC HÀNH</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phân công nhiệm vụ cho học sinh - GV chia lớp thành 4 nhóm HS theo 4 tổ giao nhiệm vụ cho các nhóm HS nghiên cứu thực hiện ở nhà - Nhóm 1 & 2: Những thông tin chính nào được trình bày trong văn bản <i>Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo</i>? Các thông tin được sắp xếp theo trình tự và bố cục như thế nào? Phân tích hiệu quả sử dụng phối hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong văn bản (đối chiếu với cách thể hiện thông tin của văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i>). - Nhóm 3 & 4: Văn bản Huy Cận: <i>Nhà thơ lớn của thơ Việt Nam hiện đại</i> trình bày những thông tin chính nào về tác giả Huy Cận? So với nội dung trình bày về Huy Cận ở Bài 2 - <i>Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình</i> (sách giáo khoa Ngữ văn 11, tập một), cách thể hiện thông tin của văn bản trên có điểm gì khác biệt? □ Hai văn bản trên được gọi là infographic (đồ họa thông tin). Theo bạn, có thể sử dụng hình thức trình bày này vào những hoạt động nào trong học tập? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> 	<p>* Nhóm 1 & 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i>, tác giả cung cấp các thông tin về trí thông minh (trí tuệ) nhân tạo từ các phương diện: lịch sử phát triển, phân loại, các quan điểm trái chiều, tác động và dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra, trình bày theo các ý chính, ý phụ bằng phương tiện ngôn ngữ và có minh họa bằng sơ đồ. - Ở văn bản <i>Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo</i>, tác giả tập trung giới thiệu khái niệm trí tuệ nhân tạo và ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực, với cách trình bày trực quan, ngắn gọn, có sự phối hợp màu sắc, hình ảnh, biểu tượng, ngôn ngữ. □ Như vậy, nếu văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i> nghiêng về việc đưa ra các thông tin đa dạng, toàn diện về vấn đề thì văn bản <i>Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo</i> lại chú trọng làm nổi bật các thông tin cốt lõi nhất về đối tượng. <p>* Nhóm 3 & 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thông tin chính về Huy Cận: Vị thế của ông trong xã hội, tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp sáng tác. - Ở bài 2 - <i>Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình</i> thì phần nội dung trình bày về Huy Cận có phần kĩ càng hơn.

<p>Các nhóm HS trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm</p> <p>GV quan sát, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm (trình bày bằng hình thức nào : trình chiếu p.p hoặc video, cách thể hiện sản phẩm ra sao)</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi đại diện 4 nhóm HS báo cáo sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung</p> <p>GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt lại các ý.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét và chốt lại những kiến thức cơ bản.</p>	<p>- Cách thể hiện thông tin của 2 văn bản khác nhau bởi một bên dùng phương tiện phi ngôn ngữ là infographic còn một bên là dùng ngôn ngữ để trình bày.</p> <p>▯ Trình bày infographic vào những hoạt động nhóm thuyết trình, poster cho những hoạt động ngoại khóa,...</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS

Biết vận dụng cách sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ dưới dạng infographic và vận dụng kiến thức đã học để thiết kế những thông tin chính về một tác giả văn học có tác phẩm được học trong sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 11 hoặc những thông tin chính của một văn bản được học ở Bài 8 - Cấu trúc của văn bản thông tin.

b. Nội dung: HS quan sát, đọc SGK, tìm hiểu tài liệu trên mạng internet, trả lời câu hỏi vào phiếu học tập

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

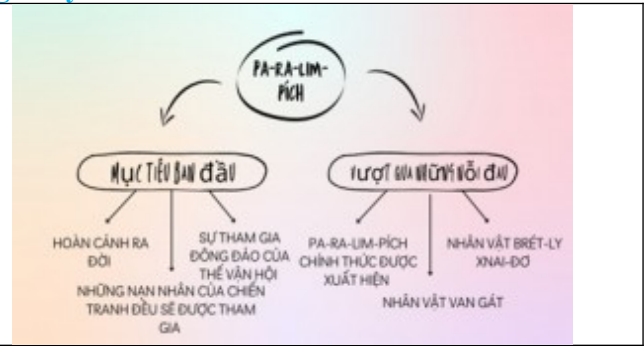
Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV phát phiếu học tập và chia HS thành 4 nhóm</p> <p>* Nhiệm vụ nhóm 1 và 2 Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính về một tác giả văn học có tác phẩm được học trong sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 11.</p> <p>* Nhiệm vụ nhóm 3 và 4: Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính của một văn bản được học ở Bài 8 - Cấu trúc của văn bản thông tin.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Các nhóm HS trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm</p> <p>GV quan sát, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm (trình bày bằng hình thức nào : trình chiếu p.p hoặc video, cách thể hiện sản phẩm ra sao)</p>	<p>Học sinh sáng tạo và trình bày sản phẩm của mình.</p> 

B3. Báo cáo thảo luận:

GV chỉ định bất kì HS của 2 nhóm báo cáo sản phẩm, 2 nhóm còn lại nhận xét, bổ sung

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt lại các ý.



4. củng cố: HS cần biết cách phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản; biết tạo lập một văn bản thông tin liên quan đến những nội dung được học dưới dạng infographic.

5. Hướng dẫn về nhà: - Học bài.

- Chuẩn bị bài: Viết văn bản thuyết minh về một vấn đề của xã hội đương đại.

PHẦN 3. VIẾT

TIẾT....

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT SỰ VẬT, HIỆN TƯỢNG TRONG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hs nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng hiệu quả biểu đạt cho bài viết.
- Hs biết viết bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đang được quan tâm trong xã hội ngày nay.

2. Về năng lực:

Năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực thẩm mỹ

3. Về phẩm chất:

Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học.

b. **Nội dung:** GV hướng dẫn HS chia thành 4 nhóm, tham gia trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”.

c. **Sản phẩm:** Đáp án của học sinh về những câu hỏi.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm với số lượng thành viên tương đương nhau để tham gia trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”. Các nhóm cần tìm ra từ ngữ phù hợp được gọi ra trong mỗi hình ảnh.

- GV chuyển giao dụng cụ học tập là chiếc chuông bấm để bàn, yêu cầu mỗi nhóm cử ra 1 HS đại diện lên bấm chuông giành quyền trả lời.

- Sau 2 phút suy nghĩ cho mỗi câu đố, GV sẽ ra tín hiệu để các nhóm sẽ bấm chuông giành quyền trả lời. Nhóm giành quyền trả lời nhanh nhất mà đưa ra đáp án sai, 3 nhóm còn lại có cơ hội tiếp tục cho đến khi đưa ra đáp án đúng.

- GV đưa ra những hình ảnh sau:

STT	Hình ảnh
-----	----------

1	
2	
3	
4	
5	

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày đáp án sau khi đã giành được quyền trả lời.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nếu đáp án sai, tiếp tục giành quyền trả lời.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá.
- GV đưa ra đáp án:

STT	Đáp án
1	Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
2	THIÊN TAI
3	KỶ QUAN THIÊN NHIÊN
4	ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
5	THỦY TRIỀU XANH

- GV dẫn dắt vào bài học mới:

Thế giới tự nhiên rất phong phú, đa dạng có tác động mạnh mẽ đến cuộc sống con người. Bài học *Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên* sẽ giúp các em có cơ hội tìm hiểu thêm, chia sẻ các tri thức có liên quan đến thế giới tự nhiên xung quanh, những vấn đề nổi bật đang đặt ra trong thế giới tự nhiên và mối quan hệ của chúng với cuộc sống con người đồng thời tạo cơ hội để các em thể hiện khả năng quan sát, tìm hiểu đối tượng; Từ đó có thái độ ứng xử tích cực, hài hòa giữa con người với toàn bộ môi trường sống xung quanh ta.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu các yêu cầu của văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

a. Mục tiêu:

HS nhận biết được kiểu bài, yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

b. Nội dung: Đặc điểm của kiểu bài và yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS về kiểu bài, yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc khung <i>Yêu cầu về kiểu bài</i> trong SGK Tr.80 và trả lời câu hỏi: – Nhiệm vụ (1): <i>Theo em, những sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được đề cập</i>	1. Yêu cầu của văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên. * Kiểu bài: Thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên (những vấn đề nổi bật đang đặt ra trong thế giới tự nhiên và mối quan hệ của chúng đối với cuộc sống con người).

<p><i>trong văn bản thuyết minh có thể là những sự vật, hiện tượng nào?</i></p> <p>– Nhiệm vụ (2): <i>Những yêu cầu cơ bản của bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên là gì? Có điểm gì giống và khác với bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội?</i></p> <p>– Nhiệm vụ (3): <i>Khi được sử dụng trong bài thuyết minh, các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận có ý nghĩa như thế nào?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK, nhận biết thông tin và tìm câu trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Hai HS trình bày trước lớp ý kiến của mình. GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV bổ sung ý kiến của HS, nhấn mạnh hướng dẫn HS chốt ý:</p>	<p>Những sự vật, hiện tượng trong tự nhiên rất đa dạng: cảnh quan thiên nhiên ở miền Bắc, hệ thống hang động ở miền Trung, về mạng lưới sông ngòi, kênh rạch ở miền Nam, rừng ở Tây Nguyên, ngọn núi lửa đã tắt, một loài động vật hoang dã có nguy cơ bị tuyệt chủng, hiện tượng sạt lở đất, ô nhiễm môi trường nước...</p> <p>* Yêu cầu đối với kiểu bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên:</p> <p>+ Nêu rõ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh và cung cấp một số thông tin cơ bản, nổi bật về sự vật, hiện tượng đó.</p> <p>+ Làm sáng tỏ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên theo trình tự phù hợp với đặc điểm của đối tượng được thuyết minh.</p> <p>+ Nêu được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh.</p> <p>+ Sử dụng kết hợp trong văn bản thuyết minh một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.</p> <p>=> Điểm giống và khác giữa bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên với bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội?</p> <p>+ Khác: đối tượng thuyết minh</p> <p>+ Giống: đều phải đảm bảo 4 yêu cầu.</p> <p>* Trong bài thuyết minh các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận có ý nghĩa quan trọng, giúp cung cấp các thông tin xác thực, hấp dẫn, tác động tích cực đến nhận thức và cảm xúc của người đọc.</p>
--	--

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích VB mẫu.

b. Nội dung: Đọc và phân tích bài viết tham khảo.

c. Sản phẩm:

Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>* Giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>- GV chiếu ngữ liệu tham khảo theo từng đoạn và yêu cầu HS đọc thầm VB mẫu (Tr. 81, 82, 83), chú ý những thông tin</p>	<p>2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo *</p> <p>Sự vật, hiện tượng được đề cập trong bài:</p> <p>sự phong phú, đặc điểm và giá trị của những hòn đảo của Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam, đó là những cảnh quan hấp dẫn, giàu</p>

<p>chứa trong tet box. Sau đó, GV yêu cầu nhóm đôi thảo luận (think – pair – share) để trả lời câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu bài.</p> <p>Yêu cầu HS đọc VB mẫu và hoàn thành phiếu học tập theo nhóm như sau:</p> <p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu hỏi thảo luận</th><th>Câu trả lời</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Văn bản đã đề cập đến sự vật hiện tượng gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Xác định hệ thống ý của văn bản. Tác giả đã cung cấp thông tin theo trình tự như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Tác giả đã lồng ghép yếu tố nào trong số các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để chuyển tải các thông tin đến người đọc? Nêu tác dụng của yếu tố đó trong văn bản</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Câu hỏi thảo luận	Câu trả lời	Văn bản đã đề cập đến sự vật hiện tượng gì?		Xác định hệ thống ý của văn bản. Tác giả đã cung cấp thông tin theo trình tự như thế nào?		Tác giả đã lồng ghép yếu tố nào trong số các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để chuyển tải các thông tin đến người đọc? Nêu tác dụng của yếu tố đó trong văn bản		<p>tiềm năng, thu hút nhiều du khách.</p> <p>* Hệ thống ý và trình tự của bài viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thông tin khái quát về biển đảo của Việt Nam - Nêu đặc điểm những hòn đảo ở vùng biển phía Bắc - Khái quát đặc điểm vùng đảo miền Trung - Nhận diện nét riêng của các đảo vùng duyên hải Nam Bộ - Khẳng định giá trị của biển đảo Việt Nam. <p>* Những yếu tố miêu tả và biểu cảm, tự sự được sử dụng trong bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Yếu tố biểu cảm</u> thể hiện ở tên các tiêu mục ("Chỗ nước trời lẫn sắc miền Bắc", "Đầu sóng ngọn gió miền Trung", "Những đảo ngọc miền Nam"), ở sự liên tưởng tới câu thơ của Chế Lan Viên, ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, thái độ của du khách khi đến những vùng đảo,... - <u>Yếu tố miêu tả</u> thể hiện ở những đoạn giới thiệu về vị trí địa lí của những hòn đảo trải dài từ Bắc vào Nam. - <u>Yếu tố tự sự</u> được sử dụng khi giới thiệu về sự xuất hiện của cư dân đảo.
Câu hỏi thảo luận	Câu trả lời								
Văn bản đã đề cập đến sự vật hiện tượng gì?									
Xác định hệ thống ý của văn bản. Tác giả đã cung cấp thông tin theo trình tự như thế nào?									
Tác giả đã lồng ghép yếu tố nào trong số các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để chuyển tải các thông tin đến người đọc? Nêu tác dụng của yếu tố đó trong văn bản									
<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh và điền thông tin vào phiếu học tập.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Đại diện 2 – 3 nhóm đôi trình bày, các nhóm khác bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét câu trả lời của HS; chốt lại kiến thức:</p>	<p>=> Việc lồng ghép yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm giúp cho những thông tin được chuyển tải đến người đọc một cách sinh động, hấp dẫn, thể hiện tình yêu và niềm tự hào của tác giả về biển đảo Việt Nam.</p> <p>=> Bài viết đảm bảo các yêu cầu của một viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên</p> <p>=> Bố cục văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: + Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh. + Nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng đó. 								

	<p>- Thân bài:</p> <p>+ Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí, tùy thuộc vào định hướng cung cấp thông tin của người viết.</p> <p>+ Các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận nào có thể đưa vào vị trí thích hợp để làm tăng hiệu quả biểu đạt và sức hấp dẫn của bài viết. Chẳng hạn, yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm có thể lồng ghép khi trình bày bản chất của sự vật, hiện tượng; yếu tố nghị luận có thể lồng ghép khi trình bày về ý nghĩa của việc thuyết minh về sự vật, hiện tượng.</p> <p>Lưu ý: Việc lồng ghép yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận cần đảm bảo tính khách quan của thông tin được đề cập trong bài viết.</p> <p>+ Có thể sử dụng những phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu, sơ đồ,...), giúp cho các nội dung thuyết minh được sinh động, hấp dẫn.</p> <p>- Kết bài: Khái quát ý nghĩa của sự vật, hiện tượng được đề cập; gợi mở những ý tưởng có thể tiếp nối,...</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

- a. Mục tiêu:** Giúp hs rèn luyện kỹ năng viết bài thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong tự nhiên
- b. Nội dung:** Thuyết minh về 2 sự vật hiện tượng trong tự nhiên gần gũi.
- c. Sản phẩm:** câu trả lời và dàn ý bài viết của hs
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhóm 1,2: Hãy viết một văn bản thuyết minh về khu dự trữ sinh quyển thế giới: quần đảo Cát Bà.</p> <p>Nhóm 3,4: Hãy viết một văn bản thuyết minh về di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: hs làm việc nhóm, trao đổi thảo luận</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: hs trình bày ý kiến</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của hs</p> <p>Bảng kiểm tham khảo</p>	Hs trình bày dàn ý của nhóm

NỘI DUNG KIỂM TRA	YÊU CẦU CỤ THỂ	
Bố cục 3 phần	<ul style="list-style-type: none"> - MB: đã giới thiệu được hiện tượng tự nhiên cần thuyết minh chưa? - TB: <ul style="list-style-type: none"> + Có thuyết minh được những đặc điểm của hiện tượng tự nhiên đó không?(vị trí địa lí, tên gọi, đặc điểm riêng biệt, giá trị, tiềm năng...) + Hiện nay con người đã sử dụng và khai thác hiện tượng tự nhiên ấy như thế nào? + Trách nhiệm (việc làm cần thiết) của mọi người trong việc giữ gìn, bảo tồn giá trị to lớn của hiện tượng tự nhiên ? + Bài viết có sử dụng các yếu tố khác như biểu cảm, miêu tả, nghị luận không - KB: có khái quát được ý nghĩa của vấn đề và nêu suy nghĩ của người viết không? 	
Các lỗi còn mắc	<ul style="list-style-type: none"> - Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý,... - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ, diễn đạt. 	
Đánh giá chung	<ul style="list-style-type: none"> - Bài viết đáp ứng được yêu cầu ở mức độ nào? - Bạn thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? 	

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu mỗi nhóm sẽ viết thành một văn bản thuyết minh hoàn chỉnh bài.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm tiến hành viết trong vòng 7-10p</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: các nhóm đại diện trình bày bài viết</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Sử dụng rubik đánh giá Các nhóm tự nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa cho nhau dựa vào rubik đánh giá. Giáo viên nhận xét, chỉnh sửa</p>	Bài viết của nhóm

Rubric đánh giá sản phẩm của học sinh

TIÊU CHÍ	TRUNG BÌNH	KHÁ	TỐT
----------	------------	-----	-----

	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức (4 điểm)	0 – 1 điểm Bài làm còn sơ sài, không theo bố cục 3 phần, Trình bày cầu thả. Sai lỗi chính tả (từ, sử dụng dấu câu và ngắt dòng không đúng quy định)	2 - 3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, đảm bảo bố cục 3 phần Trình bày tương đối cẩn thận Có 1 -2 lỗi chính tả	4 điểm Bài làm đảm bảo các yêu cầu: đầy đủ 3 phần Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Nội dung sơ sài, chưa tập trung làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện. Phân tích đánh giá còn chung chung, chưa sử dụng các chi tiết, dẫn chứng cụ thể từ tác phẩm truyện. Chưa thể hiện được các ý kiến đánh giá riêng	4 – 5 điểm Nội dung tương đối đầy đủ, bám sát vào dàn ý. Các luận luận điểm triển khai đã có ý thức tập trung vào chủ đề và những nghệ thuật của truyện. Trong khi phân tích, đánh giá đã có ý thức sử dụng các chi tiết dẫn chứng cụ thể. Thể hiện được ý kiến đánh giá riêng của người viết về tác phẩm truyện	6 điểm Nội dung đầy đủ theo hệ thống ý đã tạo lập, có ý mở rộng nâng cao. Các luận điểm đã tập trung làm sáng tỏ chủ đề và những đặc sắc nghệ thuật của truyện. Mỗi luận điểm trong bài viết đều được làm sáng tỏ bằng các chi tiết, dẫn chứng cụ thể từ tác phẩm truyện. Có sự sáng tạo
Điểm TỔNG			

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài và nhận xét về kết quả viết của hs

b. Nội dung: nêu yêu cầu của kiểu bài thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong tự nhiên

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Theo em kiểu bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên có thể triển khai theo cấu trúc nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: hs trao đổi chỉ ra yêu cầu của bài thuyết minh về một hiện tượng tự nhiên B3. Báo cáo thảo luận: hs trả lời câu hỏi của mình trước lớp B4. Đánh giá kết quả thực hiện: gv chốt lại yêu cầu chung; đánh giá kết quả và chỉnh sửa bài viết của hs	- Thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong tự nhiên có thể sử dụng những cấu trúc sau sao cho phù hợp với đối tượng: <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân- hệ quả- giải pháp - Theo các thành tố của đối tượng. - Theo diễn biến trong thời gian hoặc theo không gian ảnh hưởng của đối tượng Kết hợp sử dụng các yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận để tăng khả năng diễn đạt. - Nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa bài viết của học sinh.

4. củng cố: Gv nhắc lại đặc điểm yêu cầu của kiểu bài, những lưu ý cần tránh mà hs hay mắc phải về lỗi diễn đạt, dùng từ, cách tìm hiểu số liệu thông tin cần chính xác, sử dụng linh hoạt các phương thức biểu đạt để bài thuyết minh sinh động, hấp dẫn.

5. Hướng dẫn về nhà: thuyết minh về một sự vật hiện tượng tự nhiên mà em quan tâm.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

TIẾT

TRANH BIỆN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện
- ❖ Học sinh biết tranh biện có hiệu quả và có văn hóa về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi

❖ **Học sinh biết** lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,...xoay quanh vấn đề xã hội mà mình tranh biện hoặc nghe học sinh khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

3. Về phẩm chất: Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu được rút ra từ tác phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: GV phát vấn: Theo con, cần chuẩn bị gì để có một bài nói – chia sẻ tốt?

c. Sản phẩm: Câu TL của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Tổ chức thực hiện
GV phát vấn: Theo con, cần chuẩn bị gì để có một bài tranh biện tốt? Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án: Tìm hiểu kỹ đề tài Vận dụng năng lực ngôn ngữ Tự tin Rèn luyện giọng nói

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

❖ **Học sinh biết** lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện

❖ **Học sinh biết** lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,...xoay quanh vấn đề xã hội mà mình tranh biện hoặc nghe học sinh khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng

b. Nội dung thực hiện:

❖ Học sinh đọc thật kỹ các thao tác chuẩn bị nói và nghe

❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kỹ năng nói nghe

Học sinh chuẩn bị phần tranh biện dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

Hoạt động của GV – HS	Tổ chức thực hiện
-----------------------	-------------------

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị • HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân • HS thực hành lập dàn ý, chuẩn bị ý <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức</p>	<p>1. Chuẩn bị tranh biện</p> <p>*Lựa chọn đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn vấn đề mang tính thời sự, thiết thực với đời sống và có những quan điểm tiếp cận trái chiều, đáp ứng được sự quan tâm, chờ đợi của người tham gia - Vấn đề tranh biện thường được phát vấn dưới hình thức một ý kiến, nhận định, những người tham gia sẽ thể hiện ý kiến tán thành hay phản đối - Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> + Trí thông minh nhân tạo có thể quyết định thế giới + Du học sẽ mang lại cho học sinh cơ hội tiếp cận nền giáo dục tốt hơn ... <p>*Lập đội tham gia tranh biện</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 đội chơi (4-5 thành viên): 1 đội tán thành, 1 đội phản đối - Người điều hành, theo dõi, đánh giá, bình chọn <p>*Nghiên cứu vấn đề đã lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu kĩ vấn đề - Dự kiến những lí lẽ có thể phản bác và suy đoán những lí lẽ mà phía đối lập có thể sử dụng để bảo vệ quan điểm của họ - Hình dung rõ ràng nhiệm vụ của đội trong tranh biện <p>*Quy tắc tranh biện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần tôn trọng, bình đẳng - Bám sát vấn đề tranh luận - Thực hiện yêu cầu của người điều hành - Đảm bảo thời gian quy định cho mỗi lượt phát biểu - Không ngắt lời phía đối lập, không chỉ trích cá nhân, không sử dụng ngôn ngữ thiếu chuẩn mực,...
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài tranh biện

b. Nội dung thực hiện

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubric chấm

Hoạt động GV – HS	Tổ chức thực hiện
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: Tranh biện xoay quanh vấn đề: Lạm phát hoa hậu – hệ quả của những sản phẩm thương mại</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành tranh biện</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, đánh giá theo phiếu phụ lục</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>HS có thể đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng khác nhau, chỉ cần thuyết phục và hợp lí. Có thể tham khảo hướng dưới đây:</p> <p>- HS đồng tình:</p> <p>+ Thực trạng trong các cuộc thi hoa hậu: tổ chức nhiều, tốn kém chi phí, nhiễu loạn thông tin về hoa hậu,...</p> <p>+ Mặt tối của các cuộc thi hoa hậu: chân dài – đại gia</p> <p>+ Thị trường thương mại hoa hậu, dẫn đến đào thải liên tục</p> <p>+ Đặt ra câu hỏi: nên hay không nên tổ chức hoặc tổ chức theo kì hạn, theo sự cần thiết, tránh tràn lan danh xưng, loạn danh xưng</p> <p>+ Dẫn chứng: Hoa hậu Ý Nhi, Hoa hậu Đại Dương,...</p> <p>- HS phản đối:</p> <p>+ Nguồn gốc của các cuộc thi sắc đẹp: Sử thi Illiad, sự tôn vinh cái đẹp của các nước trên thế giới</p> <p>+ Hoa hậu là đại diện gắn với các quốc gia</p> <p>+ Tổ chức nhiều cuộc thi hoa hậu cũng phản ánh về việc xã hội đang đi tìm cái đẹp, cái tri thức ở mỗi con người</p> <p>+ Nữ quyền nâng cao thông qua các cuộc thi</p> <p>+ Điểm sáng sau các cuộc thi hoa hậu: các hoạt động từ thiện, đưa tên quốc gia vươn tầm thế giới ở khía cạnh cái đẹp,...</p> <p>+ Dẫn chứng: Hoa hậu H-henie, Hoa hậu Thùy Tiên,...</p>

Phụ lục:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đ	CD
1	Khẳng định rõ ràng quan điểm tán thành hay phản đối		
2	Trình bày được các luận điểm chính, nêu được lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình		
3	Có khả năng phối hợp nhóm để duy trì tiến trình tranh biện và phát triển ý tưởng		
4	Có khả năng xử lý tình huống, ứng phó với các ý kiến phản biện của phía đối lập		
5	Lắng nghe người khác với thái độ tôn trọng		
6	Sử dụng ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, thay đổi ngữ điệu, sử dụng		

	ngôn ngữ cơ thể một cách linh hoạt, phù hợp		
7	Tuân thủ thời gian quy định đối với từng lượt phát biểu		

HOẠT ĐỘNG 4: Củng cố, Mở rộng

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề trên sau tranh biện: nói về các cuộc thi hoa hậu, hiện nay có ý kiến cho rằng xảy ra tình trạng lạm phát hoa hậu – hệ quả của những sản phẩm thương mại.

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá

Tổ chức thực hiện	Dự kiến Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh viết bài Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Ngày soạn: 01/8/2023

BÀI 8: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN

Tiết ... - VĂN BẢN 1: NỮ PHÓNG VIÊN ĐẦU TIÊN

-Trần Nhật Vy-

(02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các dấu hiệu nổi bật về hình thức trình bày văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản...
- Nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản

2. Về năng lực:

- Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với bối cảnh đời sống xã hội và với những văn bản khác.

- Phân tích được các văn bản cùng thể loại VB thông tin.

3. Về phẩm chất: HS có thái độ ủng hộ sự bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, máy tính, máy chiếu....

2. Học liệu: phiếu bài tập, giấy A0, bút dạ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: (lồng ghép vào bài học)

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học.

b. Nội dung: HS hoạt động nhóm thực hiện câu hỏi gợi ý từ tiết trước của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV nhắc lại câu hỏi và yêu cầu các nhóm (5-6HS) thực hiện nhiệm vụ giao từ tiết học trước: Chia sẻ những điều em biết về đời sống của người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ phong kiến và trong thời kỳ hiện đại? (Gợi ý: Về ăn mặc, công việc, địa vị xã hội, vai trò trong gia đình...)

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận, trao đổi với các thành viên trong nhóm, thống nhất phương án trình bày trên cơ sở đã thu thập thông tin trước.

B3. Báo cáo thảo luận:

GV gọi đại diện 2 nhóm chia sẻ về những thông tin HS đã thu thập được, các nhóm khác theo dõi, bổ sung (Gợi ý: có thể một nhóm theo hướng thuyết trình, một nhóm trình bày bằng hình ảnh...)

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HS tự do chia sẻ, GV định hướng, mở rộng.

Gv nhấn mạnh về vai trò, vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ phong kiến: phụ thuộc gia đình và yếu thế trong xã hội, bị động, bất bình đẳng... còn trong thời kỳ hiện đại thì ngược lại...

GV dẫn vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

m. Mục tiêu:

- Nắm được những tri thức cơ bản về cấu trúc của văn bản thông tin.

- Hiểu được mục đích và quan điểm của người viết trong văn bản thông tin.

n. Nội dung: Hoàn thành phiếu học tập ở nhà, trình bày nhanh nội dung trước lớp.

o. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

p. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:	1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin.

- GV giao phiếu học tập cho HS từ tiết học trước.

Phiếu học tập 01 CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN Tìm hiểu tri thức Ngữ văn
1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin.
2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin.
3. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin.
4. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS dựa vào tri thức của bản thân và mục Tri thức Ngữ văn trong SG của bài để hoàn thiện phiếu học tập

B3. Báo cáo thảo luận:

HS trình bày sản phẩm cá nhân. GV tổ chức cho HS đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của bạn.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức.

Văn bản thông tin thường có những dấu hiệu nổi bật về hình thức thể hiện qua nhan đề, đề mục, sơ đồ, bảng biểu, chữ in nghiêng, chữ in đậm...

2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin.

Nội dung của văn bản thông tin được tạo thành bởi các yếu tố chính: chủ đề, các ý chính và ý phụ.

3. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin.

Văn bản thông tin thường được trình bày theo những cách phù hợp với tiến trình nhận thức tự nhiên của người đọc. Có một số hình thức thông tin chính: theo trật tự thời gian, theo trật tự nhân quả, theo tầm quan trọng của vấn đề, theo quan hệ so sánh hoặc tương phản.

- Tổ chức thông tin theo trật tự thời gian là trình bày các sự kiện theo tiến trình trước sau mà chúng diễn ra.

- Tổ chức thông tin theo trật tự nhân quả là dựa vào mối liên hệ giữa một sự kiện với nguyên nhân và kết quả của sự kiện đó.

- Tổ chức theo tầm quan trọng của vấn đề là sắp xếp các thông tin theo cách từ những thông tin qua trọng nhất đến những thông tin ít quan trọng hơn hoặc ngược lại.

- Tổ chức thông tin theo quan hệ so sánh hoặc tương phản là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của của hai hay nhiều đối tượng.

4. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin

- Mục đích giao tiếp chủ yếu của văn bản thông tin là cung cấp thông tin, nhưng bên cạnh đó, nó còn có thể nhắm đến mục đích khác như: thuyết phục, giải trí,...

- Kinh nghiệm, niềm tin của người viết cũng chi phối việc bày tỏ quan điểm, thái độ đối với vấn đề được đề cập, mặc dù điều này thường không được thể hiện trực tiếp trong văn bản.

Nội dung 2. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được tác dụng của các dấu hiệu nổi bật về hình thức trình bày văn bản thông tin như nhan đề, sa -pô, bố cục văn bản...

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm dưới sự hướng dẫn của GV điền vào PHT, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, Phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: GV hướng dẫn HS đọc VB, khi đọc HS chú đến các dấu hiệu hình thức nổi bật như: nhan đề, sa-pô, các đề mục, hình ảnh... 2. Tác giả, tác phẩm HS thảo luận nhóm điền vào phiếu học tập (Phiếu 01) B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, trao đổi và ghi câu trả lời vào PHT 01. B3. Báo cáo thảo luận GV gọi đại diện 1-2 nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả - Trần Nhật Vy tên thật là Nguyễn Hữu Vang, sinh 1956 tại Đồng Tháp - Ông là nhà báo, là tác giả của nhiều tác phẩm biên khảo về lịch sử báo chí và văn hoá Sài Gòn - Các tác phẩm chính: Báo quốc ngữ ở Sài Gòn; Lịch sử 150 năm báo chí quốc ngữ 1865 -2015; Sài Gòn chôn chôn rong chơi 2016; Văn chương Sài Gòn 1881-1924 (Bỏ 5 tập 2017 -2020)..., 2. Văn bản - Thể loại: Báo chí (Khảo cứu lịch sử) - Xuất xứ: Báo Tuổi trẻ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01

Nội dung tìm hiểu	Thông tin tìm hiểu
1. Tác giả	
2. Văn bản (Thể loại, xuất xứ)	

Nội dung 2: Khám phá văn bản**a. Mục tiêu:**

- Xác định được chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- Nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm vận dụng các kĩ năng đọc hiểu VB thông tin đã được học để khám phá văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, Phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS đọc – hiểu cấu trúc văn bản B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc kĩ văn bản, tóm tắt các ý chính? ? Văn bản được trình bày theo trình tự nào? Đánh giá hiệu quả của cách trình bày đó? B2. Thực hiện nhiệm vụ	II. ĐỌC -HIỂU VĂN BẢN 1. Cấu trúc văn bản - Sapo: Đặt vấn đề, gây sự tò mò (in đậm) - Mở đầu: giới thiệu về nữ phóng viên đầu tiên - Phần nội dung: Chân dung, cuộc đời, sự nghiệp của nữ phóng viên đầu tiên - Kết luận: Đánh giá về nữ sĩ ->Cấu trúc cơ bản của 1 bài báo viết (có hình ảnh minh họa)

<p>HS thảo luận, suy nghĩ và phát biểu</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi đại diện 1-2 HS trình bày, các HS khác bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cho HS tự đánh giá, nhận xét quá trình hoạt động và chốt kiến thức.</p> <p>1. Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về chân dung nữ phóng viên đầu tiên (Cuộc đời, sự nghiệp, ngoại hình, đời sống riêng tư...)</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV hướng dẫn HS đọc kĩ các đoạn 2,3</p> <p>Và làm việc nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1,2: Tìm hiểu về tiểu sử và các hoạt động xã hội, rút ra nhận xét - Nhóm 3,4: Tìm hiểu về ngoại hình, đời sống riêng tư, rút ra nhận xét <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS đọc văn bản, trình bày thông tin và rút ra nhận xét (Phiếu học tập số 2)</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày sản phẩm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cho HS tự đánh giá quá trình thực hiện, nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hướng Dẫn HS tìm</p>	<p>->Trình bày theo trình tự thời gian -> dễ theo dõi và tiếp nhận, làm nổi bật diễn biến cuộc đời nhân vật song song với những biến chuyển mạnh mẽ của xã hội.</p> <p>2.Chân dung nữ phóng viên đầu tiên</p> <p>*Tiểu sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên khai sinh: Nguyễn Thị Kiêm - Năm sinh, năm mất: 1914 - 2005 - Quê quán: Gò Công - Gia đình: Con tri huyện Nguyễn Đình Trị <p>*Hoạt động xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học trường Trung học Nữ sinh bản xứ - Làm báo khi mới 17 tuổi (1931) - Sáng sảng và diễn thuyết đề ủng hộ phong trào Thơ Mới, tạo ra một cuộc tranh luận dài trên báo chí từ trong Nam ra ngoài Bắc - Ủng hộ nữ quyền, tạo ra một phong trào phụ nữ rất sôi nổi trong xã hội (từ 1932-1934) <p>*Ngoại hình:</p> <p><i>Người thấp lùn, bộ tướng núc ních, mặt má phỉêng bầu, môi nhọn như mỏ chim...đôi mắt sáng ngời, ăn nói mau lẹ, thông minh, duyên dáng-></i> Không phải là mẫu người phụ nữ xinh đẹp nhưng rất tự tin, giỏi giang</p> <p>*Đời sống cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hôn với nhà báo Lu Khê Trương Văn Em (1937) - Lấy chồng người Pháp (1950) và sinh sống ở Pháp cho đến khi mất (2005) <p>=> Nhận xét : + Nhân vật được tái hiện trên nhiều bình diện (tiểu sử, dung mạo, các hoạt động xã hội, đời sống cá nhân), với các tư cách khác nhau: một người phụ nữ, một thi sĩ, một nhà báo, một nhà hoạt động xã hội.</p> <p>+ Trần thuật lại sự kiện , trích dẫn trực tiếp của bà, lời đánh giá nhận xét của người đương thời -> Làm nổi bật quan điểm khách quan, cá tính nhân vật, tạo không khí tranh luận sôi nổi về thời đại.</p> <p>* Cuộc đời nhân vật gắn với phong trào nữ</p>
---	---

<p>hiểu cách tiếp cận vấn đề của tác giả qua VB</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ ?Cuộc đời nữ phóng viên đầu tiên gắn liền với phong trào xã hội và nghệ thuật nào? ? Điểm độc đáo của tác giả khi viết về các phong trào đó? ?Em đã có những thu hoạch nào về xã hội, văn học thời đó qua bài báo của tác giả?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản, trình bày thông tin và rút ra nhận xét</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi 1- 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho HS tự đánh giá quá trình thực hiện, nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>quyền và Thơ Mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong trào nữ quyền được tiếp cận qua cuộc đời, sự nghiệp của một người phụ nữ, lịch sử hiện lên một cách rất cụ thể, sống động, giàu cảm xúc. ->Sự gắn bó mật thiết giữa cá nhân và lịch sử, cá nhân làm nên lịch sử (<i>bà đã tạo ra một phong trào phụ nữ mới hết sức sôi nổi</i>) - Sự đóng góp của một nữ nhà báo với phong trào Thơ Mới ->Nỗ lực cá nhân đấu tranh cho tự do, bình đẳng của người phụ nữ trên nhiều bình diện(xã hội và nghệ thuật) * Sự kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự: <ul style="list-style-type: none"> - “Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng là lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết đông người nghe như thế...” - Cuộc tranh luận kéo dài cả trong Nam lẫn ngoài Bắc; khi ấy vẫn còn quan niệm: Đến thế kỷ XX, đàn bà An Nam lại nảy sinh ra một số người quái gở!... =>Thể hiện sức hấp dẫn, sinh động về sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống văn hoá, xã hội Việt Nam buổi giao thời, trong đó có sự xung đột, giao tranh giữa cái cũ và cái mới, sự nở rộ của phong trào báo chí, những thay đổi mạnh mẽ trong ý thức của công chúng (<i>trăm hoa đua nở</i>)
--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Chân dung nhân vật nữ phóng viên đầu tiên (Cuộc đời, sự nghiệp, ngoại hình, đời sống riêng tư...)	Dẫn chứng
1. Tiểu sử của nhân vật	
2. Các hoạt động xã hội của nhân vật	
3. Ngoại hình nhân vật	
4. Đời sống riêng tư của nhân vật	
=> Rút ra nhận xét:	

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM

Tên thành viên:

Thuộc nhóm:

Tiêu chí	Không	Bình thường	Có
Lòng tin vào khả năng hoàn thành công việc của những người cùng nhóm			
Bình tĩnh: Khả năng giải quyết tình huống một cách bình tĩnh			
Tôn trọng ý kiến của các thành viên trong nhóm			
Tổ chức: Làm việc theo kế hoạch đã vạch			
Khả năng thuyết phục: Đưa ra được những lý lẽ thích hợp để bảo vệ ý kiến của mình			
Trách nhiệm: Luôn sẵn sàng tiên phong cho việc chung			
Kiên trì: Khả năng làm việc tiếp khi công việc bị đình trệ			
Quyết tâm: Phản ứng như thế nào khi kết quả không được như mong muốn? Từ bỏ hay tìm một hướng giải quyết khác.			
Nhạy bén: Khả năng dự tính được những tình huống khác nhau có thể xảy ra trong công việc và khả năng giải quyết linh hoạt những tình huống đó			
Lắng nghe: Bạn không ngắt lời thành viên khác khi họ đang muốn đưa ra ý kiến? Bạn có luôn khuyến khích mọi người đưa ra ý kiến của riêng mình?			

Nội dung 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: Hệ thống hóa lại các bước đọc hiểu một văn bản thông tin.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, sơ đồ hóa lại các bước đọc hiểu VB thông tin.

c. Sản phẩm: Sơ đồ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<ul style="list-style-type: none"> GV hướng dẫn HS tổng kết VB trên các phương diện nội dung, nghệ thuật <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS dựa vào kỹ năng đọc văn bản thông tin sơ đồ hóa lại kiến thức bài học.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS vẽ sơ đồ vào vở cần đảm bảo các ý chính về Nội dung và nghệ thuật của VB.</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> Tác giả đã khắc họa chân dung nữ phóng viên đầu tiên. Từ đó, giúp người đọc hiểu được mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội – Văn học là tấm gương phản chiếu thời đại một cách chân thực nhất. Tác giả đưa ra những quan điểm, thái độ của bản thân về chuyển biến mạnh mẽ

<p>B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS trình bày, HS khác bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>trong đời sống văn hoá, xã hội Việt Nam buổi giao thời, trong đó có sự xung đột, giao tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa những định kiến về người phụ nữ và những nỗ lực của các cá nhân, tổ chức đấu tranh khẳng định sự tự do, bình đẳng của người phụ nữ.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, mốc thời gian...được sử dụng hiệu quả giúp cho thông tin được trình bày một cách sinh động, hấp dẫn, chân thực. - Yếu tố miêu tả, tự sự được vận dụng khéo léo tạo sức hấp dẫn, lôi cuốn tự nhiên - Các câu hỏi, câu in đậm gây ấn tượng và tạo hứng thú với người đọc.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Chia sẻ những thông tin thú mà bạn đã thu thập được sau khi đọc – hiểu văn bản “Nữ phóng viên đầu tiên”
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, thảo luận
- c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình ngắn
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Bằng những hiểu biết về phong trào Thơ Mới qua các tác phẩm đã đọc cũng như qua Vb “Một thời đại trong thi ca” SGK Ngữ văn 11, tập 1 Tr 85-88, Em hãy chỉ ra những thông tin mới có trong VB này?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thảo luận, phát biểu</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi 1-2 bài HS chia sẻ trước lớp.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>Gợi ý: VB cho biết thêm về quá trình hình thành của phong trào Thơ Mới, đồng thời giúp ta nhận ra những đóng góp của một nữ nhà báo đối với sự phát triển của phong trào này.</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.
- b. Nội dung:** HS suy nghĩ, Kết nối đọc – viết
- c. Sản phẩm:** Bài viết của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Từ VB đã đọc, em có suy nghĩ gì về người phụ nữ</p>	<p>Gợi ý: Về vị thế xã hội, vai trò gia đình, ...</p>

đương đại?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ, viết đoạn văn

B3. Báo cáo thảo luận

HS có thể thực hiện ở nhà

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, đánh giá vào tiết học tiếp theo

4. củng cố.

- GV củng cố lại kiến thức về thể loại VB thông tin và văn bản “Nữ phóng viên đầu tiên”
- Tìm đọc thêm các VB thông tin khác cùng chủ đề.

5. Hướng dẫn về nhà.

- HS ôn tập lại các bước đọc hiểu một VB thông tin.
- Đọc trước VB2: TRÍ THÔNG MINH NHÂN TẠO

Ngày soạn: 24/7/2023

BÀI 8: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN

Tiết - VĂN BẢN 3:

**PA-RA-LIM-PIC (PARALYMPIC):
MỘT LỊCH SỬ CHỮA LÀNH NHỮNG VẾT THƯƠNG
(2tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật trong văn bản như sa-pô, đề mục, hình ảnh.
- HS nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết.
- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết.

2. Về năng lực:

- HS phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề...
- Viết được một văn bản thông tin, thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) một văn bản thông tin

3. Về phẩm chất: HS có thái độ sống nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Laptop, giấy A0, A4,...

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm, những nhân vật được nhắc đến trong văn bản; Phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
- b. Nội dung:** Giới thiệu về một vận động viên hoặc một môn thể thao mà mình yêu thích. Ý nghĩa của thể thao đối với cuộc sống con người
- c. Sản phẩm:** bài giới thiệu của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Em hãy giới thiệu về một vận động viên hoặc một môn thể thao mà mình yêu thích? Theo em, thể thao có ý nghĩa gì với đời sống con người? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs có thể thuyết minh trực tiếp hoặc sử dụng video tự làm. B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh báo cáo sản phẩm và rút ra bài học cho mình. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả thảo luận và dẫn dắt vào bài học.	- Bài giới thiệu. - Bài học cho bản thân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

- a. Mục tiêu:**
- Học sinh nêu một số thông tin về tác giả Huy Đăng.
 - Học sinh nêu được một số thông tin về văn bản “Pa-ra-lim-pic: Một lịch sử chữa lành những vết thương (*Thể loại, Xuất xứ, bố cục, ý nghĩa, nghệ thuật*)
- b. Nội dung thực hiện:** GV yêu cầu HS vận dụng SGK, kiến thức để thực hiện HDN nhỏ
- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm
 - Trao đổi nhóm nhỏ, kiểm tra, hoàn thiện phiếu học tập về tác giả Huy Đăng, về văn bản.
- c. Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện thông tin của HS về tác giả Huy Đăng và văn bản.
- d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: 2. Tác giả 3. Tác phẩm B2. Thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nhà báo Huy Đăng công tác tại báo Tuổi trẻ Cuối Tuần, chuyên về mảng thể thao. - Số lượng bài báo: 156, trong đó có nhiều bài viết tiêu biểu như: Olympic Tokyo 2020: Bữa tiệc công nghệ không trọn vẹn; Tìm giới hạn con người dưới lớp băng,...

<p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt những kiến thức cơ bản (ghi bảng + MC)</p>	<p>2. Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thể loại:</i> Văn bản thông tin. - <i>Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:</i> văn bản “Pa-ra-lim-pic: Một lịch sử chữa lành những vết thương được đăng trên báo Tuổi trẻ Cuối Tuần, ngày 05/9/2021. - <i>Bố cục:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: Lịch sử ra đời và các chặng đường phát triển của Paralympic. + Đoạn 2: Sự cố gắng vươn lên của những vận động viên khuyết tật. - <i>Ý nghĩa:</i> “Pa-ra-lim-pic: Một lịch sử chữa lành những vết thương” là một bài báo truyền cảm hứng tích cực đến người đọc. Thể thao không phân biệt độ tuổi, hoàn cảnh hay con người. Chỉ cần chúng ta cố gắng mọi thứ đều trở thành có thể. - <i>Nghệ thuật:</i> bố cục chặt chẽ, phân chia nội dung rõ ràng giúp người đọc dễ cảm nhận và nắm bắt được thông tin của văn bản.
---	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nắm được chủ đề, nội dung văn bản, nhận diện được các tiếp cận vấn đề của tác giả.
- HS phân tích được tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.
- HS xác định được các ý chính, ý phụ trong văn bản và sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ đến tóm tắt các thông tin.
- HS nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tự sự trong văn bản.
- HS hiểu quan điểm của người viết và cách thể hiện quan điểm đó.
- HS rút ra được bài học cho bản thân.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, phiếu học tập, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>+ Dựa vào những kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin đã được học ở lớp 10, em hãy cho biết làm thế nào để xác định được chủ đề của văn bản?</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Chủ đề văn bản (câu 1)</p> <p>- Chủ đề của văn bản: Lịch sử kì thi Pa-ra-lim-pích.</p> <p>- Cách tiếp cận vấn đề của tác giả đặc biệt ở chỗ nêu tiêu đề và sapo đặc biệt gây sự tò mò thích thú cho bạn đọc. Trước nay, ta thường nghĩ tới thể thao như một lĩnh vực phô trương sức mạnh thể lực của con người, vì thế, thể thao là sân chơi của kẻ mạnh, người chiến thắng. Nhưng tác giả lại quan tâm đến một khía cạnh khác – khả năng chữa lành mọi</p>

<p>+ Em hãy xác định đề tài và chủ đề của văn bản.</p> <p>+ Từ những thông tin thu thập được trong phần khởi động, em hãy cho biết các văn bản viết về đề tài thể thao thường đề cập đến những nội dung gì? Nếu được giao viết một bài báo về đề tài này, em sẽ chọn chủ đề gì?</p> <p>+ Tác giả đã tiếp cận vấn đề từ góc độ nào? Em có nhận xét gì về cách tiếp cận vấn đề của tác giả?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe yêu cầu và thực hiện</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <p>- HS lần lượt trả lời các câu hỏi.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nghe, chốt ý</p> <p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chia lớp thành 3 nhóm (12-14 HS/nhóm). (3 nhóm câu hỏi)</p> <p>Nhóm 1</p> <p>+ Câu 2: Phân tích tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.</p> <p>+ Câu 3: Xác định ý chính, ý phụ trong văn bản. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để tóm tắt các thông tin?</p> <p>Nhóm 2</p> <p>+ Câu 4: Yếu tố tự sự có vai trò gì trong văn bản?</p> <p>+ Câu 5: Quan điểm của tác giả là gì? Quan điểm đó</p>	<p>vết thương của thể thao. Đây là một cách tiếp cận rất độc đáo, mới mẻ và đầy tính nhân văn.</p> <p>2. Yếu tố phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu (câu 2)</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Hình ảnh bác sĩ Gắt-mừn và thể hệ những vận động viên đầu tiên ở giải đầy tiền thân của Paralympic thể hiện sự đối lập giữa một bên là những vết thương và nỗi đau mà các nhân vật phải đối mặt (thể hiện qua hình ảnh chiếc xe lăn) và một bên là niềm lạc quan của các vận động viên với nụ cười rạng rỡ nở trên khuôn mặt. Gương mặt phúc hậu và bàn tay đặt lên vai các vận động viên khuyết tật của bác sĩ Gắt-mừn tượng trưng cho sự tin tưởng, nâng đỡ, động viên đầy thân ái của ông với các cựu chiến binh vừa bước ra khỏi chiến tranh. Bức ảnh vừa ghi lại khoảnh khắc lịch sử, vừa đem lại cho người đọc rất nhiều cảm xúc.</p> <p>+ Số liệu: là những con số biết nói: số lượng 16 vận động viên thể thao đầu tiên – Thể vận hội Xe lăn Quốc tế; con số 400 vận động viên đến từ 23 quốc gia tham dự kì Pa-ra-lim-pic đầu tiên diễn ra ở Rôm cho thấy sự phát triển nhanh chóng của phong trào thể thao dành cho người khuyết tật; con số 8.164m chiều cao của ngọn núi Man-na-xlu; 335km ở Nam Cực nhấn mạnh sự nỗ lực và sức mạnh phi thường của con người.</p> <p>3. Tóm lược nội dung văn bản (câu 3)</p>
---	--

được thể hiện bằng cách nào?

Nhóm 3

+ Câu 6: Phát biểu suy nghĩ của bạn về khả năng kì diệu của con người sau khi đọc các thông tin về một số vận động viên thể thao trong văn bản.

+ Câu 7: Văn bản giúp bạn hiểu thêm gì về vấn đề nỗi đau nói chung? Ta có thể ứng xử như thế nào với nỗi đau và những khiếm khuyết trên cơ thể của mình và của người khác?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe yêu cầu và thực hiện

B3: Báo cáo thảo luận

- HS lần lượt đọc to, rõ ràng, diễn cảm các đoạn trong văn bản.

- Các nhóm tham gia tích cực vào hoạt động nhóm, nhóm trưởng quản lí nhóm.

+ Các thành viên thảo luận nhóm,

+ Nhóm trưởng ghi lại câu trả lời thống nhất vào Phiếu học tập của nhóm.

- GV quan sát, đánh giá quá trình HS làm việc nhóm.

- Hết thời gian thảo luận nhóm, các nhóm gắn sản phẩm lên bảng.

- Các nhóm báo cáo, trình bày sản phẩm của nhóm. Các nhóm còn lại theo dõi, tham gia thảo luận.

B4: Kết luận, nhận định

4. Vai trò của yếu tố tự sự (câu 4)

-> Có 3 câu chuyện được kể trong văn bản:

- Câu chuyện thứ nhất: kể về sự ra đời và phát triển của kì thi Pa-ra-lim-pic, từ chỗ là một sự kiện thể thao nhỏ và tự phát năm 1948 đến thời điểm trở thành một thể vận hội quốc tế, có vị trí bình đẳng với kì thi Ô-lim-píc.

-> Ý nghĩa: thể hiện những nỗ lực của nhân loại trong việc hỗ trợ, chữa lành những tổn thương và đem lại cơ hội bình đẳng cho người khuyết tật.

- Câu chuyện thứ hai và thứ ba: kể về hành trình vượt qua nỗi đau của Gia-co Van-Gát, một vận động viên khuyết tật, vốn là cựu quân nhân người Anh và Brét-ly Xnai-đơ, một vận động viên khiếm thị từng phục vụ trong hải quân Mỹ.

-> Ý nghĩa: làm nổi bật sức mạnh, ý chí, tinh thần lạc quan của con người cũng như khả năng của thể thao trong việc chữa lành những vết thương.

=> Yếu tố tự sự trong văn bản vừa tạo sự lôi cuốn, hấp dẫn và gợi lên nhiều cảm xúc, suy tư cho người đọc, vừa góp phần truyền tải một cách gián tiếp và khéo léo thông điệp của tác giả.

5. Thái độ, quan điểm của tác giả (câu 5)

- Thứ nhất, quan điểm của tác giả được thể hiện qua việc chọn lọc thông tin. Với tác giả: thể thao không chỉ là nơi phô diễn sức mạnh, nâng cao thể chất, mà còn có tác dụng hàn gắn rạn nứt, chữa lành các thương tổn tinh thần. Thể thao không chỉ là sân chơi của kẻ mạnh, của đa số mà còn là nơi những người thiểu số, yếu thế có thể cất lên tiếng nói của mình. Qua đó tác giả gửi gắm bức thông điệp đầy tính nhân văn về vai trò của thể thao đối với cuộc sống con người.

- Thứ hai, qua câu chuyện về hai vận động viên khuyết tật nổi tiếng để làm nổi bật khả năng vượt qua nỗi đau của con người. Từ đó, truyền tải thông điệp về tinh thần lạc quan và khả năng chữa lành của thể thao.

6. Thông điệp ý nghĩa và bài học ứng xử trước những tổn thương (câu 6+7)

- GV nghe, chốt ý	<p>Qua hai câu chuyện kể về hành trình vượt qua nỗi đau của Gia-co Van-Gát, một vận động viên khuyết tật, vốn là cựu quân nhân người Anh và Brét-ly Xnai-đơ, một vận động viên khiếm thị từng phục vụ trong hải quân Mỹ. Ta thấy được khả năng kì diệu của con người trong việc nỗ lực vượt lên khó khăn. Đúng như lời của nhà văn Mỹ, Ô-nít Hê-minh-uê từng nói: “Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại”.</p> <p>- Các nhân vật trong văn bản đều là những người đã từng phải trải qua những nỗi đau cả về thể xác và tinh thần. Nhưng họ đã biến những trải nghiệm đau khổ đó thành động lực để tạo nên sự thay đổi trong xã hội hoặc đã học cách thích nghi để tìm ra hướng đi mới cho cuộc đời của mình trong cuộc sống.</p> <p>- Cách ứng xử của mỗi người với nỗi đau và những khiếm khuyết trên cơ thể của mình và của người khác: bạn không nên kì thị và phân biệt đối xử với những người bị khuyết tật.</p>
-------------------	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát vấn đề đã học

b. Nội dung: Củng cố, tổng kết nội dung của cả bài

Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, cặp đôi; Dựa trên phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời nhanh trên giấy A4

Phương án kiểm tra, đánh giá: Đánh giá kết quả hoạt động cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tổng kết</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc SGK tr....., trả lời câu hỏi sau bằng cách ghi vào giấy A4.</p> <p>- Nhận xét chung về nội dung - nghệ thuật?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, cặp đôi</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả HS trình bày kiến</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Giá trị nội dung</p> <p>- Qua văn bản, người đọc có thêm hiểu biết về Pa-ra-lim-pich, thấy được và phải khâm phục trước những con người với nghị lực phi phàm.</p> <p>- Văn bản nhắc nhở chúng ta không được quên đi những lịch sử tốt đẹp.</p> <p>- Truyền tải động lực tích cực, khuyến</p>

<p>thức</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức: GV trực tiếp phân tích, nhận xét, đánh giá</p> <p>Nhiệm vụ 2 – củng cố</p> <p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ</p> <p>GV: khi đọc một văn bản thông tin, chúng ta cần chú ý nhận xét, đánh giá những phương diện nào của văn bản</p> <p>Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả: Hs trình bày kiến thức.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV trực tiếp phân tích, nhận xét, đánh giá.</p>	<p>con người hãy luôn cố gắng nỗ lực, vượt lên khó khăn trong cuộc sống.</p> <p>2. Giá trị nghệ thuật</p> <p>Bố cục chặt chẽ, phân chia nội dung rõ ràng giúp người đọc người nghe hiểu hơn vấn đề đang bàn luận.</p> <p>IV. Cách đọc một văn bản thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc kĩ nhan đề, sapo, xác định chủ đề. - Tóm tắt nội dung văn bản. - Nhận xét vai trò của các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh (nếu có) - Nhận xét vai trò của các yếu tố phi ngôn ngữ. - Nhận xét thái độ, quan điểm của tác giả. - Rút ra thông điệp từ văn bản.
--	--

Phụ lục (Phiếu học tập)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Giới thiệu về một vận động viên thể thao mà em ngưỡng mộ	
Bài học rút ra từ cuộc đời và sự nghiệp của vận động viên đó	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản và sưu tầm các thông tin về tác giả, tác phẩm để hoàn thành phiếu học tập sau

Tác giả Huy Đăng	
Tiểu sử	
Sự nghiệp	

Văn bản “Pa-ra-lim-pic, một lịch sử chữa lành những vết thương

Thể loại	
Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác	
Bố cục	
Ý nghĩa	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nhóm 1	
+ Câu 2: Phân tích tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.	
+ Câu 3: Xác định ý chính, ý phụ trong văn bản. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để tóm tắt các thông tin?	

Nhóm 2	
+ Câu 4: Yếu tố tự sự có vai trò gì trong văn bản?	
+ Câu 5: Quan điểm của tác giả là gì? Quan điểm đó được	

thể hiện bằng cách nào?	
-------------------------	--

Nhóm 3	
+ Câu 6: Phát biểu suy nghĩ của bạn về khả năng kì diệu của con người sau khi đọc các thông tin về một số vận động viên thể thao trong văn bản.	
+ Câu 7: Văn bản giúp bạn hiểu thêm gì về vấn đề nỗi đau nói chung? Ta có thể ứng xử như thế nào với nỗi đau và những khiếm khuyết trên cơ thể của mình và của người khác?	

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Sản phẩm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Sản phẩm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Sản phẩm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo

Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
Tổng			

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b. Nội dung: Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa ra hệ thống câu hỏi trắc nghiệm. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận: HS lựa chọn đáp án. B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, kết luận	Câu 1: Paralympic là gì? A. Tên phong trào thể thao dành cho người khuyết tật B. Tên phong trào thể thao dành cho người khuyết tật vì chiến tranh C. Tên phong trào thể thao chuyên về đua xe đạp D. Tên phong trào thể thao dành cho tất cả mọi người Câu 2: Cội nguồn của Paralympic là: A. Sự kiện thể thao dành cho các nạn nhân chiến tranh B. Sự kiện thể thao dành cho mọi người bị khuyết tật bẩm sinh C. Sự kiện thể thao dành cho những người không may bị tai nạn khi lớn lên D. Không ý kiến nào đúng Câu 3: Paralympic ra đời vào năm nào? A. 1950 B. 1960 C. 1948 D. 1945 Câu 4: Kỳ Pa-ra-lim-pích đầu tiên diễn ra tại đâu? A. Rome B. To-ky-o C. Seoul D. Mát-xơ-cơ-va Câu 5: Trong lần tham dự Pa-ra-lim-pích đầu tiên, Van Gát đã dành được: A. 2 huy chương vàng, 2 huy chương bạc

	B. 2 huy chương vàng ,1 huy chương bạc C. 2 huy chương vàng, 1 huy chương đồng D. 2 huy chương bạc, 1 huy chương đồng
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách
- HS biết cách sử dụng các thao tác lập luận và dẫn chứng để viết
- HS biết cách triển khai viết một đoạn văn nghị luận xã hội.

b. Nội dung: Viết đoạn văn nghị luận

c. Sản phẩm: Đoạn văn nghị luận 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS hoàn thành đoạn văn theo yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về khả năng chữa lành của thể thao. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận: HS đọc đoạn văn trước lớp, nhận xét B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, kết luận	Tập thể dục thể thao là "chìa khóa vàng" cho sức khỏe nâng cao sức đề kháng không chỉ mang lại một cơ thể dẻo dai, hình thể lý tưởng mà còn tác động đến tinh thần, cho bạn luôn tràn đầy năng lượng mỗi ngày. Tập thể dục là một bí quyết giúp thư giãn, xả stress hiệu quả sau một thời gian làm việc trí óc căng thẳng, đặc biệt là giới văn phòng thường ngồi một chỗ, ít vận động và tiếp xúc nhiều với máy tính. Phương pháp này còn giúp tăng cường năng lượng đáng kể, do đó nếu cảm thấy uể oải, khó tập trung bạn hãy thử một vài hoạt động đơn giản như đi bộ, đạp xe, chạy bộ... Chúng sẽ giúp tăng vận chuyển oxy, chất dinh dưỡng đến các mô và hệ thống tim mạch, nhờ đó nạp đầy năng lượng giúp bạn giải quyết công việc tốt hơn. Những người tập thể dục thể thao mỗi ngày thường cảm thấy vui vẻ, yêu đời cũng như giảm đáng kể các triệu chứng trầm cảm và lo lắng so với người không tập. Bởi các bài tập vận động sẽ làm tăng độ nhạy cảm của não đối với các hormone Serotonin và Norepinephrine, từ đó giảm nguy cơ trầm cảm. Đồng thời, làm tăng sản xuất Endorphins tạo sự hưng phấn, hiệu quả cao trong việc giảm đau.

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: về khả năng chữa lành của thể thao.	
3	Đoạn văn làm rõ được vai trò của thể thao trong việc chữa lành những vết thương.	

4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
5	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
6	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh.	

4. Củng cố:**5. HDVN:**

Ngày soạn: 28/7/2023

BÀI 8: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN**Tiết - VĂN BẢN 2: TRÍ THÔNG MINH NHÂN TẠO**

(Trích 50 ý tưởng về tương lai)

(02 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các dấu hiệu nổi bật về hình thức trình bày văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, sơ đồ, infographic...
- Xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- Nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- Năng lực đặc thù:
 - + Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.
 - + Phân tích được các văn bản cùng thể loại VB thông tin.

3. Về phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm; trân trọng những đóng góp lớn của các nhà khoa học, những nỗ lực không ngừng của con người trong việc phát triển trí tuệ nhân tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, máy tính, máy chiếu....

2. Học liệu: phiếu bài tập, giấy A0, bút dạ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: (lồng ghép vào bài học)**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học.

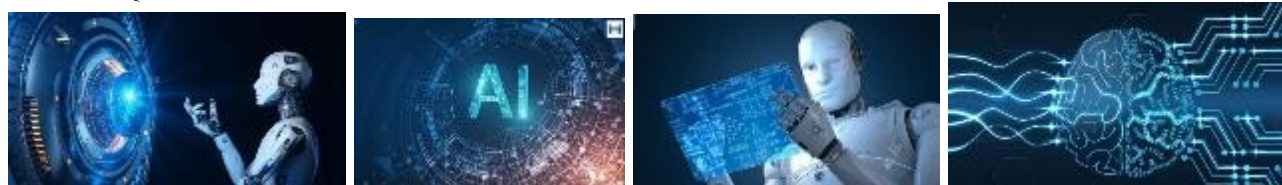
b. Nội dung: HS hoạt động nhóm thực hiện 02 câu hỏi gợi ý dẫn vào bài từ GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chia HS thành các nhóm (5-6HS) thực hiện 02 yêu cầu sau:

Câu 1: Quan sát các hình ảnh sau và tìm chủ đề:



Câu 2: Chia sẻ những điều em đã biết và muốn biết về trí thông minh nhân tạo.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận, trao đổi với các thành viên trong nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận:

Câu 1: GV gọi đại diện 01 nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác bổ sung.

Câu 2: GV gọi đại diện 1-2 nhóm chia sẻ về những điều HS đã biết và muốn biết về trí thông minh nhân tạo.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Câu 1: Từ khóa: **Trí thông minh nhân tạo/Trí tuệ nhân tạo (AI)**

Câu 2: HS tự do chia sẻ, GV mở rộng.

Trí tuệ nhân tạo hay trí thông minh nhân tạo (Artificial Intelligence – viết tắt là AI) là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính (Computer science). Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi, ... Một số ví dụ phổ biến về AI có thể kể đến ô tô tự lái, phần mềm dịch thuật tự động, trợ lý ảo trên điện thoại hay đối thủ ảo khi chơi trò chơi trên điện thoại.

Những điều chưa biết: Hẳn các bạn đã từng nghe nói đến Sophia, robot trí tuệ nhân tạo đầu tiên được cấp quyền công dân trên thế giới, được thiết kế và phát triển bởi 1 công ty công nghệ của Mỹ và được kích hoạt lần đầu tiên năm 2015. Sophia được thiết kế để suy nghĩ và cử động sao cho giống với con người nhất đồng thời được trang bị trí tuệ thông minh nhân tạo. Mục đích chế tạo Sophia - theo nhà sản xuất - là nhằm phát minh ra một robot có ý thức, có sự sáng tạo và có khả năng hoạt động như bất kỳ con người nào để giúp đỡ chính con người trong các vấn đề cuộc sống thường ngày như: phục vụ chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ điều trị y tế, giáo dục cùng nhiều các dịch vụ khác...

GV dẫn vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được tác dụng của các dấu hiệu nổi bật về hình thức trình bày văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, sơ đồ, infographic...

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm dưới sự hướng dẫn của GV điền vào PHT, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, Phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: GV hướng dẫn HS đọc VB, khi đọc HS chú đến các dấu hiệu hình thức nổi bật như: nhan đề, sa-pô, các đề mục, hình ảnh...</p> <p>2. Tác giả, tác phẩm HS thảo luận nhóm điền vào phiếu học tập (Phiếu 01)</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, trao đổi và ghi câu trả lời vào PHT 01.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi đại diện 1-2 nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Ri- sát Oát-xơn sinh năm 1961, là nhà tương lai học và giảng viên đại học người Anh. - Đồng thời, là cây bút nổi tiếng về các phát minh, sang chế và là người phân tích, dự đoán các xu hướng toàn cầu trong tương lai. - Các cuốn sách đã xuất bản: SGK (Trang 74)</p> <p>2. Văn bản - Văn bản “Trí thông minh nhân tạo” được trích trong cuốn sách “50 ý tưởng về tương lai” (năm 2012). - Nội dung: Cuốn sách đưa ra những dự báo nhiều mặt về tương lai nhân loại như sự phát triển của kỹ thuật số, sự cạn kiệt của tài nguyên, công nghệ nano, trí tuệ ngoài hành tinh, hiểm họa sinh học và dịch bệnh... khiến cho người đọc phải suy tư về những lựa chọn và hành động của mình trong hiện tại.</p>
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01

Nội dung tìm hiểu	Thông tin tìm hiểu
3. Tác giả	
4. Tác phẩm	

Nội dung 2: Khám phá văn bản

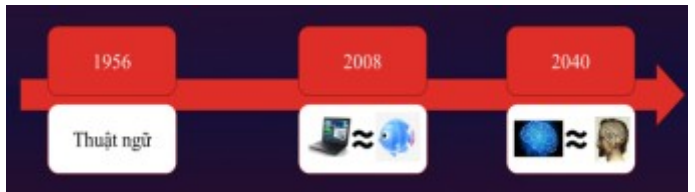
b. Mục tiêu:

- Xác định được chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- Nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm vận dụng các kỹ năng đọc hiểu VB thông tin đã được học để khám phá văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, Phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tóm tắt thành tựu chính B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để tóm tắt các mốc thời gian và các thành tựu chính trong quá trình phát triển của trí thông minh nhân tạo.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi đại diện 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.</p>	<p>II. Khám phá văn bản 1. Tóm tắt thành tựu chính (Câu 1)</p>  <p>=> Trí thông minh nhân tạo phát triển với tốc độ nhanh chóng => Trí thông minh nhân tạo bắt đầu đầu lại chính các nhà thiết kế ra nó</p>

<p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho HS tự đánh giá mình khi hoạt động nhóm, sau đó tổng hợp và nhận xét quá trình hoạt động các nhóm.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Đánh giá cách trình bày dữ liệu trong văn bản</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ và thực hiện các yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kí hiệu trên sơ đồ cho biết những thông tin gì? - Nhận xét về tác dụng, hiệu quả của sơ đồ được tác giả sử dụng trong văn bản. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ cá nhân.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi 1-2 học sinh trình bày, học sinh khác bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 3: Xác định chủ đề, ý chính, ý phụ của VB</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc kĩ nhan đề, đề mục, xác định câu chủ, từ khóa trong VB từ đó thảo luận nhóm thực hiện yêu cầu: <i>Xác định được các ý chính, ý phụ và rút ra chủ đề của VB bằng cách hoàn thiện PHT số 2.</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận, suy nghĩ và hoàn thiện PHT số 2.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi đại diện 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho HS tự đánh giá mình khi hoạt động nhóm, sau đó tổng hợp và nhận xét quá trình hoạt động các nhóm, chốt kiến thức. (Phiếu tự đánh giá hoạt động nhóm)</p>	<p>=> Rất có thể trí thông minh nhân tạo sẽ thay thế não bộ con người</p> <p>2. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản (câu 2)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kí hiệu: biểu thị những dự báo của tác giả về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo -> tốc độ phát triển nhanh chóng, khả năng ngày càng lớn của trí thông minh nhân tạo (công cụ được tạo ra bởi con người -> cạnh tranh với não bộ người, đòi quyền bình đẳng với con người). <p>=> Sơ đồ trực quan hóa các mốc thời gian, sự kiên quan trọng trong quá trình phát triển của trí thông minh nhân tạo</p> <p>=> ngắn gọn, mạch lạc, logic => người đọc nắm bắt thông tin nhanh chóng, hiệu quả.</p> <p>3. Chủ đề, ý chính và ý phụ của văn bản (Câu 3)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề: Dự báo về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo trong tương lai. - Ý chính 1: Tốc độ phát triển của trí thông minh nhân tạo. + Năm 1956, Giôn Mác Cát-thi đặt ra thuật ngữ “trí thông minh nhân tạo”. + Năm 2008: Máy tính cá nhân có khả năng xử lí khoảng 10 tỉ lệnh mỗi giây. + Năm 2040: Máy tính được dự báo có khả năng xử lí 100 nghìn tỉ lệnh mỗi giây. - Ý chính 2: Các loại trí thông minh nhân tạo. + AI mạnh: cỗ máy có khả năng suy nghĩ thực sự. + AI yếu: Trí thông minh được dùng để bổ sung. - Ý chính 3: Các quan điểm trái chiều về trí thông minh nhân tạo. + Một số người tin vào khả năng học hỏi và phản ứng của máy tính. + Một số người cho rằng máy tính không thể vượt qua não bộ con người. - Ý chính 4: Tác động của trí thông minh nhân
--	---

<p>Nhiệm vụ 4: Đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn từ “Liệu tất cả những ví dụ trên có thực tế không?” đến hết, chú ý tới việc trình bày các ý kiến trái chiều và việc nêu các câu hỏi ở phần cuối văn bản. Từ đó, HS hãy suy luận và tìm ra quan điểm, thái độ của tác giả.</p> <p>Câu hỏi gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả đưa ra những dự đoán gì về trí tuệ nhân tạo? - Vì sao tác giả lại không đưa ra một phán đoán duy nhất về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo? - Việc nêu lên nhiều ý kiến trái chiều có tác dụng gì và nhằm mục đích gì? - Các câu hỏi ở cuối văn bản thể hiện thái độ gì của tác giả? - Theo em, có những viễn cảnh nào khác với tương lai của trí thông minh nhân tạo? Ta có thể làm gì trong hiện tại để ứng phó những viễn cảnh đó? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc lại đoạn VB, suy nghĩ, tìm câu trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV gọi 1-2 HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>tạo đối với đời sống con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nuôi dưỡng các ý tưởng, danh tiếng, thông tin, cái được gọi là trí thông minh tổng hợp. + Giúp người mua và người bán tạo ra nhiều hàng hóa hơn và hiệu quả hơn. + Tạo ra nhiều tri thức hơn với ít thiên lệch và theo đuổi một dải các quy định rộng hơn. <p>- Ý chính 5: Dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phải chăng não bộ con người chỉ là một cỗ máy vật chất, có thể bị thay thế bởi máy móc, và con người có thể đạt tới sự hợp nhất với máy móc. + Khi máy móc trở nên rất thông minh, điều gì có thể xảy đến với những người làm những việc mà máy móc sẽ đảm nhiệm trong tương lai? <p>4. Thái độ, quan điểm của tác giả (Câu 4)</p> <p>- Dự đoán:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Máy móc có thể bắt kịp và vượt qua những năng lực của con người, con người có thể hợp nhất với máy móc và đạt tới sự bất tử ở một mức nào đó. + Máy móc trở nên thông minh và có thể thay thế nhiều công việc mà con người đang đảm nhiệm. <p>- Việc đưa ra các ý kiến trái chiều về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo và nêu các câu hỏi ở cuối VB cho thấy quan điểm thái độ của tác giả: Vẫn băn khoăn, nghi vấn, không chắc chắn về dự đoán tương lai.</p> <p>- Đây cũng là vấn đề tác giả muốn khơi gợi từ bạn đọc để chúng ta có thể thay đổi nhận thức và hành động.</p>
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Các ý chính	Ý phụ
5. Tốc độ phát triển của trí thông minh nhân tạo.	
6. Các loại trí thông minh nhân tạo.	
7. Các quan điểm trái chiều về trí thông minh nhân tạo.	
8. Tác động của trí thông minh nhân tạo đối với đời sống con người.	
9. Dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra.	
=> Rút ra chủ đề:	

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM

Tên thành viên:.....

Thuộc nhóm:.....

Tiêu chí	Không	Bình thường	Có
Lòng tin vào khả năng hoàn thành công việc của những người cùng nhóm			
Bình tĩnh: Khả năng giải quyết tình huống một cách bình tĩnh			
Tôn trọng ý kiến của các thành viên trong nhóm			
Tổ chức: Làm việc theo kế hoạch đã vạch			
Khả năng thuyết phục: Đưa ra được những lý lẽ thích hợp để bảo vệ ý kiến của mình			
Trách nhiệm: Luôn sẵn sàng tiên phong cho việc chung			
Kiên trì: Khả năng làm việc tiếp khi công việc bị đình trệ			
Quyết tâm: Phản ứng như thế nào khi kết quả không được như mong muốn? Từ bỏ hay tìm một hướng giải quyết khác.			
Nhạy bén: Khả năng dự tính được những tình huống khác nhau có thể xảy ra trong công việc và khả năng giải quyết linh hoạt những tình huống đó			
Lắng nghe: Bạn không ngắt lời thành viên khác khi họ đang muốn đưa ra ý kiến? Bạn có luôn khuyến khích mọi người đưa ra ý kiến của riêng mình?			

Nội dung 3: Tổng kết**a. Mục tiêu:** Hệ thống hóa lại các bước đọc hiểu một văn bản thông tin.**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, sơ đồ hóa lại các bước đọc hiểu VB thông tin.**c. Sản phẩm:** Sơ đồ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS dựa vào kỹ năng đọc văn bản thông tin sơ đồ hóa lại kiến thức bài học. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS vẽ sơ đồ vào vở cả đảm bảo các ý chính về Nội dung và nghệ thuật của VB. B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS trình bày, HS khác bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức.	III. Tổng kết 2. Nội dung - Tác giả đã đưa ra thông tin về tốc độ phát triển, các loại thông minh nhân tạo và tác động của chúng đối với đời sống con người. - Từ đó, tác giả cũng đưa ra những quan trái chiều về trí thông minh nhân tạo và dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra trong tương lai. 3. Nghệ thuật - Các phương tiện phi ngôn ngữ: sơ đồ, kí hiệu... được sử dụng hiệu quả giúp cho thông tin được trình bày một cách mạch lạc, logic. - Các câu hỏi, câu in đậm gây ấn tượng và tạo hứng thú với người đọc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Chia sẻ những thông tin thú mà bạn đã thu thập được sau khi đọc văn bản thông tin “Trí thông minh nhân tạo”.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân viết đoạn văn khoảng 150 chữ.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ (có thể làm về nhà) - GV yêu cầu HS thực yêu cầu trong phần Kết nối đọc- viết: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) tóm tắt những thông tin thú vị mà bạn thu thập được về trí thông minh nhân tạo.</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, viết đoạn văn theo yêu cầu, có thể làm về nhà nếu không đủ thời gian. B3. Báo cáo thảo luận GV gọi 1-2 bài HS chia sẻ trước lớp. B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, đánh giá.	Ví dụ minh họa: Trí tuệ nhân tạo hay trí thông minh nhân tạo (AI) là một thuật ngữ khiến cho nhiều người phải tò mò và muốn tìm hiểu. Đây là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp các loại máy móc có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo giúp máy móc có được những trí tuệ cơ bản giống như con người: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi... Thậm chí, vào năm 2015, lần đầu tiên trên thế giới, người ra đã cấp quyền công dân cho Rô-bốt trí tuệ nhân tạo có tên Sophia (Mỹ). Thật kì diệu khi trí tuệ nhân tạo đang ngày càng phát triển và được ứng dụng phổ biến trong cuộc sống! Điều đó đã giúp con người chúng ta có thể dự báo được một số rủi ro do thảm họa thiên nhiên mang lại, giảm thiểu được một số công việc trong môi trường độc hại, hóa chất...xóa bỏ khoảng cách ngôn ngữ... Tuy nhiên, khi trí tuệ

	<p>nhân tạo phát triển mạnh mẽ sẽ đặt ra một vài vấn đề khiến con người cũng cần phải có những thay đổi về nhận thức và hành động để tránh bị phụ thuộc vào máy móc, hay gạt bỏ tầm quan trọng của con người trong cuộc sống hằng ngày. Mỗi người chúng ta hãy luôn học hỏi, trau dồi tích lũy và không ngừng thay đổi tích cực để giữ thế chủ động khi đứng lên một bàn cân so sánh với máy móc. Hãy làm mình trở nên tự tin, bản lĩnh mà không thể để một con rô-bốt nào có thể mô phỏng!</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.

b. Nội dung: HS suy nghĩ, chia sẻ cá nhân.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giới thiệu thêm cho HS về những TP nghệ thuật đề cập đến trí thông minh nhân tạo, VD: + Vở kịch “Các rô-bốt toàn năng của Rô-xum” (nhà văn Ka-ren Ca-pếch, năm 1920) vẽ ra viễn cảnh về cuộc chiến giữa người và máy dẫn đến nguy cơ hủy diệt của loài người.

+ Bộ phim “Rô- bốt biết yêu” (đạo diễn An-đriu Xtây-ton, năm 2008) kể về hành trình giải cứu Trái Đất (khi TD trở thành một biển rác thải khổng lồ) của một chú rô-bốt tên là Wall-E được thiết kế để dọn rác.

+ Bộ phim “Her” (Nàng) được phát hành năm 2013 do Xờ-pai Giôn-de....

+ Bộ tiểu thuyết Tôi là người máy (I-xắc A-xi-nô, năm 1950)....

Em có suy nghĩ gì khi liên hệ các thông tin trong VB với những tác phẩm nghệ thuật kể trên? (Câu 6)

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS chia sẻ.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, chốt kiến thức.

Hầu hết các TP nghệ thuật này đều vẽ lên viễn cảnh trong tương lai rô-bốt ngày càng trở nên thông minh và quan trọng, thậm chí vượt khỏi sự kiểm soát của con người, chi phối ngược lại con người. Đồng thời, đặt ra các vấn đề về sự phát triển của nhân loại: sự lên ngôi của máy móc, sự mất mát và phai nhạt của nhân tính, nỗi cô đơn của con người, sự lo âu của nhân loại ... Nghệ thuật đề cập đến các vấn đề về trí thông minh nhân tạo đã góp phần tác động và tâm lý và hành động của con người, khiến con người buộc phải thay đổi.

4. củng cố.

- GV củng cố lại kiến thức về thể loại VB thông tin và văn bản *Trí thông minh nhân tạo* đã học.
- Tìm đọc thêm các VB thông tin khác cùng chủ đề.

5. Hướng dẫn về nhà.

- HS ôn tập lại các bước đọc hiểu một VB thông tin.
- Đọc trước VB “*Pa-ra-lim-pích: Một lịch sử chữa lành những vết thương*”.

BÀI 8: CẤU TRÚC VĂN BẢN THÔNG TIN

TIẾT ...: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Giúp HS:

- HS phân tích và đánh giá được tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh hoạt động, ảnh chân dung, sơ đồ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.
- Biết tạo lập một văn bản thông tin liên quan đến nội dung được học dưới dạng infographic.

2. Năng lực

Giúp HS phát triển năng lực:

- Nắm được các bước thiết kế một infographic
- Năng lực tự học, năng lực hợp tác
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết ứng dụng CNTT linh hoạt qua các phần mềm hỗ trợ: canva, power point,...
- Năng lực giao tiếp và thẩm mỹ

3. Phẩm chất

- Biết làm chủ bản thân, có trách nhiệm với tập thể.
- Phát triển khả năng sáng tạo hội họa, thẩm mỹ,...
- Có ý thức đóng góp tích cực cho đời sống cộng đồng qua việc quảng bá các giá trị văn hóa, văn học của địa phương Đắk Nông như: Không gian văn hóa Cồng chiêng Đắk Nông; nhà văn Bá Canh,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...

2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip...; Phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối kiến thức từ tranh ảnh, kiến thức thực tiễn vào nội dung bài học

b. **Nội dung:** HS quan sát, trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, câu trả lời miệng của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem hình ảnh về Cồng chiêng Tây Nguyên, GV đặt câu hỏi: - Qua hình ảnh trên, em biết được thông tin gì về Cồng chiêng Tây Nguyên? - Em hãy phát hiện các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong hình ảnh trên. B2. Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu HS quan sát và nêu ý kiến	- Hình ảnh về Cồng chiêng Tây Nguyên - Học sinh phát hiện các phương tiện ngôn ngữ khác (hình ảnh, màu sắc...)

GV quan sát, hướng dẫn HS trả lời theo quan điểm cá nhân, cách thể hiện ...

B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV gọi bất kì HS trả lời câu hỏi.
GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt lại các ý.

B4. Kết luận, nhận định

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu

- HS biết nhận diện phương tiện phi ngôn ngữ: Ảnh chân dung, hình ảnh hoạt động, sơ đồ.
- HS hiểu về tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ, biết vận dụng kiến thức về loại phương tiện này để thiết kế infographic.

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK theo yêu cầu của GV.
- GV hướng dẫn HS trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu có).

c. Sản phẩm:

- Kết quả thảo luận nhóm của HS (bảng phụ).

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Thực hiện bài tập</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận, trao đổi để hoàn thành: + Nhóm 1: Bài tập 1 (<i>Ngữ văn 11</i>, tập 2, trang 78) + Nhóm 2: Bài tập 2 (Mục a) (<i>Ngữ văn 11</i>, tập 2, trang 79) + Nhóm 3: Bài tập 2 (Mục b) (<i>Ngữ văn 11</i>, tập 2, trang 79) <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm theo yêu cầu của GV - GV quan sát, tư vấn hỗ trợ <p>Bước 3. Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đại diện các nhóm lên chia sẻ, báo cáo kết quả thảo luận - Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có) - GV lắng nghe, tư vấn điều chỉnh <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p>	<p>1. Bài tập 1 (<i>Ngữ văn 11</i>, tập 2, trang 78)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong những văn bản đọc của bài 8 (Cấu trúc văn bản thông tin), ngoài việc biểu đạt bằng ngôn ngữ còn có các phương tiện phi ngôn ngữ khác được dùng để biểu đạt như: <i>Ảnh chân dung, hình ảnh hoạt động, sơ đồ, ...</i> + Trong văn bản 1 (<i>Nữ phóng viên đầu tiên</i>) của Trần Nhật Vy, bên cạnh phương tiện ngôn ngữ còn có những phương tiện phi ngôn ngữ là ảnh chân dung, hình ảnh hoạt động của Mạnh Mạnh nữ sĩ. + Trong văn bản 2 (<i>Trí thông minh nhân tạo</i>) của Ri-sát Oát xon, bên cạnh phương tiện ngôn ngữ còn có những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng là sơ đồ phát triển của AI qua các thời kì. - Tác dụng: + Ảnh chân dung, hình ảnh hoạt động giúp người đọc hình dung ra con người, hoạt động. Đối tượng thông tin hiện lên trực quan, sinh động, cụ thể hơn. + Sơ đồ giúp cho người đọc có cái nhìn hệ thống, bao quát quá trình hình thành và phát triển của sự vật, hiện tượng. + Sử dụng kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ

và phi ngôn ngữ thể hiện cái nhìn cụ thể, thấu hiểu của tác giả. Qua đó, tạo sức thu hút, thuyết phục đối với người nghe (đọc).

2. Bài tập 2 (Ngữ văn 11, tập 2, trang 78)

a. Những thông tin chính được trình bày trong văn bản *Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo*.

- Trí thông minh nhân tạo được ứng dụng rất nhiều trong cuộc sống thuộc ngành khoa học máy tính, trí tuệ máy móc do con người tạo nên và có tư duy giống con người.

- Trình tự và bố cục:

+ Trình tự thông tin được tổ chức theo quan hệ so sánh hoặc tương phản là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của hai hay nhiều đối tượng.

+ Bố cục được thể hiện khái quát đến cụ thể qua việc sử dụng sơ đồ tư duy.

- Hiệu quả:

+ Ngắn gọn, súc tích giúp người đọc có được cái nhìn khái quát, hệ thống về thông tin được đưa ra.

+ Ngôn ngữ là để truyền tải nội dung, chủ đề, tư tưởng trong khi đó phi ngôn ngữ là để minh họa làm cho thông tin sinh động, dễ nhớ hơn.

+ So sánh hai văn bản ta thấy: cả hai đều sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Trong đó, sự ngắn gọn, cụ thể và rõ ràng nằm ở văn bản *Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo*.

b. Văn bản *Huy Cận: Nhà thơ lớn của thơ Việt Nam hiện đại*

- Những thông tin được trình bày:

+ Tiểu sử

+ Thành tích

+ Đóng góp

- Sự khác biệt:

+ Văn bản *Huy Cận: Nhà thơ lớn của thơ Việt Nam hiện đại* sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Sử dụng hình ảnh, sơ đồ, màu sắc, kí tự để chuyển tải thông tin. Trong khi đó, bài 2 – *Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình* (Ngữ văn 11, tập 1) sử dụng phương tiện ngôn ngữ để diễn giải thông tin.

c. Infographic (đồ họa thông tin) có thể sử

dùng để trình bày tiểu sử nhà văn, nhà thơ; sử dụng trong vận dụng của bài học để minh họa một vấn đề.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức về phương tiện phi ngôn ngữ để làm bài tập.

b. Nội dung hoạt động

- HS thực hiện yêu cầu của GV
- Thiết kế infographic (bài tập 3)

c. Sản phẩm

Thiết kế infographic của HS (phụ lục 4).

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập HS làm bài tập 3 dưới hình thức thảo luận nhóm</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào phần gợi ý bài tập 3 (sgk tr 80) GV hướng dẫn HS thiết kế infographic theo các bước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định chủ đề - Xây dựng ý tưởng - Thu thập và sắp xếp các thông tin phù hợp với dạng infographic - Thiết kế trên A0, canva,... <p>Lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ảnh chân dung + Các đường chỉ dẫn + Ảnh hoạt động + Biểu tượng, biểu đồ biểu thị <p>GV theo dõi và hỗ trợ HS hoàn thành nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả HS trình bày sản phẩm infographic.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá sản phẩm học tập của HS, chốt lại vấn đề. GV dùng Phiếu rubric để đánh giá sản phẩm</p>	<p>Phụ lục 3. Infographic về tác giả Nguyễn Du</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- Giúp HS biết vận dụng hiểu biết về các yếu tố phi ngôn ngữ vào thực tế đời sống.

b. Nội dung hoạt động

- HS thực hiện yêu cầu của GV.

- Thiết kế infographic giới thiệu về một nhà văn đã học trong chương trình Ngữ văn 10,11 (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, nhà văn địa phương Đắk Nông, hệ thống kiến thức về một tác phẩm văn học (đã học)

c. Sản phẩm

Bài làm của HS (tham khảo phụ lục 4)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thiết kế sản phẩm ở nhà (theo cá nhân) GV tư vấn, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm (trình bày bằng hình thức nào : trình chiếu p.p hoặc video, cách thể hiện sản phẩm ra sao) B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: HS trình bày sản phẩm trong tiết học sau GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt lại các ý. B4. Kết luận, nhận định	Học sinh thiết kế, chia sẻ và quảng bá sản phẩm

4. Củng cố

GV củng cố tác dụng của các yếu tố phi ngôn ngữ (ảnh chân dung, sơ đồ,...) trong văn bản thông tin và cách thức thiết kế infographic.

5. Hướng dẫn về nhà

- Thiết kế infographic về một nhà văn, một tác phẩm văn học.

- Chuẩn bị bài Viết - Viết văn bản thuyết minh về một vấn đề xã hội đương đại.

6. Phụ lục

Phụ lục 1. Hình ảnh về không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên

Cổng chiêng Tây Nguyên - Kiệt tác văn hóa của nhân dân

Từ năm 2005, UNESCO đã công nhận Không gian văn hóa Cổng chiêng Tây Nguyên là kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện lưu giữ hơn 9.880 bộ cổng chiêng.



Dulich Tay Nguyen .org

VIETSENSE

Công viên Địa chất Đắk Nông

CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU THỨ 3 CỦA VIỆT NAM
(sau Công viên Địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang và Non nước Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng)

Ngày được công nhận: **7/7/2020**

Năm thành lập: **2015**

Diện tích: 4.760 km², gồm các huyện Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, Đắk G'long và thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Hơn 140 triệu năm trước, do vận động kiến tạo của vỏ trái đất, từ một phần của đại dương, khu vực này được nâng lên và xuất hiện núi lửa. Hoạt động núi lửa phủ dung nham bazan lên >50% diện tích công viên

Khoảng 65 điểm di sản địa chất, địa mạo



Hệ thống gần 50 hang động núi lửa, được đánh giá là có chiều dài, độ sâu và độc đáo nhất khu vực Đông Nam Á



Các thác nước độc đáo, hùng vĩ



Các miệng núi lửa quý mô lớn, đồ sộ

Hệ sinh thái rừng nhiệt đới, nơi lưu trữ các giá trị đặc trưng về đa dạng sinh học



Quê hương của 3 dân tộc thiểu số bản địa Mạ, M'Nong, Êđê, với nhiều nét văn hóa độc đáo

Phát hiện dấu tích cư trú, sinh hoạt của người tiền sử cách đây 7.000-10.000 năm



<https://infographics.vn>

TTXVN

Phụ lục 2. Phiếu học tập
Phiếu học tập 1

HS đọc lại ba văn bản được giới thiệu trong Bài 8 - Cấu trúc của văn bản thông tin và trả lời các câu hỏi sau:

1. Chỉ ra yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong ba văn bản.

a. Văn bản *Nữ phóng viên đầu tiên*

- Yếu tố ngôn ngữ:

- Yếu tố phi ngôn ngữ:

- Tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ:

b. Văn bản *Pa-ra-lim-pích: Một lịch sử chữa lành những vết thương*

- Yếu tố ngôn ngữ:

- Yếu tố phi ngôn ngữ:

- Tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ:

c. Văn bản *Trí thông minh nhân tạo*

- Yếu tố ngôn ngữ:

- Yếu tố phi ngôn ngữ:

- Tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ:



NGUYỄN TRÃI

(1380-1442)

Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo
(Vua sáng tôi hiền - Lê Thánh Tông)



Hiệu là Ức Trai, quê ở Chí Ngại, nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.



CUỘC ĐỜI



1400

ông đỗ Thái học sinh và hai cha con cùng ra làm quan với nhà Hồ

1428

Nguyễn Trãi dâng "Bình Ngô sách" giúp Lê Lợi chiến thắng giặc Minh.

1442

ông mắc án oan Lệ Chi Viên và bị khép vào tội "tru di tam tộc"



1980

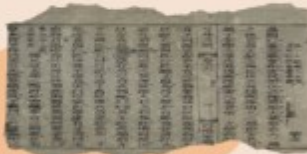
ông được vinh danh là "Danh nhân văn hóa thế giới".

1464

được vua Lê Thánh Tông giải oan.

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

Văn học: Quân trung từ mệnh tập; Bình Ngô đại cáo,
Ức Trai thi tập...



"Bình Ngô đại cáo" là áng văn yêu nước lớn của thời đại, bản tuyên ngôn độc lập, bản cáo trạng hùng hồn tội ác của kẻ thù, là khúc tráng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Lịch sử: "Lam Sơn thực lục" ghi chép về công cuộc 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn.



Địa lý: "Dư địa chí" - một bộ sách địa lí cổ nhất Việt Nam.



GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT

GIÁ TRỊ NỘI DUNG

- Nguyễn Trãi - nhà văn chính luận kiệt xuất: Tư tưởng chủ đạo: Tư tưởng nhân

GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

+ Là người sáng tạo ra thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, tạo nên đặc trưng thơ

Phụ lục 4. Phiếu rubric đánh giá sản phẩm thiết kế Infographic về một tác giả văn học

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 - 4 điểm)	LÀM TỐT (5 - 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 - 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Trình bày không cẩn thận	2 điểm Trình bày được Kết cấu hợp lí	3 điểm Trình bày đẹp Kết cấu hợp lí.
Nội dung (7 điểm)	1 - 4 điểm	5 - 6 điểm	7 điểm
	Thông tin về tác giả còn sơ sài	Thông tin về tác giả đầy đủ	Thông tin về tác giả đầy đủ, toàn diện

Ngày soạn:

BÀI 8:**CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN****VIẾT****VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT SỰ VẬT,
HIỆN TƯỢNG TRONG TỰ NHIÊN**

Thời gian thực hiện: 02 tiết

A. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- ❖ **Học sinh nêu** rõ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh và cung cấp một số thông tin cơ bản, nổi bật về sự vật, hiện tượng đó.
- ❖ **Học sinh xây dựng** được hệ thống luận điểm sáng rõ; làm sáng tỏ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên theo trình tự phù hợp với đặc điểm của đối tượng được thuyết minh.
- ❖ **Học sinh sử dụng** kết hợp trong văn bản thuyết minh một hay nhiều yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- ❖ **Học sinh khái quát** nêu được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh.

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập văn bản thuyết minh**3. Về phẩm chất:** Học sinh thể hiện được thái độ trung thực, trách nhiệm khi thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- **Học liệu:** SGK, SGV, Sách bài tập

- **Thiết bị:** Bảng, Máy chiếu và dụng cụ khác nếu cần

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động: Kết nối - tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

GV cho HS xem video thuyết minh về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

<https://www.youtube.com/watch?v=pML18Zvf3Ck>

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của học sinh về kiến thức cơ bản của văn thuyết minh

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV gợi dẫn một số câu hỏi: Video đang thuyết minh về vấn đề gì? Ấn tượng của em về video trên? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý câu trả lời - Thuyết minh về quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa - Những kiến thức mới, hiểu biết mới về nơi đầu sóng ngọn gió của Tổ Quốc làm cho mỗi chúng ta càng thêm yêu Tổ Quốc, quê hương mình

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết những yêu cầu cơ bản để viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.
- HS nhận biết cách triển khai vấn đề phù hợp với đặc điểm của đối tượng được thuyết minh.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân.
- GV quan sát, tư vấn và hướng dẫn HS nhận biết vấn đề và trình bày.

c. Sản phẩm:

Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc bài viết yêu cầu của kiểu bài <i>tr80</i> SGK <i>Ngữ văn 11</i>, tập 2. Để giúp học sinh hiểu rõ về kiểu bài, giáo viên gợi dẫn một số câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo em, những sự vật hiện tượng trong tự nhiên được đề cập đến trong văn bản thuyết minh có thể là những sự vật, hiện tượng nào? - Khi được sử dụng trong bài văn thuyết minh, các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận có ý nghĩa như thế nào? - Những yêu cầu cơ bản của bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên là gì? <p>Bước 2: HS thực hiện yêu cầu - HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gọi các HS đại diện các nhóm trình bày kết quả. Các HS khác theo dõi, đánh giá nhận xét và bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá sản phẩm - GV nhận xét, đánh giá và kết luận như dự kiến sản phẩm.</p>	<p>Gợi ý câu trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tất cả các sự vật, sự việc, hiện tượng trong tự nhiên thực: thuyết minh về món ăn, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử... - Khi sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận sẽ làm cho bài văn thuyết minh trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, tạo sự hứng thú cho người đọc. - Yêu cầu cơ bản: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu rõ vấn đề được thuyết minh và cung cấp thông tin cơ bản, nổi bật về vấn đề + Làm sáng tỏ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên theo trình tự phù hợp với đặc điểm của đối tượng thuyết minh + Nêu được ý nghĩa của việc nhận thức đúng vấn đề thuyết minh + Sử dụng kết hợp trong văn bản thuyết minh một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết những yêu cầu cơ bản để viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.
- HS nhận biết cách triển khai vấn đề phù hợp với đặc điểm của đối tượng được thuyết minh.
- HS biết cách xác định hệ thống ý của văn bản, trình tự cung cấp thông tin của tác giả.
- HS hiểu được các phương diện làm nên sức hấp dẫn của bài viết.

b. Nội dung:

- HS làm việc theo nhóm, thảo luận.
- GV quan sát, tư vấn và hướng dẫn HS nhận biết vấn đề và trình bày.

c. Sản phẩm:

Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo tr.81 SGK <i>Ngữ văn 11</i>, tập 2 và thảo luận nhóm (03 HS) thực hiện theo các <i>yêu cầu 1,2,3 trang 84</i>. Chú ý những thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản để nhận biết cách triển khai của bài viết - GV định hướng cho HS suy nghĩ về các câu hỏi có tính chất chỉ dẫn sau bài viết tham khảo để các em rút ra được những thao tác viết cơ bản</p> <p>Bước 2: HS thực hiện yêu cầu - HS làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gọi các HS đại diện các nhóm trình bày kết quả. Các HS khác theo dõi, đánh giá nhận xét và bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá sản phẩm - GV nhận xét, đánh giá và kết luận như dự kiến sản phẩm.</p>	<p>1. Phân tích bài viết tham khảo * Câu hỏi 1 (<i>Ngữ văn 11</i>, tập 2, tr.84) - Văn bản đề cập đến sự vật, hiện tượng: Thông tin khái quát về biển đảo Việt Nam - Tác giả đã giới thiệu về sự phong phú, đặc điểm và giá trị của những hòn đảo Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam, đó là những cảnh quan hấp dẫn, giàu tiềm năng, thu hút nhiều du khách</p> <p>* Câu hỏi 2 (<i>Ngữ văn 11</i>, tập 2, tr.84) - Hệ thống ý của văn bản Hệ thống ý của văn bản đã được thể hiện qua các thẻ chỉ dẫn: * Giới thiệu thông tin khái quát về biển đảo Việt Nam: -Nêu đặc điểm những hòn đảo vùng biển phía Bắc + <i>Chỗ nước trời lẫn sắc miền Bắc</i> ✓ Giới thiệu đặc điểm những hòn đảo ở miền Bắc của nước ta. ✓ Vị trí địa lí. ✓ Gắn liền phong tục tập quán của đất liền. - Khái quát đặc điểm vùng đảo miền Trung: + <i>Đầu sóng ngọn gió miền Trung</i> ✓ Giới thiệu đặc điểm của những hòn đảo ở miền Trung. ✓ Miêu tả điểm hấp dẫn của biển miền Trung. - Nhận diện nét riêng của các đảo duyên hải Nam Trung Bộ + <i>Những đảo ngọc miền Nam</i> ✓ Giới thiệu đặc điểm của những hòn đảo ở miền Nam.</p>

	<p>✓ Vẻ đẹp của những hòn đảo miền Nam.</p> <p>- Khẳng định giá trị của biển đảo Việt Nam</p> <p>- Cung cấp thông tin theo trình tự</p> <p>✓ Quan hệ so sánh, tương phản.</p> <p>* Câu hỏi 3 (Ngữ văn 11, tập 2, tr.84)</p> <p>- Tác giả đã lồng ghép những thông tin tự nhiên và nghệ thuật để miêu tả vẻ đẹp của nước trời lẫn sắc màu miền Bắc “<i>Những dãy đảo quây quần trong vùng biển như Hạ Long, đúng như nhà thơ Chế Lan Viên gọi là “cảnh phong lan bể” - “Tôi muốn đến chỗ nước trời lẫn sắc/Nơi bốn mùa đã hoá thành thu”</i>”.</p> <p>- Ở đoạn <i>Đầu sóng ngọn gió miền Trung</i> là sự lồng ghép yếu tố mô tả, biểu cảm qua sự so sánh, đối chiếu các địa danh. Mỗi địa danh hiện lên một vẻ đẹp riêng.</p> <p>- Ở đoạn <i>Những đảo ngọc miền Nam</i> lại được lồng ghép miêu tả và biểu cảm vào vị trí địa lí linh thiêng của Tổ quốc. “<i>Phù Quốc với địa hình đa dạng, ngoài những bãi cát trải dài, có cả núi và sông, có vườn quốc gia...</i>”</p> <p>Việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm giúp những thông tin chuyển tải đến người đọc một cách sinh động, hấp dẫn, thể hiện tình yêu và tự hào của tác giả về biển đảo Việt Nam</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu

- HS nắm được các bước để viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.
- Biết cách thu thập, chuẩn bị, chọn cách dẫn dắt, sắp xếp các ý để viết một bài văn thuyết phục, hấp dẫn.

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- GV hướng dẫn HS nhận biết và trình bày.

c. Sản phẩm

Kết quả luyện tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Thao tác 1: Tìm hiểu chuẩn bị viết</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: + Có thể tìm hiểu phần chuẩn bị viết ở SGK: Lựa chọn đề tài những sự vật, hiện tượng trong tự nhiên. + Có thể lựa chọn sự vật, hiện tượng trong tự nhiên gần gũi ở địa phương mình đang sống có mối quan hệ và ảnh hưởng tới cuộc sống con người <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc các nhân để nắm được các yêu cầu chuẩn bị. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày kết quả làm việc. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đánh giá, trao đổi, bổ sung để hoàn thiện. - HS hoàn thành vào giấy để chuẩn bị cho bài viết của mình. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát, bổ sung, góp ý (nếu cần) 	<p>2. Chuẩn bị viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài của bài thuyết minh rất đa dạng + Thuyết minh về cảnh quan thiên nhiên ở miền núi phía Bắc. + Thuyết minh về hệ thống hang động ở miền Trung (Phong Nha, Kẻ Bàng, Động Thiên Đường...). + Thuyết minh về mạng lưới sông ngòi, kênh rạch ở miền Nam. + Thuyết minh về rừng ở Tây Nguyên; về một ngọn núi lửa đã tắt; về một loài động vật hoang dã... - Cần tập hợp được các thông tin về đề tài đã lựa chọn. + Từ thực tiễn tìm hiểu và tổng hợp từ sự quan sát đời sống. + Thu thập qua sách báo, các phương tiện truyền thông. + Chú ý các thông tin cụ thể về đặc điểm, diễn biến, ảnh hưởng, tác động,... + Lồng ghép một cách phù hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận khi trình bày bài viết.
<p>* Thao tác 2: Tìm hiểu về tìm ý, lập dàn ý</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tìm hiểu phần tìm ý, lập dàn ý ở SGK. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc các nhân đưa ra sự lựa chọn của riêng mình. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện</p>	<p>3. Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>* Tìm ý</p> <p>Khi tìm ý cần phải trả lời được các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự vật, hiện tượng được đề cập đến là gì? - Có thể cung cấp thông tin về sự vật, hiện tượng được thuyết minh theo trình tự nào? + Bài viết triển khai thông tin theo trình tự phù hợp với vấn đề thuyết minh: trình tự không gian, trình tự thời gian... hoặc có thể theo câu

<p><i>nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thành vào giấy để chuẩn bị cho bài viết của mình. <p><i>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát, bổ sung, góp ý (nếu cần) 	<p>trúc nguyên nhân – hệ quả – giải pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc nhận thức đầy đủ về sự vật, hiện tượng được thuyết minh có ý nghĩa như thế nào? - Song song với việc tìm ý, cần dự kiến cả những yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận phù hợp để triển khai các ý (Lưu ý: không lạm dụng để tránh làm sai lệch mục đích chính của văn thuyết minh) <p>* Lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mở bài</i> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh. + Nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng đó. - <i>Thân bài</i> <ul style="list-style-type: none"> + Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí, tùy thuộc vào định hướng cung cấp thông tin của người viết. + Xác định yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận để tăng hiệu quả biểu đạt và sức hấp dẫn của bài viết (việc lồng ghép yếu tố này cần đảm bảo tính khách quan của thông tin được đề cập trong bài viết; cần dự kiến cả những phương tiện phi ngôn ngữ có thể sử dụng trong văn bản). - <i>Kết bài</i> <ul style="list-style-type: none"> + Khái quát ý nghĩa của sự vật, hiện tượng được đề cập; gợi mở những ý tưởng có thể tiếp nối,...
<p><i>* Thao tác 3, 4: Viết và rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện</i></p> <p><i>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thực hành viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên. <p><i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân đưa ra sự lựa chọn của riêng mình. <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện</i></p>	<p>4. Viết và chỉnh sửa</p> <p>* Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai dàn ý thành các đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí tương ứng với kiểu cấu trúc bài văn thuyết minh mà mình đã lựa chọn và liên kết các đoạn thành bài văn hoàn chỉnh. - Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, nghị luận một cách phù hợp. Cần lưu ý, khác với văn bản nghị luận, văn thuyết minh có mục đích là

<p><i>nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thành vào giấy để chuẩn bị cho bài viết của mình. <p><i>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức đánh giá bài viết của học sinh để bổ sung và hoàn thiện. 	<p>cung cấp thông tin cho người đọc, chứ không nhằm thuyết phục người khác về một vấn đề. Do đó các thông tin trong văn bản thuyết minh cần được trình bày một cách khách quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chú ý sử dụng kết hợp một số bảng biểu, tranh ảnh,... phù hợp nội dung thông tin. - Sử dụng ngôn ngữ diễn đạt mạch lạc, sáng rõ; tùy vào cách tổ chức thông tin để có cách dùng các từ ngữ liên kết phù hợp. <p><i>* Chỉnh sửa, hoàn thiện</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài viết, đối chiếu yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo các ý được triển khai đầy đủ và theo trình tự phù hợp. - Xem lại những đoạn, nội dung có yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong bài viết xem có đảm bảo việc sử dụng đó là phù hợp, khách quan và hiệu quả. - Rà soát để đảm bảo bài viết không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động:

Học sinh thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên

b. Nội dung thực hiện:

HS hoàn thành bài thuyết minh để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

c. Sản phẩm: Học sinh có thể liên hệ, vận dụng từ bài viết để viết được văn bản thuyết minh về vấn đề tự nhiên, xã hội khác và có thể trình bày ý kiến về một vấn đề trong thực tế cuộc sống.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giao nhiệm vụ - Học sinh thảo luận và thực hiện <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các</p>	<p>GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS</p>

chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	
---------------------------------	--

4. Củng cố: Nắm nội dung bài học**5. HDVN:** Chuẩn bị một đề tài để tranh biện về một vấn đề trong đời sống ở tiết sau

<p style="text-align: center;">BÀI 8: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN Tiết : NÓI VÀ NGHE TRANH BIỆN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG</p>
--

I. MỤC TIÊU**1. Năng lực****a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:**Nói**

- HS hiểu được sự cần thiết của việc tranh biện một vấn đề trong đời sống

- Học sinh biết lựa chọn một vấn đề trong đời sống phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung tranh biện, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức tranh biện

Nói nghe tương tác

- Học sinh biết đưa ra các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để khẳng định quan điểm của mình và phản bác lại quan điểm của phía đối lập trong khi tranh biện

- Học sinh biết lắng nghe, tôn trọng, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề trong đời sống xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe học sinh khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân, chủ động, tích cực, có văn hóa phản biện

- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip:

<https://www.youtube.com/watch?v=pA-YVva0Fi4> (55:13)

Em đứng về quan điểm của ai trong 2 người trên?

GV chọn 2 đại diện thực hiện cuộc tranh biện nhỏ về 2 quan điểm trên bằng những lí lẽ của cá nhân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS tham gia thể hiện quan điểm cá nhân
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

→GV dẫn dắt vào nội dung tiết học:

Khi bày tỏ ý kiến về một vấn đề nào đó trong cuộc sống thường có những quan điểm, ý kiến khác nhau, thậm chí trái chiều. Khi các bên thực hiện hoạt động giao tiếp có tính chất đối kháng trong đó mỗi phía tham gia đều dùng các lí lẽ, bằng chứng để chứng minh quan điểm của mình là đúng và của phía tranh biện với mình là sai. Đó là hoạt động tranh biện. Tranh biện là một trong những kĩ năng đang được chú ý trong nhà trường và xã hội hiện nay. Một cuộc tranh biện thường có 2 phía: Phía tán thành quan điểm và phía phản đối quan điểm đó, nhằm thuyết phục các bên liên quan rằng quan điểm của mình đúng hơn, thuyết phục hơn. Mục đích của tranh biện là tìm ra những góc nhìn mới, phân tích có chiều sâu, nhìn nhận về một vấn đề đáng quan tâm

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài tranh biện về một vấn đề trong đời sống

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu chung của bài tranh biện về một vấn đề trong đời sống

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Để tranh biện về một vấn đề trong đời sống các em cần thực hiện những yêu cầu gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4. Đánh giá, kết luận Giáo viên nhận xét và chuẩn yêu cầu	I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài tranh biện về một vấn đề trong đời sống 1. Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối) về vấn đề tranh biện 2. Đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để khẳng định quan điểm của mình và phản bác lại quan điểm của phía đối lập 3. Thể hiện được sự tương tác tích cực trong nhóm để phát triển ý tưởng và luận điểm; biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình 4. Sử dụng giọng nói, ngữ điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp

Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe tranh biện về một vấn đề trong đời sống

a. Mục tiêu:

- HS biết cách tranh biện về một vấn đề trong đời sống; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề.
- HS biết lắng nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

b. Nội dung:

- HS được phân công trình bày bài nói cần lựa chọn đề tài, tìm ý và sắp xếp ý, chuẩn bị phương tiện hỗ trợ,...
- Người nghe cần tìm hiểu đề tài và nội dung vấn đề được thảo luận, xác định được quan điểm của cá nhân và các tiêu chí cơ bản để đánh giá vấn đề,...

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS và ý kiến của người nghe về vấn đề trong đời sống

d. Tổ chức thực hiện:

2.2.1. Chuẩn bị tranh biện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
	II. Chuẩn bị tranh biện 1. Lựa chọn đề tài:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lưu ý vấn đề tranh biện
- GV cùng học sinh lựa chọn vấn đề tranh biện

VD: Mạng xã hội là kênh giao tiếp tự do cho tất cả mọi người

GV tổ chức lập đội tham gia tranh biện

* GV yêu cầu HS thể hiện quan điểm bằng hình thức giơ tay, sau đó chia lớp thành các nhóm:

- + Nhóm 1: Gồm các HS không đồng tình (2-3 HS)
- + Nhóm 2: Gồm các HS đồng tình (2-3 HS)
- + Nhóm 3: Người điều hành và khán giả theo dõi, đánh giá, bình chọn.

- HS dùng kĩ thuật khăn trải bàn để ghi kết quả thảo luận, xác định quan điểm chung của nhóm, mỗi HS đều phải đưa ra luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ cho quan điểm chung của nhóm. Sau khi thảo luận, nhóm cùng hoàn thiện phiếu học tập số 1 và chuẩn bị cụ thể những phương tiện hỗ trợ khi tranh biện

- Vấn đề tranh biện là những vấn đề mang tính thời sự, thiết thực với đời sống và có những quan điểm tiếp cận trái chiều

- Vấn đề tranh biện thường được phát biểu dưới hình thức một ý kiến, một nhận định, những người tham gia sẽ thể hiện quan điểm tán thành hay phản đối

Ví dụ:

+ *Trí thông minh nhân tạo có thể quyết định tương lai của thế giới*

+ *Du học sẽ mang lại cho học sinh cơ hội tiếp cận nền giáo dục tốt hơn*

+ Mạng xã hội là kênh giao tiếp tự do cho tất cả mọi người

• • • •

2. Lập đội tham gia tranh biện

- Gồm 2 đội, mỗi đội gồm 2 – 3 thành viên. Một đội tán thành, 1 đội phản đối
- Ngoài ra cần người điều hành và khán giả theo dõi

3. Nghiên cứu vấn đề lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện

Cần chú ý:

- Tìm hiểu kỹ vấn đề để nhận ra nguyên nhân xuất hiện những quan điểm đối lập
- Dự kiến những lí lẽ có thể bị phản bác, suy đoán những lí lẽ mà phía đối lập có thể sử dụng để bảo vệ quan điểm của họ
- Hình dung được rõ ràng nhiệm vụ của các đội trong tranh biện: trình bày thuyết phục các lí lẽ và bằng chứng của đội mình và trả lời những câu hỏi chất vấn; phản biện một cách sắc bén các lí lẽ, bằng chứng của phía đối lập, chú ý chất vấn xoay quanh những điểm cốt lõi

Ví dụ: vẽ tranh biện: “Mạng xã hội là kênh giao tiếp tự do cho tất cả mọi người”

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện trao đổi, thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn và hoàn thành <i>Phiếu học tập 1</i> (bên dưới).</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức cuộc trao đổi các bên về vấn đề hoặc gọi bất kỳ HS thuộc các nhóm bày tỏ quan điểm bằng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận GV sử dụng <i>Rubrics 1</i> đánh giá <i>Phiếu học tập số 1</i> (bên dưới) và góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm.</p>	<p>* Ý kiến tán thành: Các lí lẽ đưa ra:</p> <p>-Tự do ngôn luận: +Mạng xã hội cung cấp không gian cho mọi người tự do diễn đạt ý kiến và quan điểm cá nhân. +Bất kể địa vị xã hội, tuổi tác, hay ngôn ngữ mà người dùng sử dụng, mạng xã hội giúp họ tương tác và giao tiếp với nhau một cách bình đẳng.</p> <p>-Khả năng tiếp cận thông tin và kiến thức: +Mạng xã hội đưa đến người dùng các nguồn thông tin đa dạng và phong phú từ khắp nơi trên thế giới. +Tất cả mọi người có thể dễ dàng truy cập kiến thức mới, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm từ các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực.</p> <p>-Kết nối đa văn hóa: +Mạng xã hội giúp tạo nên cầu nối giữa các người dùng đến từ các quốc gia, vùng miền và văn hóa khác nhau. Điều này làm mở rộng tầm nhìn toàn cầu và tăng cường sự tôn trọng và đa dạng văn hóa trong cộng đồng mạng.</p> <p>-Tạo ra cơ hội kinh doanh và công việc: +Mạng xã hội đã mở ra cơ hội kinh doanh và việc làm mới qua việc quảng bá sản phẩm, dịch vụ và mạng lưới chuyên nghiệp. +Người dùng có thể tìm kiếm việc làm, hợp tác và mở rộng mạng lưới xã hội chuyên nghiệp một cách dễ dàng.</p> <p>-Tăng cường ý thức xã hội và góp phần xây dựng cộng đồng: +Mạng xã hội cho phép các chiến dịch tốt, từ thiện và ý nghĩa được lan truyền nhanh chóng và gây được sự quan tâm rộng rãi. +Người dùng có thể tham gia vào các hoạt</p>
--	--

động xã hội, đóng góp ý kiến và hành động tích cực vì lợi ích chung của cộng đồng.

-Giao tiếp trong thời đại số:

+Mạng xã hội hỗ trợ giao tiếp linh hoạt, nhanh chóng và hiệu quả trong thời đại số.

+Mọi người có thể kết nối và trao đổi thông tin một cách thuận tiện mà không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý.

=>Tóm lại, mạng xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra kênh giao tiếp tự do cho tất cả mọi người. Nó cung cấp tự do ngôn luận, khả năng tiếp cận thông tin và kiến thức, kết nối đa văn hóa, cơ hội kinh doanh và việc làm, tăng cường ý thức xã hội và giao tiếp hiệu quả trong thời đại số.

***Ý kiến phản đối: Mạng xã hội không phải là kênh giao tiếp tự do cho tất cả mọi người. Các lí lẽ đưa ra:**

- Hạn chế đối với nội dung bị kiểm duyệt:

+Mạng xã hội thường có chính sách kiểm duyệt nội dung để đảm bảo an toàn và tuân thủ các quy định pháp luật.

+Nội dung vi phạm quy định có thể bị gỡ bỏ hoặc tài khoản bị chặn, làm hạn chế cho một số người trong việc tự do giao tiếp ý kiến của mình.

-Nguy cơ vi phạm quyền riêng tư:

+Mạng xã hội thu thập thông tin người dùng để phục vụ mục đích quảng cáo và tiếp thị, điều này đôi khi gây lo ngại về việc vi phạm quyền riêng tư của người dùng.

+Một số thông tin cá nhân có thể bị lộ ra ngoài mạng, khiến người dùng không còn sự tự do về quyền riêng tư.

-Lan truyền thông tin sai lệch:

<p>Gv lưu ý quy tắc (luật) tranh biện</p>	<p>+Mạng xã hội là nơi người dùng dễ dàng lan truyền thông tin, nhưng không phải thông tin nào cũng đảm bảo đúng đắn và đáng tin cậy.</p> <p>+Tin giả, thông tin sai lệch có thể lan truyền rộng rãi và gây hại cho cộng đồng, làm mất đi tính chất tự do và đáng tin cậy của mạng xã hội.</p> <p>-Công cụ để phân biệt tội ác và bất lương:</p> <p>+Mạng xã hội có thể trở thành nơi cho việc lan truyền các hoạt động bất lương như phạm tội, buôn bán trái phép, bạo lực, đe dọa và gây hại cho người khác.</p> <p>+Điều này làm mất đi tính tự do và an toàn của mạng xã hội cho tất cả người dùng.</p> <p>-Thiếu tính minh bạch và kiểm soát:</p> <p>+Các công ty mạng xã hội thường không tiết lộ đầy đủ về cách thức kiểm soát và quản lý dữ liệu cá nhân người dùng.</p> <p>+Người dùng có thể không biết chính xác thông tin của họ được sử dụng như thế nào, làm mất đi sự tự do và kiểm soát về thông tin cá nhân của mình.</p> <p>Tóm lại, mạng xã hội không phải là kênh giao tiếp tự do cho tất cả mọi người, vì tồn tại các hạn chế và nguy cơ như kiểm duyệt nội dung, vi phạm quyền riêng tư, lan truyền thông tin sai lệch, phân biệt tội ác và thiếu tính minh bạch. Người dùng cần nhận thức và cân nhắc kỹ trước khi sử dụng mạng xã hội để đảm bảo an toàn và tận dụng mạng xã hội một cách đúng đắn.</p> <p>4. Tìm hiểu quy tắc tranh biện</p> <p>Việc tranh biện phải được thực hiện trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Một số quy tắc cần tuân thủ:</p> <p>+ Bám sát vấn đề tranh biện</p> <p>+ Thực hiện yêu cầu của người điều hành</p>
---	---

	+Đảm bảo thời gian quy định cho mỗi lượt phát biểu + Không ngắt lời phía đối lập; không chỉ trích cá nhân, không sử dụng ngôn ngữ thiếu chuẩn mực, không gây tạo bằng chứng...
--	---

2.2.2. Thực hành tranh biện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV gọi đại diện 3 nhóm: 1 nhóm đồng tình,1 nhóm không đồng tình, người điều hành - HS đại diện lên thuyết trình. Lưu ý HS chú ý sử dụng giọng điệu, tư thế, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp. + Mỗi nhóm có 5 phút trình bày quan điểm. + Sau đó nhóm còn lại bổ sung nếu đồng tình và đặt câu hỏi tranh biện nếu phản đối (đặt câu hỏi cho đối phương và giải đáp câu hỏi của đối phương để bảo vệ quan điểm) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện thuyết trình theo 3 bước, lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi thảo luận Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện các nhóm lên thuyết trình và thảo luận Bước 4. Đánh giá, kết luận GV sử dụng <i>Rubrics 2. Đánh giá phần thuyết trình tranh biện của</i>	III. Thực hành tranh biện - Bước 1: Người điều hành nêu vấn đề, giới thiệu thành phần tham gia, nêu rõ mục đích, quy tắc tranh biện - Bước 2: Tiến trình tranh biện:		
	Phiên tranh biện	Phía tán thành	Phía phản đối
	Phiên thứ nhất	Bám sát vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định quan điểm đồng tình, giải thích những khái niệm cơ bản, trình bày các luận điểm chính, dùng lí lẽ và bằng chứng để củng cố quan điểm ủng hộ	Nhắc lại vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định sự không đồng tình, định nghĩa lại những khái niệm chưa hợp lí, trình bày các luận điểm. dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định quan điểm đối lập
	Có thể có lượt hỏi – đáp từ 2 phía để chất vấn và phản đối các ý kiến		
	Phiên thứ 2	Phản bác lại từng luận điểm của phía phản đối, phân tích	Bác bỏ lại từng luận điểm mà phía tán thành vừa nêu ra;

<p><i>các nhóm</i> (bên dưới) để đánh giá HS và lựa chọn nhóm có phần thuyết trình, tranh biện thuyết phục nhất.</p>		<p>sâu hơn quan điểm của đội mình, bổ sung lí lẽ, bằng chứng để tăng sức thuyết phục</p>	<p>khẳng định lại quan điểm phản đối của đội mình, củng cố quan điểm đó bằng lí lẽ sắc bén và bằng chứng thuyết phục</p>
		<p>Có thể có lượt hỏi – đáp từ 2 phía để chất vấn và phản đối các ý kiến</p>	
	Phiên thứ 3	<p>Tiếp tục phản bác ý kiến của phía phản đối; khẳng định tính đúng đắn của những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình</p>	<p>Tiếp tục phản bác ý kiến của phía tán thành; bảo vệ những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình</p>
<p>Bước 3: Người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các nhóm tranh biện; nêu ý nghĩa của cuộc tranh biện; cảm ơn các nhóm tham gia tranh biện và khán giả theo dõi, bình chọn</p>			

Phiếu học tập số 1

NHÓM:.....			
Quan điểm chung của nhóm:.....			
<p>Luận điểm 1:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Luận điểm 2:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Luận điểm 3</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Luận điểm n</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

.			
Luận cứ 1:	Luận cứ 2:	Luận cứ 3:	Luận cứ n
Luận chứng 1:	Luận chứng 2:	Luận chứng 3:	Luận chứng n

Rubrics 1. Đánh giá hoạt động nhóm

Cấp độ Tiêu chí	Tốt (4 điểm)	Khá (3 điểm)	Trung bình (2 điểm)	Cần điều chỉnh (1 điểm)
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung

4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi
--------------------------------	---	--	---	---

Rubrics 2. Đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Khẳng định rõ ràng quan điểm tán thành hay phản đối				
Trình bày được các luận điểm chính; nêu được lí lẽ hay bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình				
Có khả năng phối hợp nhóm để duy trì tiến trình tranh biện và phát triển ý tưởng				
Có khả năng xử lí tình huống, ứng phó với các ý kiến phản biện của phía đối lập				
Lắng nghe người khác với thái độ tôn trọng				
Sử dụng ngôn ngữ chính xác, rõ ràng; thay đổi ngữ điệu, sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách linh hoạt, phù hợp				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				
Tuân thủ thời gian quy định đối với từng lượt phát biểu				

3. HOẠT ĐỘNG 3: Củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS: Tranh biện với các bạn trong lớp về một trong những vấn đề sau:

Du học sẽ mang lại cho HS cơ hội tiếp cận giáo dục tốt hơn

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoàn thành:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.
- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất
- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

GỢI Ý NỘI DUNG TRANH BIỆN:

Ý kiến đồng tình: Du học mang lại cho học sinh những cơ hội học tập tốt hơn:

1. Tiếp cận chương trình học đa dạng: Du học cho phép học sinh tiếp cận các trường đại học và chương trình học đa dạng, phong phú hơn so với quê hương. Nhờ đó, học sinh có cơ hội lựa chọn những ngành học và môn học phù hợp với sở thích và mục tiêu nghề nghiệp của họ.
2. Học tập cùng giảng viên hàng đầu: Du học cho phép học sinh học tập cùng với các giảng viên và chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực của họ. Điều này giúp tăng cường kiến thức chuyên môn và nhận được sự hướng dẫn tốt hơn từ những người có kinh nghiệm.
3. Sử dụng cơ sở vật chất và công nghệ tiên tiến: Nhiều trường đại học nước ngoài đầu tư vào cơ sở vật chất và công nghệ tiên tiến để hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập. Học sinh sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng mới nhất, đồng thời học tập và nghiên cứu trong môi trường hiện đại và đáng sống.
4. Giao tiếp đa văn hóa: Du học giúp học sinh sống và học tập trong môi trường đa văn hóa, nơi họ có cơ hội giao tiếp với những người đến từ khác quốc gia, vùng miền và nền văn hóa. Điều này mở rộng tầm nhìn và giúp học sinh hiểu sâu hơn về thế giới và nhân loại.

5. Phát triển kỹ năng mềm: Du học khuyến khích học sinh tự tin và độc lập trong việc thích nghi với môi trường mới. Học sinh cần phải vượt qua những thử thách về ngôn ngữ, văn hóa, và xã hội, từ đó phát triển các kỹ năng mềm quan trọng như giao tiếp, lãnh đạo, và làm việc đội nhóm.
6. Tăng cường tầm nhìn toàn cầu: Du học giúp học sinh nhận thức về các vấn đề toàn cầu và cách thức cống hiến tích cực cho cộng đồng quốc tế. Điều này giúp học sinh trở nên nhạy bén về những thách thức và cơ hội toàn cầu và đóng góp tích cực vào giải quyết chúng.

Tóm lại, du học mang đến cho học sinh nhiều cơ hội học tập tốt hơn bằng cách tiếp cận chương trình học đa dạng, học tập cùng các giảng viên hàng đầu, sử dụng cơ sở vật chất và công nghệ tiên tiến, giao tiếp đa văn hóa, phát triển kỹ năng mềm và tăng cường tầm nhìn toàn cầu. Những trải nghiệm này đóng góp quan trọng vào sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp của học sinh.

Ý kiến phản biện:

Tuy vấn đề du học mang lại nhiều lợi ích cho học sinh, nhưng cũng có một số ý kiến phản bác về việc du học sẽ mang lại cơ hội tiếp cận nền giáo dục tốt hơn. Dưới đây là một số ý kiến phản bác:

1. Chi phí cao: Du học có thể đòi hỏi một số lượng lớn tiền bạc để chi trả học phí, sinh hoạt và các chi phí phát sinh khác. Điều này tạo ra sự chênh lệch về cơ hội giữa những học sinh giàu có và những học sinh có điều kiện kinh tế hạn chế. Những học sinh không thể đảm bảo nguồn tài chính này sẽ bị hạn chế trong việc tiếp cận nền giáo dục tốt hơn.
2. Sự thích nghi khó khăn: Môi trường du học mới có thể đem đến nhiều khó khăn về văn hóa, ngôn ngữ và xã hội. Việc thích nghi với môi trường mới có thể mất nhiều thời gian và tập trung, dẫn đến ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh.
3. Hiện tượng "học bù": Trong một số trường hợp, học sinh du học có thể phải học bù lại các môn học trong nước sau khi quay trở về. Điều này dẫn đến việc tốn thêm thời gian và năng lực, và không hẳn luôn mang lại cơ hội tiếp cận giáo dục tốt hơn so với việc học tập trong nước.
4. Thiếu tính ứng dụng: Một số chương trình học tập tại nước ngoài có thể tập trung nhiều vào lý thuyết và nghiên cứu, thiếu tính ứng dụng trong thực tiễn. Điều này có thể làm mất đi lợi thế khi học sinh trở về nước và tham gia vào môi trường công việc thực tế.
5. Phụ thuộc vào quốc gia đón nhận: Chất lượng giáo dục không chỉ phụ thuộc vào việc du học mà còn phụ thuộc vào chất lượng giáo dục của quốc gia đón nhận. Điều này có nghĩa là không phải lúc nào du học cũng đảm bảo cơ hội tiếp cận nền giáo dục tốt hơn.

Tóm lại, việc du học có thể mang lại nhiều lợi ích cho học sinh, nhưng cũng không phải lúc nào cũng đảm bảo cơ hội tiếp cận nền giáo dục tốt hơn. Thêm vào đó, các yếu tố như chi phí, sự

thích nghi, chất lượng chương trình học tập và chất lượng giáo dục của quốc gia đón nhận cũng cần được xem xét kỹ lưỡng trước khi quyết định du học.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc nhóm, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đề xuất HS thực hiện dự án: Trí thông minh nhân tạo có thể quyết định tương lai của thế giới

GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ

Yêu cầu: Sưu tầm, tìm hiểu...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.
- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất
- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Gợi ý nội dung tranh biện:

Ý kiến đồng tình: Trí thông minh nhân tạo có thể quyết định tương lai của thế giới

1. Khả năng tăng tốc tiến bộ: Trí thông minh nhân tạo (AI) có khả năng tính toán và học hỏi nhanh chóng hơn con người. Điều này tạo ra tiềm năng để giải quyết các vấn đề phức tạp và phát triển các công nghệ mới một cách nhanh chóng, từ đó thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển của nhân loại.
2. Ứng dụng đa dạng: AI có thể được áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như y tế, nông nghiệp, công nghiệp, tài chính, giáo dục, và nhiều lĩnh vực khác. Khả năng đa dạng này giúp tối ưu hóa các quy trình và cải thiện hiệu quả công việc, từ đó đóng góp vào sự phát triển và thịnh vượng của xã hội.

3. Giải quyết các thách thức toàn cầu: AI có thể giúp phân tích và dự đoán các xu hướng phức tạp, từ đó giúp các nhà lãnh đạo và chính phủ đưa ra quyết định thông minh để giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, dịch bệnh và nghèo đói.
4. Nâng cao chất lượng cuộc sống: Trí thông minh nhân tạo có thể cải thiện chất lượng cuộc sống của con người bằng cách cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông minh và tiện ích, từ dịch vụ chăm sóc sức khỏe đến hỗ trợ trong việc tự động hóa công việc hàng ngày.
5. Khám phá và khai phá không gian mới: AI có thể được sử dụng trong nghiên cứu không gian và khám phá những vùng lãnh thổ xa xôi. Điều này giúp mở rộng tầm nhìn của con người và giải mã những bí ẩn của vũ trụ.
6. Nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh: Sử dụng trí thông minh nhân tạo trong quản lý sản xuất và kinh doanh giúp tăng cường hiệu quả và giảm thiểu lãng phí. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và thúc đẩy sự cạnh tranh trên thị trường quốc tế.
7. Đóng góp vào sự tiến hóa và thăng tiến của con người: Trí thông minh nhân tạo có thể hỗ trợ trong việc nghiên cứu y học và tạo ra các công nghệ y tế tiên tiến, giúp gia tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng cuộc sống của con người.

Tóm lại, trí thông minh nhân tạo có tiềm năng quyết định tương lai của thế giới bằng cách tăng tốc tiến bộ, ứng dụng đa dạng, giải quyết các thách thức toàn cầu, nâng cao chất lượng cuộc sống, khám phá không gian mới, nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh, và đóng góp vào sự tiến hóa và thăng tiến của con người. Quan trọng là sử dụng trí thông minh nhân tạo một cách đúng đắn và đảm bảo rằng công nghệ này hướng đến lợi ích chung của xã hội và nhân loại.

Ý kiến phản biện: Trí thông minh nhân tạo không thể hoàn toàn quyết định tương lai của thế giới

1. Sự phụ thuộc vào con người: Dù có tiến bộ mạnh mẽ, trí thông minh nhân tạo vẫn phụ thuộc vào con người để lập trình, giám sát và thay đổi. Nó chỉ có thể hoạt động và phát triển trong phạm vi mà con người đặt ra. Do đó, quyết định tương lai của thế giới vẫn phần lớn nằm trong tay con người, không thể hoàn toàn dựa vào trí thông minh nhân tạo.
2. Hạn chế hiểu biết và nhận thức: Trí thông minh nhân tạo có thể giải quyết một số vấn đề cụ thể với hiệu quả cao. Tuy nhiên, nó không thể có hiểu biết, nhận thức, và ý thức như con người. Điều này khiến nó không thể đưa ra quyết định nhân đạo và đạo đức trong những vấn đề phức tạp của tương lai.
3. Nguy cơ thất nghiệp và cánh tay máy: Sự phát triển nhanh chóng của trí thông minh nhân tạo có thể gây ra tình trạng thất nghiệp đáng lo ngại khi nó thay thế nhiều công việc truyền thống của con người. Điều này gây ra mối lo ngại về tương lai và sự ảnh hưởng tiêu cực của AI đến con người.

4. Vấn đề đạo đức và quyền riêng tư: Trí thông minh nhân tạo có thể đặt ra các vấn đề liên quan đến đạo đức và quyền riêng tư. Sự thu thập và sử dụng thông tin cá nhân có thể vi phạm quyền riêng tư của con người và tạo ra mối đe dọa về an ninh thông tin.
5. Khả năng không dự đoán được: Trí thông minh nhân tạo có thể mang lại những ứng dụng tiềm năng lớn nhưng cũng có thể tạo ra những hậu quả không dự đoán được. Những tác động không lường trước có thể ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội và môi trường tự nhiên.
6. Mất kiểm soát: Nếu không được giám sát và kiểm soát chặt chẽ, trí thông minh nhân tạo có thể phát triển không kiểm soát và trở nên tự trị, gây ra những vấn đề rủi ro đáng lo ngại.

Tóm lại, trí thông minh nhân tạo có tiềm năng trong việc tác động tới tương lai của thế giới. Tuy nhiên, nó không thể hoàn toàn quyết định tương lai mà vẫn phải phụ thuộc vào con người và đối mặt với nhiều hạn chế và rủi ro không thể bỏ qua. Việc sử dụng trí thông minh nhân tạo đòi hỏi sự cân nhắc cẩn thận và quản lý thích hợp để đảm bảo lợi ích tối đa cho con người và xã hội.

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Tìm đọc thêm các văn bản thông tin
2. Tranh biện với các bạn trong lớp về một số vấn đề (SGK/88)
3. Chuẩn bị bài 9: Lựa chọn và hành động (Tìm hiểu tri thức Ngữ văn, đọc các văn bản, tóm tắt và trả lời câu hỏi trong SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

.....

.....

.....

.....

BÀI 9. LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Phân tích, đánh giá được thông điệp, chủ đề, tư tưởng mà tác giả muốn gửi đến thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; biết phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản nhiều chủ đề
- Nhận biết và phân tích nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản nghị luận; đánh giá được các bằng chứng lí lẽ mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết; thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản và giải thích lí do
- Biết được cách giải nghĩa của từ, qua đó chủ động bồi đắp vốn từ và sử dụng từ ngữ chính xác, có hiệu quả.
- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc hội họa, điêu khắc...), nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.
- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) một tác phẩm nghệ thuật theo sự lựa chọn cá nhân (tác phẩm điện ảnh, âm nhạc hội họa...)

2. Về năng lực

- **Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- **Học sinh viết** - Viết được một bài văn nghị luận về tác phẩm nghệ thuật.
- Biết thuyết trình giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật

3. Về phẩm chất

Biết làm chủ bản thân và có định hướng đúng đắn nhằm phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có đóng góp tích cực cho đời sống của cộng đồng.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1. ĐỌC

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hóa, xã hội của văn bản, nêu được ý nghĩa của văn bản với quan niệm của bản thân
- Nhận biết và đánh giá nghĩa của từ

2. Về năng lực

- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

- Học sinh viết được bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật
- Học sinh thuyết trình giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức làm chủ bản thân, phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

-GV chuẩn bị slide khởi động: Hs quan sát các bức hình.

-Học sinh trả lời câu hỏi: Khi quan sát các bức hình, người viết muốn nói với chúng ta thông tin gì?

c. Sản phẩm : Phiếu học tập, câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh suy nghĩ và dự trù câu trả lời</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thiện phiếu</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết và mong muốn về bài học</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Mỗi thời đại, mỗi xã hội có một quan niệm sống khác nhau nhưng dù ở bất kì hoàn cảnh nào con người chúng ta cũng cần lựa chọn và hành động cho phù hợp với chính chúng ta và với sự phát triển của dân tộc.</p>	<p>Phần chuẩn bị bài trình chiếu và phiếu của giáo viên.</p>

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

- Phân tích và đánh giá thông tin cơ bản của văn bản có nhiều chủ đề
- Nhận biết được một số cách giải thích nghĩa của từ

b. Nội dung thực hiện:

-Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa

-Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện vào bảng phụ

c. Sản phẩm : Phiếu học tập, câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 2 nhóm</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành bảng phụ Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về tri thức ngữ văn</p>	<p>I. TRI THỨC NGỮ VĂN</p> <p>1. Văn bản văn học có nhiều chủ đề - Là loại văn bản văn học cùng lúc thể hiện nhiều chủ đề và các chủ đề được phân loại theo những tiêu chí khác nhau. - Có nhiều cách phân chia chủ đề + Xét theo toàn bộ thể giới nghệ thuật được miêu tả: Chủ đề chính và chủ đề phụ + Xét theo tính chất được biểu hiện: Chủ đề toàn dân tộc và chủ đề phổ quát nhân loại => Các chủ đề tự soi sáng, bổ sung cho nhau tạo ra sự đa nghĩa cho văn bản đáp ứng nhiều độc giả khác nhau.</p> <p>2. Một số cách giải thích nghĩa của từ - Có nhiều cách giải thích nghĩa của từ tùy vào ngữ cảnh cụ thể, đặc điểm, tính chất của từ được giải thích + Giải thích bằng hình thức trực quan: Chỉ vào sự vật, hiện tượng tồn tại trong thực tế vốn được gọi tên bằng từ đó + Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị + Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ được giải thích + Giải nghĩa bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ được giải thích.</p>

TIẾT..... VĂN BẢN 1

BÀI CA NGÁT NGƯỜI

(Nguyễn Công Trứ)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại hát nói: từ ngữ, hình ảnh, bố cục...
- Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tư cách của một nhà nho và có thể coi đó là sự thể hiện cá tính của một bản lĩnh cá nhân mang

ý nghĩa tích cực; hiểu đúng nghĩa của khái niệm ngất ngưỡng để không nhầm với lối sống lập dị của một số người hiện đại.

- Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

2. Về năng lực

- Về năng lực chung:

+ Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

- Về năng lực đặc thù:

- Học sinh viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề tư tưởng giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản thơ trung đại thể loại hát nói (có thể kết hợp với âm nhạc trong diễn xướng)

- Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm muốn gửi đến người đọc; đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm

- Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm

3. Về phẩm chất

- Học sinh có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp cá tính, lí tưởng của con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, các phiếu học tập,; rubric đánh giá học sinh, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
	1			
	2			

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện: Chia sẻ những vấn đề liên quan, từ đó tạo tâm thế, hứng thú giờ học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: -Tại sao vấn đề “cá tính” ngày càng được xã hội, và đặc biệt là những người trẻ quan tâm?	-HS nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV - GV dẫn dắt vào bài học : <i>“Kiếp sau xin chớ làm người. Làm cây thông đứng giữa trời mà reo”</i> Nguyễn Công Trứ muốn làm cây thông để đón

<p>-Kể tên một số tác phẩm của nhà thơ Nguyễn Công Trứ mà em biết?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm HS trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm GV quan sát, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm .</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS</p>	<p>gió bốn phương, để ở độ cao vời vợi, để cất tiếng hát tự do theo gió, để “ ngát ngưỡng” bốn mùa. Bài thơ sắp học phải chăng là thái độ của cây thông đứng giữa trời mà reo. Ta cùng tìm hiểu tác phẩm “ <i>Bài ca ngát ngưỡng</i>”.</p>
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập số 1 HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu</p> <p>Thời gian: 10 phút</p> <p>Chia sẻ: 3 phút</p> <p>Phản biện và trao đổi: 2 phút</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>I. ĐỌC HIỂU KHÁI QUÁT</p> <p>1. Tác giả: (1778-1858) hiệu là Hi Văn, xuất thân trong một gia đình Nho học</p> <p>- Ông là một nhà thơ thành công ở thể hát nói, là người đầu tiên mang đến cho thể loại này một nội dung phù hợp với c/năng và cấu trúc của nó.</p> <p>2. Thể thơ hát nói: Thuộc điệu ca trù, phổ biến ở cuối TK XVIII. Hình thức, nhịp điệu tự do, vần đối xứng. Hát nói đáp ứng nhu cầu chuyển tải những cảm xúc cá nhân tự do, phóng khoáng.</p> <p>3. Văn bản</p> <p>- Giải thích từ khó (theo chú thích)</p> <p>- Bố cục:</p> <p>+ 6 câu đầu: Giới thiệu tài năng, danh vị xã hội.</p> <p>+ 12 câu tiếp: Phong cách sống khác ời, ngao du giải trí khác người, phẩm chất và bản lĩnh trước những thăng trầm và thế thái nhân tình.</p> <p>+ câu cuối: Khẳng định phong cách sống của mình.</p> <p>* Cảm nhận chung:</p> <p>- Từ <i>ngát ngưỡng</i> xuất hiện 4 lần trong bài, câu 4, 8, 12 và câu cuối.</p> <p>- Ngát ngưỡng diễn tả tư thế ngả nghiêng như chực ngã, không vững chắc, gây cảm giác khó chịu cho những người xung quanh.</p> <p>-Cách dùng biệt danh kết hợp đại từ : <i>ông Hy</i></p>

	<p><i>Văn, ông ngất ngưỡng; đại từ thay thế: tay ngất ngưỡng, tay kiếm cung; xưng tên... => vị thế cao, thái độ ngạo nghễ, tự phụ</i></p> <p>- Thái độ sống ngất ngưỡng là cách sống khác người, khác đời, tự do phóng túng, không theo một khuôn khổ nào cả.</p>
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt ra các câu hỏi cho HS tìm hiểu nội dung văn bản</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm HS trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm GV quan sát, nhắc nhở HS về cách thức báo cáo sản phẩm</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN</p> <p>1 Sáu câu đầu: Giới thiệu tài năng, danh vị xã hội của nhà thơ.</p> <p><i>Vũ trụ nội mạc phi phận sự</i></p> <p>.....</p> <p><i>Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên</i></p> <p>+ Thái độ, triết lí sống của người kẻ sĩ: Mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta.</p> <p>+ Tự thuật một cách say mê về tài năng, học vị, chức tước cả khi thi cử lẫn ở chốn quan trường</p> <p>+ Lời tự thuật ấy được diễn tả bằng hệ thống từ Hán Việt uy nghiêm, trang trọng kết hợp âm điệu nhịp nhàng được tạo bởi điệp từ và cách ngắt nhịp câu thơ: “<i>Khi thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc, Lúc bình Tây, Có khi về...</i>”</p> <p>=> Lời tự thuật khẳng định tài năng và lý tưởng trung quân, ý thức trách nhiệm của kẻ sĩ ở NCT.</p> <p>- Tự nói về tài năng, danh vị của mình là xuất phát từ tài năng lực, từ ý thức cá nhân, từ thái độ sống “<i>ngất ngưỡng</i>” của nhà thơ.</p> <p>- Mâu thuẫn: ý thức được trách nhiệm nhưng lại thấy bị trói buộc, gò bó. Tục chất đó là ước muốn hành xử theo lối riêng không muốn khép mình vào khuôn phép-> thể hiện cái ngông, tư thế “<i>ngất ngưỡng</i>” trong thái độ sống</p> <p>2. Mười hai câu tiếp: Thái độ, cung cách sống, quan niệm sống của tác giả khi từ giã chốn quan trường.</p> <p>+ cười bò vàng đeo đạc ngựa</p> <p>+ Lên chùa mang theo cung kiếm, ngừng cô hầu gái.</p> <p>+ Say sưa đi hát ả đào “<i>Khi ca, khi tửu...</i>”</p>

	<p>+ Được hay mất, phú quý hay bần hàn, được khẳng định hay phủ định trong cuộc sống và trong quan hệ xã hội, ông vẫn tỏ ra bình thản, chẳng đoái hoài gì:</p> <p>+ Ông tự sánh mình với “<i>người tái thượng</i>” và những người nổi tiếng có sự nghiệp hiển hách.</p> <p>+ Ông là người ăn ở có trước, có sau: <i>Nghĩa vua tôi cho ven đạo sơ chung</i>.</p> <p>=> Bằng ngôn ngữ tự thuật mang ý vị trào phúng đoạn thơ đã dựng lên một hình tượng con người khác thường, trái khoáy với cuộc đời. Ngung đằng sau nụ cười là một thái độ, một quan niệm nhân sinh, đề cao một cá tính. ý thức của cái “<i>tôi</i>” đã trở dậy khi nền văn học đang thủ tiêu nó bằng quan niệm hàng nghìn năm.</p> <p>3. Câu thơ cuối</p> <p><i>Trong triều ai ngất ngưỡng như ông!</i></p> <p>- Câu thơ kết một lần nữa khẳng định thái độ sống của một nhân cách cứng cỏi, một tài năng, một phẩm giá của một danh sỹ đầu thế kỷ XIX.</p> <p>- Tác giả tự đánh giá về con người mình một cách toàn diện. Khi dung hoà được cả bốn phận và quyền lợi cá nhân, phục vụ và hưởng thụ xứng đáng là kẻ “<i>ngất ngưỡng</i>” nhất trên đời.</p>
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV yêu cầu các nhóm HS (4-5 HS) dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt những đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm <i>Bài ca ngất ngưỡng</i> thể hiện và ghi vào giấy A0.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp ý chính về nội dung và nghệ thuật của ...</p> <p>GV quan sát, nhắc nhở HS về quy tắc trình bày của sơ đồ tư duy (nét đậm để thể hiện ý chính, nét nhạt dần thể hiện các ý phụ, cách dùng từ khóa, biểu tượng, ...)</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>GV gọi từ 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả</p>	<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Thể loại hát nói phù hợp với việc diễn tả thái độ sống tự do, phóng khoáng của người nghệ sỹ tài hoa.</p> <p>- sử dụng ngôn ngữ tự xưng thể hiện cá tính.</p> <p>- Sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng kết hợp với sắc thái tự nhiên, dân dã</p> <p>- Kết hợp đa dạng các biện pháp tu từ: lặp cấu trúc, đối, liệt kê...</p> <p>-Nhịp điệu thay đổi linh hoạt, cách gieo vần sáng tạo...</p> <p>2. Nội dung</p> <p>Bài ca ngất ngưỡng khẳng định một phong cách</p>

<p>thực hiện nhiệm vụ học tập. GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và tự nhận xét. GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt các ý :</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>sống đầy bản lĩnh của Nguyễn Công Trứ trong khuôn khổ xã hội phong kiến chuyên chế. Mặc dù coi trọng hành lạc nhưng ta vẫn thấy ở Nguyễn Công Trứ một lối sống tích cực: nhập thế, hành đạo, trách nhiệm với thời cuộc; lối sống, cách ứng xử với công dân phú quý theo tinh thần tự do tự tại mà không vương tục, rong chơi thả chí mà vẫn trọn đạo Vua – Tôi; tận tụy với đất nước, nghĩa tình với quê hương; tâm hồn phóng túng, cốt cách tài tử, cá tính mạnh mẽ</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: củng cố kiến thức vừa tìm hiểu về tác phẩm *Bài ca ngất ngưởng*

b. Nội dung thực hiện

HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS thảo luận: Suy nghĩ của em về triết lí sống, quan niệm sống của Nguyễn Công Trứ, qua đó em hiểu thêm gì về cái Ngông của tác giả? Liên hệ với cuộc sống ngày nay?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm bài tập trong phiếu bài tập</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi HS trả lời các câu hỏi. GV nhận xét, hướng dẫn HS trả lời:</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm sống tích cực, nhập thế, coi trọng cá tính cá nhân nhưng không dị hợm, kệch cỡm - Dung hòa giữa việc coi trọng bản ngã và trách nhiệm công hiến với quốc gia, dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Liên hệ bài học với đời sống, giải quyết vấn đề trong đời sống

b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt vấn đề: Lập dàn ý cho đề bài sau: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về thông điệp “Love yourself” – yêu thương chính bản thân mình.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi nêu ý kiến. GV quan sát và giúp đỡ học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu 3 HS trình bày ý kiến của mình. GV tổ chức cả lớp tranh luận về suy nghĩ đó.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV đánh giá trực tiếp câu trả lời của học sinh.</p>	<p>Bài làm của HS</p> <p>-Đặt vấn đề : “Love yourself” – yêu thương chính bản thân mình</p> <p>- Giải thích : tin tưởng, yêu thương, bảo vệ chính bản thân mình, coi trọng cá tính và sự khác biệt của bản thân</p> <p>- Đánh giá : cần thiết và quan trọng</p> <p>- Lí giải: + mỗi chúng ta là một cá thể đặc biệt với những quan niệm, suy nghĩ và sở trường riêng</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Chấp nhận thực tại, yêu thương chính mình để sống mạnh mẽ, tự tin</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Phát huy sở trường của bản thân, tự tin tỏa sáng</p> <p>-VD minh họa</p> <p>-Phản biện : Lỗi sống tiêu cực, thiếu tin tưởng vào chính mình</p> <p>-Bài học nhận thức và hành động.</p>

Tiết**VĂN BẢN 2:**

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CÀN GIUỘC (Nguyễn Đình Chiểu)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại hát nói: từ ngữ, hình ảnh...
- Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tư cách của một nhà nho và có thể coi đó là sự thể hiện cá tính của một bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực; hiểu đúng nghĩa của khái niệm ngất ngưỡng để không nhầm với lối sống lập dị của một số người hiện đại.
- Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

2. Về năng lực:

- *Về năng lực chung:*
 - + Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- *Về năng lực đặc thù:*
 - Học sinh viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề tư tưởng giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản thơ trung đại thể loại hát nói (có thể kết hợp với âm nhạc trong diễn xướng)

3. Về phẩm chất: Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp cá tính, lí tưởng của con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV Ngữ văn 11 Tài liệu chuẩn kiến thức – kĩ năng Ngữ văn 11; Bài soạn; Bài giảng Powerpoint; Phiếu học tập.

2. Học liệu

- SGK Ngữ văn 11 (tập 1 soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- + Tìm tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu (hình ảnh, video, chuyện kể)
- + Đọc bài ghi lại kiến thức cơ bản bằng sơ đồ hoặc bản đồ tư duy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Không**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:****b. Nội dung:****c. Sản phẩm:****d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV tổ chức cho HS trò chơi: Theo dòng lịch sử</p> <p>Cách thức tổ chức: GV chia lớp thành 2 đội chơi. Đội nào trả lời được nhiều câu hỏi hơn, đội đó thắng.</p> <p>Phần thưởng cho đội thắng: Mỗi thành viên trả lời đúng câu hỏi cho đội, sẽ được cộng 1 điểm và quỹ điểm KTTX hoặc 1 tràng pháo tay của cả lớp.</p> <p>- HS: chú ý lắng nghe</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- GV lần lượt chiếu các câu hỏi:</p> <p>Câu 1: Đại biểu cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam chuyên viết về đề tài thi cử?</p> <p>(Đáp án: Trần Tế Xương)</p> <p>Câu 2: Ai là tác giả của câu thơ:</p> <p>“Năm canh máu chảy đêm hè vắng Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ Có phải tiếc xuân mà đứng gọi Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ”</p> <p>Đáp án: Nguyễn Khuyến</p> <p>Câu 3: Nhà nho có nhân cách thanh cao gắn với cuộc khởi nghĩa nông dân Mỹ Lương?</p> <p>Đáp án: Cao Bá Quát</p> <p>Câu 4: Năm nào Nguyễn Anh lên ngôi vua?</p> <p>Đáp án: 1802</p> <p>Câu 5: Thực dân Pháp xâm lược VN vào năm nào?</p> <p>Đáp án: 1858</p> <p>Câu 6: Năm hoặc Tên hiệp ước đầu tiên của Việt Nam với Pháp mở đầu cho cuốn “vong quốc sử Việt Nam” nhượng 3 tỉnh Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) cho Pháp?</p> <p>Đáp án: Hiệp ước Nhâm Tuất 1862</p> <p>Câu 7: Tên nhà thơ ở đất Gia Định gắn với phong trào yêu nước và tinh thần khởi nghĩa của những phong trào</p>	<p>- Các thành viên trong mỗi đội lần lượt giơ tay trả lời câu hỏi.</p>

nông dân cuối thế kỷ XIX, tác giả cuốn Truyện Lục Vân Tiên?

Đáp án: Nguyễn Đình Chiểu.

GV chiếu hình ảnh: (cho HS tham khảo)



Khi giặc Pháp cướp mất ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa của miền Đông Nam bộ vào 26 tháng 3 năm 1862, Nguyễn Đình Chiểu rời Cần Giuộc về Ba Tri, Bến Tre ở. Rồi giặc Pháp chiếm cả sáu tỉnh của miền Nam, chúng tìm mọi cách mời Nguyễn Đình Chiểu cộng tác, ông cự tuyệt.

14

- HS mỗi đội giờ tay trả lời câu hỏi.

B3. Báo cáo thảo luận:

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: những nét chính về cuộc đời, nghị lực, nhân cách và giá trị thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

b. Nội dung: GV cho HS xem những hình ảnh trực quan kết hợp hình thức trao đổi thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phản hồi, thông tin - thảo luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK và tìm hiểu tác giả và tác phẩm. (có thể phát PHT số 1 để HS điền vào)</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm 2 hoặc nhóm 4 để tìm hiểu bài.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận - HS tiếp nhận nhiệm vụ - Các nhóm bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét và sử dụng bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm của HS. - GV chốt kiến thức.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>a. Cuộc đời</p> <p>- Nguyễn Đình Chiểu - Đồ Chiểu (1822 - 1888) Tự là Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai (cái phòng tối)</p> <p>- Xuất thân trong gia đình nhà nho.</p> <p>- 1843 NĐC đỗ tú tài, 1846 ra Huế thi tiếp nhưng đến 1949 lúc sắp thi thì mẹ mất, bỏ thi về Nam chịu tang mẹ.</p> <p>Trên đường đi bị đau mắt nặng nên đã bị mù hai mắt.</p> <p>- Bị mù từ năm 27 tuổi, Nguyễn Đình Chiểu vẫn mở lớp dạy học, làm thuốc chữa bệnh cho người nghèo và sáng tác thơ văn chống Pháp.</p> <p>- 1859 Pháp đánh Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu đánh giặc và sáng tác nhiều thơ văn chiến đấu.</p> <p>-Thực dân Pháp biết ông là người có tài tìm cách dụ dỗ, mua chuộc, nhưng ông tố Phẩm chất bất hợp tác.</p> <p>- 1888 ông qua đời. Cuộc đời ông là một tấm gương sáng về nghị lực và đạo đức, suốt đời chiến đấu không biết mệt mỏi cho lẽ phải, cho quyền lợi nhân dân.</p>

=> *Bài học từ cuộc đời NĐC: bài học về nghị lực, bản lĩnh sống vượt lên bi kịch cá nhân, tinh thần bất khuất trước kẻ thù, tấm lòng yêu nước thương dân sâu nặng.*

b. Sự nghiệp thơ văn.

- Những tác phẩm chính:

(Xem SGK)

=> Thơ văn NĐC là lá cờ đầu của văn thơ yêu nước chống Pháp nửa cuối thế kỉ XIX

c. Nội dung thơ văn

- Lí tưởng đạo đức nhân nghĩa

+ Mục đích truyền dạy những bài học về đạo lí làm người chân chính.

+ Vừa mang tinh thần nhân nghĩa của đạo Nho nhưng lại rất đậm đà tính nhân dân và truyền thống dân tộc

+ Xây dựng mẫu người lí tưởng

- Lòng yêu nước thương dân:

+ Tố cáo tội ác của giặc

+ Lên án những kẻ theo giặc, đầu hàng giặc

+ Ngợi ca những sĩ phu yêu nước.

-> Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã đáp ứng xuất sắc những yêu cầu của cuộc sống và chiến đấu đương thời, có tác dụng động viên, khích lệ không nhỏ tinh thần và ý chí cứu nước của nhân dân.

d. Nghệ thuật thơ văn.

- Có nhiều đóng góp, nhất là văn chương trữ tình đạo đức. Bút pháp trữ tình xuất phát từ cõi tâm trong sáng, nhiệt thành, đầy tình yêu thương, nồng đậm hơi thở của cuộc sống.

- Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu còn mang đậm chất Nam Bộ: Từ lời ăn tiếng nói mộc mạc, bình dị, đến tâm hồn nồng nhiệt, chất phác.

- Các sáng tác thiên về chất chuyện kể, mang màu sắc diễn xướng rất phổ biến trong văn học dân gian Nam Bộ.

=> Hơn một thế kỷ trôi qua, tiếng thơ Đồ Chiểu vẫn ngân vang giữa cuộc đời. Tên tuổi nhà thơ mù yêu nước xứ Đồng Nai vẫn rực sáng trên bầu trời văn nghệ dân tộc bởi nhân cách cao đẹp và những cống hiến lớn lao của ông cho văn học nước nhà.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác:

- Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An. Trận Cần Giuộc là một trận đánh lớn của quân ta diễn ra đêm 16/12/1861, hơn 20 nghìn quân đã hi sinh anh dũng. Tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang đã yêu cầu cụ Đồ Chiểu viết bài văn tế. Ngay sau đó vua Tự Đức ra lệnh phổ biến bài văn tế trong các

	<p>địa phương khác.</p> <p>- Như vậy <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> không đơn thuần là sản phẩm của nghệ thuật cá nhân mà còn là sản phẩm mang tính chất nhà nước, thời đại.</p> <p>b. Thể loại văn tế</p> <p>- Văn tế: loại văn gắn với phong tục nhằm bày tỏ lòng thương tiếc với người đã mất (Văn khóc, điệu văn).</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Kể lại cuộc đời, công đức, phẩm hạnh của người đã khuất;</p> <p>+ Bày tỏ nỗi đau thương của người sống trong giờ phút vĩnh biệt.</p> <p>- Âm điệu bài văn thường là bi thương, lâm li thống thiết, dùng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh.</p> <p>- Bố cục: 4 phần.</p> <p>+ Lung khởi: khái quát bối cảnh của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của người nông dân. (câu 1-2)</p> <p>+ Thích thực: Hồi tưởng lại hình ảnh và công đức người nông dân - nghĩa sĩ. (câu 3 - 15)</p> <p>+ Ai vãn: Bày tỏ lòng thương tiếc, sự cảm phục của tác giả đối với người nghĩa sĩ. (câu 16- 28)</p> <p>+ Khóc tận (Kết): Ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ. (còn lại)</p> <p>=>TK XIX là thể kỉ đau thương mà quật khởi của dân tộc, tiếng khóc thương trong các bài văn tế không chỉ thể hiện tình cảm riêng mà còn là tiếng khóc cho đất nước, cho thời đại, mang âm hưởng sử thi, bi tráng.</p>
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những nét chính về hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại, bố cục văn tế, vẻ đẹp của người nghĩa sĩ nông dân.

b. Nội dung: Đọc sáng tạo, nêu vấn đề bàn luận, thảo luận ý kiến với tập thể lớp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, ý kiến phản hồi của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn đọc: Giọng đọc văn tế thường chậm, mang âm hưởng bi thương, đau xót. Giữa các phần trong bố cục thường ngắt giọng lâu hơn để tạo dư âm:</p> <p>+ Phần Lung khởi cần đọc giọng trang trọng nhấn vào</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Lung khởi: Bối cảnh thời đại và ý nghĩa cái chết bất tử.</p> <p>- Sự đối lập từ hình thức đến nội dung:</p> <p>+ Đối lập bằng trắc: TTTB-BBBT</p>

từ chỉ hình ảnh rộng lớn và miêu tả âm thanh, ánh sáng, làm nổi bật sự suy ngẫm về lẽ sống chết ở đời;

+ Phần Thích thực giọng đọc hồi tưởng, bồi hồi khi dựng lại chân dung người nghĩa sĩ có nguồn gốc nông dân; Đoạn miêu tả bức tranh công đồn cần đọc nhanh, dồn dập, tự hào, nhấn vào các động từ;

+ Phần Ai vãn và Kết trở về giọng đọc chậm, thống thiết, xót xa và thành kính trang nghiêm.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- GV gọi 1-2 HS đọc bài

B3. Báo cáo thảo luận

- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đọc mẫu, HS đọc, nhận xét, rút kinh nghiệm.

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn (4 nhóm) (Phát PHT số 2,3 để HS điền vào)

- Thời gian: 7 phút

- Nội dung: 4 nhóm chọn ngẫu nhiên trong những nội dung sau:

+ Tình thế, bối cảnh thời đại mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ; ý nghĩa cái chết của họ.

(Gợi ý: Sự đối lập được biểu hiện như thế nào?)

+ Hoàn cảnh xuất thân của người nghĩa sĩ trong bài văn tế

+ Những chuyển biến về tư tưởng của người nông dân khi giặc Pháp xâm lược

+ Vẻ đẹp hào hùng của người nông dân trong “trận nghĩa đánh Tây”.

HS thảo luận, ghi vào bảng phụ

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận và viết kết quả vào bảng phụ hoặc PHT

B3. Báo cáo thảo luận

- Các nhóm lần lượt cử đại diện báo cáo kết quả thảo luận.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề.

=> Sản phẩm dự kiến:

Nhóm: Trình bày nội dung 1.

+ Đối lập từ loại: DDDĐ - ĐĐDD

+ Đối lập ý nghĩa: sủng giặc >< lòng dân; đất >< trời

- Không gian rộng lớn: *trời, đất* + động từ *rền, tỏ* - sự khuếch tán của âm thanh, ánh sáng

->Bối cảnh của thời đại: sự đối lập gay gắt dữ dội giữa thế lực bạo tàn của thực dân Pháp và ý chí bảo vệ tổ quốc của nhân dân Việt Nam.

+ *Mười năm công vỡ ruộng* - không ai biết

+ *Một trận nghĩa đánh Tây* - để lại tiếng thơm muôn đời

-> *Tác giả đặt giả thiết để so sánh nhằm khẳng ý nghĩa của cái chết vinh quang, cao cả.*

=> *Thời kì đau thương, “khổ nhục nhưng vĩ đại”.*

2. Phần thích thực: Hình tượng những người nông dân - nghĩa sĩ Cần Giuộc anh hùng.

a. Hoàn cảnh xuất thân những người nghĩa sĩ:

- Là những người nông dân nghèo khổ chất phác, cuộc đời lam lũ “cui cút” với bao lo toan nghèo khó.

- Họ hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao -> tạo ra sự đối lập -> tôn cao tầm vóc người anh hùng ở đoạn sau.

=> Bằng nghệ thuật liệt kê (kể ra một loạt những việc người nông dân quen làm và những việc họ chưa hề biết đến), đoạn văn đã giới thiệu một cách cụ thể về nguồn gốc của nghĩa sĩ : Họ xuất thân từ nông dân cần cù, nghèo khổ, xa lạ với chiến tranh, trận mạc.

b. Những chuyển biến về tư

Tình thế, bối cảnh thời đại mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ; ý nghĩa cái chết của họ.

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- HS diễn xuôi câu 1, 2

Than ôi, khi tiếng súng của giặc Pháp vang rền trên đất nước thì tâm lòng của người dân có trời thấu tỏ. Mười năm làm ruộng ...

Tóm lại, hai câu văn đã tạo nên một cái “nền” hoành tráng để tác giả đi sâu khắc họa vẻ đẹp của bức chân dung người nghĩa binh Cần Giuộc.

Nhóm: Trình bày nội dung 2

- Hoàn cảnh xuất thân của người nghĩa sĩ trong bài văn tế?

- Trước khi đánh giặc học là ai? Làm nghề gì? Đời sống hàng ngày của họ ra sao? Từ "cui cú" nói lên tình cảm gì của tác giả đối với những người nghĩa sĩ nông dân?

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- Nhà thơ xúc động, cảm thông, chia sẻ với cuộc đời nhỏ bé và thân phận “con sâu cái kiến” của người nông dân nghĩa sĩ. Có thể nói, bao nhiêu tình cảm yêu thương của nhà thơ giành cho người nông dân đánh giặc đều được dồn nén và đọng lại ở hai chữ “ cui cú” trong đoạn thơ - từ gọi cảm: chan chứa niềm cảm thông, yêu thương của tg.

Nhóm: Trình bày nội dung 3

- Những chuyển biến về tư tưởng của người nông dân khi giặc Pháp xâm lược

Thực dân Pháp chiếm Nam Bộ, người nông dân đã thể hiện tâm trạng và Phẩm chất của mình như thế nào?

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung, GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- Đoạn văn này gợi nhớ đến những câu nào trong bài "Hịch tướng sĩ" và "Bình Ngô đại cáo" ?

Ta thường tới bữa quên ăn ...

Ngậm thù lớn ...

- Trước sự bất lực của triều đình phong kiến, với lòng căm thù giặc sâu sắc của mình, người nông dân đã có nhận thức như thế nào về vai trò, trách nhiệm của mình với đất nước?

tưởng, tình cảm của người nông dân:

*** Tình cảm:**

- Người dân **trông chờ** tin tức mỗi mồn rồi **thất vọng** "trông tin quan như trời hạn trông mưa".

- Lòng căm thù, oán giận:

+ *ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ*

+ *muốn tới ăn gan*

+ *muốn ra cắn cỏ*

(hình ảnh cường điệu mạnh mẽ, chân thực, đậm sắc thái nông dân Nam Bộ)

*** Nhận thức**

- Họ nhận thức đúng đắn: Đất nước ta là một quốc gia độc lập, vĩ đại “*mỗi xa thư đồ sộ*”

- Xác định trách nhiệm của bản thân với đất nước: tự mình đứng lên trừ kẻ xâm lăng. (*há để ai chém rắn đuổi hươu*).

*** Hành động:**

+ *Xin ra sức đoạn kình*

+ *Dốc ra tay bộ hổ*

+ *Mén nghĩa làm quân chiêu mộ*

→ tự nguyện, thể hiện ý thức trách nhiệm với sự nghiệp cứu nước và ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của người nghĩa sĩ.

c. Vẻ đẹp hào hùng của đội quân áo vải trong trận nghĩa đánh Tây

- Trang bị của nghĩa quân khi vào trận:

+ *...manh áo vải...*

+ *...ngọn tầm vông...*

+ *...rơm con cúi...*

+ *...lưỡi dao phay...*

Liệt kê + chi tiết chân thực có sức gợi tả cao

-> Đó là những vật dụng nghèo nàn, thô sơ trong cuộc sống lao động hàng ngày đã trở thành vũ khí để nghĩa quân đánh giặc.

- Tinh thần chiến đấu của nghĩa sĩ

- Từ tình cảm, nhận thức như đã nói thì những người nghĩa sĩ đó có hành động như thế nào?

Từ những thân phận bé nhỏ, tội nghiệp “cui cút làm ăn, toan lo nghèo khó”, người nông dân đã hoá thân thành nghĩa sĩ phi thường, tự nguyện gánh vác trọng trách cứu nước.

Nhóm : Trình bày nội dung 4

Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.

- Vũ khí và trang phục ra trận của người nông dân nghĩa sĩ được miêu tả như thế nào?

Sự tương phản giữa vũ khí, trang bị và tinh thần chiến đấu của người nông dân khi ra trận với súng to, đạn nhỏ của kẻ thù càng làm tăng thêm vẻ đẹp tráng ca của người nghĩa quân áo vải .

- Trước quân thù, tinh thần chiến đấu của họ ra sao?

Đây là bức tranh công đồn chưa hề thấy trong văn chương trung đại. Ta mới thấy võ quan như Phạm Ngũ Lão “Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu”, một Trần Quốc Tuấn “Chỉ cầm tức rằng chưa xả thịt lột da... cũng nguyện xin làm”. Một Đặng Dung mài gươm dưới trăng ngựa mặt nhìn trời than thở. “Mài gươm mấy độ bóng trăng tà”. Một Nguyễn Trãi “Trận Bò Đổng sấm vang cháp giật, miền Trà Lân trúc trẻ tro bay, sĩ khí càng hăng, quân Thanh càng mạnh”.

=> Đây là lần đầu tiên người nông dân chiến đấu xuất hiện với vẻ đầy dũng khí hiên ngang trong văn học mặc dù lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã khẳng định công lao to lớn của người dân chân lấm tay bùn.

+ Khí thế tấn công vũ bão: động từ mạnh, dứt khoát (đốt xong, chém rớt, đâm ngang, chém ngược)...

+ Lòng dũng cảm phi thường: đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ...

Tả thực, nhịp điệu dồn dập, đối, sử dụng từ chéo (đâm ngang, chém ngược, hò trước, ó sau) tinh thần chiến đấu ngùn ngụt, tư thế hiên ngang lẫm liệt, làm khiếp sợ kẻ thù.

=>Nguyễn Đình Chiểu đã phát hiện, ngợi ca phẩm chất cao quý vốn tiềm ẩn đằng sau manh áo vải, sau cuộc đời vất vả, lam lũ của người nông dân – đó là lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản

b. Nội dung: HS tổng kết lại ý nghĩa nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: - Khái quát những nét lớn về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích? HS suy nghĩ trả lời câu hỏi B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời câu hỏi	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Chất trữ tình - Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu - Ngôn ngữ vừa trang trọng, vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ

B3. Báo cáo thảo luận: - Các bạn còn lại nhận xét, bổ sung câu trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề.	2. Ý nghĩa văn bản - Vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân - Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản
b. Nội dung: HS nắm được những thông tin về văn bản đã học
c. Sản phẩm: Bài làm của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong PHT. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét bài làm của HS.	Bài học: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Phần II Tác phẩm Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: <i>Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.</i> <i>Chi nhọc quan quân giống trống kìa, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.</i> <i>Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.</i> (Trích Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc- Nguyễn Đình Chiểu) 1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên. 2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật đó. 3/ Tác giả tỏ Phẩm chất, tình cảm như thế nào với người nghĩa sĩ trong văn bản trên? <u>Định hướng trả lời</u> 1/ Nội dung chính của văn bản trên: Diễn tả giây phút công đồn của người nông dân nghĩa sĩ anh hùng. 2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật : - Hệ thống động từ mạnh : <i>đốt, đeo, đạp, xô, xông, liều, đâm, chém, hè, ó...</i> - Các cụm từ vừa diễn tả tinh thần, khí thế, vừa diễn tả sức mạnh : <i>đạp rào lướt tới-xô cửa xông vào-đâm ngang chém ngược...</i> - Phép đối được sử dụng đậm đặc : <i>hè trước/ó sau ; nhỏ/to ; ngang/ngược ; trước/sau...</i>

	<p>- Ngôn ngữ đậm chất Nam bộ, không sử dụng từ ngữ ước lệ.</p> <p>Hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật: tạo nhịp điệu đoạn văn nhanh, mạnh, dứt khoát, sôi nổi, góp phần tái hiện trận công đồn của nghĩa sĩ Cần Giuộc rất khẩn trương, ác liệt, sôi động và đầy hào hứng.</p> <p>3/Tác giả tỏ Phẩm chất, tình cảm ca ngợi, ngưỡng mộ tinh thần chiến đấu quả cảm, không ngại gian khổ hi sinh của người nghĩa sĩ trong giây phút sinh tử.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

b. Nội dung: HS viết được đoạn văn cảm nhận về văn bản đã học

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trả lời câu hỏi sau:

Từ hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu, anh chị suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với công cuộc dựng nước và giữ nước?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét bài làm của HS.

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học

- Chuẩn bị bài tiết sau:

+ *Phẩm chất cảm phục và niềm thương xót vô hạn của tác giả được thể hiện như thế nào?*

+ *Tác giả đã có những suy nghĩ gì về người nghĩa sĩ?*

+ *Tác giả đề cao một quan niệm sống cao đẹp là gì?*

PHỤ LỤC

Phiếu học tập số 1

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....
Phiếu học tập số 1 VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC Nguyễn Đình Chiểu Tìm hiểu Tác giả - tác phẩm
+ Thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chiểu (<i>cuộc đời; con người; sự nghiệp sáng tác</i>)
+ Bối cảnh ra đời bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.

.....
 + Thể loại văn tế (khái niệm; đặc điểm; bố cục; ngôn ngữ...)

Phiếu học tập số 2

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....

Phiếu học tập số 2

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CÀN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Tìm hiểu Nội dung đoạn 1 (Tán)

* Đoạn 1 (Tán), 9 câu đầu

+ Nội dung 2 câu đầu (*Lung khởi, nhận xét*)

✓ *Lung khởi*

✓ Nhận xét

+ Nội dung 7 câu tiếp theo

✓ *Hoàn cảnh xuất thân*

✓ *Thái độ khi có giặc xâm lăng*

....

...

✓ Nhận xét

Phiếu học tập số 3

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....

Phiếu học tập số 3

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CÀN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Tìm hiểu Nội dung đoạn 3 và 4

+ **Đoạn 3 (nửa sau của Thán), 10 câu tiếp**

✓ Nỗi đau mất nước

✓ Cảm thương người thân

✓ Cảm xúc xót thương

+ **Đoạn 4**

✓ Bày tỏ tình cảm, tiếc thương.

Phiếu học tập số 4

Họ tên/Nhóm HS.....	Lớp.....
Phiếu học tập số 4 VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC Nguyễn Đình Chiểu	
<p>Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Chi nhọc quan quân giống trống kị, trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.</i></p> <p style="text-align: right;">(Trích <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i>- Nguyễn Đình Chiểu)</p> <p>1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên.</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em hãy nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật đó.</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>3/ Tác giả tỏ Phàm chất, tình cảm như thế nào với người nghĩa sĩ trong văn bản trên?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tiết.....VĂN BẢN 3**CỘNG ĐỒNG VÀ CÁ THỂ****(Trích *Thế giới như tôi thấy* – An –be-Anh-xtanh – Albert Einstein)****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Nắm được những nét cơ bản về cuộc đời sự nghiệp, cống hiến của tác giả Albert Einstein.
- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai, sử dụng.
- Thể hiện thái độ chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản.

- Biết xử lý hài hòa mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong các tình huống cụ thể của đời sống.

2. Về năng lực:

- Về năng lực chung:

+ Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, ...

- Về năng lực đặc thù: Học sinh viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề đặt ra trong văn bản.

3. Về phẩm chất

- Sống có lý tưởng, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, máy chiếu, giấy A0, ...

2. Học liệu: Video, tranh, ảnh liên quan, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Không.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh tiếp nhận nội dung văn bản: nhận thức được vai trò của cộng đồng và cá thể. HS bước đầu nhận thức được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng...

b. Nội dung: HS theo dõi video, trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xem video https://www.youtube.com/watch?v=SHZmEYQts5o - GV đặt câu hỏi cho HS trả lời: Đoạn phóng sự trên nói về nội dung gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video và suy nghĩ để trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: HS xung phong trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Đoạn phóng sự thể hiện nội dung: + Vai trò của cộng đồng trong phòng chống COVID -19. + Tinh thần đoàn kết, chung tay góp sức để vượt qua nghịch cảnh. + Mỗi cá nhân cần có ý thức với cộng đồng. + Cộng đồng an toàn được hình thành từ ý thức của mỗi cá thể.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu

- HS nắm bắt được thông tin về tác giả An - be Anh – xtanh và những nét khái quát về văn bản *Cộng đồng và cá thể*.

b. Nội dung

- + HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua Internet để nắm được thông tin.
- + GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, kết quả hoạt động của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà để trình bày những nét khái quát về: + Tác giả An - be Anh - xtanh. + Thông tin chung về văn bản <i>Cộng đồng và cá thể</i>. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. + GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm. + GV tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá, nhận xét, bổ sung kết quả làm việc của HS. <p><i>* Thao tác 1: Đọc và cảm nhận chung</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1-2 HS đọc văn bản tại lớp + Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Hãy xác định nội dung từng phần. + Xác định nội dung trọng tâm của văn bản và nêu các căn cứ cho phép bạn xác định như vậy. + Tóm tắt những luận điểm cơ bản được triển khai trong văn bản. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc, suy nghĩ trả lời. <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 - 3 em đọc và chia sẻ cảm nhận của mình. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - An - be Anh - xtanh (1879-1955), nhà vật lí lí thuyết người Đức. - Năm 1940 trở thành công dân Mỹ. Một trong những nhà bác học vĩ đại nhất mọi thời đại, có tầm ảnh hưởng lớn lao trong nhiều lĩnh vực, từ khoa học đến tư tưởng, tôn giáo và chính trị. - Năm 1921 được trao giải Nobel Vật lí. - Khám phá ra định luật của hiệu ứng quang điện. <p>2. Văn bản</p> <p><i>* Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản “Cộng đồng và cá thể” trích từ “Thế giới như tôi thấy”. - Cuốn sách này là những tư tưởng được An-be Anh-xtanh đúc kết từ những vấn đề của khoa học và đời sống. Cuốn sách được công bố lần đầu tiên tại Đức vào năm 1931, sau đó được tái bản vào năm 1955 ở Mỹ, đã có sự chỉnh sửa, bổ sung. <p><i>* Bố cục:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: Từ đầu đến “những đánh giá về anh ta”: Sự chi phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể. - Đoạn 2: Tiếp đến “một cách tương đối giữa cá nhân với cộng đồng”: Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng. - Đoạn 3: Còn lại: Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong “thời đại chúng ta đang sống”. <p><i>* Nội dung trọng tâm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ xác định: nhan đề, từ khoá, luận điểm chính,... - Nội dung trọng tâm: Bàn về mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể; nhận diện những biến động tiêu cực của mối quan hệ đó trong xã hội hiện đại; chỉ ra một số nhân tố tích cực đảm bảo cho sự phát triển hài hoà của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong tương lai.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức.

Nội dung 2: Khám phá văn bản**a. Mục tiêu**

- HS nhận biết và hiểu được nội dung văn bản và hệ thống luận điểm, luận chứng được tác giả trình bày.
- HS nhận biết vai trò của cộng đồng và cá thể trong đời sống xã hội và mối quan hệ biện chứng giữa chúng.
- HS biết thể hiện quan điểm của cá nhân trước vấn đề mà tác giả đặt ra.

b. Nội dung

- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm thực hành đọc hiểu văn bản.
- GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các luận điểm cơ bản của văn bản B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thảo luận trong nhóm bàn thực hiện yêu cầu: - Tóm tắt các luận điểm cơ bản của văn bản. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm và đưa ra ý kiến. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét và hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá và bổ sung.	II. Khám phá văn bản 1. Luận điểm cơ bản + Căn cước và ý nghĩa tồn tại của mỗi cá thể trước hết do cộng đồng quy định. + Cái làm nên giá trị của một cá thể phụ thuộc trước hết vào việc cá thể đó giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác. + Một cá thể đơn lẻ không thể thiếu “mảnh đất dinh dưỡng” của cộng đồng, nhưng ngược lại cộng đồng sẽ không phát triển nếu thiếu hoạt động của những cá thể sáng tạo. + Cộng đồng lành mạnh là cộng đồng khuyến khích tính độc lập của những cá thể đồng thời bảo đảm tạo sự liên kết bền trong giữa các cá thể để làm nên xã hội. + Trong thời đại ngày nay, cộng đồng đang bị yếu đi vì vai trò sáng tạo, dẫn dắt của các cá thể phần nào bị lu mờ, trong khi đó, các chế độ độc tài “xuất hiện và được dung dưỡng”. + Cộng đồng sẽ khỏe mạnh trở lại với việc phân công lao động có kế hoạch”, tạo điều kiện cho sự phát triển của các cá thể, cũng là tạo điều kiện cho cộng đồng có được bước phát triển mới. 2. Vai trò cộng đồng - <i>Nêu nội dung bàn luận</i> + Tác giả khẳng định qua luận điểm “Hoạt động và mong muốn của chúng ta đều có quan hệ với sự tồn tại của người khác”. Điều đó chứng tỏ không một cá thể nào tồn tại độc lập. - <i>Thuyết phục</i> <i>Bằng chứng:</i>
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu vai trò của cộng đồng B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành các nhóm 3 HS giao Phiếu học tập số 1 (Phụ lục) yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành với các	

<p>nội dung tìm hiểu vai trò của cộng đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu nội dung bàn luận. - Sự phụ thuộc của một cá thể vào cộng đồng đã được tác giả ghi nhận qua những bằng chứng nào? Trước những bằng chứng đó, tác giả đã thể hiện cách tư duy khác biệt về vấn đề ra sao? - Nhận xét về cách trình bày của tác giả? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm và đưa ra kiến giải cho nhóm của mình. <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các 2 - 3 nhóm lên trình bày. Lớp chú ý theo dõi, bổ sung và hoàn thiện. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá và bổ sung. <p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu giá trị của cá thể</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các nhóm 3-4 HS giao Phiếu học tập số 2 (Phụ lục) và yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành nội dung: + Tác giả đã sử dụng lí lẽ gì để khẳng định vai trò của những cá thể sáng tạo đối với sự phát triển của xã hội? <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm và đưa ra kiến giải cho nhóm của mình. <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các 2 - 3 nhóm lên 	<ul style="list-style-type: none"> + Về bản chất giống loài, chúng ta giống như động vật sống theo bầy. + Ngôn ngữ làm cho con người hơn động vật. <i>Tư duy khác biệt:</i> + Trong một bối cảnh mà người ta thường nói nhiều về tự do cá nhân, quyền của con người cá nhân, đóng góp của cá nhân, tác giả lại ngay từ đầu khẳng định sự phụ thuộc của cá thể vào cộng đồng. + Tác giả là người có những đóng góp lớn cho sự phát triển của khoa học trên thế giới nhưng lại nghĩ đến "sự mang ơn vì được sống trong cộng đồng loài người". + Nhà khoa học thường là người mãi mê nghiên cứu theo sự thúc đẩy của những lí do chuyên môn, đôi khi không nghĩ đến tính thực dụng của kết quả, nhưng ở đây, An-be Anh-xtan lại thường nghĩ đến vấn đề "tình cảm, suy nghĩ và hành động của anh ta giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác". - <i>Vai trò</i> + Căn cước và ý nghĩa cá thể nằm ở chỗ anh ta không hẳn là một sinh thể đơn lẻ mà là thành viên của một cộng đồng lớn, cộng đồng dẫn dắt đời sống vật chất và tinh thần của anh ta từ khi sinh tới khi chết. -> Cộng đồng đóng vai trò quyết định đời sống của cá thể. - <i>Nhận xét cách trình bày nội dung:</i> + Luận điểm rõ ràng, bố cục mạch lạc. + Cách trình bày hệ thống luận cứ chặt chẽ, lí luận cụ thể, dễ hiểu, logic. <p>3. Giá trị của cá thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá thể đóng góp cho cộng đồng: + Tất cả tài sản vật chất, tinh thần và đạo đức mà chúng ta nhận được từ cộng đồng đã được tạo dựng bởi những cá thể sáng tạo đơn lẻ. + Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội. + Nếu không có những cá thể sáng tạo, suy nghĩ và phán xét độc lập, thì sự phát triển lên cao của xã hội là khó tưởng tượng. + Một cộng đồng lành mạnh là một cộng đồng gắn liền với tính độc lập của những cá thể cũng như với sự liên kết bên trong của xã hội. -> Đánh giá cao giá trị sáng tạo của các cá thể.
---	---

trình bày. Lớp chú ý theo dõi, bổ sung và hoàn thiện.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm 3- 4 HS giao **Phiếu học tập số 2** (Phụ lục) yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành các nội dung:

+ Mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng.

+ Toát lên từ mạch ngầm văn bản là những đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và đối với cả cộng đồng. Hãy làm rõ những

đòi hỏi đó và nêu suy nghĩ của bạn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc nhóm và đưa ra kiến giải cho nhóm của mình.

B3: Báo cáo thảo luận

- Đại diện các 2 - 3 nhóm lên trình bày. Lớp chú ý theo dõi, bổ sung và hoàn thiện.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

3. Mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng, sự đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và cộng đồng

a/ Mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng

- Đoạn trích là một bài nghiên cứu về hai khái niệm cộng đồng và cá thể, cũng như tầm quan trọng của chúng trong lịch sử phát triển của loài người. Tác giả dùng những lời lẽ dẫn chứng, những ví dụ để nói về vấn đề mang tầm xã hội.

- Theo ông, cá thể và cộng đồng là hai khái niệm tách biệt, thậm chí cá thể còn có sự vượt trội hơn cả cộng đồng. Ông cho rằng, những cá thể mới là người hình thành nên văn hoá và mang lại giá trị cho xã hội. Cộng đồng được tạo nên dựa trên sự hình thành của các cá thể, một cá thể mạnh mới có thể tạo nên một cộng đồng vững chắc.

- Tuy nhiên, cái nhìn của Anh-xtanh về hiện tại lại khiến cho con người phải suy ngẫm. Những cá thể dần mất đi sự tài giỏi bẩm sinh, lòng người tối tăm dùng chiến tranh và tiền tài làm lu mờ đi tất cả.

- Cuối cùng, ông đưa ra ý kiến tôn trọng lao động và bắt buộc phải lao động. Từ đó mới có thể tạo nên một cộng đồng lớn mạnh từ những cá thể đơn lẻ.

b/ Sự đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và cộng đồng

+ Phía cá thể: Mỗi người phải luôn nhớ mình là một thành viên của một cộng đồng lớn mà thiếu nó, bản thân anh ta không thể tồn tại. Vì vậy, mọi suy nghĩ, việc làm của cá thể phải được soi xét thường trực bằng câu hỏi: Anh đã giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác? Tuy nhiên, để việc “giúp ích” nêu trên đạt hiệu quả, mỗi cá thể phải không ngừng sáng tạo, suy nghĩ, phải thể hiện được cá tính và sự “độc lập về tinh thần” của mình.

+ Phía cộng đồng: Cả cộng đồng cần ý thức được rằng sức mạnh của nó gắn với sự sáng tạo của từng cá thể, vì vậy, nó cần phải coi trọng việc giải phóng sức sáng tạo của cá nhân, nhìn thấy sự “tách bạch một cách tương đối giữa cá nhân và cộng đồng”, thực hiện việc “phân công lao động có kế hoạch” để mang lại “sự đảm bảo vật chất cho từng cá thể”, mở đường cho những sáng tạo, đột phá của cá thể.

-> tầm bao quát rất lớn của tác giả về vấn đề cũng như lương tri sáng suốt của một nhà khoa học chân chính luôn hướng về sự phát triển hài hòa của xã hội, của đời sống nhân loại.

Nội dung 3: Tổng kết

- a. Mục tiêu:** Tổng hợp khái quát lại nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm, văn bản.
- b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ tổng kết bài học, HS làm việc theo cặp đôi thực hiện nhiệm vụ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tổng kết văn bản qua các yêu cầu: Giá trị nội dung; ý nghĩa; nghệ thuật viết văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh tự duy lại bài học, trao đổi theo cặp để trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: - HS trình bày. GV và HS khác góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung, ý nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm chủ yếu để làm rõ hai khái niệm cộng đồng và cá thể, cũng như tác dụng của cá thể trong cộng đồng. Nó cũng khiến cho chúng ta hiểu, muốn cộng đồng được lớn mạnh thì bắt buộc phải bắt đầu từ cá thể. - Đoạn trích “Cộng đồng và cá thể” cho người đọc thấy được sự quan trọng của con người trong thời đại phát triển và tác dụng của những cá thể trong cộng đồng. Một cộng đồng muốn lớn mạnh phải xây dựng từ cá thể đơn lẻ. <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục mạch lạc. - Luận điểm rõ ràng. - Bằng những dẫn chứng và lý luận logic.

PHIẾU HỌC TẬP

<p><i>Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....</i></p> <p>Phiếu học tập số 1: <i>Tìm hiểu nội dung bàn luận</i></p> <p>✓ <i>Luận điểm</i></p> <p>.....</p> <p>✓ <i>Thuyết phục</i></p> <p>.....</p> <p>✓ <i>Vai trò</i></p> <p>.....</p> <p><i>Nhận xét về cách trình bày nội dung</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

<p><i>Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....</i></p> <p>Phiếu học tập số 2</p> <p>- Tác giả đã sử dụng lí lẽ gì để khẳng định vai trò của những cá thể sáng tạo đối với sự</p>
--

phát triển của xã hội?

- **Mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng:**

- **Nêu những đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và đối với cả cộng đồng; suy nghĩ của em:**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức, rèn kỹ năng viết một đoạn văn nghị luận bàn về vấn đề đặt ra trong văn bản.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu và trình bày.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập ý tưởng cho bài viết. Về nhà HS hoàn thiện. Đề bài: Viết 01 đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu những điều bạn thấy cần nghĩ tiếp cùng An-be Anh-xanh về vấn đề “Cộng đồng và cá thể”.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS làm việc cá nhân để hoàn thành viết đoạn.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Trong giờ học sau, GV gọi HS trình bày sản phẩm. GV cùng HS khác theo dõi, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cho HS đánh giá, nhận xét bài viết lẫn nhau.</p> <p>GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.</p>	<p>* HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý:</p> <p>- Đảm bảo cấu trúc 01 đoạn văn.</p> <p>- Biết cách triển khai đoạn văn:</p> <p>+ <i>Mở đoạn</i>: Giới thiệu được khái quát quan điểm của tác giả về Cộng đồng và cá thể được thể hiện trong văn bản.</p> <p>+ <i>Thân đoạn</i>: Biết vận dụng lí lẽ và dẫn chứng một cách hợp lí để nêu suy nghĩ của bản thân trong vấn đề “Cộng đồng và cá thể”. Có chính kiến riêng của cá nhân về vấn đề.</p> <p>+ <i>Kết đoạn</i>: Khẳng định lại vấn đề; liên hệ cá nhân.</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách trình bày quan điểm, chính kiến của cá nhân trước vấn đề được đặt ra.
- HS biết cách dẫn dắt và trình bày bài thuyết trình trước tập thể.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân. GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày kết quả.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để nêu quan điểm về vấn đề: *Những nhận định khái quát của tác giả về “thời đại mà chúng ta đang sống” được phát biểu từ khoảng giữa thế kỉ XX. Hiện nay, những nhận định đó có còn phù hợp với thực tế nữa không? Vì sao?*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS dựa trên hiểu biết và thu thập thêm tài liệu để bày tỏ quan điểm và lí giải thuyết phục.

B3. Báo cáo thảo luận

Gv gọi HS xung phong trình bày ý kiến. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, phản biện.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

GV gợi ý HS cách thực hiện, trả lời:

* Từ các luận điểm của tác giả trong văn bản:

+ Ở một chừng mực nhất định, tổ chức đã thay thế thủ lĩnh, nhất là trong lĩnh vực kĩ thuật song cũng đã có thể cảm thấy điều tương tự trong khoa học.

+ Sự thiếu hụt cá tính trong lĩnh vực nghệ thuật đang lộ rõ.

+ Trong chính trị, không chỉ thiếu người cầm lái mà sự độc lập về tinh thần cũng như ý thức về lẽ phải của dân chúng cũng giảm sút khủng khiếp.

+ Các chế độ độc tài xuất hiện và được dung dưỡng, bởi ý thức về danh dự và quyền cá nhân không còn đủ mạnh nữa.

* Phân tích thêm về cơ sở thực tế của những nhận định được tác giả nêu trong văn bản: sự lộng hành của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân; tai hoạ ghê gớm mà cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra; sự ra đời của chủ nghĩa phát xít đang cuốn nhân loại vào lò lửa chiến tranh mới, sự xuất hiện liên tục của các trường phái nghệ thuật có vòng đời ngắn hạn;... Qua liên hệ – so sánh, có thể thấy nhiều nhận định khái quát của tác giả đến bây giờ vẫn còn đúng, nhất là nhận định về sự tồn tại của các chế độ độc tài, về sự suy giảm ý thức về lẽ phải ở một bộ phận của cộng đồng.

4. Củng cố:

- Nhắc lại nội dung trọng tâm bài học.

- Củng cố cách đọc hiểu văn bản nghị luận

5. HDVN:

- Đọc trước bài và làm bài tập phần Thực hành tiếng Việt: Cách giải thích nghĩa của từ SGK/

110 – 111

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 97.....

CÁCH GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ (01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh hiểu được sự cần thiết của việc giải thích nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Học sinh hiểu rõ các thao tác giải thích của từ được thực hiện trong một số văn bản đã đọc và biết cách vận dụng chúng trong hoạt động thực hành hoặc giao tiếp nói chung.
- Học sinh biết chọn cách giải thích nghĩa của từ phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Về năng lực

- *Về năng lực chung:*
 - + Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- *Về năng lực đặc thù:*
 - + Năng lực giải quyết những tình huống cụ thể đặt ra trong văn bản.
 - + Sử dụng có hiệu quả từ ngữ trong quá trình giao tiếp

3. Về phẩm chất

- Có thái độ trân trọng và giữ gìn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** máy tính, máy chiếu, đồ dùng hoạt động nhóm

2. **Học liệu:** tranh ảnh, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung thực hiện:** GV đặt câu hỏi, HS trả lời

c. **Sản phẩm:** câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Đọc văn bản sau và chú ý những từ in đậm. <i>Rải rác biên cương mở viễn xứ</i> <i>Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh</i> (Tây Tiến - Quang Dũng) - Có những cách nào giúp em hiểu nghĩa của những từ in đậm trong văn bản trên? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh trao đổi cặp đôi B3. Báo cáo thảo luận: Báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Đánh giá các cách giải thích của học sinh từ đó dẫn vào bài.	- Các từ: viễn xứ; biên cương; chiến trường . Có thể hiểu nghĩa bằng các cách: + Tìm hình ảnh tương ứng với từ + Cắt nghĩa từng yếu tố của từ sau đó gộp lại để hiểu. + Tái hiện nghĩa của từ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:**

- HS nhận biết được một số cách giải thích nghĩa của từ. Biết vận dụng những cách giải thích nghĩa của

từ qua phân tích ví dụ.

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁCH GIẢI THÍCH	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc phần Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ. + Nhóm 1,2 nêu những yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ. + Nhóm 3,4 nêu yêu cầu cụ thể với từng cách giải thích. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1,3 báo cáo - Nhóm 2,4 góp ý bổ sung hoặc phản biện <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, góp ý cho bài làm của HS theo dự kiến kết quả. 	<p>I. Những yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ + Nêu đầy đủ các khía cạnh của khái niệm. + Vừa chỉ được loại mà đối tượng thuộc vào, vừa chỉ được đặc thù đối tượng khác cùng loại. <p>VD: <i>NHÀ là công trình xây dựng có mái, tường bao quanh, cửa ra vào để ở, sinh hoạt văn hóa, xã hội hoặc cất giữ vật chất, phục vụ cho các hoạt động cá nhân hoặc tập thể của con người, và có tác dụng bảo vệ cho các hoạt động đó. (Theo Wikipedia)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu cụ thể với từng cách giải thích. + Nêu từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa. <p>Có thể cùng lúc nêu 2 - 3 từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để người tiếp nhận nắm bắt thuận lợi hơn về sắc thái tình tế câu từ được giải thích.</p> <p>VD: Máy bay - Phi cơ; trái - quả; bắp - ngô; Chân thật >< giả dối; no >< đói; cao >< thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm rõ nghĩa của từ sau đó tổng hợp lại <p>Cách giải thích này có thể áp dụng với đa số từ ghép. Cần lựa chọn đúng nghĩa của từ tránh hiểu sai nghĩa của từ.</p> <p>VD: từ NGŨ CỐC: Ngũ là 5, Cốc chỉ chung các loại hạt dùng để ăn. NGŨ CỐC dùng để chỉ các loại hạt dùng làm lương thực phổ biến là: Kê, mạch, Ngô, lúa mì, lúa gạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tái hiện các tầng nghĩa của từ. <p>Nêu đủ các tầng nghĩa từ khái quát đến cụ thể.</p> <p>VD: Nhà (đã nói trên)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dùng tranh ảnh <p>Lựa chọn tranh ảnh phù hợp với nghĩa của từ và được cộng đồng thừa nhận.</p> <p>VD: mưa, nắng, hạn hán (dùng hình ảnh)</p>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách vận dụng kiến thức về cách giải thích nghĩa của từ để làm bài tập.
- HS hiểu về nghĩa của từ trong những tình huống cụ thể.

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm:

Kết quả bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành 2 nhóm hoàn thành bài tập 1,2 với kỹ thuật khăn phủ bàn. - Giao bài tập 3,4,5,6 về nhà làm. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện theo nhóm bàn 4 người. - GV quan sát, hỗ trợ <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn 3 nhóm hoàn thành sớm nhất lên báo cáo. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá bài làm của học sinh.</p>	<p>II. Luyện tập cách giải thích nghĩa của từ</p> <p>Bài 1: <i>Tìm các cước chú ở hai văn bản “Bài ca ngất ngưỡng” và “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” các trường hợp có thể minh họa cho các cách giải thích nghĩa của từ đã nêu ở phần Tri thức ngữ văn.</i></p> <p>* Bài ca ngất ngưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tài bộ:</i> tài chí, tài năng được bộc lộ thành phong cách. -> cách giải thích nêu lên từ đồng nghĩa. - <i>Vào lồng:</i> vào guồng máy quan trường, gánh vác phận sự trong bộ máy chính quyền của nhà nước phong kiến; cũng có thể hiểu là mắc vào vòng trói buộc của công danh, bị nhốt và lồng trời đất. -> cách giải thích bằng hình thức trực quan <p>* Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chừ Hạnh:</i> hạnh là may mắn, cả câu ý nói thân mình ở chốn sa trường, chỉ may mắn mới sống sót. -> giải thích nghĩa của từ bằng cách trình bày khía cạnh niệm mà từ biểu thị. - <i>Tài bồi:</i> vun đắp, gây dựng (tài: trồng cây, bồi: vun bồi đắp) -> giải thích bằng cách làm rõ nghĩa của từng yếu tố được giải thích. - Các từ: Thiên dân, Vương thổ cũng tương tự <p>Bài 2: <i>Trong các cước chú tìm được theo bài tập 1, cách giải thích nghĩa của từ được sử dụng nhiều hơn? Lí giải nguyên nhân.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích bằng cách làm rõ nghĩa của từng yếu tố trong từ được giải thích (đối với từ ghép, sau đó nêu nghĩa chung của từ. - Nguyên nhân: rõ ràng, dễ hiểu và ngắn gọn, chi tiết cụ thể. <p>Gợi ý bài tập 3,5,6</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài tập 3: tìm các cước chú tác giả sử dụng kết hợp các cách giải thích nghĩa của từ: VD: Vừa hương, bàn độc... + Bài tập 4: <ul style="list-style-type: none"> - Có thể còn có hạn chế do vốn hiểu biết, vốn ngôn ngữ còn hạn hẹp. => cần trau dồi vốn ngôn ngữ, vốn hiểu biết nhiều hơn nữa.

	<p>+ Bài tập 5: Nêu ví dụ khi giải thích nghĩa của từ giúp người đọc hiểu đúng, hiểu rõ nghĩa của từ. Hình dung được ngữ cảnh sử dụng của từ. Từ đó giúp sử dụng từ chính xác, hiệu quả.</p> <p>+ Bài tập 6: Từ giải thích theo nghĩa từ điển mang ý nghĩa chung, bao quát nhất. Từ sử dụng trong văn cảnh mang theo cả cảm xúc, gắn liền với hoàn cảnh giao tiếp, mang sắc thái biểu cảm.</p>
--	--

4. Củng cố:

- Nội dung bài đã học

5. HDVN:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập 1,2 vào vở. Làm các bài tập 3,4,5,6.

PHẦN VIẾT

Tiết.....

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nắm được tri thức, yêu cầu cơ bản của kiểu bài Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS biết thực hiện đúng các bước khi tiến hành Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo và hợp tác.
- Năng lực đặc thù: Viết được bài văn Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật có yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận...

3. Về phẩm chất

- Bài học góp phần phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm: HS tích cực, chủ động trong học tập; ham học hỏi và nghiên cứu chuyên sâu vấn đề thuộc các lĩnh vực nghệ thuật khác. Có trách nhiệm thực hiện các công việc được giao khi viết bài, tìm hiểu tư liệu.
- Biết quan tâm, trân trọng những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Từ đó, có ý thức bảo tồn, lưu giữ, lan tỏa những sáng tạo nghệ thuật đó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, thang đánh giá
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phiếu học tập; Bảng kiểm đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài của h/s

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ (lồng ghép quá trình thực hiện tiết học)

3. Bài mới

* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối

kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

- Gọi dẫn đề h/s nhận biết bối cảnh sử dụng văn bản.

b. Nội dung:

- GV nêu câu hỏi, gọi dẫn vấn đề

- HS theo dõi và trả lời câu hỏi yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV nêu câu hỏi/tình huống học tập, gọi dẫn vấn đề.

- Cách 1:

+ HS tìm kiếm hình ảnh, tư liệu về một số loại hình nghệ thuật mà học sinh yêu thích (âm nhạc, hội họa, điêu khắc, phim điện ảnh....).

+ Tại lớp học, GV cho HS xem các hình ảnh/tư liệu do các nhóm đã chuẩn bị ở nhà, trình bày hiểu biết ban đầu về hình thức, nội dung và lí do lựa chọn.

- Cách 2: Sử dụng hình thức vấn đáp kết hợp với xem các hình ảnh/video/tư liệu về một số một số loại hình nghệ thuật.

GV cho học sinh xem bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ”.



CH1: Chia sẻ cảm nhận ban đầu của em khi quan sát bức tranh (hình ảnh, chất liệu, màu sắc, bố cục...).

CH2: Em biết gì về tác giả của bức tranh? Hãy chia sẻ đôi điều về người họa sĩ này?

CH3: Theo em văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật có khác với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật không?

*** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

- Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, động viên.

- Thời gian thực hiện: 5 phút.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi theo quan điểm của mình.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về phần trình bày của bạn.

*** Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, kết luận về câu trả lời của HS, dẫn vào nội dung bài học.

Trước đây chúng ta đã từng làm quen với kiểu bài viết văn bản nghị luận (kiểu bài nghị luận xã hội và kiểu bài nghị luận văn học), ở tiết học này chúng ta lựa chọn viết về một tác phẩm nghệ thuật khác có thể là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ hoặc phi ngôn từ:

điện ảnh, âm nhạc, điêu khắc, hội họa, nhiếp ảnh nghệ thuật... và ở mỗi loại hình nghệ thuật sẽ có những tính đặc thù riêng. Tuy nhiên, văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật vẫn phải đảm bảo những nguyên tắc chung của một bài nghị luận thông thường.

Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu cấu trúc và nội dung bài học....

* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu về kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS tìm hiểu phần lời dẫn và yêu cầu trong SGK/tr112 để nắm được những yêu cầu cơ bản của văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS nắm được những điều kiện cần tuân thủ để viết được kiểu bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật đúng quy định.

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- HS tìm hiểu văn bản mẫu, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu, rút ra kết luận về đặc điểm của văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời, kết quả luyện tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1,2 học sinh đọc bài viết tham khảo (từ SGK/tr112 - 115) <p>CH1: Em đã từng đọc bài viết nào có nội dung nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật chưa? Bài viết đó xuất hiện ở đâu? Điều em ấn tượng nhất ở bài viết đó là gì?</p> <p>CH2: Theo em cái khó của việc thưởng thức và đánh giá một tác phẩm nghệ thuật là gì?</p> <p>CH3: Để viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, các em cần thực hiện các yêu cầu gì?</p> <p>* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức chia sẻ cặp đôi hoặc theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) - GV quan sát, khuyến khích <p>* Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện một số cặp đôi hoặc nhóm bàn trình bày. 	<p>I. Tìm hiểu chung về kiểu bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>1. Điều kiện để thực hiện dạng bài viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có những am hiểu về loại hình nghệ thuật của tác phẩm lựa chọn (am hiểu về phạm vi và đối tượng nghị luận). - Khi phân tích, đánh giá tác phẩm, cần vận dụng kết hợp kiến thức về các bộ môn nghệ thuật, tham khảo tư liệu (VD: lời khuyên từ các chuyên gia, cố vấn nghệ thuật và các giáo viên mỹ thuật, những người có kinh nghiệm trong các lĩnh vực nghệ thuật). - Phải có vốn thuật ngữ nghệ thuật chuyên môn phong phú, để sử dụng phù hợp... <p>2. Yêu cầu đối với bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tác phẩm nghệ thuật không có nghĩa là mô tả lại tác phẩm nghệ thuật. Người viết phải có những hiểu biết sâu sắc, mang tính cá nhân cao. Có khả năng phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin khi nghiên cứu nghệ thuật.

<p>- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.</p> <p>* Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <p>- Dựa trên kết luận về đặc điểm của bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, GV đánh giá, nhận xét câu trả lời của HS.</p>	<p>- Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm nghệ thuật sẽ bàn tới trong bài viết (tác giả, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng....). Việc nêu các thông tin khái quát về tác phẩm cần dựa vào đặc trưng loại hình của tác phẩm thể hiện.</p> <p><u>VD:</u> Với tác phẩm điện ảnh, cần lưu ý các thông tin: tên nhà sản xuất, hãng phim, đạo diễn, tác giả kịch bản, diễn viên....</p> <p><u>VD:</u> Với tác phẩm hội họa cần lưu ý thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, nội dung/ý tưởng, kích cỡ, hình dạng, màu sắc, kết cấu....</p> <p>- Xác định được hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng sẽ triển khai cho bài viết.</p> <p>- Phân tích những đặc sắc của tác phẩm trên cả 2 phương diện: nội dung và hình thức...</p>
---	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những yêu cầu cơ bản (nội dung và hình thức) của **văn bản** nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật thông qua tìm hiểu bài viết tham khảo.
- HS biết thực hiện đúng các bước khi tiến hành Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: cách khai thác thông tin, chọn tác phẩm, tìm ý, trình bày, sắp xếp ý và lập dàn ý cho bài viết.

b. Nội dung:

- HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- HS tìm hiểu văn bản mẫu, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu, rút ra kết luận về đặc điểm của văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời, kết quả luyện tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV gọi 1,2 học sinh đọc bài viết tham khảo (SGK/tr112 - 115), chú ý thể chỉ dẫn trong bài viết.</p> <p>- GV chia nhóm thảo luận: 3 nhóm</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu phạm vi nghị luận, kết cấu bài viết.</p> <p><u>CH1:</u> Đọc bài viết tham khảo và cho biết: xét về tính chất, hướng triển khai, cấu trúc kiểu bài, em thấy bài viết này có giống</p>	<p>II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo</p> <p>1. Phạm vi nghị luận, kết cấu bài viết.</p> <p>- Phạm vi nghị luận: loại hình nghệ thuật hội họa.</p> <p>- Kết cấu: Xét về tính chất, hướng triển khai, cấu trúc kiểu bài, văn bản giống với cấu trúc của kiểu bài NLXH hay NLVH thường gặp, nhưng có điểm khác biệt do tính đặc thù của đối tượng nghị luận (tác phẩm nghệ thuật phi ngôn ngữ - nghệ thuật hội họa).</p>

cấu trúc của kiểu bài NLXH hay NLVH đã từng học không?

CH2: Nhắc lại khái niệm VBTT và chỉ ra sự khác biệt giữa văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật?

Nhóm 2: Tìm hiểu bố cục, cách triển khai luận điểm của bài viết.

CH1: Xác định bố cục của văn bản (văn bản được chia làm mấy đoạn, nhiệm vụ của mỗi đoạn?)

CH2: Nhận xét về tính đặc thù của những bằng chứng được sử dụng trong bài viết ?

Nhóm 3: Tìm hiểu về các yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

CH: Để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, người viết phải đảm bảo những điều kiện gì?

*** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc theo nhóm và trình bày sản phẩm vào phiếu học tập.

- + Thời gian: 10 phút
- + Chia sẻ: 03 phút
- + Phản biện và trao đổi: 02 phút.
- + GV đánh giá, nhận xét: 02 phút.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện một số nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm.

*** Bước 4. Đánh giá, kết luận**

- Dựa trên kết luận về đặc điểm của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, GV nhận xét câu trả lời của HS.

*** Sự khác biệt giữa văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật:**

- Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó, giới thiệu các danh lam thắng cảnh...

- Văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật:

+ Thể hiện khả năng phân tích, đánh giá về tác phẩm nghệ thuật.

+ Luận điểm đánh giá thể hiện quan điểm, góc nhìn riêng của người viết đối với tác phẩm nghệ thuật được bàn luận.

+ Thông tin cung cấp về tác phẩm được sử dụng như là phương tiện, giúp người viết triển khai một cách hợp lý những phân tích, nhận xét, đánh giá về đối tượng được đề cập.

2. Bố cục, cách triển khai luận điểm của bài viết.

*** Bố cục:** 6 đoạn

- Đoạn 1: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

- Đoạn 2: Khái quát thông tin về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Đoạn 3: Phân tích, bình luận về những đặc sắc của tác phẩm. (VD: chất liệu - sơn dầu; về cách phối hợp giữa màu sắc - ánh sáng - hình ảnh; khả năng tạo dựng bố cục tổng thể của bức tranh...).

- Đoạn 4: Gợi ý về cách tìm hiểu/khám phá nét độc của tác phẩm.

- Đoạn 5: Bày tỏ thái độ của người viết đối với tác giả, tác phẩm.

- Đoạn 6: Kết luận và gợi mở những suy nghĩ mới về nghệ thuật.

→ Kết cấu văn bản như bài nghị luận thông thường, gồm 3 phần

MB: Giới thiệu về đối tượng nghị luận;

TB: triển khai phân tích, bình luận về đối tượng bằng hệ thống các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng phù hợp.

	<p>KB: Đánh giá, kết luận và bày tỏ quan điểm của người viết.</p> <p>* Tính đặc thù của những bằng chứng được sử dụng trong bài viết</p> <p>- Tính đặc thù đó gắn liền với sự “miêu tả” của người viết về các phương tiện khách quan của tác phẩm (bố cục, kích cỡ, hình dạng, màu sắc, kết cấu...), khác với cách trích dẫn câu văn, câu thơ như trong văn bản nghị luận văn học.</p> <p>3. Những điều kiện người viết phải đảm bảo khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật:</p> <p>- Cần có những hiểu biết cơ bản về loại hình nghệ thuật mà tác phẩm đó thuộc về (bao gồm việc nắm được các thuật ngữ chuyên ngành ở mức độ nhất định).</p> <p>- Có hứng thú với tác phẩm nghệ thuật trên cơ sở được nghe, xem, thưởng lãm... theo điều kiện thực tế cho phép.</p> <p>- Khi đánh giá nghệ thuật cần thể hiện được thái độ, quan điểm rõ ràng thông qua hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng phù hợp.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- Nắm được các bước khi tiến hành viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: chọn đề tài; tìm ý, lập dàn ý; viết; chỉnh sửa và hoàn thiện.
- Biết cách thu thập thông tin, chuẩn bị, chọn cách dẫn dắt, sắp xếp các ý khi viết.
- Xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn, người am hiểu và yêu thích nghệ thuật...).
- Bám sát yêu cầu của kiểu bài, mục đích viết và đối tượng người đọc để xây dựng và triển khai hệ thống các luận điểm rõ ràng, thuyết phục.
- Viết được bài nghị luận theo đúng đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng Power Point hướng dẫn HS trình bày các bước khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- HS chốt lại kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để thực hiện các bước thực hành viết.

c. Sản phẩm: Bản nội quy được HS trình bày trên phiếu học tập, đáp ứng yêu cầu của đề bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
GV hướng dẫn HS thực hành viết: Viết văn bản nghị luận về một tác	III. Thực hành viết 1. Bước 1: Chuẩn bị viết - <i>Chọn đề tài:</i> rất rộng, phong phú bao gồm nhiều lĩnh vực nghệ

<p>phẩm nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc kĩ các bước thực hành viết: chuẩn bị viết; tìm ý, lập dàn ý; viết; chỉnh sửa hoàn thiện. - Hình thức: Thảo luận cặp đôi trong bàn thực hiện nhiệm vụ mà GV đã đề xuất. <p>* Bước 1. Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết <p><u>CH:</u> Đề tài của bài viết thuộc các lĩnh vực nào? Khi lựa chọn đề tài cần chú ý điều gì?</p> <p>* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ được giao theo hình thức cặp đôi, trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. - HS dự kiến sản phẩm. - GV quan sát, gợi mở <p>* Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi h/s trình bày sản phẩm - Trong khi đại diện h/s trình bày sản phẩm, cả lớp lắng nghe, phản hồi. - GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn <p>* Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu căn cứ đánh giá kết quả, nhận xét, đánh giá, bổ sung. 	<p>thuật khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể chọn một trong các loại hình: điện ảnh, âm nhạc, điêu khắc, hội họa, nhiếp ảnh nghệ thuật... <p><u>VD:</u> SGK/tr116</p> <p>→ Nhìn chung, khi chọn đề tài, nên chọn những tác phẩm mà mình am hiểu, có đủ thông tin (đã được tiếp xúc trực tiếp, có thể tra cứu thông tin, tìm hiểu về các vấn đề liên quan tới tác phẩm).</p>
<p>* Bước 1. Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS nắm các yêu cầu khi tìm ý và lập dàn ý: <ul style="list-style-type: none"> + HS tham khảo sgk và trình bày. + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB <p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. - HS dự kiến sản phẩm. - GV quan sát, gợi mở. <p>* Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. 	<p>2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</p> <p>a. Tìm ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm nghệ thuật đó của ai? Tên tác giả là gì? - Tác phẩm đó hoàn thành trong bối cảnh, thời điểm nào? - Đánh giá của giới chuyên môn và sự đón nhận của công chúng ra sao? - Những đặc sắc, độc đáo trong nội dung và nghệ thuật (có thể đánh giá cả về những thành công và hạn chế). - Giá trị của tác phẩm nghệ thuật đó trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng. <p>b. Lập dàn ý</p> <p>Lập dàn ý trên cơ sở dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định, ba phần của bài nghị luận:</p> <p>* Mở bài:</p>

<p>* Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, định hướng.</p>	<p>- Nêu được các thông tin cơ bản về đối tượng nghị luận (tên tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh sáng tác, sự đón nhận của công chúng...)</p> <p><u>VD:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + TP điện ảnh: Cần nêu được tên đạo diễn, nhà sản xuất, tác giả kịch bản, diễn viên + TP hội họa: Cần nêu được tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác, ý tưởng... <p>* Thân bài:</p> <p>- Khái quát chung về tác phẩm nghệ thuật (cốt truyện, chủ đề, giai điệu, ca từ, chất liệu...)</p> <p><u>VD:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Điện ảnh: có thể khái quát chung về cốt truyện. + Âm nhạc: Nhìn nhận chung về giai điệu, ca từ... + TP hội họa: Nhìn nhận chung về chất liệu, ý tưởng... <p>- Phân tích từng khía cạnh nổi bật của tác phẩm nghệ thuật (ở nội dung và hình thức) bằng những lí lẽ và dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục.</p> <p><u>VD:</u> TP hội họa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các vấn đề sẽ xoay quanh chủ đề, câu chuyện, ý tưởng của tác phẩm; + Những chi tiết quan trọng có trong tranh? Điểm nào thu hút mọi người. + Những sự kiện và môi trường xung quanh nào đã ảnh hưởng đến tác phẩm này (các sự kiện tự nhiên; các phong trào xã hội; sự kiện chính trị, sự kiện lịch sử, bối cảnh tôn giáo, sự kiện văn hóa...)? + Kích thước tổng thể, hình dạng, màu sắc... <p>- Gợi ý hướng thưởng thức/khám phá tác phẩm trọn vẹn và hứng thú nhất.</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Đánh giá chung về tác phẩm (những thành công và hạn chế ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; giá trị/ ý nghĩa của tác phẩm).</p> <p><u>VD:</u> Thành công - Ấn tượng/sự độc đáo của tác phẩm đối với công chúng, với đời sống xã hội...</p> <p>- Nêu cảm xúc, sự nhìn nhận, đánh giá của cá nhân về tác phẩm (nếu có).</p>
<p>* Bước 1. Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh, đảm bảo bố cục bài viết.</p>	<p>3. Bước 3: Viết</p> <p>- Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.</p> <p>- Bố cục: 3 phần (MB - TB - KB).</p>

<p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết bài theo dàn ý đã lập (thực hiện ở nhà) - GV hướng dẫn, định hướng cách làm bài cho hs. <p>* Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nộp sản phẩm. - GV chấm, nhận xét. Báo cáo, thảo luận trong tiết trả bài. <p>* Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá sơ lược về kết quả bài làm của học sinh, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt. 	<p>- Cách triển khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Triển khai từng luận điểm (Mỗi ý chính trong bài) cần được triển khai thành một đoạn văn; từng đoạn văn đều có câu chủ đề, được đặt ở vị trí thích hợp. Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Căn cứ vào loại hình nghệ thuật lựa chọn (đối tượng nghị luận) để lựa chọn dẫn chứng phù hợp. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú, kèm theo những lời bình, phân tích phù hợp, tránh tình trạng nói chung chung thiếu căn cứ. + Chú ý đến cảm xúc, thái độ của người viết. <p>Cần chọn ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi thể hiện lý lẽ thuyết phục.</p>
<p>* Bước 1. Giao nhiệm vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV có thể yêu cầu 1,2 HS đọc lại bài luận đã viết. <p>(Do thời lượng tiết nên GV có thể thực hiện kết hợp nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện bài cho h/s trong tiết trả bài).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra và chỉnh sửa theo. <p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xem lại bài viết trên cơ sở nhận xét đánh giá của bạn và GV, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. <p>* Bước 3: Báo cáo, thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. <p>* Bước 4. Đánh giá, kết luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, định hướng chuẩn kiến thức về kiểu bài. 	<p>4. Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo không bỏ sót ý. - Thay thế những từ ngữ có thể tạo nên giọng điệu thuyết phục không thích hợp, chẳng hạn những từ ngữ toát lên sắc thái mệnh lệnh, quyết đoán: không được, cần phải,... Bỏ những ý, những câu dễ tạo ra phản ứng ngược từ phía người được thuyết phục. - Bổ sung những ý, những câu phân tích, đánh giá về đối tượng chưa thuyết phục, còn thiếu. - Chỉnh lại những điểm thiếu nhất quán và chưa phù hợp trong cách triển khai ý, cách lập luận. - Rà soát để đảm bảo không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản. - HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.
<p>* Bước 1. Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao bài tập, yêu cầu dựa vào dàn ý đã hướng dẫn, định hướng học sinh cách tìm hiểu và làm bài ở nhà theo thời gian quy định. - HS xác định yêu cầu đề và các ý chính cần đạt. <p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xem lại đề bài viết trên cơ sở được tham khảo tài liệu, tìm hiểu các nguồn tư liệu, viết bài ở nhà theo yêu 	<p>* Bài tập về nhà:</p> <p>Khi đánh giá về những nghệ sĩ xuất sắc của hội họa Việt Nam trước 1945, các nhà phê bình đã khẳng định: “Nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn” (Trí: Nguyễn Gia Trí; Vân: Tô Ngọc Vân; Lân: Nguyễn Tường Lân; Cẩn: Trần Văn Cẩn.). Bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ” được coi là tác phẩm nổi tiếng nhất của họa sĩ Tô Ngọc Vân cũng như là một trong những đại diện tiêu biểu nhất của nền Mỹ Thuật Việt Nam thế kỷ 20.</p> <p>Hãy thử một lần trải nghiệm, tìm hiểu về tranh</p>

<p>cầu của GV.</p> <p>* Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- HS nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.</p> <p>* Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <p>- GV chấm bài, có nhận xét, đánh giá trong tiết trả bài.</p>	<p>Tô Ngọc Vân và dùng những kiến đã học về kiểu bài, viết một văn bản nghị luận về tác phẩm trên.</p> <p>- Yêu cầu nghị luận: viết một văn bản nghị luận về bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ” của tác giả Tô Ngọc Vân.</p> <p>- Các ý chính cần đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu về bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ”, tác giả Tô Ngọc Vân. + Nêu một số thông tin cần thiết về hoàn cảnh sáng tác/ ý tưởng/ đề tài, cảm hứng sáng tác. + Nhìn nhận chung về chất liệu, bố cục, màu sắc... + Phân tích những hình ảnh, chi tiết quan trọng có trong tranh. Điềm thu hút mọi người và làm nên sự độc đáo của bức tranh... + Bày tỏ thái độ bản thân.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài viết)

a. Mục tiêu:

- Nắm được các bước khi tiến hành viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.
- Rèn luyện kỹ năng, phân tích tác phẩm nghệ thuật, biết vận dụng thao tác lập luận đã học để trình bày ý kiến, quan niệm của mình một cách chặt chẽ, thuyết phục; biết trình bày và diễn đạt nội dung bài viết một cách khoa học, sáng rõ, đúng yêu cầu kiểu bài.

b. Nội dung:

- GV định hướng HS dựa dàn ý đã hướng dẫn, chữa bài, phân tích đề, đánh giá những ưu điểm và hạn chế của bài viết của mình và của bạn.
- GV đưa ra đáp án.

c. Sản phẩm:

- Bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.
- Bảng thống kê kết quả sau đánh giá của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
<p>* Bước 1. Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS xem lại phần kiến thức yêu cầu trong đề bài, kiến thức lí thuyết về kiểu bài đã học ở tiết trước.</p> <p>* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ được giao theo hình thức nhóm bàn, trao đổi</p>	<p>I. Nhắc lại đề bài, yêu cầu về kiểu bài</p> <p>- Nhắc lại yêu cầu đối với bài viết: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>Khi đánh giá về những nghệ sĩ xuất sắc của hội họa Việt Nam trước 1945 với câu so sánh “<i>Nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn</i>” (Trí: Nguyễn Gia Trí; Vân: Tô Ngọc Vân; Lân: Lương Xuân Nhị;</p>

theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.
 + HS trình bày dàn ý trên ppt và đối chiếu.
 + HS dưới lớp kiểm tra chéo dàn ý và phát hiện lỗi cho bạn.
 - HS dự kiến sản phẩm.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi hs nhận xét
 - GV yêu cầu hs nhắc lại dàn ý khái quát.

*** Bước 4. Đánh giá, kết luận**

- GV nêu căn cứ đánh giá kết quả, nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Cần: Tần Văn Cần.). Bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ” được coi là tác phẩm nổi tiếng nhất của họa sĩ Tô Ngọc Vân cũng như là một trong những đại diện tiêu biểu nhất của nền Mỹ Thuật Việt Nam thế kỷ 20.

Hãy thử một lần trải nghiệm, tìm hiểu về tranh Tô Ngọc Vân và dùng những kiến đã học về kiểu bài, viết một văn bản nghị luận về tác phẩm trên.

1. Xác định yêu cầu của đề bài:

- Phạm vi nghị luận: Bức tranh “Thiếu nữ bên hoa huệ”.

- Thao tác nghị luận chính: Phân tích, bình luận, chứng minh...

- Phạm vi dẫn chứng: trong đời sống về lĩnh vực hội họa.

2. Bố cục :

a. Mở bài: Nêu được các thông tin cơ bản về đối tượng nghị luận (tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, ý tưởng...).

b. Thân bài:

- Khái quát chung về tác phẩm nghệ thuật (về chất liệu, đề tài, ý tưởng...).

- Phân tích từng khía cạnh nổi bật của tác phẩm nghệ thuật

+ Các vấn đề sẽ xoay quanh chủ đề, câu chuyện, ý tưởng của tác phẩm

VD: đề tài phụ nữ - đề tài khá quen thuộc và là nguồn cảm hứng bất tận của âm nhạc, hội họa...

+ Những chi tiết quan trọng có trong tranh?

Điểm nào thu hút mọi người (chất liệu, bố cục, màu sắc...).

VD: **Chất liệu** - tranh sơn dầu.

Hình ảnh trung tâm của bức tranh: 02 đối tượng (thiếu nữ - hoa huệ) - Thiếu nữ tân thời duyên dáng; hình thể, động thái biểu hiện sức sống tươi trẻ của tuổi đôi mươi; Hoa huệ trắng (còn được gọi Hoa Loa kèn hay Bách hợp), loài hoa được coi là biểu tượng của sự thuần khiết, trinh nguyên...

Cách phối màu: Màu xanh là chủ đạo với nhiều sắc độ cùng với màu trắng, màu hồng ngả xanh, gây cho người xem cảm giác trầm và tĩnh lặng. Sự xấp xếp cân đối các mảng màu

	<p>trắng, xanh, vàng, hồng.. theo những đường lượn phong phú trên nhân vật và những đóa hoa đã tạo nhịp điệu cho bố cục bức tranh. Với bút pháp tả thực lãng mạn phương Tây cùng cảm quan phương Đông, nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam với tà áo dài trắng, kết hợp với màu trắng thanh khiết của loài hoa loa kèn đã tạo cho bức tranh một vẻ đẹp tươi tắn, thuần khiết, trinh nguyên. Hình ảnh người thiếu nữ cùng những chi tiết và màu sắc xung quanh tạo thành một hình khối đơn giản, nhẹ nhàng...</p> <p>- Những sự kiện và môi trường xung quanh nào đã ảnh hưởng đến tác phẩm này (các sự kiện tự nhiên; các phong trào xã hội; sự kiện chính trị, sự kiện lịch sử, bối cảnh tôn giáo, sự kiện văn hóa...)?</p> <p><u>VD:</u> bức tranh nổi tiếng thời Thiếu nữ bên hoa huệ được tác giả Tô Ngọc Vân hoàn thành năm 1943, đã như một liều thuốc hữu hiệu gỡ bỏ một số định kiến xã hội lúc đương thời.</p> <p>+ Kích thước tổng thể, hình dạng, màu sắc...</p> <p>- Gợi ý hướng thưởng thức/khám phá tác phẩm trọn vẹn và hứng thú nhất.</p> <p>c. Kết bài</p> <p>- Đánh giá và khẳng định về giá trị của tác phẩm.</p> <p><u>VD:</u> Tác phẩm “Thiếu nữ bên hoa huệ” cùng những tác phẩm hội họa của Tô Ngọc Vân được xem như những viên gạch đầu tiên tạo dựng nền móng vững chắc cho nền mỹ thuật của dân tộc Việt Nam, định hình một phong cách sơn dầu đậm bản sắc dân tộc và thời đại....</p>
<p>* Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm.</p> <p>- GV chữa bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và bổ sung (nếu có).</p> <p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh</p>	<p>II. Đối chiếu đáp án, nhận xét ưu, nhược điểm bài viết</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <p>- Đa số h/s đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề.</p> <p>- Trình bày khoa học.</p> <p>- Đảm bảo đúng bố cục bài nghị luận.</p> <p>2. Nhược điểm:</p> <p>- Một số em chưa biết cách làm bài :</p> <p>* Kiến thức:</p> <p>- Chưa nắm vững yêu cầu bài làm.</p> <p>- Nhiều em lười không làm bài.</p>

nghiêm. * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi h/s trình bày sản phẩm của mình (GV sẽ chọn 1-2 bài viết tốt; 1-2 trung bình; 1 bài kém cho h/s đọc). - Trong khi h/s trình bày sản phẩm, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. - GV có thể cho h/s xem, đánh giá chéo bài của bạn trên cơ sở bảng đánh giá. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Bài văn phân tích đánh giá còn sơ sài, thiếu phần nêu đặc sắc nghệ thuật. * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn: Một số em suwê dụng lời văn còn vụng về, văn nói, từ tối nghĩa. - Chữ viết: Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. - Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó. - Có em không hiểu yêu cầu đề nên thiên về cảm nhận sơ lược về bức tranh. 3. Kết quả: (GV có thể sử dụng bảng thống kê kết quả theo: Tốt - khá - đạt - không đạt)
---	--

Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài viết

ST T	Nội dung đánh giá	Kết quả		Cho điểm
		Đạt	Chưa đạt	
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật theo đúng yêu cầu đề.			- Bài tốt: Đạt 6/7 tiêu chí. - Bài khá: có từ 5 đến 6 tiêu chí đạt. - Bài đạt: có từ 3 đến 4 tiêu chí đạt. - Bài không đạt: có từ 3 hoặc dưới 3 tiêu chí đạt.
2	Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm, tác giả và đề tài/ý tưởng sáng tác.			
3	Thể hiện được sự đa dạng của những góc nhìn khác nhau về tác phẩm (mỗi ý kiến góp phải thể hiện được một góc nhìn, một cách đánh giá riêng).			
4	Biết xây dựng các luận điểm chính cho bài viết rõ ràng, rành mạch, có lập luận thuyết phục.			
5	Đánh giá chung và nêu được ý nghĩa của tác phẩm.			
6	Bài viết trình đảm bảo bố cục và sắp xếp các nội dung theo trình tự hợp lý. - Mở bài: + Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. - Thân bài: + Xây dựng được các luận điểm theo đúng yêu cầu kiểu bài. + Thể hiện được cách đánh giá riêng của mình về tác phẩm. + Biết chọn lọc các thông tin về tác phẩm để phân tích, tạo hấp dẫn cho bài viết.			

	- Kết bài: Khái quát lại được vấn đề, nêu cảm xúc của bản thân.			
7	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đúng quy cách; không mắc quá nhiều các lỗi: Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý; Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.			

4. Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: 5 phút

- Nắm khái quát các nội dung cơ bản về bài học.
- Nắm nội dung trọng tâm: Những yêu cầu và các bước tiến hành khi viết một bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
- Xem lại nội dung bài viết, sửa chữa và khắc phục lỗi trong bài.
- Nghiên cứu và tìm hiểu thêm về các loại hình nghệ thuật khác: điện ảnh, âm nhạc, kiến trúc.. các văn bản phân tích đánh giá để tham khảo

PHẦN NÓI VÀ NGHE

Tiết

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- HS biết lựa chọn, giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật đáng được giới thiệu rộng rãi.
- HS nhận biết được những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn của cá nhân cho những người được quan tâm.
 - + Nêu được những thông tin chính xác, cô đọng về tác phẩm (tên tác phẩm; tác giả; thể loại; thời điểm sáng tác; sự đón nhận của công chúng và các nhà chuyên môn...).
 - + Nói rõ lí do chọn giới thiệu tác phẩm (xét từ góc độ cá nhân hay từ ý nghĩa của hoạt động giới thiệu)
 - + Trình bày được cảm nhận, đánh giá của người nói về giá trị tác phẩm với những dẫn giải thuyết phục, đặc biệt việc giới thiệu nên tập trung vào tác phẩm thuộc các loại hình nghệ thuật khác như điện ảnh, âm nhạc, hội họa, điêu khắc.
 - + Nêu được những đề xuất có ý nghĩa đối với việc hình thành và phát triển năng lực thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nghe nói chung
- HS biết lắng nghe, trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

2. Về năng lực.

- + Năng lực thu thập thông tin về tác phẩm nghệ thuật được giới thiệu.
- + Năng lực hợp tác khi trao đổi thảo luận về tác phẩm nghệ thuật được giới thiệu.
- + Năng lực sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất.

- Học sinh được bồi dưỡng phẩm chất yêu mến, trân trọng cái đẹp của nghệ thuật, của con người và cuộc sống.
- Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

2. Học liệu : Kế hoạch bài dạy của GV, Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, SP của học sinh, các phần mềm hỗ trợ khi trình bày (Powpoint, Canva, Azota, Googlefom...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhắc HS nhớ lại kiến thức bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật ở Bài 2 đã học ở lớp 11, tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung: GV chiếu video (<https://www.youtube.com/watch?v=TL-eaZxMDo4>) và yêu cầu HS - Quan sát và giới thiệu về Nghệ thuật vẽ tranh cát

c. Sản phẩm: HS tự do bày tỏ quan điểm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án HS giới thiệu về Nghệ thuật vẽ tranh cát trong lễ tốt nghiệp rất sáng tạo để biểu đạt lời tri ân với cha mẹ, thầy cô....

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Học sinh nêu được những thông tin chính xác, cô đọng về tác phẩm (tên tác phẩm; tác giả; thể loại; thời điểm sáng tác; sự đón nhận của công chúng và các nhà chuyên môn...).

- Nói rõ lí do chọn giới thiệu tác phẩm.

- Học sinh trình bày được những yêu cầu cơ bản của việc giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật (tự chọn) cho những người quan tâm . Trình bày được các nhận định, đánh giá về tác phẩm văn học một cách thuyết phục: nêu luận điểm rõ ràng, phối hợp hợp lí phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; làm nổi bật nội dung thuyết trình.

b. Nội dung:

❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe

❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe

❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: Học sinh giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật. Những lưu ý của HS rút ra được từ bài học mục Chuẩn bị nói, Tìm ý và sắp xếp ý

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI. Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập : Giáo viên chia lớp học thành 4 nhóm thảo luận 2 vấn	I. CHUẨN BỊ NÓI: 1. Lựa chọn đề tài - Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên.

<p>đề kiến thức chuẩn bị nói: NHÓM 1-2 -HS ghi vào phiếu học tập những yêu cầu của việc lựa chọn đề tài. NHÓM 3-4: - Hãy ghi vào phiếu học tập những yêu cầu về dàn ý để chuẩn bị nói Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ của nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm của nhóm, đánh giá, phản biện. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức</p>	<p>- Có thể chọn nói về tác phẩm có thể khơi dậy ở người tiếp nhận thái độ sống tích cực, gợi lên nhiều suy nghĩ về vấn đề lựa chọn và hành động theo định hướng giá trị của bài học . - Có thể chọn những tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng, hoặc có thể chọn giới thiệu một tác phẩm còn bị “khuất lấp” chưa được nhiều người tiếp cận, miễn sao phải thuyết phục được người nghe về giá trị của nó, qua đó, gợi mở một cách nhìn nhận, đánh giá mới, không chỉ về một tác phẩm nghệ thuật cụ thể mà còn về nghệ thuật nói chung. - Những tác phẩm của nghệ thuật cách mạng, từ điện ảnh đến âm nhạc và nghệ thuật tạo hình thuộc số những đề tài nói thích hợp. Đây là cơ hội để bạn học hỏi những kinh nghiệm sống của thế hệ cha anh được kết tinh trong các tác phẩm nổi tiếng một thời, từ đó, biết xác định bước đường tương lai phù hợp với những điều kiện mới của cuộc sống 2.Tìm ý và sắp xếp ý -Nếu chọn giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật đã được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý, đánh dấu những ý cơ bản sẽ trình bày -Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm khác, cần xây dựng hệ thống ý nhằm làm rõ các thông tin: + Tên tác phẩm; tác giả; + Nơi có thể xem, nghe tác phẩm; + Điểm đặc sắc của tác phẩm về nội dung và hình thức; thông điệp toát ra từ sản phẩm; + Ý nghĩa của thông điệp; đóng góp của tác phẩm cho đời sống nghệ thuật, đời sống tinh thần chung của cộng đồng - Khi diễn đạt ý, cần quan tâm sử dụng những từ ngữ mang tính chuyên môn (thuật ngữ) để gọi tên các bộ phận cấu thành của tác phẩm hay nói về kĩ thuật thực hiện tác phẩm theo từng loại hình nghệ thuật khác nhau (phim: bối cảnh, nhịp độ, diễn xuất, đồng hiện, chuyển cảnh, góc quay,...; ca khúc mô-típ, chất liệu, tiết tấu, giai điệu,...; tượng, tranh: bố cục, hình khối, gam màu, hòa sắc...) (Tham khảo Phụ lục 1: Thiếu nữ bên hoa huệ)</p>
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại dàn ý bài giới thiệu gồm những phần nào? Nội dung gì? GV chọn 2 hoặc 3 nhóm trong số 4 nhóm đã giao nhiệm vụ ở nhà lên giới thiệu tác phẩm</p>	<p>II.Thực hành nói - Mở đầu: Nêu tên tác phẩm và loại hình nghệ thuật của tác phẩm được giới thiệu; nói rõ các điều kiện đưa đến sự lựa chọn giới thiệu tác phẩm. - Triển khai: Trình bày các thông tin chung về tác phẩm (tác giả, thời điểm và hoàn cảnh sáng tác, dư luận,...); phân tích một số nét đặc sắc của tác phẩm theo cảm nhận và quan điểm cá nhân</p>

<p>nghệ thuật</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nhắc về yêu cầu dàn ý của bài nói</p> <p>- HS thực hành nói – nghe bài đã chuẩn bị ở nhà</p> <p>Bước 3. Giới thiệu, thảo luận</p> <p>HS các nhóm lắng nghe giới thiệu tác phẩm nghệ thuật đã chuẩn bị trước, ghi nhận xét và đặt câu hỏi (hoặc bổ sung ý kiến) thảo luận ra giấy.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các nội dung của bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật và những lưu ý cần tránh khi thực hành giới thiệu.</p>	<p>- Kết luận: Đánh giá tổng quát về giá trị của tác phẩm và nêu hướng tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm</p>																																		
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá về bài trình bày của nhóm bạn.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS suy nghĩ đặt câu hỏi, phản biện về vấn đề vừa trình bày.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubic (Phụ lục 2)</p> <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr><tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1</td><td>Chọn được tác phẩm nghệ thuật có khả năng gây nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Trình bày được mạch các ý kiến đánh giá của cá nhân về tác phẩm</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Thể hiện được sự tương tác tích cực với người nghe</td><td></td><td></td></tr></table> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	STT	Nội dung đánh giá	Kết quả		Đạt	Chưa đạt	1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật có khả năng gây nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu			2	Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm			3	Trình bày được mạch các ý kiến đánh giá của cá nhân về tác phẩm			4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm			5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung			6	Thể hiện được sự tương tác tích cực với người nghe			<p>III. Trao đổi, đánh giá.</p> <p>- HS trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn.</p> <table><tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr><tr><td><p>- Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe.</p><p>- Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu).</p><p>- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe</p><p>- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành</p></td><td><p>- Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu)</p><p>- Đặt ra các câu hỏi để biết thêm về tác phẩm.</p><p>- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói</p><p>- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực</p><p>- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với cách giới thiệu của người nói</p></td></tr></table> <p>- Những lưu ý khi giới thiệu tác phẩm nghệ thuật:</p> <p>+ Nội dung giới thiệu lựa chọn được vấn đề phù hợp; nội dung thông tin chính xác; luận điểm rõ ràng, cách triển khai logic, thuyết phục.</p> <p>+ Cách trình bày:</p>	Người nói	Người nghe	<p>- Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe.</p> <p>- Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu).</p> <p>- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe</p> <p>- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành</p>	<p>- Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu)</p> <p>- Đặt ra các câu hỏi để biết thêm về tác phẩm.</p> <p>- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói</p> <p>- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực</p> <p>- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với cách giới thiệu của người nói</p>
STT			Nội dung đánh giá	Kết quả																															
	Đạt	Chưa đạt																																	
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật có khả năng gây nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu																																		
2	Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm																																		
3	Trình bày được mạch các ý kiến đánh giá của cá nhân về tác phẩm																																		
4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm																																		
5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung																																		
6	Thể hiện được sự tương tác tích cực với người nghe																																		
Người nói	Người nghe																																		
<p>- Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe.</p> <p>- Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu).</p> <p>- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe</p> <p>- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành</p>	<p>- Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu)</p> <p>- Đặt ra các câu hỏi để biết thêm về tác phẩm.</p> <p>- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói</p> <p>- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực</p> <p>- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với cách giới thiệu của người nói</p>																																		

	<p>. Người nói: ngữ điệu phù hợp, rõ ràng, truyền cảm; chú ý đến thái độ của người nghe để điều chỉnh cách trình bày; có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để tăng hiệu quả</p> <p>. Người nghe: chú ý lắng nghe, ghi chép những thông tin cần thiết giúp hiểu nội dung và có những đánh giá, phản hồi phù hợp; trao đổi, thảo luận.</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (8 phút)

a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ, các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hành bài nói và nghe.

b. Nội dung thực hiện

HS các nhóm được phân công nhiệm vụ đã chuẩn bị bài giới thiệu, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài nói và nghe đã chuẩn bị trước ở nhà theo rubric đánh giá.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS có kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ.

d. Tiến trình thực hiện:

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm còn lại lên trình bày bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật của nhóm mình</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày bài đã chuẩn bị ở nhà, các nhóm còn lại lắng nghe</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubric</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các nội dung của bài giới thiệu và những lưu ý cần tránh khi thực hành nói nghe.</p>	<p>HS thực hiện bài giới thiệu và trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn</p>
---	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (2 phút)

a. Mục tiêu hoạt động: HS tiếp tục hoàn thiện bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật ở nhà

b. Nội dung thực hiện: HS giới thiệu dựa trên tác phẩm nghệ thuật đã chuẩn bị

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập -Hãy chia sẻ với bạn những bài viết về các tác phẩm nghệ thuật mà bạn yêu thích và viết về một số tác phẩm mà bạn ấn tượng sâu sắc - Hãy tập tổ chức thuyết trình trong nhóm học tập về một tác phẩm nghệ thuật đương đại đang tạo được tiếng vang trong dư luận (Tác phẩm điện ảnh; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm điêu khắc, hội họa, đồ họa;...) Học sinh thảo luận và thực hiện</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS</p> <p>Trao đổi</p> <p>1. Người nghe Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để tiếp tục suy nghĩ về vấn đề và có thể đóng góp ý kiến bổ sung sau giờ học.</p> <p>2. Người nói Tiếp thu các ý kiến đóng góp phù hợp và hoàn thiện bài báo cáo. Xem phụ lục 3 “Mùi cỏ cháy”, khúc ca bi tráng về một thời hào hùng của lịch sử dân</p>
--	--

Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	tộc.
--	------

4. Dặn dò

GV nhắc HS điều chỉnh những nhược điểm còn và vấp khi thực hành bài nói và phát huy những ưu điểm của bản thân để bài sau nói - nghe tốt hơn. Phát huy tối đa các phương tiện phi ngôn ngữ trong khi nói để bài trình bày có hiệu quả hơn, hấp dẫn hơn.

Phụ lục 1. Dàn ý bài nói tham khảo

Tên tác phẩm nghệ thuật: Thiếu nữ bên hoa huệ.

Thể loại: Tranh vẽ sơn dầu

Tên tác giả: Tô Ngọc Vân

1. Lí do chọn giới thiệu tác phẩm nghệ thuật: "Thiếu nữ bên hoa huệ" là kiệt tác hội họa của Tô Ngọc Vân được độc giả Việt Nam và thế giới đánh giá rất cao.

2. Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật: "Thiếu nữ bên hoa huệ"

- Kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ" được Tô Ngọc Vân sáng tác vào năm 1943. Người mẫu trong bức tranh là cô Sáu.

- Kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ" là bức tranh mô tả cảnh một thiếu nữ mặc áo dài trắng đang nghiêng đầu một cách đầy duyên dáng, khơi gợi... về phía lọ hoa huệ trắng. Hình dáng cô gái kết hợp với những chi tiết và màu sắc xung quanh đã tôn lên một vẻ đẹp thiếu nữ với nét buồn vương vấn, dịu nhẹ. Nó vừa tạo được một không khí trẻ trung, tươi mới, có gì đó "tân thời" nhưng cũng lại rất dân tộc, rất Hà thành. Phải chăng, đó là lý do mà bức tranh được cả dân "Tây" lẫn dân ta đều thích. Đặc biệt, đây cũng là một trong những bức tranh đầu tiên của các họa sĩ Việt Nam thông qua sự phổ biến của mình đã góp phần tôn vinh bộ áo dài truyền thống. Nhân đây cũng xin nói một chút về những bông hoa được gọi là hoa huệ trong bức tranh. Không phải không có bạn yêu nghệ thuật thắc mắc rằng, tại sao bức tranh rành rành tên gọi "Thiếu nữ bên hoa huệ" song những bông hoa trong tranh lại là hoa...loa kèn. Thật ra, những bông huệ cắm trong lọ bên cô gái không phải là loại hoa huệ bông nhỏ mà ta thường dùng để cắm trên ban thờ trong các ngày rằm mà là hoa huệ tây (được gọi phổ biến dưới cái tên hoa loa kèn). Loài hoa này, đối với các tín đồ Cơ đốc giáo là biểu tượng của sự trinh trắng, đức hạnh.

- Kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ" ngay trong lần triển lãm đầu tiên tại Hà Nội, bức họa đã được nhiều người chú ý. Bốn năm sau ngày tác giả bức vẽ hy sinh, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã mượn "Thiếu nữ bên hoa huệ" từ bộ sưu tập của nhà sưu tập Đức Minh để đưa đi tham gia "Triển lãm mỹ thuật 12 nước XHCN" tổ chức tại Liên Xô, Hungary, Ba Lan, Rumani... Đây là lần đầu tiên "Thiếu nữ bên hoa huệ" được "xuất ngoại". Ngay lập tức, Tô Ngọc Vân được báo chí của những nước này ca ngợi như một hiện tượng của hội họa Việt Nam.

3. Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc/xem/nghe tác phẩm:

Theo ghi nhận của các chuyên gia thì ở kiệt tác "Thiếu nữ bên hoa huệ", với bố cục chặt chẽ, hoàn hảo, Tô Ngọc Vân đã tạo cho thị giác người xem chuyển dịch theo một vòng khép kín, khiến gương mặt thiếu nữ ghé vào bông hoa trở thành điểm nhấn nổi bật, thành trung tâm của

bức tranh. Kết hợp với cách sử dụng màu điều luyện, đặc biệt là màu trắng, Tô Ngọc Vân đã dựng lên một hình ảnh thiếu nữ mơ mộng và đài các. Tô Ngọc Vân được đánh giá là người có công đầu tiên trong việc sử dụng chất liệu sơn dầu ở Việt Nam. Thông qua kỹ thuật, ông đã cố gắng diễn tả được vẻ đẹp của duyên dáng người Việt Nam đương thời mà tiêu biểu là chân dung thiếu nữ.

Phụ lục 2: Phiếu đánh giá hoạt động nói và nghe

Tham khảo các nội dung được gợi ý trong bảng sau để tự đánh giá và đánh giá về bài nói

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật có khả năng gây nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu		
2	Nêu được các thông tin cơ bản về tác phẩm		
3	Trình bày được rành mạch các ý kiến đánh giá của cá nhân về tác phẩm		
4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm		
5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung		
6	Thể hiện được sự tương tác tích cực với người nghe		

Phụ lục 3: “Mùi cỏ cháy”, khúc ca bi tráng về một thời hào hùng của lịch sử dân tộc.

<https://www.google.com.vn/gioi-thieu-mot-tac-pham-nghe-thuat-tiep-theo-sgk-ngu-van-11-tap-2-ket-noi-tri-thuc-sieu-ngan->

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết

VĂN BẢN 1: BÀI CA NGÁT NGƯỜI (02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản hát nói muốn gửi đến người đọc.
- Phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề.

2. Về năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học
- Năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ: Biết cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông qua thực hành giải thích một số từ khó, từ đa nghĩa trong văn bản; qua đo chủ động bồi đắp vốn từ ngữ và sử dụng từ ngữ chính xác, có hiệu quả.
- Năng lực văn học: Nhận biết được cái cao cả, quan điểm sống của tác giả NCT.

3. Về phẩm chất:

- Biết tôn trọng con người cá nhân, các cá tính khác nhau trong đời sống xã hội; đồng thời nuôi dưỡng ý thức đóng góp cho cộng đồng, biết thể hiện sự can đảm và sáng suốt những lựa chọn có tính bước ngoặt trong cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, phấn, phần mềm Powerpoint.
2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh về tác giả, tác phẩm; phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

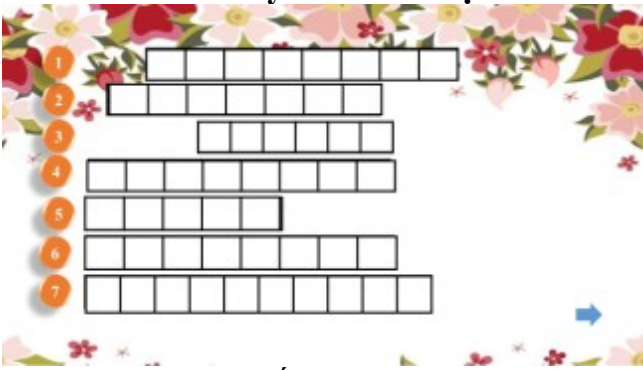
a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề qua hoạt động Ô chữ bí mật

HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu trên máy Ô chữ bí mật</p>  <p>GV gọi HS chọn bất kỳ ô câu hỏi, trả lời câu hỏi để tìm ra từ trong các ô chữ</p> <p><i>Đây là hoạt động nghệ thuật nào?</i></p> <p><i>Tên một địa danh của tỉnh Thái Bình, mang nghĩa Hán Việt là “Biển tiên”?</i></p> <p><i>Tỉnh quê hương Đại thi hào Nguyễn Du?</i></p> <p><i>Điền từ vào câu: “ Kiếp sau xin chớ làm người/ Làm ...đứng giữa trời mà reo ”</i></p> <p><i>Người Việt trẻ ngày nay muốn thể hiện cá tính của mình thông qua điều gì?</i></p> <p><i>Dòng họ có dân số đông nhất của Việt Nam hiện nay?</i></p> <p><i>Hình mẫu lí tưởng, mô thức hoàn hảo trong lĩnh vực đời sống, văn hóa, xã hội, nghệ thuậtmà người</i></p>	<p>Ô chữ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hát ca trù 2. Tiền Hải 3. Hà Tĩnh 4. cây thông 5. Cái tôi 6. Nguyễn 7. Thần tượng <p>Nhắc đến Nguyễn Công Trứ, nhà thơ Tố Hữu từng vái lạy và bày tỏ: “<i>Thật</i></p>

<p><i>hâm mộ muốn, học hỏi, noi theo và tiếp nối được gọi là gì?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân. - GV quan sát, gợi ý (nếu cần). <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS lựa chọn, trả lời - Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, dẫn vào bài</p>	<p><i>là một người có một không hai. Tài đến rứa là cùng, khi phách đến rứa là cùng, đức độ làm quan đến rứa là cùng mà chơi nhởi cũng hay đến rứa là cùng...”. Tài năng, cá tính, chất ngông của NCT thể hiện trong cả đời thường và văn học. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu tp Bài ca ngất ngưỡng để khám phá đánh giá chủ đề, tư tưởng, thông điệp của ông....</i></p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được và nắm vững những thông tin then chốt nhất trong phần *Tri thức ngữ văn*.

b. Nội dung

- Đọc nội dung phần *Tri thức ngữ văn*, gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin
- Tóm tắt tri thức về hiện tượng văn bản có nhiều chủ đề (chủ đề chính, chủ đề phụ); một số cách giải thích nghĩa của từ.
- Thảo luận, trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Phiếu học tập - Slide trình chiếu
- Chốt kiến thức chuẩn

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn về tính đa chủ đề; cách giải thích từ ngữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành phiếu học tập số 1 (làm việc cá nhân) <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét, câu trả lời của bạn</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tính đa chủ đề của văn bản VH, cách giải thích từ ngữ</p> <p>GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> làm nền tảng đọc hiểu</p>	<p>1. Văn bản VH có nhiều chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề là đối tượng, vấn đề mà văn bản biểu đạt. - Phân loại: <ul style="list-style-type: none"> + Theo mức độ biểu hiện: Chủ đề chính – Chủ đề phụ + Theo tính chất điều được biểu hiện: Chủ đề đặc thù dân tộc – Chủ đề phổ quát nhân loại. - Tác dụng: Văn bản đa dạng, đáp ứng yêu cầu đọc giả <p>2. Cách giải thích nghĩa của từ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách hình thức trực quan: - Cách trình bày khái niệm từ biểu thị - Cách nêu từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa - Cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ <p>-> Giúp người đọc/nghe/xem hiểu chính xác ý nghĩa, cách sử dụng từ ngữ</p>

văn bản.	- > Có thể sử dụng nhiều cách giải thích một từ.
----------	--

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1. BÀI CA NGẮT NGƯỜNG

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả
- Thấy được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Nguyễn Công Trứ
- Nêu được hoàn cảnh sáng tác, xác định vị trí, nội dung của văn bản.

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc văn bản: * GV gọi HS đọc phần giới thiệu về tác giả trong SGK, yêu cầu HS ghi nhớ ý chính. GV đọc mẫu rồi gọi 1 HS đọc lại bài hát nói. - GV lưu ý HS về giọng đọc: + 6 câu đầu và 7 câu cuối giọng đọc mạnh mẽ, tự hào + 6 câu giữa đọc với giọng đùa vui như trêu người. 2. Tác giả GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu: <i>? Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về Nguyễn Công Trứ, hãy khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả.</i> 3. Tác phẩm <i>? Hãy xác định hoàn cảnh sáng tác, thể loại và vị trí của bài thơ?</i> <i>HS kể một số tác phẩm thuộc thể loại hát nói.</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nhà nho tài tử - Có tài năng và nhiệt huyết ở nhiều lĩnh vực, có nhiều đóng góp cho dân cho nước. - Con đường làm quan không bằng phẳng, thăng giáng nhiều lần - Sự nghiệp sáng tác: Hầu hết bằng chữ Nôm và góp phần quan trọng vào việc phát triển của thể loại hát nói trong VHVN 2. Văn bản – HCRĐ: được làm sau năm 1848 khi nhà thơ đã cáo quan về hưu. – Thể loại: hát nói – một thể thơ tự do, phóng khoáng.

<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá - Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả - GV cho HS xem video ca trù văn bản <p>https://www.youtube.com/watch?v=4h2n7VFLSis</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận - Nhận xét, đánh giá HS 	<p>- <i>Vị trí:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trực tiếp bộc lộ quan điểm sống khác người, cái tôi cá nhân “ngắt ngưỡng” khác biệt với xã hội phong kiến. + Là bức chân dung tự họa về thân thể, sự nghiệp, lối sống với một cá tính độc đáo.
---	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nắm được **bố cục**, cảm hứng chủ đạo của văn bản, hình ảnh “ngắt ngưỡng” của NCT về hành trang cuộc đời mình, quan niệm và bản lĩnh sống vượt qua quan niệm Nho giáo phong kiến; một số đặc điểm nghệ thuật của thể hát nói.
- HS nhận biết được chủ đề chính của văn bản thể hiện bản lĩnh cứng cỏi, sự thức tỉnh ý thức cá nhân và thể hiện rõ một nhân sinh quan tiến bộ hiện đại.
- HS phân tích được những giá trị nghệ thuật đặc sắc và các thông điệp chính trong văn bản.
- HS liên hệ văn bản với bản thân, với đời sống.

b. Nội dung:

- HS đọc văn bản và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi phát vấn, bình giảng

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: (Nhóm 1)</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trừ nhan đề, bao nhiêu lần tác giả nhắc đến từ “<i>Ngắt ngưỡng</i>” trong bài thơ? - Theo anh (chị) “<i>Ngắt ngưỡng</i>” diễn tả một tư thế nào của con người, và sự vật? - Nếu hiểu “<i>Ngắt ngưỡng</i>” là một Phẩm chất sống thì em hiểu phẩm chất đó là như thế nào? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng: “<i>Ngắt ngưỡng</i>” cũng là Phẩm chất đề cao bản thân, sống giữa mọi người mà như không nhìn thấy ai; là Phẩm chất khinh đời, 	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ “<i>Ngắt ngưỡng</i>” xuất hiện 4 lần trong bài thơ ở các câu: 4, 8, 12 và câu cuối. - “<i>Ngắt ngưỡng</i>” diễn tả một con người, sự vật có chiều cao hơn so với con người và sự vật khác nhưng ngã nghiêng, chực đổ mà không đổ. -> Đây là trạng thái gây cảm giác rất khó chịu cho người xung quanh, như trâu trọc, trâu người. - Là khác người, xem mình cao hơn người khác. - Là thoải mái tự do, phóng túng, không theo một khuôn khổ nào hết. <p>*Từ “<i>Ngắt ngưỡng</i>” thứ nhất gắn liền với những năm ra làm quan. Đó là cái “<i>Ngắt ngưỡng</i>” ở chốn quan trường. (6 câu đầu)</p>

<p>ngạo vật; cố tình làm những điều khác thường để thách thức, trêu ghẹo những người, những gì mình ghét.</p> <p>- Mỗi từ “Ngắt ngưỡng” gắn liền với quãng đời nào của nhà thơ, thể hiện ở các đoạn thơ nào trong bài?</p> <p>HS đọc thầm lại văn bản, xác định các “phạm vi” (thời gian cuộc đời nhà thơ, đoạn thơ) ngắt ngưỡng.</p>	<p>* Từ “Ngắt ngưỡng” thứ hai, ba gắn liền với những năm cáo quan về hưu. Đó là cái “Ngắt ngưỡng ở chốn hành lạc. (12 câu tiếp).</p> <p>* Từ “Ngắt ngưỡng” thứ tư trở lại quãng đời làm quan. Nhưng đây là cái “Ngắt ngưỡng” ở chốn triều chung. (Câu cuối).</p> <p>=> Phẩm chất sống tự do, phóng khoáng, vượt lên trên những trói buộc của cuộc sống đời thường ở nhà thơ.</p>
<p>Nhiệm vụ 2: (Nhóm 2)</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Trong thời gian làm quan, NCT đã thể hiện phẩm chất “ngắt ngưỡng” của mình như thế nào?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã giao.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- HS cử đại diện nhóm lên trình bày</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Điều này được NCT thể hiện rất nhiều trong các tác phẩm của ông: cho rằng kẻ làm trai là phải mang lấy cái nợ và phải tung hoành ngang dọc để trả cho trọn cái nợ ấy.</p> <p><i>“Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc Nợ tang bồng vay trả trả vay Chỉ làm trai Nam Bắc Đông Tây Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể”</i> (Chỉ anh hùng)</p> <p>Tuy nhiên, đối với NCT, công danh không chỉ là vinh mà còn là nợ, là trách nhiệm. Vì vậy, ông coi đó là sự dấn thân tự nguyện đem tự do, tài hoa nhốt vào vòng trói buộc.</p> <p>Điều này là phù hợp với tâm trạng của con người đã trải qua bao nhiêu phiên lụy chốn quan trường.</p> <p>Nhiệm vụ 3: (Nhóm 3)</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>Vậy tại sao ông coi việc làm quan là mất tự do vậy mà vẫn ra làm quan?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm</p>	<p>2. Lời tự thuật về cuộc đời</p> <p>a. Khi làm quan (6 câu đầu)</p> <p>- Câu 1:</p> <p><i>“Vũ trụ nội mạc phi phận sự”</i></p> <p>Mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta: Phẩm chất tự tin, ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm và tài năng của bản thân.</p> <p>- Câu 2:</p> <p><i>“Ông Hi văn tài bộ đã vào lồng”</i></p> <p>-> Tuy cho việc làm quan là mất tự do, là “vào lồng” song vẫn ra làm quan vì đó là phương tiện để ông thể hiện tài năng và hoài bão của mình, một sự</p>

đã giao.

B3. Báo cáo thảo luận

- HS cử đại diện nhóm lên trình bày

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Vì ông coi việc làm quan là một điều kiện, một phương tiện để thể hiện hoài bão vì dân vì nước và tài năng của mình. điều quan trọng là trong một môi trường có nhiều trói buộc, ông vẫn thực hiện được lí tưởng xã hội của mình và vẫn giữ được bản lĩnh, cá tính.

Nhiệm vụ 4: (Nhóm 4)

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Câu 3, 4, 5, 6 NCT nói đến điều gì?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

+ Thủ khoa: đỗ đầu Giải Nguyên kì thi Hương năm 1819 trường Nghệ An.

+ Tham tán: đứng đầu đội quan văn tham chiến (Tham tán đại thần đi dẹp loạn ở Cao Bằng)

+ Tổng đốc Đông: đứng đầu tỉnh (hoặc vài tỉnh) - Tổng đốc Hải Dương và Quảng Yên.

+ Bình Tây, đại tướng: đứng đầu đội quân trấn Tây - thời kì hoạt động quân sự ở phía Tây.

+ Phủ doãn Thừa Thiên: chức quan đầu tỉnh có Kinh đô (ở đây là phủ Thừa Thiên)

- *Em có nhận xét gì về cách dùng từ?*

+ Dùng từ ngữ Hán Việt + âm điệu nhịp nhàng: sự trang trọng, kiêu hãnh về những đóng góp của mình cho đất nước.

+ Cách nói ấy là cách nói của người ý thức được mình, tài năng vượt lên trên thiên hạ.

dẫn thân tự nguyện.

- Câu 3, 4, 5, 6: Liệt kê tài năng hơn người:

+ Giỏi văn chương (khi thủ khoa)

+ Tài dùng binh (thao lược)

-> Tài năng lỗi lạc xuất chúng: văn võ song toàn

- Khoe danh vị hơn người:

+ Tham tán

+ Tổng đốc

+ Đại tướng (bình định Trấn Tây)

+ Phủ doãn Thừa Thiên

- Thực tế đã cho thấy ông là người có tài năng xuất chúng, tận tâm với sự nghiệp và lập nhiều công trạng, thể hiện tài “kinh bang tế thế”.

- Đường công danh khi thăng lúc giáng, nhưng khi nhìn lại ông không hề che giấu niềm tự hào, kiêu hãnh về tài năng và vì đã cống hiến hết mình.

- Nghệ thuật

+ Sử dụng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc trang trọng.

+ Thủ pháp NT: điệp từ kết hợp liệt kê vừa có tác dụng khoe tài, vừa nhấn mạnh các chức danh đã từng trải qua -> Thể hiện một ý thức rõ nét, trang trọng về tài năng và địa vị của bản thân.

+ Giọng điệu: lúc khoe khoang, phô trương; lúc tự cao tự đại, khinh đời.

=> *"Ngất ngưỡng" trên hành trình hoạn lộ: người quân tử sống bản lĩnh, đầy tự tin, kiên trì lí tưởng.*

b. Lúc về hưu (12 câu tiếp)

* Sự kiện về hưu:

- Mở ra bằng câu thơ nguyên văn chữ Hán → sự kiện quan trọng.

“Đô môn giải tổ chi niên”

-> Nhắc lại một sự kiện quan trọng trong cuộc đời

<p>TIẾT 2: Hướng dẫn hs tìm hiểu phần còn lại</p> <p>Nhiệm vụ 5: (Nhóm 1)</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ <i>6 câu đầu là bức chân dung tự họa của nhà thơ khi còn đương chức. Vậy lúc đã cáo quan rồi NCT có còn “Ngông” nữa không?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ - Gv tổ chức cho HS thảo luận.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận - HS cử đại diện nhóm lên trình bày</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: :</p> <p>Nhiệm vụ 6: (Nhóm 2)</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ <u>Câu hỏi thảo luận:</u> NCT đã làm gì kể từ lúc về hưu? (về hưu thế nào, ăn chơi ra sao). Em có nhận xét gì về những hành động đó? Từ đó cái “Ngất ngưởng” của nhà thơ ở đây như thế nào?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS phân tích, nhận xét theo nhóm rồi cử đại diện trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: + NCT làm một việc ngược đời, đối nghịch. Người ta tán lộng, ngựa xe nghiêm trang, còn ông thì ngất ngưởng trên lưng con bò. Đã là một giống vật thấp kém, bò mà lại bò cái, nhưng lại được trang sức bằng đặc ngựa - đồ trang sức quý của loài vật cao cấp (ngựa). Song ông còn buộc mo cau vào đuôi bò ở cái chỗ cần che nhất với một tuyên ngôn ngược: để che miệng thế gian → trêu người, khinh thị cả thế gian kinh kì. Ông có quyền ngất ngưởng vì ông về hưu trong danh dự, sau khi đã làm được</p>	<p>(về hưu), điều kiện để ông thực hiện lối sống ngất ngưởng.</p> <p>* Những hành động ngất ngưởng:</p> <p>- “<i>Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng</i>” -> Dạo chơi bằng cách cưỡi con bò vàng, đeo nhạc ngựa trước ngực nó, đeo mo cau sau đuôi, bảo rằng để che miệng thế gian. + “<i>Kìa núi nọ phau phau mây trắng</i>” -> Thường thức cảnh đẹp, ngao du sơn thủy. + “<i>Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi</i>” -> Cười mình là tay kiếm cung (một ông tướng có quyền sinh quyền sát) dạng từ bi: đáng vẽ tu hành, trái hẳn với trước. + “<i>Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì</i>” -> Dẫn các cô gái trẻ lên chơi chùa, đi hát ả đào. + Chứng kiến cảnh ấy “<i>Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng</i>” -> Một cá tính nghệ sĩ: Sống phóng túng, tự do, thích gì làm nấy, sống theo cách của mình, nhanh chóng thích nghi hoàn cảnh.</p> <p>- Quan niệm sống: + Câu 13: Vượt qua dư luận xã hội, không quan tâm được mắt. + Câu 14: không bận lòng trước những lời khen chê. + Câu 15, 16: Sống tự do, phóng túng, tận hưởng mọi thú vui, không vương tục. → Một nhân cách, một bản lĩnh ngất ngưởng: sống</p>
--	---

nhiều việc có ích cho dân...

+ Phan Bội Châu có thơ Vịnh việc này: “Hà Như Uy viễn tướng quân thú/Tuý ủng hồng nhi thượng pháp môn” (Sao có được cái thú của Uy viễn tướng quân/Rượu say đưa các cô gái trẻ lên chùa).

Nhiệm vụ 7: (Nhóm 3)

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Quan niệm sống của Nguyễn Công Trứ thể hiện như thế nào trong các câu từ 13 – 15?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã giao.

B3. Báo cáo thảo luận

- HS cử đại diện nhóm lên trình bày

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Câu 13 – 16, ông là người không quan tâm đến chuyện được mất, không bận lòng vì sự khen chê, có những khi hành lạc: uống rượu, cô đầu, con hát, ông không phải là người của phật, mà vẫn là con người của cuộc đời, duy có điều: không vương tục.

→ Một nhân cách, một bản lĩnh cao, chấp tất cả, không để lụy và khinh tất cả những gì của thói thường.

Nhiệm vụ 8: (Nhóm 4)

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nguyễn Công Trứ đã quan niệm như thế nào về phận sự của kẻ làm trai ở câu 17, 18? Ông đã hiện thực được quan niệm ấy chưa?

- Câu 17, 18: Cá tính và bản lĩnh của nhà thơ được ông diễn tả như thế nào?

- Trong câu cuối, nhà thơ đã khẳng định những gì?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã giao.

B3. Báo cáo thảo luận

không giống ai, không nhập tục cũng không thoát tục.

- Câu 17, 18: Cá tính và bản lĩnh

+ So sánh mình với các bậc anh tài

+ Tự khẳng định mình là bề tôi trung thành

+ Ý thức về bản lĩnh, tài năng và phẩm chất.

- Nghệ thuật

+ Sử dụng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc trang trọng.

+ Hình ảnh: đối lập → trái khoái, ngược đời

+ Thủ pháp NT: liệt kê

+ Giọng điệu: hài hước, hóm hỉnh.

+ Nhịp điệu: khoan thai, không gò bó về niêm luật, số câu, số chữ.

→ Thể hiện lối sống tự do, tự tại, phóng túng, hào hoa.

⇒ “Ngất ngưỡng” khi cáo quan về hưu: bậc tài tử phong lưu, không ngần ngại khẳng định cá tính của mình.

c. Ngất ngưỡng ở chốn triều cung:

- Câu cuối: vừa hỏi vừa khẳng định: mình là một đại thần trong triều, không có ai sống ngất ngưỡng như ông cả.

- Nêu bật sự khác biệt của mình so với đám quan lại khác: cống hiến, nhiệt huyết.

- Ý thức muốn vượt ra khỏi quan niệm “đạo đức” của nhà nho.

- Thể hiện tấm lòng sắt son, trước sau như một đối với dân, với nước.

→ Ngất ngưỡng nhưng phải có thực tài, thực danh.

3. Khẳng định phong cách sống

- Khi làm quan, ông không chấp nhận sự khom lưng uốn gối hay thói quy lụy.

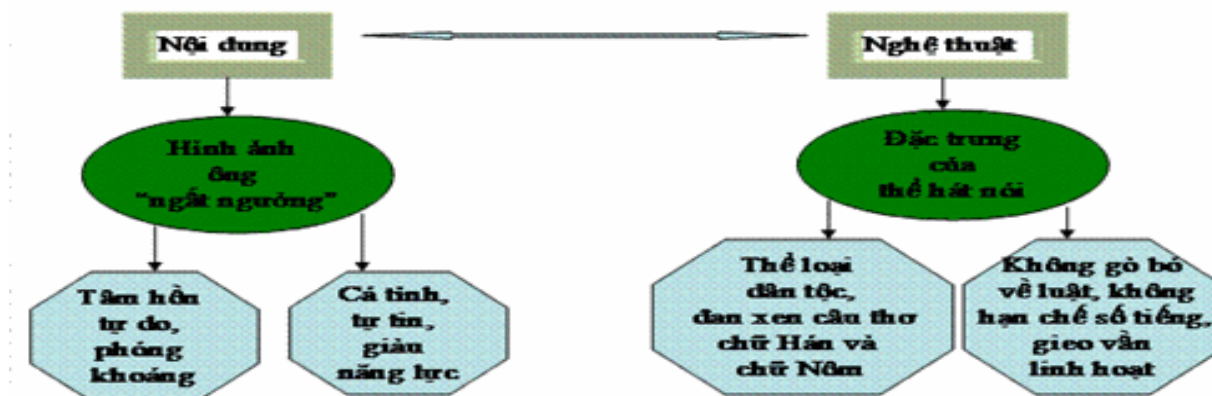
- Khẳng định tấm lòng trung quân, ái quốc bằng tài năng và sự cống hiến hết mình cho xã hội, cho triều đại.

- Không chấp nhận uốn mình theo lễ giáo Nho giáo, mà thuận theo sự tôn trọng cá tính, sự trung thực và cũng là dám sống cho mình.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

hoạt.

- Nhịp thơ linh hoạt giàu nhạc tính.
- Xây dựng hình tượng ý vị, trào phúng nhưng ẩn sau đó là thái độ, q/niệm nhân sinh quan mang màu sắc hiện đại.



HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức vừa hình thành về tác giả và tác phẩm.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi và nhóm làm sơ đồ tư duy.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>-Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:</p> <p>1. <i>Lí giải vì sao NCT có thể ngất ngưỡng được như thế?</i></p> <p>2. <i>Từ phong cách sống tích cực của Nguyễn Công Trứ, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu lên vấn đề tuổi trẻ ngày nay cần có những phẩm chất, năng lực gì và phải làm gì để có những phẩm chất, năng lực ấy?</i></p> <p>- Bước 2: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi. GV tổ chức cho HS thảo luận nhanh trên lớp.</p>	<p>Sở dĩ NCT có thể ngất ngưỡng được như thế là vì ông ý thức được tài năng của bản thân. Ông là một người bản lĩnh và cá tính.</p>

- Bước 3: Nhận xét

Gọi đại diện phát biểu.

Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi

- Bước 4: GV chuẩn kiến thức.

GV nhận xét, định hướng

– GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định.

– GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được các từ ngữ, hình ảnh thơ trong việc thể hiện tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình.
- Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.
- Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS làm ở nhà)**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Giáo viên giao nhiệm vụ: <i>? Nếu coi “ngắt ngưỡng” là thái độ sống thì thái độ sống đó ntn? Thái độ sống đó có phải là lối sống lập dị, cố làm cho khác người của một bộ phận trong xã hội hiện nay hay không?</i> <i>? Tuổi trẻ ngày nay cần làm gì để thể hiện được phong cách sống ngắt ngưỡng tích cực?</i> 1. Vận dụng làm tiếp những bài tập trong Sách bài tập Ngữ văn 11. B2. HS làm việc cá nhân. B3. HS báo cáo. B4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	<ul style="list-style-type: none"> - Thái độ sống của Nguyễn Công Trứ có được dựa trên tài năng và bản lĩnh. - Tuổi trẻ cần nhìn nhận khía cạnh tích cực để có lối sống đúng đắn cho bản thân

5. Củng cố:

? Ngoài chủ đề chính, Bài ca ngắt ngưỡng còn có chủ đề nào khác?

? Vận dụng các kiến thức em học/biết để giải thích từ “ngắt ngưỡng”

- Học thuộc bài thơ, ghi nhớ nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy hoặc grap

- Chuẩn bị bài mới:

+ Sưu tầm tư liệu, hình ảnh có liên quan đến bài học mới. _

+ Bài học rút ra.

PHỤ LỤC**Phụ lục 1. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

- | | |
|----|---|
| 1. | 1. Chủ đề là gì? Chủ đề khác đề tài như thế nào?
..... |
| 2. | 2. Văn bản VH có những cách phân loại nào về chủ đề?
..... |
| 3. | 3. Căn cứ để phân biệt chủ đề chính và chủ đề phụ của Văn bản? Việc xác định chủ đề Chính/phụ của văn bản có luôn đạt được thống nhất không?
..... |
| 4. | 4. Sự đa dạng chủ đề có tác dụng như thế nào đến một tác phẩm VH?
..... |
| 5. | 5. Vì sao cần giải thích nghĩa của từ?
..... |
| 6. | 6. Những nhân tố nào chi phối việc lựa chọn cách giải thích nghĩa của từ?
.....
..... |
| | 7. Có những cách giải thích từ ngữ cơ bản nào?
..... |
| | 8. Người ta có thể sử dụng nhiều cách giải thích nghĩa của một từ không? Vì sao? |

Ngày soạn:

BÀI 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG
Tiết 94,95 - VĂN BẢN 2: VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC
Nguyễn Đình Chiểu
(02 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà tác giả bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc muốn gửi đến người đọc.

2. Về năng lực:

- Luyện tập tra cứu, tập giải thích nghĩa của từ đặc biệt là những từ cổ, từ địa phương, từ vay mượn thông qua cách phiên âm tiếng nước ngoài.

3. Về phẩm chất:

- Kính trọng và biết ơn những con người bình dị nhưng đã anh dũng dẫn thân, hi sinh cho Tổ quốc; đồng thời luôn nuôi dưỡng lòng quả cảm, khát vọng đóng góp cho cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, giấy A4, giấy A0, dụng cụ khác nếu cần...

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên bộ “*Kết nối tri thức với cuộc sống*”; Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, bảng kiểm, rubric.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: tạo ấn tượng và tâm thế tích cực để giúp HS đi vào tìm hiểu một tác phẩm văn tế tiêu biểu trong văn học trung đại Việt Nam.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan; HS trả lời cá nhân.

c. Sản phẩm: Lời chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Hãy kể ngắn gọn về một tấm gương đã anh dũng hi sinh vì nền độc lập tự chủ của đất nước ta trong thời kì chống thực dân Pháp xâm lược.</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS suy nghĩ trả lời và chia sẻ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học</p>	<p>Một số tấm gương anh dũng hi sinh vì nền độc lập tự chủ của đất nước ta trong thời kì chống thực dân Pháp xâm lược: La Văn Cầu, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót...</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Tìm hiểu khái quát thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Gv trình chiếu video về tác giả, HS xem video ghi nhớ các thông tin cơ bản về tác giả, Hoạt động cá nhân tìm hiểu về tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu video clip Danh nhân đất Việt: Cù đồ Chiểu của VTV1 – Đài Truyền hình Việt Nam. Link video: https://www.youtube.com/watch?v=dPqcCnOxKUU</p> <p>HS kết hợp với đọc SGK ở nhà, trình bày 1 phút những thông tin cơ bản về tác giả theo các từ khóa đã cho: 1943, 1949, 1959, thể loại chính, tác phẩm nổi tiếng.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS quan sát, ghi nhanh thông tin và trình bày 1p</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: câu trả lời của HS</p> <p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác phẩm</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi, HS dựa vào phần tìm hiểu trước trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí bài văn tế trong sáng tác NĐC và trong lịch sử văn học Việt Nam ? - Hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ? - Em hiểu như thế nào về thể loại văn tế? (mục đích, nội dung, hình thức). <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS suy nghĩ, trả lời</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: câu trả lời của HS</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1843, đỗ tú tài. - 1849, ông ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì hay tin mẹ mất → bỏ thi, về quê → bị mù. Về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân và làm thơ. - 1959: Pháp chiếm Gia Định, chúng dụ dỗ, mua chuộc nhưng ông vẫn giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với đất nước và nhân dân. - Thể loại sáng tác chính: Truyện thơ, Thơ Đường luật, văn tế. - Tác phẩm nổi tiếng: Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngự tiêu y thuật vấn đáp, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc... <p>2. Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn tế nằm trong giai đoạn thứ 2 thuộc bộ phận văn thơ yêu nước của NĐC. Là tác phẩm có giá trị đặc biệt và độc đáo trong văn học dân tộc. - Văn tế là một thể văn dùng trong đời sống, có chức năng cơ bản là tế vong hồn, ca và ghi nhớ công đức người đã khuất. - Cấu trúc nội dung nói chung gồm ba phần: Tán (thể hiện nhận định, đánh giá, thường là ca ngợi công đức người được tế); Thán (khái quát về sự nghiệp, công lao, tài năng, đức độ,... của người được tế); Ai (bày tỏ niềm đau đớn, thương xót, sự kính trọng, ghi nhớ công ơn,... với người được tế).... - Ngôn ngữ: trang nghiêm, giản dị, dễ hiểu để thể hiện sự chân thành, kính trọng,... với người được tế. - Bút pháp: phối hợp đa dạng các yếu tố như nghị luận, tự sự, trữ tình, biểu cảm.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: khám phá Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ở tất cả các khía cạnh, về nội dung tư tưởng cũng như nghệ thuật

b. Nội dung: GV tổ chức trao đổi trong bàn, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản và chia bố cục</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu đoạn đầu văn bản, hướng dẫn HS cách đọc văn biên ngẫu (chú ý nhịp, tiết tấu, cấu trúc đối,) - Hướng dẫn HS chia bố cục: HS thảo luận trong bàn, thực hiện yêu cầu: <i>Căn cứ vào hiểu biết chung về cấu trúc nội dung thể văn tế, hãy xác định bố cục và nêu nội dung chính của mỗi phần trong văn bản.</i> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe, đọc chú thích, suy nghĩ trao đổi trong bàn và chia bố cục văn bản.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Nghe, thảo luận, trả lời</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Câu trả lời của HS</p> <p>Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp làm 4 nhóm, tìm hiểu theo bố cục đã chia ở trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Tìm hiểu đoạn 1 - phần Tán (9 	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Đọc – chia bố cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn đọc: <p>Đoạn 1: giọng trang trọng</p> <p>Đoạn 2: từ trầm lắng khi hồi tưởng chuyển sang hào hứng, sáng khoái khi kể lại chiến công.</p> <p>Đoạn 3: trầm buồn, sâu lắng, xót xa, đau đớn.</p> <p>Đoạn 4: thành kính, trang nghiêm.</p> <p>Chú ý các chú thích.</p> <p>a. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn tế (ngày nay gọi là điệu văn) là thể văn thường dùng để đọc khi tế, cúng người chết, nó có hình thức tế – tưởng. - Bài văn tế thường có các phần: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Lung khởi</i> (cảm tưởng khái quát về người chết). + <i>Thích thực</i> (hồi tưởng công đức của người chết). + <i>Ai văn</i> (than tiếc người chết). + <i>Kết</i> (nêu lên ý nghĩa và lời mời của người đứng tế đối với linh hồn người chết). <p>b. Bố cục văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1 (gồm 9 câu đầu, ứng với phần Tán trong cấu trúc nội dung bài văn tế): ca ngợi tấm lòng vì nghĩa lớn của người nông dân nghèo khổ. + Đoạn 2 (6 câu tiếp theo, ứng với nửa trước của phần Thán trong cấu trúc nội dung bài văn tế): tinh thần dũng cảm kiên cường của người nghĩa sĩ nông dân trước sức mạnh sùng đạn của kẻ thù xâm lược. + Đoạn 3 (10 câu tiếp theo, ứng với nửa

câu đầu), trả lời câu hỏi trong 2, 3 SGK
 + Câu văn mở đầu “Súng giặc đất rền;
 Lòng dân trời tỏ.” có ý nghĩa như thế nào
 trong việc thể hiện tư tưởng chung của bài
 văn tế?

+ Lòng căm thù giặc của người nghĩa sĩ
 nông dân Cần Giuộc được tác giả thể hiện
 trong tác phẩm như thế nào?

sau của phần **Thán** trong cấu trúc nội dung
 bài văn tế): lí giải nguyên nhân, cơ sở của
 hành động hi sinh vì nghĩa của người nghĩa
 sĩ nông dân.

+ Đoạn 4 (5 câu còn lại, ứng với phần **Âi**
 trong cấu trúc nội dung bài văn tế); ý nghĩa
 cao cả của sự hi sinh và tình cảm xót thương
 của nhân dân đối với những người vì nước
 quên thân.

2. Đọc - hiểu văn bản

2.1. Phần **Tán** (9 câu đầu)

* Câu văn mở đầu có chức năng khái quát
 nội dung tư tưởng chung của bài văn. Câu
 văn nhấn mạnh cuộc đối đầu giữa lòng dân
 và súng đạn kẻ thù.

- Tình thế đất nước nguy cấp, tiếng súng
 quân giặc làm rung chuyển non sông, vận
 mệnh dân tộc là điều thiêng liêng nên mỗi
 công dân phải đặt lên trên hết.

- Lúc đất nước nguy nan mới hiểu hết lòng
 dân. Xuất phát từ quan điểm của thời trung
 đại và sự chiêm nghiệm về vận nước, tác giả
 nhấn mạnh: chỉ trời cao mới thấu tỏ phẩm
 đức trung trinh của người dân vốn lạnh lẽ
 bình thường; chỉ có sức mạnh lòng dân mới
 xoay chuyển được vận mệnh quốc gia.

- Hai vế câu cô đúc đặt trong thế đối ngẫu
 “súng giặc” – “lòng dân” đã nhấn mạnh vẻ
 đẹp sáng ngời của hình tượng chính

-> Câu mở đầu đã khái quát bối cảnh thời
 đại và chân dung tinh thần của người nghĩa
 binh Cần Giuộc.

* *Lòng căm thù giặc của người nghĩa sĩ
 nông dân Cần Giuộc:*

- Người nông dân nghèo khó cơ cực nhưng
 lại là những con người có ý thức sâu sắc về
 tự chủ quốc gia dân tộc. Ý thức tự chủ quốc
 gia của họ không gắn với tư tưởng có tính lí
 luận cao siêu mà gắn với nỗi bất bình, căm
 phẫn khi cuộc sống bình dị an phận bỗng
 dưng bị tàn phá. Đó là nguyên nhân trực
 tiếp dẫn đến hành động khảng khái nghĩa

<p>- Nhóm 2: Tìm hiểu đoạn 2 - đầu phần Thán (câu 10 -> 15), trả lời câu hỏi 4, 5 trong SGK</p> <p>+ <i>Tìm và liệt kê các động từ mà tác giả đã sử dụng để thể hiện tinh thần chiến đấu dũng cảm của các nghĩa sĩ Cần Giuộc.</i></p>	<p>hiệp, quyết không đội trời chung với kẻ thù cướp nước.</p> <p>- Lòng căm thù giặc của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc có sự chuyển biến:</p> <p>+ Ban đầu, họ đã hồi hộp lo lắng với tâm lý thụ động, trông đợi vào hành động của triều đình: “Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa;”</p> <p>+ Về sau, thái độ căm ghét của nhân dân lao động hết sức mãnh liệt: “Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.”. Nỗi oán hận quân cướp nước được thể hiện bằng nhiều từ ngữ, hình ảnh có sắc thái biểu cảm mạnh mẽ: “Bữa thấy bông bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan; Ngày xem ông khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ”.</p> <p>+ Lòng căm thù giặc sâu sắc của người nghĩa sĩ nông dân được chuyển hoá thành ý thức sống cao thượng, lựa chọn dứt khoát, hành động xả thân đầy trượng nghĩa. Trước tình thế nước mất nhà tan, họ đã hoàn toàn tự nguyện gánh trên vai trách nhiệm với quê hương, đất nước: “Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu; Hai vầng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó. Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ”.</p> <p>+ Một loạt từ ngữ, điển cố thể hiện ý thức về vận mệnh dân tộc và chân lý chính nghĩa cao cả mang tầm quốc gia (một mối xa thư đồ sộ, hai vầng nhật nguyệt chói loà) đặt trong cấu trúc câu văn biến ngẫu mang hàm ý lựa chọn và quan hệ tăng tiến (há để... đâu dung..., nào đợi... phen này xin, chẳng thèm... chuyến này dốc...) đã thể hiện chân lý: lòng căm thù sẽ biến thành sức mạnh chiến đấu. Mỗi cá nhân đều gắn số phận của bản thân với sự tồn vong của núi sông; trong mỗi con người bình thường đều sẵn có ý niệm thường trực hướng về Tổ quốc</p>
--	---

+ *Tinh thần chiến đấu anh dũng của người nghĩa sĩ nông dân trong trận quyết chiến tấn công đồn giặc được tác giả thể hiện như thế nào?*

- **Nhóm 3:** Tìm hiểu **đoạn 3 – nửa sau phần Thán (câu 16 -> 25)**, trả lời câu hỏi 6 trong SGK

+ *Từ câu 16 -> 25, tác giả đã nhìn nhận ra sao về hành động xả thân vì nghĩa của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc?*

thiên lương.

-> Từ tình yêu cuộc sống, khát vọng gìn giữ quê hương, thái độ căm ghét sự tàn ác xấu xa đến ý thức tự nguyện giữ nước và cuối cùng là hành động quên mình trong đánh giặc là một logic tất yếu, có tính biện luận sâu sắc.

2.2. Phần Thán

a. Đầu phần Thán (câu 10 -> 15)

* Một số động từ được tác giả sử dụng, thể hiện rõ nét lòng quả cảm của các nghĩa sĩ Cần Giuộc. Các động từ này tập trung ở đoạn văn thứ hai, khái quát tinh thần chiến đấu của nghĩa binh trong sự kiện công đồn: đánh, đốt, chém, đập, lướt, xô, xông, đâm, hè,

- Các động từ trên được kết hợp với các từ chỉ phương thức (bằng), chỉ ý hoàn thành (xong, rớt,...), ý nối tiếp (tới, vào,...) hoặc phương vị (ngang, ngược, trước, sau,...) đã diễn tả dồn dập sức mạnh chiến đấu kiên cường, như nước vỡ bờ, với tinh thần không nao núng trước sức mạnh giặc Tây. Về mặt hình thức, các động từ trên được sử dụng thành từng cặp trong cấu trúc đối, thể hiện sự tăng tiến về cấp độ và không khí dồn dập khẩn trương của chiến trận.

– Đây đều là các động từ đơn âm tiết, nét nghĩa cụ thể, dứt khoát, mạnh mẽ; lại là những từ thuần Việt, thường được dùng trong ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày của người nông dân, thể hiện rõ tính tương phản với điều kiện thiếu thốn, trang bị thô sơ và lực lượng ít ỏi nên có giá trị biểu cảm trực tiếp, gây xúc cảm mạnh trong lòng người đọc.

* *Nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc bước vào trận đánh với tư cách người lính bất đắc dĩ:*

- Họ chỉ là “dân ấp dân lân”, vốn chỉ biết việc cày việc cuốc chứ không thuộc bất kì lực lượng chuyên nghiệp nào trong các cuộc chiến đấu. Họ bước vào trận đánh mà không

<p>- Nhóm 4: Tìm hiểu phần Ai, trả lời câu hỏi 7 trong SGK</p> <p>+ <i>Ý nghĩa của sự hi sinh và tình cảm của nhân dân dành cho người nghĩa sĩ được tác giả thể hiện trong phần cuối bài văn (từ “Ôi thôi thôi!” đến hết gọi cho em những suy nghĩ gì về lễ sống?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày phần làm việc nhóm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Phần trình bày của HS, Kết quả làm việc nhóm</p>	<p>có bất kì sự chuẩn bị nào: chưa từng học binh thư, chưa từng được luyện tập sử dụng vũ khí; thậm chí việc tập rèn võ nghệ của quân đội cũng “mất chưa từng ngó”. Tuy nhiên, vì mến nghĩa mà “làm quân chiêu mộ”.</p> <p>– Nghĩa sĩ nông dân chỉ có: “ngoài cật có một manh áo vải”, họ tự trang bị cho mình vũ khí xung trận là những công cụ lao động, những vật dụng thô sơ quen thuộc với nghề nông: <i>ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay...</i></p> <p>– Người nghĩa sĩ nông dân có lòng nghĩa hiệp và tinh thần tự nguyện, tự giác cao độ. Họ hiểu rõ về tương quan lực lượng trong cuộc đối đầu nhưng nhất quyết xả thân vì nghĩa, “nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to”; “trời kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ”; họ chẳng cần đến cờ dong trống giục mà vẫn “đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không”;... + Hành động xả thân vì nghĩa, ý thức đem thân hứa quốc của người nghĩa binh được thể hiện trong tác phẩm với giọng văn trầm hùng và âm hưởng bi tráng. Hình ảnh những con người chân chất bình dị đã hoá thân thành biểu tượng anh hùng bất tử.</p> <p><i>* Lý giải nguyên nhân, cơ sở của hành động xả thân vì nghĩa của nghĩa binh Cần Giuộc:</i></p> <p>- Nghĩa sĩ nông dân đã xả thân vì nghĩa đúng như cốt cách, phẩm chất, lễ sống bình dị của họ. Biết rằng bước vào trận chiến sinh tử thì mấy ai trở về nhưng họ vẫn tự nguyện xung trận. Họ đâu cần lưu danh sử sách như người theo nghiệp binh đao, có lẽ sống “da ngựa bọc thây”, “gươm hùm treo mộ” mà vì họ chiến đấu vì tình yêu quê hương, đất nước và lòng căm thù giặc ngút trời.</p> <p>– Người nghĩa sĩ chấp nhận sự hi sinh mà lẽ ra sự hi sinh đó không thuộc chức trách của họ. Họ không phải lực lượng quân đội của triều đình; cũng chẳng phải vì phạm tội mắc lỗi mà bị đẩy vào chỗ chết, chẳng phải vì ai</p>
---	--

đòi ai bắt.... Sự hi sinh của họ để lại niềm đau thương khôn nguôi, khiến cả thiên nhiên và con người xúc động: “Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng...lụy nhỏ”

– Người nghĩa sĩ Cần Giuộc xả thân vì nước trước hết xuất phát từ sự lựa chọn một cuộc sống “có nghĩa”: ơn vua ơn nước (“tấc đất ngọn rau ơn chúa tài bồi cho nước nhà ta”); không chấp nhận việc “quăng vùa hương, xô bàn độc”, vứt bỏ tổ tiên nguồn cội. Tuy cả đời cùi cút khó nhọc nhưng họ là những người giàu lòng tự trọng, thấu hiểu đạo lí làm người.

- Hành động xả thân vì nghĩa còn xuất phát từ nhận thức về kẻ thù của người nông dân nghĩa binh: vô cớ xâm lăng một đất nước có chủ quyền, chẳng “mắc mớ chi” mà giày xéo quê hương, làm tan nát cả “bát cơm manh áo” người dân; những kẻ “man di” ấy đã khinh nhờn văn hoá, tín ngưỡng ngàn đời của truyền thống ông cha,...

– Thà chết vinh còn hơn sống nhục là một lựa chọn khẳng khái, dứt khoát:”Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh”...; họ không chấp nhận cuộc sống đốn hèn, hổ thẹn, “thà thác” chứ không chịu ”đầu Tây”.

-> Sự lựa chọn cách sống, hay đúng hơn là chấp nhận chết để bảo toàn khí tiết, danh dự, một cách tự nhiên của người nghĩa sĩ Cần Giuộc đã được Nguyễn Đình Chiểu nâng lên ngang tầm cách ứng xử của một mẫu anh hùng lí tưởng.

2.3. Phần Ai

** Ý nghĩa cao cả của sự hi sinh và bày tỏ tình cảm xót thương của nhân dân đối với những người vì nước quên thân:*

- Sự xót thương dành cho người nghĩa sĩ được tác giả thể hiện trong niềm xúc động mạnh mẽ. Nỗi đau thương trỗi lên đời sống và số phận của “mẹ già ngồi khóc trẻ”, của

	<p>“vợ yếu chạy tìm chồng”</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thương đau mắt măt không khiến nhân dân gục ngã, mà biến thành sức mạnh. Cái chết của nghĩa binh đánh động người còn sống ý thức hơn về số phận của đồng bào, nhắc nhở rằng binh tướng giặc còn đó đã làm cho “bốn phía mây đen”, phải tiếp tục vùng lên để cứu nước. – Sự hi sinh của người nghĩa sĩ đã hoá thân vào trời đất núi sông, sống mãi với thời gian: “Ôi! Một trận khói tan, nghìn năm tiết rỡ”; “tắm lòng son” và gương hi sinh của họ vằng vặc như “bóng trăng rằm”. – Sống một đời bình dị nhưng biết xả thân vì nghĩa, sự hi sinh của nghĩa sĩ khiến họ được tôn vinh, tiếng thơm lưu truyền; nhân dân kính ngưỡng thờ phụng: “Thác mà trả nước non rồi nợ, ... muôn đời ai cũng mộ”. - Chết mà linh hồn nghĩa binh vẫn cùng nhân dân đánh giặc. Ước nguyện đã trở thành lời thề thiêng liêng vang vọng núi sông: “Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ ảm đủ đền công đó”;... Cái chết hoá thân vào núi sông, cái chết hoá thành bất tử. - Lễ sống: Mỗi người cần có lễ sống cao đẹp, xuất phát từ tình yêu, khát vọng chân chính, biết phụng sự cho cộng đồng... Cần tránh lối sống hẹp hòi, ích kỉ, ...
--	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát được đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi, hướng dẫn HS khái quát vấn đề

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi: Nêu những giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Chất trữ tình

B2. Thực hiện nhiệm vụ: suy nghĩ, trả lời B3. Báo cáo thảo luận: trả lời câu hỏi B4. Đánh giá kết quả thực hiện: câu trả lời của HS	- Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu. - Ngôn ngữ vừa trân trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ. 2. Ý nghĩa văn bản: - Vẻ đẹp bi tráng của người nông dân nghĩa sĩ. - Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của văn tế

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS hoàn thành PHT				* Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống - Là những người nông dân sống cuộc đời lao động lam lũ, vất vả, hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao (Câu 3, 4, 5) * Thái độ, hành động khi quân giặc tới - Khi quân giặc xâm phạm đất đai bờ cõi cha ông, họ đã có những chuyển biến lớn: - Về tình cảm: Căm thù giặc sâu sắc (Câu 6, 7) - Về nhận thức: ý thức được trách nhiệm đối với sự nghiệp cứu nước (Câu 8; 9) +Hành động: Tự nguyện chiến đấu (Câu 10; 11) *Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận - Vào trận với những thứ vẫn dùng trong sinh hoạt hàng ngày (Câu 12, 13) (Vẻ đẹp mộc mạc, chân chất nhưng độc đáo. - Khí thế chiến đấu: Tiến công như vũ bão,
Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống	Thái độ, hành động khi quân giặc tới	Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận	Nghệ thuật	
B2. Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo B4. Đánh giá kết quả thực hiện:				

	<p>đạp lên đầu thù xốc tới, không quản ngại bất kì sự hi sinh gian khổ nào, rất tự tin và đầy ý chí quyết thắng (Câu 14, 15)</p> <p>*Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động từ mạnh, dứt khoát: Đánh, đốt, chém, đạp, xô. - Từ đan chéo tăng sự mãnh liệt: đâm ngang, chém ngược, lướt tới, xông vào. - Cách ngắt nhịp ngắn gọn. - Hàng loạt hình ảnh đối lập Ta - địch; Sự thô sơ - hiện đại; Chiến thắng của ta – thất bại của giặc. - Chi tiết chân thực được chọn lọc, cô đúc từ đời sống thực tế nhưng có tầm khái quát cao.
--	---

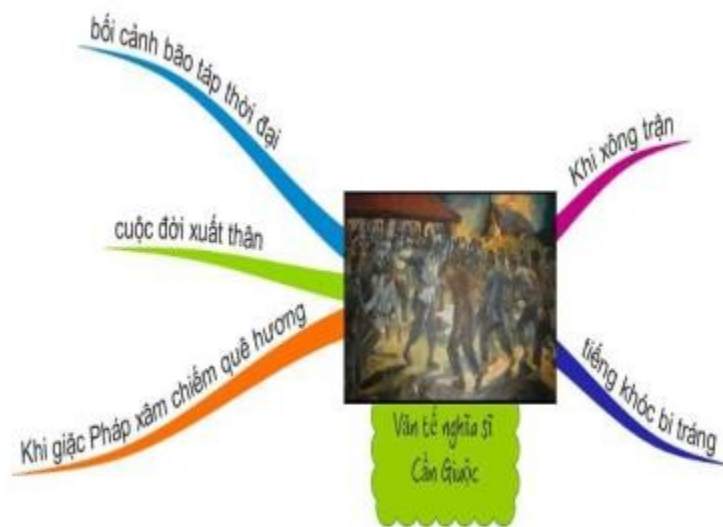
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân
- c. Sản phẩm:** Bài làm của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>*CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:</p> <p>- Giáo viên giao nhiệm vụ: ? Từ nội dung của bài văn tế, viết đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của mình về “lựa chọn và hành động” của nghĩa sĩ Cần Giuộc khi đối đầu với kẻ thù xâm lược.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>- Về mặt hình thức, cần đảm bảo cấu trúc đoạn văn. Đoạn văn có thể tổ chức thành một hoặc một vài luận điểm.</p> <p>– Về mặt nội dung: Từ việc lí giải và nhận thức về vấn đề được nêu ra qua một tác phẩm văn học, HS cũng cần có những liên hệ thực tế; chấp nhận ý kiến phản biện với tinh thần tích cực. Có thể giải thích nội dung được đề cập trong tác phẩm rồi tiến hành bàn luận, đánh giá; cũng có thể vừa phân tích, vừa bàn luận một cách tổng hợp.</p> <p>+ “Lựa chọn” thể hiện nhận thức về đối tượng về con đường mình sẽ chọn; hơn thế là sự thể hiện niềm tin vào giá trị mà lí tưởng của mình khao khát hướng đến... “Hành động” là sức mạnh nội lực, xuất phát từ ý thức và lòng can đảm thực hiện khát vọng, lí tưởng mình đã chọn... “Lựa chọn và hành</p>

	<p>động” đúng đắn thể hiện một triết lí sống, một hành động sống có ý nghĩa tích cực; qua đó, sẽ tạo dựng nhân cách và giá trị cuộc đời của mỗi con người.</p> <p>+ Người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc đã “lựa chọn” lẽ phải, con đường vùng lên đấu tranh để giành lại độc lập tự do cho quê hương đất nước; “hành động” của họ là xả thân vì nghĩa lớn với tinh thần dứt khoát, với lòng dũng cảm, kiên cường,</p> <p>+ Nêu suy nghĩ của cá nhân và liên hệ bản thân, định hướng chung; trân trọng và biết ơn, khát vọng cống hiến, sẵn sàng hi sinh bản thân cho lí tưởng cao cả mà mình đã chọn,...</p>
--	--

4. củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Tham khảo sơ đồ tư duy sau)



5. HDVN: Suu tầm thêm 1 bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu

Ngày soạn:.....

Tiết 96 - VĂN BẢN 3:

CỘNG ĐỒNG VÀ CÁ THỂ

(Trích Thế giới như tôi thấy - An-be Anh-xtanh - Albert Einstein)

Thời lượng thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai và sử dụng.

2. Về năng lực:

- Học sinh vận dụng năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận để đọc hiểu văn bản theo thể loại.
- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết được văn bản nghị luận.
- Biết xử lý hài hòa mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong các tình huống cụ thể của đời sống.

3. Về phẩm chất: HS biết chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên bộ “*Kết nối tri thức với cuộc sống*”; Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, bảng kiểm, rubric.

2. Học liệu: Máy chiếu, bảng, giấy A4, giấy A0, dụng cụ khác nếu cần...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

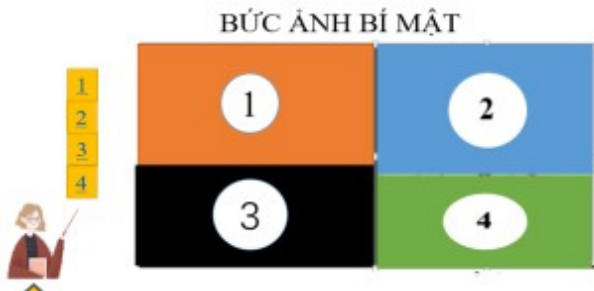
2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**

- Xác định được nhiệm vụ học tập.
- Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi về chủ đề *Cộng đồng và mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng*.

c. Sản phẩm: Lời chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh tham gia trò chơi “<i>Bức tranh bí mật</i>”, chia sẻ suy nghĩ sau khi tìm ra bức tranh.</p> <p>GV thông qua luật chơi với HS:</p> <p>* Câu hỏi trong 4 mảnh ghép</p> <p>Mỗi học sinh sẽ lần lượt trả lời câu hỏi ở những mảnh ghép để tìm ra bức tranh bí mật của tiết học hôm nay, sau đó HS sẽ có 1 phút để chia sẻ suy nghĩ của mình về bức tranh tìm được.</p> <div style="text-align: center;"> <p>BỨC ẢNH BÍ MẬT</p>  </div> <p>Câu 1: Có thể phân loại chủ đề trong một văn bản có nhiều chủ đề theo những tiêu chí nào?</p>	

Trả lời: 2 tiêu chí: Mức độ biểu hiện của chủ đề (chủ đề chính + chủ đề phụ); Tính chất những điều được biểu hiện (Chủ đề đặc thù dân tộc, chủ đề phổ quát nhân loại)

Câu 2. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

....là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm được tập trung bàn luận trong văn bản (Luận đề)

Câu 3: Ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề, được gọi là? (Luận điểm)

Câu 4: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

....là những căn cứ cụ thể, sinh động được khai thác từ thực tiễn hoặc các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lý của lý lẽ. (Bằng chứng).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập: HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: HS suy nghĩ trả lời và chia sẻ

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Bức tranh tìm được



Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến văn bản
- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản
- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm và vấn đề đặt ra từ văn bản.

b. Nội dung:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.
- Kết quả trình bày của HS một số nét cơ bản về tác giả và văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những hình ảnh. - GV đọc mẫu một đoạn. - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. - Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Đọc văn bản <ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng là “cùng chung với nhau”. Cộng đồng chính là một đoàn thể những người cùng sống, có điểm giống và gắn kết thành khối thống nhất trong sinh hoạt xã hội.

- HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó.
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Tổ chức trao đổi
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét cách đọc của HS

*Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu tác giả - tác phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức về tác giả - tác phẩm ở SGK/109 để nêu những hiểu biết về tác giả An-be Anh-Xtanh và tác phẩm “*Cộng đồng và cá thể*”

? Nêu hiểu biết về tác giả (vị trí, ảnh hưởng...)

? Nêu hiểu biết về tác phẩm,

? Xác định bố cục của văn bản bằng phiếu học tập số 1 GV đã giao nhiệm vụ từ tiết học trước.

Nội dung câu hỏi	Phần trả lời của học sinh		
1. Văn bản nhằm mục đích gì?	<p>.....</p> <p>.....</p>		
2. Xác định nội dung từng phần?	Bố cục	Vị trí	Nội dung
	Phần 1	Từ....đến....	
	Phần 2	Từ....đến....	
	Phần 3	Từ....đến....	

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc nhanh và gạch chân những ý quan trọng về tác giả và tác phẩm.
- HS hoàn thiện phiếu học tập đã chuẩn bị trước ở nhà.

B3. Báo cáo thảo luận:

2. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

a. Tác giả: An-be Anh-Xtanh

- 1879-1955

- Nhà vật lý lý thuyết người Đức

- Là một trong những nhà bác học vĩ đại nhất mọi thời đại, có tầm ảnh hưởng lớn lao trong nhiều lĩnh vực từ khoa học, tư tưởng, tôn giáo đến chính trị.

- Ông được trao giải thưởng Noben Vật lý năm 1921.

b. Tác phẩm Cộng đồng và cá thể

- Tiểu luận trích từ *Thế giới như tôi thấy* – một cuốn sách quan trọng thể hiện tư tưởng của An-be Anh-xtanh về nhiều vấn đề lớn của khoa học và đời sống.

Nội dung câu hỏi	Phần trả lời của học sinh		
1. Văn bản nhằm mục đích gì?	Bàn về mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể.		
2. Xác định nội dung từng đoạn?	Phần	Vị trí	Nội dung
	Phần 1	Từ đầu đến “những định giá về anh ta”	Sự chỉ phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể.
	Phần 2	Từ tiếp theo đến “một cách tương đối giữa cá nhân với cộng đồng”	Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng.
	Phần 3	Còn lại	Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân trong “thời đại chúng ta đang sống”.

- HS trả lời cá nhân.
- B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai và sử dụng.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV trên phiếu học tập (giấy A0).

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1. HS hoạt động nhóm với các câu hỏi 1,2,3,4,5 trong SGK</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm: HS thảo luận nhóm 5 phút để hoàn thành phiếu học tập số 2A và 2B +Nhóm 1: Phần 1 +Nhóm 2: Phần 2 + Nhóm 3: Phần 3 + Nhóm 4: Trả lời câu hỏi số 5 sgk/110 <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm đọc tài liệu, tìm kiếm, trao đổi và điền các thông tin thu thập được vào phiếu học tập đúng thời gian quy định.</p>	<p>1. Sự chi phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - LĐ 1: Căn cước và ý nghĩa tồn tại của mỗi cá thể trước hết do cộng đồng quy định Đ1 + LC1: Ăn thức ăn người khác trồng, mặc quần áo người khác may, sống trong nhà người khác xây. + LC2: Những gì ta hiểu biết và tin tưởng đều do người khác bày cho ta.. <p>2. Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - LĐ2: Cái làm nên giá trị của một cá thể phụ thuộc trước hết vào việc cá thể đó giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác (Đoạn 2) + LC1: Phụ thuộc vào những tình cảm, suy nghĩ, hành động của anh ta + LC2: Tùy theo thái độ mà đánh giá anh ta tốt hay xấu - LĐ3: Một cá thể đơn lẻ không thể thiếu “mảnh đất dinh dưỡng” của cộng đồng, nhưng ngược lại cộng đồng sẽ không phát triển nếu thiếu hoạt động của những cá thể sáng tạo (Đoạn 3,4) + LC1: Tất cả tài sản, vật chất, tinh thần và đạo đức mà chúng ta nhận được từ cộng đồng đã được tạo dựng bởi những cá thể đơn lẻ... + LC2: Chỉ cá thể mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội

PHIẾU HỌC TẬP 2A

Phần 1: Sự chi phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể. (Nhóm 1)	
Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
LĐ1:	LC1: LC2: LC3:
Phần 2: Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng. (Nhóm 2)	
LĐ3:	LC1: LC2: LC3:
LĐ4:	LC1: LC2: LC3:
Phần 3: Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân trong “thời đại chúng ta đang sống”. (Nhóm 3)	
LĐ5:	LC1: LC2: LC3:
LĐ6:	LC1: LC2: LC3:

PHIẾU HỌC TẬP 2B

Câu hỏi	Trả lời
Câu hỏi 5/Sgk/110 (Nhóm 4)	
Phía cá thể	Phía cộng đồng
.....	
.....	
.....	

B3: Báo cáo thảo luận

HS cử đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung và đánh giá theo Rubic GV đã cung cấp

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá theo rubric.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ PHẢN TRÌNH BÀY GIỮA CÁC NHÓM

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Lưu ý điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục				
Lập trường vững vàng				
Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày (sơ đồ, hình ảnh)				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Tương tác tốt với người nghe				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				
Điều bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp...				

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HS HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ	Tốt	Khá	Trung bình	Cần điều chỉnh
Tiêu chí	4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp.	Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu hết thời gian.	Tham gia nhưng thường lảng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng lười nhác, không làm việc.
2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm	Chỉ ý trao đổi, lắng nghe, cần thận các ý kiến của những thành viên khác, đưa ra ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không được ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm ảnh hưởng đến công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm ảnh hưởng đến công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm ảnh hưởng công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường bỏ nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

- LD4: Cộng đồng lành mạnh là cộng đồng khuyến khích tính độc lập của những cá thể đồng thời đảm bảo sự liên kết bên trong của những cá thể để làm nên xã hội (đoạn 5)

+ LC1: Nền văn hóa Hy – Âu- Mỹ nói chung và đặc biệt là cao trào văn hóa thời Phục Hưng [...] đã đặt nền tảng trên sự giải phóng cá nhân.

3. Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân trong “thời đại chúng ta đang sống”

- LD5: Trong thời đại ngày nay, cộng đồng đang bị yếu đi vì vai trò sáng tạo, dẫn dắt của các cá thể phần nào bị lu mờ, trong khi đó các chế độ độc tài “xuất hiện và được củng cố” Đ6,7

+ LC1: So với thời trước, [...] giảm sút

+ LC2: Chỉ có một số ít người.... như một nhân cách

+ LC3: Hội họa, âm nhạc.... trong công chúng.

+ LC4: Trong chính trị....

- Tác giả thể hiện cách tư duy khác biệt về vấn đề bởi cách lật đi lật lại vấn đề của tác giả vô cùng khéo léo và tinh tế. Bởi nó không chỉ liên mạch mà nó còn không làm gián đoạn mạch cảm xúc của toàn bài, ví dụ như:

+ Tác giả là người có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của khoa học trên thế giới nhưng lại nghĩ đến sự mang ơn.....

+ Nhà khoa học thương là người mãi mê nghiên cứu.....

- LD6: Cộng đồng sẽ khỏe mạnh trở lại với việc phân công lao động có kế hoạch, tạo điều kiện cho sự phát triển của các cá thể, cũng là điều kiện cho cộng đồng có được bước phát triển mới. (đoạn 8)

+ LC1: Theo ý kiến.... nặng nề

+ LC2: Mặt khác, kĩ thuật phát triển.... nhu cầu chung

+ LC3: Việc phân công lao động.... phát triển nhân cách

4. Những đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và đối với cả cộng đồng

<p>Nhiệm vụ 2: HS làm việc cá nhân với câu hỏi 6, 7 SGK.</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>- GV giao nhiệm vụ cho cả lớp trả lời câu hỏi 6,7 SGK.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <p>HS trả lời câu hỏi theo cá nhân với sự gợi dẫn của GV</p> <p>B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>Phía cá thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người là một thành viên của cộng đồng - Mỗi cá thể phải biết cống hiến và hi sinh vì lợi ích của cộng đồng - Mỗi cá thể phải không ngừng sáng tạo, suy nghĩ, phải thể hiện cá tính và sự độc lập về tinh thần của mình. 	<p>Phía cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sức mạnh của cộng đồng là nhờ sự gắn kết với sự sáng tạo của từng cá thể - Coi trọng việc giải phóng sức snags tạo của cá nhân. - Thực hiện phân công lao động có kế hoạch.
	<p>5. Niềm tin vào một tương lai tốt đẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tư duy tích cực mà Anhtanht muốn gửi gắm tới người đọc, mang lại sự lạc quan, định hướng những điều tốt đẹp trong nhận thức và hành động của cộng đồng và cá thể. - Tư duy tích cực của tác giả được biểu hiện qua sự phát triển kinh tế, kĩ thuật, qua việc đưa ra những lý do của vấn đề, đó là xuất phát từ cuộc sống phát triển, từ sự phát triển vượt bậc của xã hội. Con người vẫn đang cố gắng để thích nghi được với cuộc sống này và trong quá trình đó, những vấn đề kia cơ bản chỉ là sự sai sót trong quá trình thích nghi của con người. Chúng ta hoàn toàn có thể khắc phục nó trong tương lai. <p>6. Thông điệp có ý nghĩa thời sự cho đến ngày nay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những nhận định khái quát của tác giả về “thời đại mà chúng ta đang sống”, đến ngày nay nó còn phù hợp với thực tế một phần. Bởi dường như những vấn đề mà con người đã từng gặp ở thế kỉ XX vẫn đang lặp lại với chúng ta – tại thế kỷ này. - Tư duy của con người vẫn không ngừng được phát triển và ngày càng đưa cuộc sống của chúng ta thêm hiện đại và văn minh hơn bằng sự phát triển của công nghệ và máy móc. Hay những vấn đề nổi cộm về chính trị vẫn đang hiện hữu tại đâu đó... Tất cả đều vẫn diễn ra như một phần của tạo hóa với những vấn đề như nhau. Đó dường như là 	

2.3: Tổng kết**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra thông điệp sâu sắc cho bản thân.

b. Nội dung:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản bằng câu hỏi: + Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào? + Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản thông tin này? + Đánh giá chung về tác giả. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi của GV. B3: Báo cáo thảo luận 2,3 HS trả lời; các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, chốt lại kiến thức	III. Tổng kết 1. Nội dung: - Văn bản đã trình bày quan điểm của tác giả về mối quan hệ chặt chẽ giữa cá thể và cộng đồng; những biến động tiêu cực của mối quan hệ đó trong xã hội hiện đại; một số nhân tố tích cực đảm bảo cho sự phát triển hài hòa của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong tương lai. 2. Nghệ thuật: - Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục, yếu tố miêu tả biểu cảm kết hợp. - Ngôn ngữ chính xác mà giàu hình ảnh, biểu cảm, hấp dẫn nhờ sử dụng linh hoạt, hiệu quả các biện pháp tu từ so sánh, điệp cấu trúc, liệt kê và các yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Qua văn bản, tác giả thể hiện tư duy sắc bén của một nhà bác học.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Viết được đoạn văn thuộc kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung: HS làm việc trên phiếu học tập

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn thiện của HS trên phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - HS viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu những điều em thấy cần nghĩ tiếp với An-be Anh-xtanh về vấn đề “cộng đồng và cá thể”. - HS viết đoạn văn trên phiếu học tập GV đã phát theo mẫu. B2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm việc cá nhân, sau khi hoàn thành đoạn	Đoạn văn hs viết theo mẫu

văn, giáo viên áp dụng kỹ thuật Think - Pair - Share để học sinh tự nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn của nhau dựa trên bảng kiểm đánh giá.

B3: Báo cáo, thảo luận: Học sinh báo cáo kết quả.

B4: Kết luận, nhận định: Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh giá sản phẩm của mình và của bạn thông qua bảng kiểm.

Kết quả đánh giá đoạn văn theo bảng kiểm

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN			
TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐẠT	CHƯA ĐẠT
1. Hình thức	Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn.		
2. Bố cục	Đoạn văn được triển khai theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành.		
Mở đoạn	Có câu chủ đề.		
Thân đoạn	Trình bày các luận cứ để triển khai luận điểm. Các lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu. Lí lẽ và bằng chứng kết hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ, thuyết phục. Khí chuyển ý có từ nối.		
Kết đoạn	Khẳng định lại vấn đề.		
3. Chính tả, ngữ pháp	Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.		
4. Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kĩ năng đọc văn bản nghị luận để đọc mở rộng các văn bản nghị luận khác (Văn bản “*Làm việc*” cũng là “*làm người*” (Trích “*Đúng việc – một góc nhìn về câu chuyện khai minh*” SGK/120-121)

b. Nội dung: HS đọc văn bản và hoàn thành các phiếu học tập (làm ở nhà) và nộp lên Padet theo đường link....

c. Sản phẩm: Phiếu học tập 4, 5

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc văn bản <i>Làm việc</i> ” cũng là “ <i>làm người</i> ” (Trích “ <i>Đúng việc – một góc nhìn về câu chuyện khai minh</i> ” SGK/120-121) - Chỉ ra quan điểm, các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình - HS sử dụng Phiếu học tập số 4 và 5 B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và điền các thông tin mình thu thập được vào phiếu học tập sau giờ học B3: Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ các	- Phiếu học tập thu được từ bài làm ở nhà của HS

tài liệu mà mình thu thập được cho các bạn trong lớp và nộp phiếu học tập cho GV ở Padet.com .

B4: Kết luận, nhận định: GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5					
PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN (làm ở nhà)					
Tên Văn Bản	Tên Tác Giả	Chủ Đề	Luận Điểm	Li Lê	Bảng Chứng

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6		
PHIẾU HƯỚNG DẪN VIỆC TÌM Ý (làm ở nhà)		
Câu hỏi	Hướng dẫn	Trả lời
1	<ul style="list-style-type: none"> Tìm câu chủ đề của các đoạn văn Tìm mối liên hệ giữa các câu chủ đề Xác định quan điểm, các luận điểm chính của tác giả 	
2	<ul style="list-style-type: none"> Tìm các li lẽ, bằng chứng cho các luận điểm chính Đánh giá vai trò của các li lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ các luận điểm 	

BÀI 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 91: CÁCH GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ (01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh hiểu được sự cần thiết của việc giải thích nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Học sinh hiểu rõ được các thao tác trong việc giải nghĩa của từ và biết cách vận dụng trong hoạt động thực hành và trong hoạt động giao tiếp nói chung.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ, tự học và giải quyết vấn đề: Đưa ra cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hành kiến thức vào đời sống thực tiễn.
- Phát triển năng lực giao tiếp. Học sinh biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ vào hoạt động giao tiếp hiệu quả và giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực thẩm mỹ, học sinh biết khám phá vẻ đẹp ngôn từ trong các tác phẩm văn chương, cũng như trong giao tiếp hằng ngày.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình yêu đối với đất nước, thấy được tầm quan trọng của tiếng Việt và biết gìn giữ vẻ đẹp, sự trong sáng của tiếng Việt.
- Có ý thức rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân.
- Có trách nhiệm sử dụng đúng và hay ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

SGK, SGV Ngữ văn 11 (tập 2); Tài liệu chuẩn kiến thức – kĩ năng Ngữ văn 11; bài soạn; bài giảng Powerpoint.

2. Học liệu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra lòng ghép trong quá trình học bài.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. **Nội dung:** GV chiếu câu hỏi và HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Em hãy giải nghĩa của từ <i>sốt</i> trong các câu sau:</p> <p>+Cháu sốt cao quá, phải cho đi viện ngay!</p> <p>+Con sốt giá vẫn chưa thuyên giảm!</p> <p>+Chưa vào hè mà đã sốt tử lạnh, máy điều hoà nhiệt độ!</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV nhận xét và dẫn vào bài mới: <i>Từ trong tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng. Muốn hiểu rõ ý nghĩa của từ đòi hỏi chúng ta cần phải tìm hiểu kĩ về nội hàm nghĩa, về ngữ cảnh. Để hiểu được điều này ta tìm hiểu bài mới: Cách giải thích nghĩa của từ.</i></p>	<p>- Cháu sốt cao quá, phải cho đi viện ngay! (một dạng ốm, thân nhiệt tăng không bình thường)</p> <p>- Con sốt giá vẫn chưa thuyên giảm! (giá cả các mặt hàng tăng liên tục, chưa dừng lại)</p> <p>- Chưa vào hè mà đã sốt tử lạnh, máy điều hoà nhiệt độ! (hiện tượng khan hiếm hàng hoá)</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh nắm được kiến thức cơ bản về cách giải thích nghĩa của từ.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. NHẬN BIẾT....	
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV: - Nghĩa của từ là gì? Nêu các thành phần nghĩa của từ? - Sách giáo khoa đã nêu những cách giải thích nào về nghĩa của từ? - Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i> , SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. + GV gọi hs nhận xét + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung 1. Nghĩa của từ: Là khả năng biểu hiện về nghĩa của từ đó trong thực tế sử dụng. 2. Khi nói về nghĩa của từ, người ta thường phân biệt các thành phần nghĩa sau đây: + <i>Nghĩa biểu vật</i> + <i>Nghĩa biểu niệm</i> + Ngoài hai thành phần nghĩa trên đây, khi xác định nghĩa của từ, người ta còn phân biệt hai thành phần nghĩa nữa. Đó là nghĩa ngữ dụng và nghĩa cấu trúc. 3. Một số cách giải thích nghĩa của từ: a. Tùy vào ngữ cảnh cụ thể và vào đặc điểm, tính chất của từ được giải thích (Từ vay mượn, từ địa phương, từ cổ...) b. Một số cách giải thích cơ bản và thông dụng: - Giải thích bằng hình thức trực quan: Chỉ vào sự vật hay hiện tượng tồn tại trong thực tế vốn được gọi tên bằng từ đó (Cũng có thể chỉ vào hình ảnh đại diện của sự vật được ghi nhận bằng các phương tiện phi ngôn ngữ như tranh, ảnh...) - Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị. Theo cách này, không chỉ nghĩa của các sự vật, hiện tượng quan sát được mà cả nghĩa của những từ biểu thị trạng thái tinh thần hay kết quả của hoạt động tư duy của con người đều có thể

	<p>được làm sáng tỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích theo quy ước ngầm rằng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa đó đã được người tiếp nhận biết đến. - Giải thích bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ được giải thích (Đối với từ ghép), sau đó nêu nghĩa chung của từ, nghĩa của từ phụ thuộc vào phương thức kết hợp cụ thể của các yếu tố (Đăng lập hay chính phụ) và ngữ cảnh. <p>4. Yêu cầu đối với 1 số cách giải thích nghĩa của từ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đầy đủ khía cạnh của khái niệm mà từ biểu thị. - Trong một số trường hợp, có thể nêu cùng lúc 2-3 từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để người tiếp nhận nắm bắt thuận lợi hơn về sắc thái tinh tế của từ được giải thích. - Làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ, sau đó tổng hợp lại. Khi tổng hợp, cần chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố trong từ. Cách giải thích trên không áp dụng cho loại từ ghép mang nghĩa biệt lập, hoặc nghĩa thuật ngữ chuyên môn.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b. Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II. THỰC HÀNH	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao bài:</p> <p>Câu 1 (Trang 110, SGK Ngữ Văn 11, tập hai): Tìm ở phần cước chú hai văn bản “Bài ca ngất ngưỡng” và “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” các trường hợp có thể minh họa cho một số cách giải thích nghĩa của từ được nêu ở phần Tri thức ngữ văn.</p> <p>Câu 2 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai): Trong những cước chú tìm được ở bài tập 1, cách giải thích nào đối với nghĩa của từ được thực hiện nhiều hơn? Hãy lí giải nguyên nhân?</p>	<p>Câu 1 (trang 110, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bài ca ngất ngưỡng - Nêu từ đồng nghĩa: tài bộ, người thái thượng, đông phong... - Làm rõ nghĩa của từng yếu tố sau đó tổng hợp lại: cắc, tùng... * Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Giải thích nghĩa của cả câu: lòng dân trời tỏ, dân ấp dân lân, treo dê bán chó... - Nêu từ đồng nghĩa: cui cút, làng bộ, linh... - Làm rõ nghĩa của từng yếu tố sau đó tổng hợp từ: đoạn kình, xác phàm... <p>Câu 2 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai): Trong những cước chú tìm được theo bài tập 1, cách giải thích đối với nghĩa của từ được sử dụng nhiều hơn đó là nêu từ đồng nghĩa và làm rõ nghĩa</p>

Câu 3 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):

Chỉ ra những trường hợp cước chú cụ thể mà ở đó người biên soạn đã sử dụng phối hợp ít nhất hai cách giải thích nghĩa của từ.

Câu 4 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):

Chọn một số từ có cước chú ở các văn bản đọc trong bài và giải thích chúng theo cách khác so với cách đã được sử dụng. Tự đánh giá về cách giải thích mà bạn vừa thực hiện.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm bài

B3. Báo cáo thảo luận

HS trả lời các câu hỏi

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

của từng yếu tố sau đó tổng hợp lại.

Bởi hai tác phẩm trên thuộc thời phong kiến, cận đại và pha lẫn cả những từ địa phương nên có nhiều từ ngữ được coi là cổ khiến người đọc khó hiểu vì không biết nó biểu đạt hàm ý gì.

Bởi vậy, việc giải thích nghĩa của từ ở đây chủ yếu là những từ đơn và từ ghép nên việc sử dụng cước chú nêu ra từ đồng nghĩa và làm rõ từng yếu tố sẽ giúp người đọc hiểu rõ của câu từ và nội dung tác giả muốn truyền tải hơn.

Câu 3 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):

Cật: thân, mình

Ý của câu: thân mình chỉ khoác một mảnh áo vải, thân phận nghèo hèn

→ Nêu lên từ đồng nghĩa và giải thích nghĩa của cả câu.

Mã tà ma ní: chỉ chung lính đánh thuê cho thực dân Pháp (mã tà: cảnh sát, gọi theo tiếng Ma-lai-xi-a; ma ní: lính chiêu mộ từ Philipin, được gọi theo tên thủ đô Ma-ni-la của nước này)

→ Nêu lên từ đồng nghĩa và giải thích từng yếu tố của từ

Rồi nợ: xong nợ, hết nợ (rồi: xong)

→ Nêu lên từ đồng nghĩa và giải thích từng yếu tố của từ

Câu 4 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):

- Phủ doãn Thừa Thiên: chỉ nhà ở của quan đứng đầu tỉnh Thừa Thiên.

- Quan hai: chức quan xếp thứ hai theo phẩm hàm trong quân đội Pháp.

→ Cách giải thích trên dù đúng nhưng đều mang sự sơ sài và giải thích chưa thực sự rõ nghĩa của từ. Bởi vậy, cách giải thích cũ của tác giả trong từng tác phẩm vẫn cụ thể và rõ nghĩa hơn cách giải thích này.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**a. Mục tiêu:**

- Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b. Nội dung:

- HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c. Sản phẩm:

- Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 5 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):

Vì sao trong các từ điển, bên cạnh việc giải thích nghĩa của từ, người ta thường nêu một số câu có sử dụng từ đó làm ví dụ?

Gợi dẫn:

Việc lấy thêm ví dụ trong từ điển có tác dụng giúp người đọc hiểu tường tận hơn về nghĩa của từ và nó là một trong những cách khiến chúng ta nhớ từ được lâu hơn bởi khi áp dụng nó vào một câu thì nó sẽ mang một nghĩa hoàn chỉnh khiến ta nhớ.

Câu 6: Hãy giải thích nghĩa của các từ sau: Bàn tay vàng, cầu truyền hình, cơm bụi, công nghệ cao.

Gợi dẫn:

- Bàn tay vàng: bàn tay tài giỏi, khéo léo trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc một thao tác kỹ thuật nhất định.

- Cầu truyền hình: hình thức truyền hình tại chỗ các lễ hội, giao lưu... trực tiếp thông qua hệ thống ca-mê-ra giữa các địa điểm cách xa nhau về cự li địa lí.

4. Củng cố

- Nắm được cách dùng các từ phù hợp về nghĩa trong câu văn, câu nói của mình.

- Giải thích nghĩa và phân biệt nghĩa của các từ sau: yếu điểm-điểm yếu; cứu cánh- cứu hộ.

5. Dặn dò

Chuẩn bị bài: “Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật”.

Ngày soạn: 18/7/2023

BÀI 9

LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

PHẦN 3. VIẾT

**Tiết: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT
(2 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm nghệ thuật sẽ bàn tới trong bài viết (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng...)

- Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng một ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận đối với tác phẩm.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung: Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,....

1.2. Năng lực đặc thù:

- Học sinh nắm được kĩ năng viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: hệ thống luận điểm chặt chẽ, luận cứ thuyết phục, luận chứng phù hợp.

- HS tạo lập được văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật theo kĩ năng đã nắm.

3. Về phẩm chất: Rung động trước tác phẩm nghệ thuật và đồng cảm đối với tác giả của văn bản nghệ thuật đó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu:

- Kế hoạch dạy học, bài trình chiếu PP, phiếu học tập;

- SGK Ngữ văn 11 (Tập II) – bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, SGV, tài liệu tham khảo...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong phần khởi động

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế tìm hiểu bài mới

b. Nội dung: HS kể tên và đánh giá khái quát các chương trình giới thiệu nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng mà bản thân được trải nghiệm.

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho hs kể tên những chương trình giới thiệu nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng. - Em đánh giá ntn về chương trình nghệ thuật này? - Cái khó của việc thưởng thức, đánh giá 1 chương trình nghệ thuật là gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm câu trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS khác nhận xét, bổ sung	HS kể chính xác và đánh giá khái quát các chương trình giới thiệu nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng mà bản thân được trải nghiệm.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	
---------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

a. Mục tiêu: HS nắm được những yêu cầu của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, xác định được nhiệm vụ viết.

b. Nội dung: Yêu cầu của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

c. Sản phẩm: HS hoàn thành việc tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc – tìm hiểu phần lời dẫn và Yêu cầu (SGK, tr.112) để trả lời câu hỏi: Nêu những điều kiện cần tuân thủ để có một sản phẩm viết đúng với kiểu bài đã qui định ?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS đọc, tìm hiểu nội dung trong phần Yêu cầu/ SGK tr.112 và tìm câu trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: - HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập cần thực hiện: nêu các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Yêu cầu của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng...) - Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm,... - Phối hợp linh hoạt giữa việc trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng cụ thể. - Thể hiện sự rung động trước tác phẩm và sự đồng cảm đối với tác giả.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS phân biệt được văn bản về tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật; các điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

b. Nội dung: Phân tích những đặc điểm và điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS theo nhiệm vụ học tập GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 1 HS đọc bài viết tham khảo; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (2 phút) về các vấn đề sau theo phiếu học tập. <p>+ Nhóm 1+ 3: Những đặc điểm nào cho thấy bài viết là một văn bản nghị luận chứ không phải văn bản thông tin về một tác</p>	<p>II. Điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>1. Tìm hiểu ngữ liệu: Bài viết tham khảo</p> <p>“Về bức tranh <i>Mưa thu. Pu-skin</i> của họa sĩ V.E Páp-cốp”</p>

phẩm nghệ thuật?

+ Nhóm 2+5: Nêu tính đặc thù của những bằng chứng được sử dụng trong văn bản

+ Nhóm 4+6: Đề viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, người viết phải đảm bảo những điều kiện gì?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời theo phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: NHÓM 1+3

BÀI THAM KHẢO	
Những đặc điểm nào cho thấy bài viết là một văn bản nghị luận chứ không phải văn bản thông tin về một tác phẩm nghệ thuật?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: NHÓM 2+5

BÀI THAM KHẢO	
Nêu tính đặc thù của những bằng chứng được sử dụng trong văn bản	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: NHÓM 4+6

BÀI THAM KHẢO	
Đề viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, người viết phải đảm bảo những điều kiện gì?	

B3. Báo cáo thảo luận:

Đại diện các nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS và chuẩn kiến thức.

- Phân biệt văn bản về tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật: chủ yếu thể hiện ở các luận điểm đánh giá theo quan điểm riêng, góc nhìn riêng của người viết về tác phẩm. Những thông tin khách quan về tác phẩm được sử dụng như là phương tiện giúp người viết triển khai một cách hợp lý những phân tích, nhận xét, đánh giá về giá trị của đối tượng được đề cập đến

- Tính đặc thù đó gắn liền với sự “miêu tả” của người viết về các phương diện khách quan của tác phẩm (bố cục, màu sắc, hình khối, đường nét,...) khác với việc trích dẫn câu văn, câu thơ khi ta viết một bài nghị luận văn học.

2. Các điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

- Cần có hiểu biết cơ bản về loại hình nghệ thuật mà tác phẩm đó thuộc về

- Cần có hứng thú thật sự với tác phẩm trên cơ sở từng nghe, xem, thưởng lãm nó theo điều kiện thực tế cho phép.

- Cần có một quan điểm đánh giá rõ ràng về tác phẩm với việc triển khai những lý lẽ xác đáng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Xác định được đề tài, đối tượng, mục đích viết.

b. Nội dung: Chọn đề tài

c. Sản phẩm: HS chọn được tác phẩm có đủ thông tin (qua tra cứu, tìm hiểu), đặc biệt, đó là tác phẩm đã được tiếp xúc.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Bước 1: Chuẩn bị viết**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS chọn đề tài (theo nhóm), GV sơ duyệt đề tài - GV định hướng nội dung viết. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Các nhóm HS thảo luận và xác định đề tài để viết. B3. Báo cáo thảo luận: - Đại diện các nhóm HS trình bày đề tài của nhóm. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.	III. Luyện tập - Thực hành viết *Bước 1. Chuẩn bị viết

*** Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trình bày các bước tìm ý, lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật và lập dàn ý cho đề tài của nhóm. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS trình bày các bước tìm ý, lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật - HS lập dàn ý cho đề tài nhóm đã lựa chọn. B3. Báo cáo thảo luận: - Đại diện các nhóm HS trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và chuẩn kiến thức.	* Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý 1. Mở bài - Nêu các thông tin cơ bản về tác phẩm (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, sự đón nhận của công chúng...) 2. Thân bài - Nhìn nhận khái quát về tác phẩm (tóm tắt cốt truyện phim,) - Phân tích từng khía cạnh nổi bật của tác phẩm với lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, đầy đủ. - Nêu những điều mà người xem, người nghe cần chuẩn bị để có được sự thưởng thức trọn vẹn, nhiều hứng thú đối với tác phẩm. 3. Kết bài: Đánh giá chung về tác phẩm (thành công chính và những hạn chế)

*** Bước 3: Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Từ dàn ý của nhóm, GV yêu cầu HS viết bài văn nghị luận về một tác phẩm	* Bước 3. Viết bài, chỉnh sửa và hoàn thiện

nghệ thuật. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành bài viết B3. Báo cáo thảo luận: - GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc một số đoạn văn (MB, 1 đoạn trong thân bài hoặc KB) trước lớp. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài) - Thực hiện tiết 2

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức.

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật..
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực tiếp nhận văn bản, hợp tác, cảm thụ, năng lực giao tiếp.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học.
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, máy chiếu, các công cụ đánh giá...

2. Học liệu:

- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

b. Nội dung: GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

c. Sản phẩm: Hs chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã học của bài này hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập của thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.*

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

- a. Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.
- b. Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.
- c. Sản phẩm học tập:** HS so sánh bài làm với đáp án.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài. - GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	I. Yêu cầu - Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng...) - Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm,... - Phối hợp linh hoạt giữa việc trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng cụ thể. - Thể hiện sự rung động trước tác phẩm và sự đồng cảm đối với tác giả.

2. Nhận xét ưu, về kết quả viết và yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết

- a. Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. Sản phẩm học tập:** HS rút kinh nghiệm bài viết.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS	II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Ưu điểm: - Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. 2. Nhược điểm:

<p>rút kinh nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số em chưa biết cách làm bài: <p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm. + Nhiều em lười không làm bài. + Bài văn nêu cảm nhận còn sơ sài, thiếu phần nêu đặc sắc nghệ thuật. <p>* Diễn đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng từ: Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, logic. - Lời văn: Một số em viết bài cảm nhận chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết: Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. - Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó. - Có em không hiểu yêu cầu đề - Phê bình nhiều em chưa nộp bài đúng hạn. <p>3. Kết quả:</p> <p>4. Hướng dẫn chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗi chính tả: l - n, ch - tr, gi-d-r... - Lỗi diễn đạt: Lủng củng, lặp từ, sai từ. <p>III. Trả bài – Gọi điểm:</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

<p>a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức.</p> <p>b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.</p> <p>c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và hoàn thành bài tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thiện bài viết của mình <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.
--

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

<p>a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết</p> <p>b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài văn</p> <p>c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý: <p><i>Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài kiểm tra viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>
--

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

IV. HDVN:

- Hoàn thiện bài viết.

- Chuẩn bị bài: Phần nói, nghe “ Giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật”

Lưu ý: trên cơ sở bài viết đã hoàn thiện HS rèn kĩ năng nói, nghe ở tiết sau.

THỰC HÀNH KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh biết cách lựa chọn tác phẩm nghệ thuật đáng được giới thiệu rộng rãi.
- Học sinh nắm được yêu cầu cơ bản của việc giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật (tự chọn) cho những người quan tâm.
- Biên cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực cốt lõi:

- *Nói*: Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật.
- *Nghe*: Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- *Nói nghe tương tác*: Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. **Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

		then chốt		<ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ lí do chọn giới thiệu tác phẩm (xét từ góc độ cá nhân hay từ ý nghĩa của hoạt động giới thiệu). - Nêu được những đề xuất có ý nghĩa đối với việc hình thành và phát triển năng lực thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nghe nói chung.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận				
2. Chuẩn bị bài nói a. Mục tiêu: - Soát lại được bài nói của mình trước khi đưa ra thảo luận. - Xác nhận lại tác phẩm nghệ thuật mà mình sẽ trình bày. - Chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để trình bày ý kiến trước tập thể. b. Nội dung - Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói . c. Sản phẩm - PHT thu thập từ HS. d. Tổ chức thực hiện				
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu các bước thực hành bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật. - GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu. Bước 3. Báo cáo thảo luận: GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4. Phân tích kết luận: - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng.				1. Chuẩn bị nói - Lựa chọn đề tài + Có thể khai thác từ hoạt động viết trước đó, cũng có thể giới thiệu một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác như bài hát, bức tranh, bộ phim,... + Nên chọn tác phẩm từng được nhiều bạn trong lớp quan tâm. - Tìm ý và sắp xếp ý: - Nếu tiếp tục chọn giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật đã được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý , đánh dấu những ý cơ bản sẽ được trình bày. - Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật khác, cần xây dựng hệ thống nắm rõ các thông tin: tên tác phẩm; tên tác giả; nơi có thể xem , nghe tác phẩm; điểm đặc

	<p>sắc của tác phẩm về nội dung và hình thức; thông điệp toát ra từ tác phẩm; ý nghĩa của thông điệp; đóng góp của tác phẩm cho đời sống nghệ thuật</p> <p>- Khi diễn đạt cần quan tâm những từ ngữ mang tính chuyên môn (thuật ngữ) để gọi tên các bộ phận cấu thành của tác phẩm theo từng loại hình nghệ thuật khác nhau.</p> <p>2. Thực hành nói</p> <p>Bám sát dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói một cách tự tin. Chủ động tăng cường tương tác với người nghe, đảm bảo đúng thời gian quy định.</p> <p>- Mở đầu: Nêu tên tác phẩm và loại hình nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>- Triển khai:</p> <p>+ Trình bày các thông tin chung về tác phẩm; phân tích một số nét đặc sắc của tác phẩm theo quan điểm cá nhân.</p> <p>- Kết luận: Đánh giá tổng quát về giá trị của tác phẩm và nêu hướng tiếp cận phù hợp với giá trị của tác phẩm.</p> <p>*Lưu ý: Điều chỉnh giọng nói phù hợp, kết hợp giữa lời nói và các phương tiện phi ngôn ngữ; sử dụng PowerPoint (nếu có) và các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ khác.</p> <p><i>Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói</i></p> <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Chuẩn bị nói</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Lựa chọn đề tài:</td> </tr> <tr> <td>Tìm ý và sắp xếp ý</td> <td>Xác định từ ngữ then chốt</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> </tr> </table>	Chuẩn bị nói		Lựa chọn đề tài:		Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt		
Chuẩn bị nói									
Lựa chọn đề tài:									
Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt								

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe

b. Nội dung thực hiện

- HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubric chấm

c. Sản phẩm:

- Phần trình bày bài nói – nghe của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																				
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS lên trình bày bài nói nghe.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh thực hành nói – nghe</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình .</p> <p>Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric chấm</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<table><tr><th colspan="2">Bảng kiểm thảo luận.</th></tr><tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr><tr><td><p>- Làm rõ những điều người nghe muốn biết về tác phẩm.</p><p>- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.</p><p>- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.</p></td><td><p>- Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu.</p><p>- Nêu những điều muốn biết về tác phẩm.</p><p>- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.</p><p>- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.</p><p>- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình về cách giới thiệu của người nói.</p></td></tr></table> <p>Rubric chấm:</p> <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr><tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1</td><td>Chọn được tác phẩm nghệ thuật gây được nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Nêu được thông tin cơ bản về tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Trình bày được rành mạch các ý kiến đánh giá</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe</td><td></td><td></td></tr></table>	Bảng kiểm thảo luận.		Người nói	Người nghe	<p>- Làm rõ những điều người nghe muốn biết về tác phẩm.</p> <p>- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.</p> <p>- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.</p>	<p>- Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu.</p> <p>- Nêu những điều muốn biết về tác phẩm.</p> <p>- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.</p> <p>- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.</p> <p>- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình về cách giới thiệu của người nói.</p>	STT	Nội dung đánh giá	Kết quả		Đạt	Chưa đạt	1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật gây được nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu			2	Nêu được thông tin cơ bản về tác phẩm.			3	Trình bày được rành mạch các ý kiến đánh giá			4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.			5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung			6	Thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe		
Bảng kiểm thảo luận.																																					
Người nói	Người nghe																																				
<p>- Làm rõ những điều người nghe muốn biết về tác phẩm.</p> <p>- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.</p> <p>- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.</p>	<p>- Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu.</p> <p>- Nêu những điều muốn biết về tác phẩm.</p> <p>- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.</p> <p>- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.</p> <p>- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình về cách giới thiệu của người nói.</p>																																				
STT	Nội dung đánh giá	Kết quả																																			
		Đạt	Chưa đạt																																		
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật gây được nhiều hứng thú cho người nghe để giới thiệu																																				
2	Nêu được thông tin cơ bản về tác phẩm.																																				
3	Trình bày được rành mạch các ý kiến đánh giá																																				
4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.																																				
5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung																																				
6	Thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe																																				

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận, đề xuất những phương pháp có ý nghĩa đối với việc hình thành và phát triển năng lực thưởng thức cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nghe nói chung.

b. Nội dung thực hiện:

- GV cho học sinh thảo luận, đúc rút những kinh nghiệm, phương pháp trong việc thưởng thức cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nói chung.

c. Sản phẩm:

- Phần bàn luận của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Học sinh thảo luận, đúc rút những kinh nghiệm, phương pháp trong việc thưởng thức cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nói chung.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh thực hiện thảo luận.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS